Dự án Phát triển giáo viên tiểu học

GIÁO TRÌNH

Phương pháp dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc bậc tiểu học

Ebook.moet.gov.vn, 2008

CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

– Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GD và ĐT
– Cải cách giáo dục	CCGD
– Giáo viên	GV
– Học sinh	HS
– Học sinh dân tộc	HSDT
– Ngôn ngữ hai	NN2
– Phương pháp	PP
– Phương pháp dạy học	PPDH
– Sách giáo khoa	SGK
– Thiết bị dạy học	TBDH
– Tiếng dân tộc	TDT
– Tiếng mẹ đẻ	TMĐ
– Tiếng Việt	TV

Lời nói đầu

Để góp phần đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng GV tiểu học, Dự án Phát triển GV tiểu học đã tổ chức biên soạn các môđun đào tạo theo chương trình Cao đẳng sư phạm và chương trình liên thông từ Trung học sư phạm lên Cao đẳng sư phạm ; biên soạn các môđun bồi dưỡng GV nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật những đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục Tiểu học theo chương trình SGK tiểu học mới.

Điểm mới của các tài liệu viết theo môđun là thiết kế các hoạt động, nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của người học, kích thích óc sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề, tự giám sát và đánh giá kết quả học tập của người học ; chú trọng sử dụng tích hợp nhiều phương tiện truyền đạt khác nhau (tài liệu in, băng hình/ băng tiếng...,) giúp cho người học dễ học, dễ hiểu và gây được hứng thú học tập.

Phương pháp dạy tiếng Việt cho HS dân tộc bậc Tiểu học là tài liệu phục vụ cho công tác bồi dưỡng GV tiểu học dạy TV cho HSDT theo Chương trình, sách giáo khoa mới. Tài liệu gồm 5 Tiểu môđun được sắp xếp theo từng vấn đề liên quan đến phương pháp dạy TV cho HSDT và 4 trích đoạn băng hình.

– *Phần tài liệu in* : Mỗi tiểu môđun được cấu trúc theo các phần : mục tiêu, nội dung và đánh giá kết quả học tập của học viên. Tài liệu "Phương pháp dạy tiếng Việt cho HS dân tộc bậc Tiểu học" giúp GV :

+ Nắm được phương pháp chung về dạy TV cho HSDT.

+ -ứng dụng được các phương pháp chung vào dạy TV cho HSDT với tư cách dạy ngôn ngữ thứ hai.

Nội dung của tài liệu in gồm :

+ Tiểu môđun 1 : Phương pháp chung

+ Tiểu môđun 2 : Dạy âm vần TV

+ Tiểu môđun 3 : Dạy nghe nói TV

+ Tiểu môđun 4 : Dạy đọc

+ Tiểu môđun 5 : Dạy viết

– *Phần tài liệu nghe nhìn gồm băng hình và tài liệu hướng dẫn học theo băng hình* là những trích đoạn bài học do GV thực hiện dạy TV cho HSDT.

Khi tiến hành bồi dưỡng theo tài liệu này, các địa phương cần tổ chức cho GV học theo hình thức tự học có hướng dẫn để phát huy tính tích cực chủ động của người học. Tài liệu chỉ đưa ra thời lượng tối thiểu để bồi dưỡng cho từng môn học. Tuỳ vào tình hình cụ thể của học viên và điều kiện học tập ở từng địa phương, các cấp quản lí giáo dục sẽ quyết định thời lượng bồi dưỡng từng môn cho phù hợp.

Lần đầu tiên, tài liệu được biên soạn theo chương trình và phương pháp mới, chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Ban điều phối Dự án rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của bạn đọc, đặc biệt là đội ngũ giảng viên, sinh viên các trường sư phạm, GV tiểu học trong cả nước.

Trân trọng cảm ơn !

Dự án Phát triển giáo viên Tiểu học

Tổng quan về tài liệu

I. Mục tiêu chung

1. Kiến thức

Nắm được một số phương pháp chung về dạy tiếng Việt (TV) cho HSDT những phương pháp về dạy âm vần, dạy các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết TV cũng như phương pháp dạy TV trong các môn học khác theo chương trình Tiểu học mới phù hợp với HSDT.

2. Kĩ năng

Vận dụng được những phương pháp dạy TV cho HSDT để tổ chức dạy học tốt các nội dung, hình thành và phát triển kĩ năng nghe, nói, đọc, viết TV cho HSDT ; có khả năng xây dựng môi trường học TV cho HSDT và sử dụng các phương tiện trợ giúp HSDT học tốt TV.

3. Thái độ

– Có ý thức về sự khác biệt giữa phương pháp dạy TV cho HS người Kinh và cho HSDT.

– Có ý thức về những nhu cầu và khó khăn của HSDT trong học TV để giúp các em vượt qua những khó khăn trong học TV.

– Tự tin trong sử dụng các phương pháp dạy TV cho HSDT một cách phù hợp.

II. Thời lượng : 90 tiết

III. Nội dung

1. Nội dung Tài liệu viết

a) Tiểu môđun Phương pháp chung : 6 bài (26 tiết)

b) Tiểu môđun Dạy âm vần tiếng Việt : 3 bài (14 tiết)

c) Tiểu môđun Dạy nghe nói tiếng Việt : 5 bài (22 tiết)

d) Tiểu môđun Dạy đọc : 3 bài (16 tiết)

đ) Tiểu môđun Dạy viết : 3 bài (12 tiết)

2. Nội dung băng hình : 4 đoạn băng hình cho các bài

Bài 7 – Dạy HSDT phát âm đúng tiếng Việt

Bài 10 – Dạy từ trong tập nói tiếng Việt

Bài 13 – Dạy kể chuyện cho HSDT

Bài 16 – Dạy hiểu từ ngữ trong bài tập đọc

IV. Phương pháp học theo tài liệu

Tài liệu được biên soạn để có thể sử dụng với nhiều hình thức học tập khác nhau :

– Phương pháp chủ yếu là tự học, kết hợp với học theo nhóm.

– Khi học, trước hết học viên dựa vào những gợi ý hoạt động trong các bài để chủ động khám phá nội dung bài dạy ; đồng thời huy động kinh nghiệm dạy học của mình để tiến hành các hoạt động này.

– Cùng với tài liệu viết, còn có 4 đoạn băng hình. Các đoạn băng hình sẽ làm rõ thêm nội dung của tài liệu viết.

TIỂU MÔ ĐUN 1 (24 tiết)

Phương pháp chung

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Học viên nắm được những phương pháp đặc trưng về dạy TV cho HSDT như một ngôn ngữ thứ 2 (NN2), đồng thời nắm được cách thức tạo môi trường học TV, phương pháp dạy TV qua các môn học khác và cách sử dụng tiếng mẹ đẻ của HSDT trong dạy học.

2. Kĩ năng

Học viên có thể vận dụng các PP dạy TV như một NN2 vào quá trình dạy học phù hợp với đặc điểm và điều kiện học tập của HSDT.

3. Thái độ

Học viên quan tâm nhiều hơn tới việc sử dụng các phương pháp dạy NN2 vào dạy TV cho HSDT ; có ý thức sử dụng một cách sáng tạo để phù hợp với HS lớp mình phụ trách.

B. GIỚI THIỆU

Nội dung : Tiểu môđun 1 gồm 6 chủ đề. Các chủ đề trong Tiểu môđun 1 giới thiệu những vấn đề chung liên quan tới việc dạy TV cho HSDT, như : Các phương pháp dạy TV cho HSDT ; Phương pháp tạo môi trường học TV cho HSDT ; Cách sử dụng TMĐ của HS trong dạy học ; Dạy TV trong các môn học khác, sử dụng TV trong điều khiển lớp và dạy TV với các phương tiện trợ giúp ...

Thời gian dành cho Tiểu môđun này là 24 tiết.

Cách học : Các chủ đề chủ yếu được thiết kế để học cá nhân và học theo nhóm. Khi học các chủ đề trong Tiểu môđun này, học viên cần thường xuyên liên hệ với thực tế dạy học và kinh nghiệm dạy học của bản thân mình.

C. BÀI HỌC

CHỦ ĐỀ 1 (4 tiết)

Tìm hiểu về phương pháp dạy Tiếng Việt cho Học sinh dân tộc

I. MỤC TIÊU

1. Nhận thức

HV xác định được những đặc điểm nổi bật trong quá trình học TV của HSDT ; nắm được các phương pháp cơ bản để dạy TV cho HSDT như dạy một NN 2.

2. Kĩ năng

HV có kĩ năng vận dụng những phương pháp dạy TV cho HSDT trong dạy các phân môn TV cụ thể, phù hợp với HSDT của lớp mình.

3. Thái độ

– HV nhận thức được sự khác biệt giữa HS người Kinh và HSDT khi học TV để từ đó có ý thức tìm tòi những phương pháp dạy TV phù hợp với HSDT.

– HV tự tin khi áp dụng các phương pháp dạy TV cho HSDT trong các trường hợp cần thiết.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu những điểm khác biệt giữa HSDT với HS người Kinh khi học TV

Nhiệm vụ

1. Đọc tài liệu "Phương pháp dạy tiếng Việt cho HSDT ở trường tiểu học" – Lê A, Mông Ký Slay, Đào Nam Sơn, Bộ GD và ĐT, Vụ Giáo viên, H. 1993.

2. Hãy thảo luận với đồng nghiệp, trả lời các câu hỏi :

- Trước khi tới trường trẻ em HSDT và trẻ em người Kinh nói TV trong những trường hợp nào ? *(ở nhà, ở cửa hàng mua bán, ở chợ ...)*.

- Hằng ngày HSDT và HS người Kinh nói TV với ai ? *(với bố mẹ, với thầy cô giáo, với bạn bè...)*.

- Đưa các ví dụ cụ thể về lỗi sử dụng TV của HS lớp bạn. Hãy so sánh các lỗi về sử dụng TV của HSDT với HS người Kinh.

3. Đọc thông tin cơ bản dưới đây và đối chiếu với ý kiến cá nhân

Thông tin cơ bản

Một số điểm khác biệt khi học TV giữa HSDT với HS người Kinh

– *Về điểm xuất phát.* Khi đến trường, HS người Kinh đã có vốn TV đủ để tìm hiểu thế giới xung quanh. Các em được học một ngôn ngữ đã sử dụng trong khoảng 5 năm trước khi tới trường với một vốn từ khoảng 4.000 – 4.500 từ và những cấu trúc câu cơ

bản. Ngoài ra, các em có thời gian và cơ hội sử dụng TV liên tục với nhiều người và nhiều mục đích khác nhau trong cuộc sống ngoài nhà trường.

Còn HSDT thì lại khác, trước khi đi học các em mới chỉ nắm vững tiếng mẹ đẻ (TMĐ) và phát triển nhận thức bằng TMĐ chứ không phải bằng TV. Vốn TV của các em rất ít hoặc không có gì, nếu có một chút vốn TV lại chưa chuẩn xác trong cách phát âm và sử dụng. Khi đến trường các em mới bắt đầu học TV và các em phải học TV trên cơ sở kinh nghiệm của TMĐ.

– *Môi trường học TV bị bó hẹp*. Khi học TV, HS người Kinh có rất nhiều cơ hội giao tiếp với người lớn ở mọi lúc, mọi nơi, trong và ngoài nhà trường. Những lĩnh vực được tiếp cận khi đối thoại rất đa dạng và phong phú.

HSDT hầu như không thể có được số lượng và mật độ các cuộc giao tiếp bằng TV nhiều như HS người Kinh. ở trường học, HSDT chỉ tiếp xúc duy nhất với thầy, cô giáo – những người nắm vững TV. Do số HS trong lớp thì đông mà lại chỉ có một GV nên cơ hội giao tiếp bằng TV giữa HS và GV rất có hạn. Nội dung các vấn đề được đề cập trong các cuộc giao tiếp chủ yếu chỉ liên quan tới bài học, trong khi các vấn đề của đời sống ngôn ngữ lại luôn sôi động và đa dạng.

– *Quá trình học TV của HSDT luôn chịu ảnh hưởng từ TMĐ.* Theo một xu hướng tự nhiên, những thói quen sử dụng TMĐ được HSDT đưa vào trong quá trình học TV. Hệ quả là, những yếu tố giống nhau giữa TV và TMĐ tạo điều kiện thuận lợi, còn những yếu tố khác nhau lại cản trở, gây khó khăn cho HSDT khi học TV, đó cũng là nguyên nhân khiến HSDT mắc các lỗi sử dụng TV như lỗi phát âm, lỗi dùng từ, lỗi sử dụng câu ...

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số phương pháp dạy TV cho HSDT

Nhiệm vụ

1. Đọc tài liệu : Chương I : **Dạy TV cho HSDT theo hướng dạy ngôn ngữ thứ hai** (trong sách : *Nội dung phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ở vùng dân tộc* – Mông?Ký Slay Chủ biên – NXB ĐHQG HN, H. 2001).

2. Nối các vế bên trái với các mệnh đề bên phải cho đúng :

HS người Kinh	Học TV là học TMĐ
HSDT	Học TV không phải là học TMĐ
	Học TV là học ngôn ngữ thứ hai

3. Trao đổi với đồng nghiệp theo các câu hỏi :

– Có những phương pháp dạy học TV nào mà bạn khó thực hiện thành công với HSDT ?

– Bạn đã sử dụng những phương pháp nào để dạy TV cho HSDT có hiệu quả ?

4. Đọc thông tin cơ bản dưới đây và hoàn thiện ý kiến của mình.

Thông tin cơ bản

Chương trình TV đang áp dụng ở trường tiểu học hiện nay được xây dựng trên nguyên tắc dạy TV cho người học TMĐ. Những phương pháp dạy TV trong chương trình là phương pháp dạy học TMĐ.

HSDT học ở các vùng miền theo chương trình Tiểu học cũng được dạy – học theo những phương pháp đặc trưng của môn học. Các GV dạy TV ở tiểu học có trách nhiệm dạy theo các phương pháp bộ môn đã được chương trình quy định.

Để giúp HSDT tiếp thu TV một cách thuận lợi, ngoài việc vận dụng các phương pháp dạy TV như chương trình quy định, GV dạy ở vùng dân tộc cần dạy theo một số phương pháp sau :

a) Phương pháp trực tiếp

GV dạy HSDT học TV bằng chính TV, nghĩa là GV dùng TV để dạy TV. HSDT được tiếp nhận TV (từ, ngữ, câu...) trực tiếp bằng TV mà không cần liên hệ với TMĐ của các em. Việc giải thích nghĩa từ được thực hiện bằng vật thật hoặc các tài liệu minh hoạ khác. Sau khi nắm nghĩa các từ, các em tập sử dụng chúng theo các mẫu câu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

GV cần tạo điều kiện cho HS cùng một lúc vừa nhìn vật thật hoặc mô hình, vừa nghe và phát âm tên gọi của chúng. Nhờ tập trung chú ý vào chính TV mà góp phần ngăn chặn ảnh hưởng tiêu cực của TDT tới quá trình học TV của HSDT.

Sử dụng phương pháp này, GV tận dụng triệt để hiện vật, mô hình, vật mẫu, tranh ảnh, điệu bộ, cử chỉ ... khi cung cấp từ TV cho HSDT. Trong nhiều trường hợp, cần đưa HS ra ngoài trời, tiếp xúc với thiên nhiên để bài dạy thêm sinh động. Chẳng hạn khi học những bài về cây cỏ, về thời tiết... GV có thể hướng dẫn HS quan sát trực tiếp cây cỏ, hoa lá, bầu trời... ở ngoài lớp.

b) Phương pháp thực hành

– GV tổ chức các hoạt động luyện tập thực hành TV thông qua các bài tập thực hành cũng như trong các tình huống đa dạng, đảm bảo cho HS được nghe, nói, đọc, viết TV thường xuyên. Chỉ có bằng luyện tập thực hành, những kĩ năng này mới được rèn luyện để đạt trình độ tự động hoá ở HS. Làm sao các em có khả năng vận dụng những kiến thức đã được tiếp nhận và những kĩ năng đã có vào các tình huống giao tiếp khác nhau trong học tập, trong cuộc sống hằng ngày một cách chủ động.

– Thực hiện phương pháp này, việc giảng giải, truyền thụ kiến thức của GV không chiếm nhiều thời gian trong giờ học. Phần lớn thời gian của giờ học được dành cho HS thực hiện các bài tập thực hành ngôn ngữ. Việc tổ chức thực hành ngôn ngữ được tiến hành dưới nhiều dạng khác nhau, dưới các dạng chủ động (nói, viết) và các dạng thụ động (nghe, đọc), dưới các hình thức lời nói khác nhau (độc thoại, đối thoại). Tuy

nhiên, ở từng bài dạy, từng giai đoạn học tập có chú ý tới những kĩ năng và hình thức thực hành TV khác nhau, chẳng hạn, trong giai đoạn đầu lớp 1 chú trọng luyện các kĩ năng nghe, nói.

– Để thực hiện phương pháp này, GV cần định hướng ngay khi chuẩn bị bài giảng, đảm bảo có cách tổ chức dạy học và những loại bài tập khác nhau trong các bài dạy. Chú ý tạo ra các tình huống ngôn ngữ đa dạng, bằng cách dựa vào tranh, vào thực tế hoạt động trong lớp và thực tế sinh hoạt thường ngày của HS để các em vận dụng những từ ngữ, mẫu câu một cách phù hợp.

Trong quá trình hướng dẫn HS thực hành, GV cần quan tâm điều chỉnh để giúp HS nắm vững ngữ liệu và sử dụng có hiệu quả.

c) Phương pháp sử dụng tiếng mẹ đẻ của HSDT

– Sử dụng tiếng mẹ đẻ của HSDT/ tiếng dân tộc (viết tắt là TDT) trong quá trình dạy TV để giúp các em HSDT tiếp nhận một ngôn ngữ mới (TV) trên cơ sở tận dụng được vốn ngôn ngữ sẵn có của mình (TDT), tránh được sự căng thẳng trong nhận thức của HS, nhất là với HS ở các lớp đầu cấp.

Thực hiện phương pháp này GV cần biết tận dụng sự giống nhau giữa hai ngôn ngữ để thúc đẩy quá trình học TV của HS, để các em tiếp nhận và tái tạo trên cơ sở kinh nghiệm, kĩ năng sử dụng TDT sẵn có của mình. Đồng thời GV chú ý giúp các em khắc phục được những khó khăn khi học TV, những lỗi sử dụng TV do sự khác nhau giữa TV và TDT gây ra.

– TDT được sử dụng trong quá trình dạy TV cho HSDT với các mức độ khác nhau.

Khi dạy phát âm, với những âm TV không có trong TDT, được phát âm khác với các âm của TDT, GV cần giúp HS hình thành những kĩ năng phát âm các âm mới một cách chính xác. Trong những trường hợp có các âm gần gũi với TDT, GV cần lưu ý HS về sự khác nhau và giống nhau giữa hai âm này để HS ghi nhớ và làm quen với các âm TV.

Có thể sử dụng TDT để dịch các từ ngữ TV mà không thể cung cấp bằng các phương pháp khác. Thông thường, đó là những từ để hỏi, từ trừu tượng... Ví dụ : các từ để hỏi : *tại sao ?, bao giờ ? khi nào ?... ;* các từ chỉ mức độ : *rất, quá...*

Những hiện tượng ngữ pháp (cấu tạo từ, cấu trúc câu...) TV khác với TDT cũng có thể được so sánh với TDT. Trong trường hợp này, GV cần phải lưu ý HS sự khác biệt giữa chúng để HS có ý thức dùng từ, đặt câu của TV cho đúng.

Dùng TDT để hướng dẫn HS thực hiện các quy định của giờ học bằng những lệnh ngắn. Những câu này được sử dụng bằng TDT trong những giờ học đầu tiên, nhằm hướng dẫn HS thực hiện một số hoạt động học tập, dần dần được chuyển sang TV. Ví dụ, các lệnh : *Em A hỏi, em B trả lời. Các em nói theo cô...*

Lưu ý : Việc sử dụng TDT như một phương pháp vẫn đang tiếp tục được nghiên cứu để hoàn thiện. Trong quá trình dạy học, GV cần thường xuyên rút kinh nghiệm và tùy theo trình độ TV của HS lớp mình mà lựa chọn mức độ sử dụng TDT cho phù hợp, tránh sử dụng tràn lan, chỉ sử dụng trong các trường hợp cần thiết.

Dạy học TV cho HSDT là một công việc phức tạp, không thể coi phương pháp nào là vạn năng. Lựa chọn phương pháp nào là phụ thuộc vào đối tượng HS, mục đích bài dạy, điều kiện dạy học cụ thể... đảm bảo HS tiếp thu được bài học một cách tích cực, nắm kiến thức một cách chắc chắn.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Trả lời câu hỏi : *Dạy TV cho HSDT gặp những khó khăn gì ?*

Đánh dấu x vào ô trống trước câu trả lời bạn lựa chọn.

☐ HS ít hoặc không có vốn TV

☐ HS ít môi trường TV

☐ HS đi học không thường xuyên

2. Ghi tên những phương pháp dạy TV cho HSDT được giới thiệu trong bài theo thứ tự ưu tiên mà bạn chọn.

– .....

– .....

– .....

3. Hãy thảo luận trong nhóm và ghi thêm những phương pháp dạy TV cho HSDT mà bạn đã sử dụng có hiệu quả.

– .....

– .....

– .....

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

– Trả lời câu hỏi 1, bạn đánh dấu vào ô trống trước câu trả lời thứ 1 và thứ 2.

– Các phương pháp được giới thiệu trong bài là những phương pháp chung, có thể sử dụng được ở nhiều phân môn. Tuy nhiên với từng bài cụ thể, mức độ sử dụng các phương pháp có thể khác nhau. Bạn hãy lựa chọn các phương pháp mà bạn thấy có thể được sử dụng thường xuyên hơn để xếp thứ tự ưu tiên.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Phương pháp dạy tiếng Việt cho HS dân tộc ở trường tiểu học* – Lê A, Mông Ký Slay, Đào Nam Sơn.... – Bộ GD và ĐT, Vụ Giáo viên, H. 1993.

2. *Nội dung phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ở vùng dân tộc – Chương I : Dạy?tiếng Việt cho HSDT theo hướng dạy ngôn ngữ thứ hai*. Mông Ký Slay (Chủ biên) – NXB ĐHQGHN, H. 2001.

CHỦ ĐỀ 2 (4 tiết)

Phương pháp tạo môi trường học tiếng Việt cho Học Sinh dân tộc

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Giải thích được thế nào là môi trường học tiếng và sự cần thiết của việc tạo môi trường học TV đối với HSDT. Nắm được một số biện pháp cụ thể tạo môi trường TV cho HSDT.

2. Kĩ năng

Có khả năng vận dụng các biện pháp tạo môi trường TV cho HSDT trong quá trình dạy học.

3. Thái độ

Có ý thức quan tâm, chủ động tạo môi trường TV cho HS tại đơn vị công tác.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu thế nào là môi trường học tiếng

Nhiệm vụ

1. Chia sẻ hiểu biết về môi trường học tiếng

1.1. Tự khám phá

– Hãy suy nghĩ và viết ra cách hiểu của bạn về môi trường học tiếng.

– Nêu và phân tích một ví dụ về sự tác động của yếu tố môi trường đến quá trình học một ngôn ngữ.

1.2. Chia sẻ ý kiến với đồng nghiệp

– Trình bày phần viết của bạn với đồng nghiệp.

– Trao đổi về cách hiểu của đồng nghiệp và bản thân.

2. Đọc phần thông tin cơ bản dưới đây và so sánh với nội dung đã thảo luận

Thông tin cơ bản

Môi trường học tiếng (MTHT) được hiểu là các điều kiện tự nhiên, xã hội, các phương tiện, hoạt động trong và ngoài nhà trường có tác động đến quá trình học tập, rèn luyện và sử dụng ngôn ngữ.

* *MTHT trong nhà trường* bao gồm :

– Cảnh quan nhà trường, lớp học : Gồm cảnh quan tự nhiên và tự tạo.

– Hoạt động dạy – học : Trong tất cả các môn học.

– Các phương tiện dạy và học : SGK các môn học, đồ dùng dạy và học, sách tham khảo...

– Các hoạt động bổ trợ : Đọc sách, xem băng hình, trò chơi, văn nghệ...

* *MTHT ngoài nhà trường* bao gồm :

– Đặc điểm dân cư : Dân số, thành phần dân tộc, tình trạng cư trú...

– Môi trường văn hoá – xã hội : Trình độ dân trí, sinh hoạt văn hoá, ngôn ngữ giao tiếp trong cộng đồng, tình hình sử dụng tiếng phổ thông, TDT...

– Môi trường gia đình : Ngôn ngữ giao tiếp trong gia đình, các phương tiện nghe nhìn...

Hoạt động 2. Tìm hiểu và giải thích tại sao phải tạo môi trường TV cho HSDT.

Vai trò của GV trong việc tạo môi trường TV cho HSDT

Nhiệm vụ 1

Tìm câu trả lời

1.1. Bạn đã bao giờ học ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ thứ 2 chưa ?

– Nếu **có** bạn hãy liệt kê những khó khăn mà bạn đã gặp trong quá trình học ? Theo bạn những khó khăn nào thuộc về môi trường học tiếng ? Và tiếp tục thực hiện việc làm mục?1.2 để tìm những điểm chung giữa bạn và HSDT khi học ngôn ngữ.

– Nếu **chưa** bạn hãy thực hiện việc làm ở mục 1.2

1.2. Bạn hãy so sánh sự khác nhau về môi trường học TV của HSDT và HS người Kinh theo gợi ý sau :

– Về thời gian :.....

– Về không gian :.....

1.3. Đọc phần thông tin cơ bản dưới đây để đối chiếu với sự so sánh của mình và rút ra ý nghĩa cho bản thân.

Thông tin cơ bản

TV đối với HSDT là NN2, không phải TMĐ. Quá trình học NN2 khác với quá trình học TMĐ ít nhất ở 3 điểm : trình độ xuất phát, cơ chế lĩnh hội và môi trường học tiếng.

Về *môi trường học tiếng* có thể so sánh như sau :

Thời gian	Môi trường học TM§	Môi trường học NN 2

	- Có môi trường học tiếng từ tuổi sơ sinh đến 5, 6 tuổi (trước khi đi học). - Kéo dài suốt cả cuộc đời, trong mọi hoạt động.	- Hầu như không có môi trường học NN 2 ở thời kì trước tuổi đi học. - Bó hẹp trong thời gian học trên lớp, ở trường và một số hoạt động ngoài giờ học.
Không gian	Không gian mở rộng : - Môi trường nhà trường - Môi trường gia đình - Môi trường làng bản, xã hội	Không gian bó hẹp : - Lớp học, trường học, một số hoạt động với không gian hạn chế.

Như vậy, môi trường học TV của HSDT bị hạn chế rất nhiều, đó là :

– Thiếu sự tác động của môi trường TV tự nhiên hằng ngày, đặc biệt ở thời kì trước tuổi học. Tức là TV chưa được "thấm" vào trẻ hằng ngày để tạo nên nền tảng ban đầu.

– Không có nhiều cơ hội để thực hành sử dụng TV trong giao tiếp.

Do vậy, việc học TV đối với HSDT gặp nhiều khó khăn. *Để bổ sung, khắc phục những thiếu hụt nêu trên, việc tạo môi trường TV cho HSDT là hết sức cần thiết.*

Nhiệm vụ 2

2.1. Ghi lại những việc làm trong thực tế giảng dạy mà bạn nghĩ rằng đã tạo môi trường TV cho HSDT.

2.2. Hãy nghĩ về những việc làm của đồng nghiệp mà bạn cho rằng có tác động tốt đến môi trường học TV cho HSDT và trao đổi việc làm của mình với đồng nghiệp.

2.3. Đọc phần thông tin cơ bản dưới đây và suy nghĩ về các câu hỏi sau :

– Trước đây bạn có bao giờ nghĩ về vai trò này không ?

– Khi học xong phần này bạn thấy cần phải làm gì để thực hiện đúng vai trò của mình ?

Thông tin cơ bản

Phương pháp tạo môi trường TV cho HSDT *được hiểu là những tác động của con người nhằm tạo ra một môi trường thuận lợi, tích cực giúp HSDT học TV.*

Trong việc tạo môi trường TV cho HSDT, GV đóng vai trò là cầu nối để HSDT đến với TV, là người "đem" TV đến với HSDT, cụ thể :

– GV là người **trực tiếp** giảng dạy môn TV và các môn học khác bằng TV. Như vậy, thông qua hoạt động dạy học GV là người có nhiều cơ hội tiếp cận với HSDT bằng TV trong môi trường học đường.

– Thông qua các hoạt động bổ trợ, GV là người vận động, "lôi kéo", hướng dẫn các lực lượng xã hội tham gia vào quá trình tạo môi trường TV trong và ngoài nhà trường.

Hoạt động 3. Tìm hiểu một số biện pháp tạo môi trường TV cho HSDT

Nhiệm vụ 1

Tìm hiểu biện pháp tạo môi trường TV trong nhà trường.

1.1. Nghĩ về lớp học bạn dạy và tự trả lời các câu hỏi sau :

– Trong lớp học được trang trí, trưng bày những gì ? Những sản phẩm trưng bày nào bạn cho là có thể giúp HSDT học TV ?

– Bạn đã tổ chức những hoạt động nào để HS có thể "tiếp cận" với các sản phẩm trưng bày ấy ?

– Liệt kê các sản phẩm có thể trưng bày trong lớp học để tạo môi trường TV.

1.2. Làm việc theo nhóm :

– Mô tả lại 2 – 3 hoạt động giao tiếp giữa GV – HS, giữa HS – HS trong lớp học của bạn.

– Chia sẻ kinh nghiệm về cách tăng cường giao tiếp cho HS trong và ngoài giờ học.

– Đọc thông tin cơ bản bên dưới và so sánh với thực tế trường, lớp mình dạy (Đã làm được gì ? Chưa làm được gì ? Cần cải thiện như thế nào ?...).

1.3. Thực hành (theo nhóm GV cùng dạy một khối lớp, có thể tổ chức cho HS cùng làm) :

– Đọc phụ lục "Tạo môi trường TV trong nhà trường" và lập kế hoạch làm một số sản phẩm/ đồ dùng dạy học phù hợp với trình độ HS khối lớp đang dạy. Trong đó xác định rõ :

– Làm những sản phẩm (hoặc tổ chức hoạt động) nào ?

– Trưng bày sản phẩm ở đâu ?

– Dự kiến sẽ tổ chức hoạt động để HS "giao tiếp" với các sản phẩm ấy như thế nào ?...

Thông tin cơ bản

Tạo môi trường học TV trong nhà trường

1. Tạo cảnh quan TV trong và ngoài lớp học

Những ấn tượng trực giác hết sức quan trọng đối với trẻ em, đặc biệt là giai đoạn đầu của cấp Tiểu học. Một lớp học sạch sẽ, được trang trí "bắt mắt" sẽ thu hút được sự chú ý, yêu thích của HS.

Trưng bày không chỉ có tác dụng trang trí, làm đẹp lớp học mà cần phải tạo ra môi trường cảnh quan TV để giúp HSDT học TV. Nếu hằng ngày HS được "tắm" trong một *không gian lớp học TV* thì chắc chắn TV sẽ dần dần "thấm" vào trí nhớ của các em.

Ngoài cờ Tổ quốc, ảnh Bác Hồ, khẩu hiệu (quy định chung), các sản phẩm trưng bày để tạo cảnh quan TV rất đa dạng, phong phú. Có thể là :

– Danh sách lớp, khẩu hiệu theo chủ đề, truyện tranh, sách đọc thêm ...

– Đồ dùng dạy học : Mô hình, tranh ảnh, mẫu vật, bản đồ, bảng chữ cái...

– Sản phẩm của HS : Vở sạch chữ đẹp, tranh vẽ, bài kiểm tra, sản phẩm thủ công...

Tuỳ vào điều kiện cụ thể của không gian nhà trường, lớp học để chọn lựa và trưng bày các sản phẩm cho phù hợp. Có những sản phẩm được trưng bày cố định suốt cả năm học (khẩu hiệu, danh sách lớp...) nhưng nhiều sản phẩm khác cần được thay đổi theo tháng, tuần, ngày cho phù hợp với chủ đề, nội dung học và khả năng TV của HS. Sự đơn điệu, thiếu linh hoạt trong trưng bày sẽ dẫn đến tâm lí nhàm chán đối với HS. Cần thay đổi, phối hợp giữa các môn học trong bài trí không gian lớp học, không nên chỉ trưng bày sản phẩm của môn TV. Trong khuôn viên nhà trường có thể có bản tin, khẩu hiệu, panô, áp phích...

Điều quan trọng là phải tổ chức cho HS "tiếp cận" với sản phẩm. Bởi nếu không, trưng bày chỉ dừng lại ở trang trí hình thức mà không đạt được hiệu quả giáo dục TV. Trong quá trình dạy học, GV cần tổ chức cho HS tham gia vào các hoạt động như : làm các sản phẩm để trưng bày, trao đổi về các sản phẩm, thực hành trên sản phẩm... nhằm hướng đến mục đích rèn luyện các kĩ năng *nghe, nói, đọc, viết* TV cho HSDT.

2. Tăng cường hoạt động giao tiếp

• HSDT thường ít có cơ hội giao tiếp TV ở gia đình và ngoài xã hội. Tâm lí nhút nhát, thiếu tự tin, ngại giao tiếp với người lạ thường thấy ở HSDT. Do vậy, GV cần tạo nhiều cơ hội để HS được thực hành giao tiếp TV bằng cách :

+ Tận dụng tối đa tình huống thực : Trong quá trình dạy học thường xuyên đặt câu hỏi và hướng dẫn HS đặt câu hỏi ; dạy cách giao tiếp với người lớn trong trường (GV, cán bộ, phụ huynh, khách đến thăm trường) ; tăng cường tổ chức các hoạt động tập thể nhưtrò chơi, văn nghệ...

+ Xây dựng các tình huống giả định : Cho HS đóng vai các nhân vật trong bài học, tạo ra các tình huống và hướng dẫn HS xử lí tình huống/đóng vai nhân vật trong tình huống...

• Các hoạt động giao tiếp của HS cần theo hướng mở rộng dần vòng giao tiếp :

– *Từ gần đến xa :* HS với HS, HS với GV trực tiếp dạy, HS với các GV khác, HS với cán bộ, công nhân viên, HS với khách đến thăm trường...

– *Từ hẹp đến rộng :* Từ giao tiếp với một người đến giao tiếp với nhiều người. Chú trọng giao tiếp giữa HS – HS thông qua hình thức mở rộng nhóm : nhóm 2, nhóm 3– 4 , nhóm cùng tuổi, nhóm cùng sở thích, theo tổ... Và mở rộng hơn là giao tiếp với HS các lớp khác. Chú ý nhắc nhở HS sử dụng TV để giao tiếp với bạn bè trong giờ ra chơi, nhất là ở những trường HS gồm nhiều thành phần dân tộc.

Nội dung giao tiếp cần gắn với chủ điểm đã được học (về bản thân, bạn bè, gia đình...) và các sinh hoạt thường nhật của HS.

• Tạo điều kiện để HS được "giao tiếp" với công cụ dạy – học và tài liệu bổ trợ như truyện, sách đọc thêm, tranh ảnh...

– Tích cực làm đồ dùng dạy học và sử dụng chúng trong quá trình giảng dạy.

– Tổ chức cho HS mượn và đọc truyện của thư viện hoặc truyện của cá nhân HS, trao đổi sách, truyện trong quá trình đọc và trao đổi về nội dung đã đọc với bạn bè, GV.

Nhiệm vụ 2

Tìm hiểu biện pháp tạo môi trường TV ở gia đình.

2.1. Suy nghĩ và trả lời :

– Bạn thường quan tâm đến những gì khi tìm hiểu về gia đình HS ?

– Những thông tin nào bạn cho rằng cần thiết cho việc tạo môi trường TV ở gia đình HS.

– Bằng cách nào bạn có được các thông tin trên ?

2.2. Bạn hãy đọc phần thông tin cơ bản, sau đó :

– So sánh với việc làm của bản thân và ghi thành 2 cột :

Những việc đã làm	**Những việc chưa làm được**
.....	.....

– Trao đổi với đồng nghiệp về những nội dung còn chưa rõ.

2.3. Tự lập kế hoạch khảo sát và tạo môi trường TV ở gia đình cho HS lớp mình phụ trách.

Thông tin cơ bản

Tạo môi trường TV ở gia đình

Cùng với sự phát triển chung của xã hội, đời sống đồng bào vùng dân tộc từng bước được cải thiện. Các phương tiện nghe nhìn như ti vi, ra đi ô, sách báo... đã có trong nhiều gia đình. Hơn nữa, số phụ huynh trẻ biết TV ngày càng tăng. Đây là những tín hiệu tốt làm cơ sở cho việc xây dựng môi trường TV ở gia đình HS. Tuy nhiên, nhiều phụ huynh HS chưa có ý thức và cũng chưa biết cách tạo điều kiện giúp đỡ con em học tập ở nhà. Do vậy, GV cần :

– Khảo sát để nắm được điều kiện cụ thể của từng gia đình HS : tivi, đài, sách báo TV, tình hình sử dụng TV, góc học tập, nghề nghiệp của bố mẹ...

– Có thể khảo sát bằng các cách : phỏng vấn HS, trực tiếp đến thăm và phỏng vấn gia đình HS, gặp gỡ trao đổi với cán bộ xã, thôn...

Biểu mẫu khảo sát : (tham khảo)

Trường Tiểu học Chiềng Xuân
Lớp : 2

Thông tin về điều kiện tạo môi trường TV ở gia đình
(Năm học 2004 – 2005)

STT	Họ và tên	Nữ	Dân tộc	Góc học tập	Người biết nói TV trong gia đình (ghi rõ)	Nghề nghiệp bố mẹ	Ti vi	Đài	Sách báo	Sử dụng trong gia đình
1	Bùi Thị Bông	×	Mường	0	Chị (lớp 5)	Nông nghiệp	×			
2	Đinh Công Nhót		Thái	0	Mẹ (biết ít)	Nông nghiệp		×		
3	Triệu A Phong		Dao	×	Bố, mẹ (Bố : TV tốt)	Bố CB xã	×		×	
...										

Dựa vào kết quả khảo sát, GV xây dựng kế hoạch cụ thể để vận động phụ huynh HS tạo môi trường TV phù hợp với điều kiện của từng gia đình. Cụ thể như sau :

• *Vận động phụ huynh tạo góc học tập cho con em*

Họp phụ huynh hoặc đến từng gia đình vận động, hướng dẫn phụ huynh tạo góc học tập cho con em :

– Đóng bàn học bằng vật liệu có ở gia đình : có thể chỉ là tre nứa, gỗ, ván đơn giản... Chú ý độ cao, độ rộng của bàn ghế phải vừa tầm với HS.

– Chọn vị trí đặt bàn học ở nơi đủ ánh sáng, thoáng, yên tĩnh.

– Trang trí góc học tập : Thời khoá biểu, giấy khen (nếu có), hoa giấy tự làm, dán báo, tranh ảnh (Hướng dẫn HS tự làm)...

Ví dụ : ở lớp 2, trường **Chiềng Xuân** (nêu trên), em Bông và Nhót chưa có góc học tập ở nhà. GV cần gặp phụ huynh em Bông và em Nhót (trong cuộc họp phụ huynh hoặc đến nhà) để thuyết phục và hướng dẫn tạo góc học tập cho các em. Em Phong đã có góc học tập, GV cần đến trực tiếp hoặc hỏi Phong để xem vị trí và cách trang trí góc học tập đã thích hợp chưa, hướng dẫn Phong và gia đình thực hiện nếu cần thiết.

• *Hướng dẫn phụ huynh giao tiếp, kiểm tra việc học của con em*

Hướng dẫn cụ thể, phù hợp với điều kiện và khả năng nói TV của phụ huynh. Các hoạt động cần hướng dẫn phụ huynh thực hiện là :

– Tạo điều kiện về thời gian và nhắc nhở con em học bài (dành khoảng thời gian cố định trong ngày để con em học, không bắt làm việc nhà).

– Thỉnh thoảng quan sát việc học của con em : Sách vở có ngăn nắp, gọn gàng không ? Có chăm chú khi học không ? Vở viết như thế nào ?

– Thỉnh thoảng hỏi con em về việc học ở trường (bằng TV).

– Nhắc nhở con em nghe đài, xem tivi, đọc sách báo (nếu gia đình có) và trao đổi nội dung nghe, đọc được cho người thân trong gia đình.

Ví dụ : ở lớp 2, trường **Chiềng Xuân** :

– Em Bông nhà có tivi, có chị học lớp 5 – GV nhắc nhở em Bông về nhà thường xuyên hỏi chị bài vở.

– Em Nhót nhà có đài, có mẹ biết ít TV – GV hướng dẫn người mẹ giao tiếp với Nhót những câu đơn giản phù hợp với khả năng TV của mẹ.

– Em Phong có bố, mẹ đều biết TV (đặc biệt bố là cán bộ xã, sử dụng tốt TV) – GV yêu cầu bố mẹ giao tiếp bằng TV với Phong thường xuyên, kèm cặp em học...

Nhiệm vụ 3

Tìm hiểu biện pháp tạo môi trường TV trong cộng đồng

3.1. Suy nghĩ về ví dụ sau :

– ở một trường tiểu học nọ, nhà trường đã kết hợp với Đoàn Thanh niên xã tổ chức một số hoạt động như : văn nghệ, thi đọc thơ/ kể chuyện...nhân các ngày Quốc tế thiếu nhi, tết Trung thu, ngày Nhà giáo tại địa bàn xã có sự tham gia của cộng đồng.

– Bạn hãy phân tích ảnh hưởng tích cực của các hoạt động trên đối với việc học TV của HS.

– Thử nêu một số hoạt động tạo môi trường TV mà bạn nghĩ có thể thực hiện được tại địa phương.

3.2. Giả sử bạn được nhà trường giao nhiệm vụ phối hợp với đài phát thanh xã mở một chuyên mục dành cho thiếu nhi, bạn sẽ làm như thế nào ?

– Hãy ghi các bước thực hiện nhiệm vụ trên.

– Nếu chương trình được thực hiện, bạn thử hình dung HS và cộng đồng sẽ "đón tiếp" nó như thế nào ?

3.3. Đọc thông tin cơ bản và chia sẻ ý kiến của bạn với đồng nghiệp, cán bộ quản lí nhà trường.

Thông tin cơ bản

Tạo môi trường TV trong cộng đồng

Giao thông, đường sá ở vùng dân tộc từng bước được cải thiện, nhiều vùng dân tộc đã có người Kinh sống xen kẽ, các phương tiện thông tin bằng TV ngày càng nhiều. Nhu cầu giao lưu văn hoá, trao đổi mua bán ngày càng phát triển. Do đó, số người biết TV trong cộng đồng ngày càng tăng. Có thể huy động cộng đồng tham gia vào việc tạo môi trường TV bằng cách :

1. Vận động cộng đồng giao tiếp với HS bằng TV

– Phối hợp với Hội cha mẹ HS, chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động những người biết nói TV có ý thức giao tiếp bằng TV với HS trong sinh hoạt cộng đồng (đặc biệt là cán bộ xã, cán bộ các đoàn thể trong xã).

– Hướng dẫn cộng đồng một số biện pháp giao tiếp đơn giản với HS như :

+ Khi gặp HS đi học về : nhắc các em chào bằng TV/chào các em bằng TV hoặc hỏi HS một số câu đơn giản như : Cháu học lớp mấy ? Cô nào dạy ? Hôm nay cháu được mấy điểm ?...

+ Yêu cầu các em đọc các câu khẩu hiệu, áp phích, bảng tin, sách trong điều kiện có thể.

2. Mở chuyên mục phát thanh dành cho thiếu nhi

GV kết hợp với tổng phụ trách đội cần thực hiện hoạt động này bằng cách :

– Phối hợp với chính quyền địa phương, đài phát thanh xã để phát chương trình thiếu nhi hằng tuần vào một ngày cố định, giờ cố định.

– Nội dung chương trình phát có thể là đọc truyện, kể chuyện, đọc thơ, hát, kịch, nêu gương tốt của HS ...

– Chọn những HS có năng khiếu, tập dượt để thực hiện chương trình phát thanh.

– Thông báo cho HS, GV toàn trường và phụ huynh về chương trình, thời gian để họ có ý thức lắng nghe.

3. Phối hợp với Đoàn Thanh niên xã tổ chức các hoạt động tập thể như : lễ hội, văn nghệ, thể thao, tổ chức cho HS tham gia dán, viết các khẩu hiệu, áp phích quảng cáo, tuyên truyền ở nơi công cộng hoặc yêu cầu HS đọc cho gia đình và người khác cùng biết.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng cho câu hỏi : *Thế nào là môi trường học tiếng ?*

A. Là các điều kiện tự nhiên trong và ngoài nhà trường có tác động đến quá trình học tập, rèn luyện và sử dụng ngôn ngữ.

B. Là những tác động của con người nhằm tạo ra một môi trường thuận lợi, tích cực giúp cho HSDT học TV.

C. Là các điều kiện tự nhiên, xã hội, các phương tiện, hoạt động trong và ngoài nhà trường có tác động đến quá trình học tập, rèn luyện và sử dụng ngôn ngữ.

Câu 2. Bạn hãy viết vài ý để giải thích cho câu hỏi : Tại sao việc tạo môi trường TV cho HSDT lại cần thiết ?

Câu 3. Hãy liệt kê các biện pháp tạo môi trường TV cho HSDT theo bảng sau :

Trong nhà trường	**Ở gia đình HS**	**Trong cộng đồng**
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

Câu 4. Tự đánh giá khả năng vận dụng từng biện pháp nêu trên vào thực tế giảng dạy theo các mức độ sau : *Tốt, Khá, Đạt yêu cầu, Chưa đạt yêu cầu*.

Câu 5. Đánh dấu x vào ô trống trước lựa chọn của bạn cho câu hỏi sau :

Bạn sẽ làm gì sau khi học xong bài học này ?

☐ Chưa biết phải làm gì.

☐ Xây dựng kế hoạch tạo môi trường TV.

☐ Trao đổi với đồng nghiệp về nội dung bài học, xây dựng và thực thi kế hoạch tạo môi trường TV cho HS lớp mình phụ trách.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Phương án C.

Câu 2. Bạn đã nắm chắc kiến thức nếu phần viết của bạn có các ý sau :

– Trẻ em dân tộc thường không có môi trường học TV thời kì trước tuổi đi học. Do vậy, thiếu sự tác động của môi trường TV tự nhiên hằng ngày. Tức là TV chưa được "thấm" vào trẻ hằng ngày để tạo nên nền tảng ban đầu.

– Thời gian học TV bó hẹp trong thời gian học trên lớp, ở trường và một số hoạt động ngoài giờ học.

– Không gian học TV thường bị hạn chế trong lớp học, trường học.

– Không có nhiều cơ hội để thực hành sử dụng TV trong giao tiếp.

Câu 3 : Bạn đã thành công nếu bạn ghi được như bảng sau :

Trong nhà trường	Ở gia đình HS	Trong cộng đồng
1. Tạo cảnh quan TV trong và ngoài lớp học. 2. Tăng cường hoạt động giao tiếp trong và ngoài giờ học.	1. Vận động phụ huynh tạo góc học tập cho con em. 2. Hướng dẫn phụ huynh giao tiếp, kiểm tra việc học của con em.	1. Vận động cộng đồng giao tiếp với HS bằng TV. 2. Mở chuyên mục phát thanh dành cho thiếu nhi. 3. Phối hợp với Đoàn Thanh niên xã tổ chức các hoạt động tập thể.

Câu 4. Bạn hãy trao đổi phần tự đánh giá của bạn với các đồng nghiệp để chia sẻ những kinh nghiệm tốt và tìm biện pháp khắc phục khó khăn.

Câu 5. Nếu bạn chọn : "Trao đổi với đồng nghiệp về nội dung bài học, xây dựng và thực thi kế hoạch tạo môi trường TV", bạn đã thực sự có chuyển biến về ý thức và hành động sau khi học.

Nếu bạn chọn : "Xây dựng kế hoạch tạo môi trường TV", bạn đã có chuyển biến về nhận thức nhưng cần cố gắng hiện thực hoá.

Nếu bạn chọn : "Chưa biết phải làm gì", bạn hãy cố gắng học lại bài này và tìm sự giúp đỡ ở đồng nghiệp. Tin rằng bạn sẽ tìm được lời giải đáp.

Phụ lục : Tạo môi trường Tiếng việt trong nhà trường

1. Tạo cảnh quan TV trong lớp học

1.1. Thư viện tí hon

– *Mục đích :* Tủ sách nhỏ trong lớp học là biện pháp rất hữu ích giúp HS rèn luyện TV và hình thành thói quen đọc sách. GV cũng có thể sử dụng những tranh ảnh trong các truyện, sách đọc thêm để làm đồ dùng dạy học (ĐDDH) khi cần thiết.

– *Cách làm :* Tuỳ vào điều kiện và khả năng của mỗi trường, mỗi GV để xây dựng tủ sách của lớp, trường. Có thể huy động cộng đồng góp công sức hoặc vật liệu để đóng tủ/giá đựng sách hoặc kêu gọi sự ủng hộ của chính quyền xã, các cơ quan, tổ chức ; tận dụng các thùng giấy to, bàn ghế hỏng để "chế tạo" ra tủ đựng sách...

Có thể "sưu tầm" sách, *báo* từ nhiều nguồn : Dự án cung cấp, đóng góp của GV, HS, ủng hộ của các cơ quan đoàn thể... Nội dung, hình thức của *sách báo* phải phù hợp với tâm lí lứa tuổi và có tính giáo dục.

– *Cách trưng bày :* Tủ sách được đặt ở cuối lớp học (ở giữa hoặc hai bên góc phòng).

– Cách tổ chức :

• Đầu giờ học hoặc giờ ra chơi tổ chức cho các em mượn và đọc sách tại lớp. Nên cho mượn theo tổ, nhóm để các tổ trưởng, nhóm trưởng có nhiệm vụ nhắc nhở và bảo quản sách. Khi HS đã thành nếp, GV có thể giao nhiệm vụ này cho cán bộ lớp.

• Kết hợp với phụ trách Đoàn, Đội quy định "ngày đọc sách" toàn trường để GV và HS cùng chủ động thực hiện (trong tuần).

• Trong các buổi sinh hoạt tập thể, HS kể lại những câu chuyện, thông tin đã đọc được cho cả lớp cùng nghe.

• Trao đổi sách, báo với các lớp khác để HS tất cả các lớp có cơ hội đọc nhiều đầu sách.

• Tổ chức HS sưu tầm tranh ảnh, truyện phục vụ cho các nội dung học.

– Cần giáo dục HS ý thức bảo vệ, giữ gìn sách của thư viện : sắp xếp ngăn nắp, đọc xong để đúng vị trí cũ, không mang sách về nhà, giữ sách cẩn thận khi đọc...

1.2. Danh sách lớp

– *Mục đích :* Thực tế không ít HSDT chưa biết viết hoặc viết chưa chính xác tên của mình và tên của bạn (ngay cả những HS lớp 2, 3, 4). Việc trưng bày *Danh sách lớp* sẽ giúp HS biết được lớp học có bao nhiêu bạn, tên của mình và tên của các bạn được viết như thế nào, ngày sinh của bạn, vị trí ngồi của bạn, tên cô giáo và ngày sinh của cô... Danh sách lớp cần thiết đối với tất cả các lớp, đặc biệt là các lớp đầu cấp.

– *Cách làm :* Giấy khổ to (A0), nẹp gỗ hoặc tre, dây để treo hoặc hồ, băng dính để dán, bút nét to...

Có nhiều cách lập danh sách lớp : Theo thứ tự A,B,C, theo tổ, theo vị trí ngồi... Danh sách lớp cần được viết với cỡ chữ to, rõ ràng, đúng mẫu và trang trí "bắt mắt". Tham khảo một số mẫu sau :

Danh sách theo tổ :

Lớp 1B chúng mình

GVCN : Lê Văn Ngọc

Tổ	STT	Họ và tên	Ngày sinh
Tổ I	1	Nông Văn Thanh	8 – 2 – 1997
	2	Bùi Văn Lộc	6 – 4 – 1996
	3	Đặng Thị Lành	15 – 6 – 1996
	4	Nguyên Thị Mây	23 – 7 – 1995
	5	Giàng A Khuấy	18 – 9 – 1997
	6	Vi Thị Múi	21 – 3 – 1996
Tổ II	7	Đinh Công Mấn	9 – 9 – 1996
	8	Hoàng Văn Tân	10 – 4 – 1995
	9	Ngạc Thị Thơm	15 – 1 – 1997
	10	Vừ Sco Chúng	27 – 5 – 1997
	11	Nguyễn Thị Bông	16 – 6 – 1996
	12	Hà Văn Công	25 – 4 – 1996
Tổ III	13	Dương Đức Hân	30 – 5 – 1997
	14	Vương Văn Cả	12 – 8 – 1996
	15	Vương Hán Minh	24 – 2 – 1997
	16	Triệu Thị Bảy	11 – 5 – 1996
	17	Đặng Văn Bông	13 – 11 – 1996
	18	Bùi Thị Hà	15 – 12 – 1995

Danh sách theo sơ đồ lớp :

Gia đình 2A

GVCN : Nguyễn Thị Hoa

Bùi Thị Hồ 8 – 2 – 1996	Đậu Văn Nên 23 – 3 – 1995	Vi Quốc Đại 11 – 6 – 1996
Hồ Thị Lợi 2 – 2 – 1995	Hà Văn Dứa 2 – 1 – 1996	Vi Văn Lục 3 – 4 – 1996
Hứa Văn Bền 12 – 8 – 1996	Mùi Thị Thu 8 – 9 – 1995	Hà Thị Linh 9 – 7 – 1996
Nông Thị Ca 11 – 1 – 1996	Lò Văn Sủn 5 – 5 – 1996	Triệu Thị Vi 7 – 8 – 1995
Hồ Thị Na 6 – 7 – 1996	Bùi Văn Chu 6 – 6 – 1996	Ma Tấn Hải 18 – 2 – 1995
Hà Tấn Lộc 7 – 4 – 1995	Sùng A Cứ 3 – 4 – 1995	Hà Thị Mơ 12 – 4 – 1996

Danh sách theo thứ tự A, B, C...

Tổ ấm 1A

GVCN : Hoàng Thị Nga

STT	Họ và tên	Ngày sinh
1	Sùng A Chính	16 – 5 – 1997
2	Đinh Thị Cúc	8 – 7 – 1996
3	Vàng A Dềnh	25 – 5 – 1996
4	Vù Văn Đậu	12 – 11 – 1995
5	Nguyễn Thị Hương	24 – 4 – 1997
6	Hoàng Thị Khôơng	13 – 3 – 1997
7	Mạc Thị Liên	14 – 11 – 1997
8	Đinh Văn Ngân	1 – 7 – 1996
9	Lê Văn Nức	29 – 12 – 1996
10	Sùng A Phong	15 7 1997
11	Hà Thị Tâm	16 12 1996

– *Cách trưng bày :* Danh sách lớp thường được treo, dán ở mặt tường đầu lớp hoặc cuối lớp (cũng có thể thay đổi vị trí cho phù hợp với điều kiện cụ thể). Chú ý đến vị trí và độ cao phải vừa tầm với HS để các em dễ quan sát. Có thể trưng bày danh sách lớp trong suốt năm?học.

– *Cách tổ chức :*

• Có thể chọn một số HS có chữ viết đẹp cùng làm danh sách lớp với GV.

• Khi HS viết sai hoặc chưa chính xác tên của mình (trong các bài kiểm tra) GV hướng dẫn HS nhìn danh sách lớp để viết cho đúng.

• Trong giờ ra chơi cho từng nhóm HS tìm đọc tên mình và tên các bạn.

• Tổ chức trò chơi "Tìm bạn" (theo nhóm, cá nhân) : Hãy tìm tên bạn *Sùng A Chính* và viết/đọc lại tên bạn cho đúng.

• Gợi ý để HS phát hiện sinh nhật của các bạn trong lớp và nói lời chúc mừng sinh nhật bạn.

1.3. Bảng chữ cái

– *Mục đích* : Với các từ, hình ảnh minh hoạ sinh động, **Bảng chữ cái** sẽ giúp HS luyện phát âm, viết, nhận diện 29 chữ cái trong quá trình học tập trên lớp.

– *Cách làm :* Giấy A0, nẹp gỗ/ tre, dây để treo hoặc hồ/băng dính để dán, bút màu... Dựa theo bảng chữ cái trong SGK *Tiếng Việt 1* để làm. GV có thể chọn các từ và hình ảnh gần gũi, phù hợp với HSDT. Các hình ảnh minh hoạ có thể tự vẽ phỏng theo SGK hoặc sưu tầm.

– *Cách trưng bày :* Treo/dán lên tường, bảng ở một vị trí thích hợp để HS dễ dàng quan sát và đọc bảng chữ cái. Có thể trưng bày bảng chữ cái trong suốt năm học.

– *Cách tổ chức :*

• Khi dạy đến một âm, GV có thể dùng giấy màu/bông hoa đánh dấu vào âm ấy trên bảng chữ cái để thu hút sự chú ý của HS.

• Phân chia HS theo nhóm (3 – 4 em, mỗi nhóm nên có 1 HS khá làm nhóm trưởng), theo ngày để các em cùng nhau luyện phát âm các âm đã học trên bảng chữ cái.

• Thi đua giữa các nhóm : tìm từ (trong bài hoặc ngoài bài) có chứa âm đã học (GV chỉ âm trên bảng chữ cái hoặc hướng dẫn HS điều khiển).

1.4. Bảng từ cùng vần

– *Mục đích :* **Bảng từ cùng vần** có thể giúp HS nhớ được những từ đã học, biết được các nhóm từ có cùng vần và có thể luyện đọc, viết các vần, từ (*Phù hợp với lớp 1, lớp 2*).

– *Cách làm :* Giấy A0 (nếu giấy cứng càng tốt), giấy màu, nẹp gỗ/ tre, dây để treo hoặc hồ/băng dính để dán, bút màu...

Xem mẫu sau :

ươi	eo	au	iên	uông	ương			
bươi	mèo	cau	điện	ruộng	trường			
	reo	cháu	kiến					
		màu						

• *Thẻ từ* được làm với kích cỡ phù hợp với từ, khoảng 7 cm x 14 cm :

Một thẻ từ → tươi

• *Thẻ vần* làm với kích cỡ lớn tương tự như thẻ từ, vần được viết đậm hơn và có thể viết trên giấy màu để tạo sự "bắt mắt" đối với HS.

Một thẻ vần → ươi

– *Cách trưng bày* : Tương tự như **Bảng chữ cái**

– *Cách tổ chức :*

• Sau khi HS đã học 3 – 4 vần (1 tuần học) GV có thể chuẩn bị một số thẻ từ có chứa các vần đã học và phát cho HS (cá nhân hoặc nhóm). HS sẽ xác định và dán thẻ từ của mình vào ô vần phù hợp.

• HS có thể viết ra các từ có cùng vần và gắn vào bảng trên khi các em gặp từ mới.

• Có thể hướng dẫn HS đọc, tập viết trong những giờ các em được giải lao hoặc thi đọc đúng, viết đúng và đẹp các từ đã học.

1.5. Sản phẩm của HS

– *Mục đích :* Trưng bày sản phẩm của HS (bài kiểm tra, tranh vẽ, sản phẩm thủ công) là biện pháp tốt để khích lệ tinh thần học tập, học hỏi lẫn nhau.

– *Cách làm :* Chọn những vở sạch chữ đẹp, bài kiểm tra đạt điểm khá giỏi, tranh vẽ và các sản phẩm thủ công khéo tay. Dùng dây/kẹp để treo trên tường hoặc dành một góc trong giá tủ/giá sách để trưng bày...

– *Cách tổ chức :*

• GV giải thích lí do chọn trưng bày và khen ngợi những "chủ nhân" của các sản phẩm.

• HS xem và trao đổi về các sản phẩm.

• Thường xuyên thay đổi, bổ sung các sản phẩm mới. Chú ý động viên những sản phẩm của HS có sự tiến bộ.

Ngoài các vật dụng cơ bản trên, GV có thể trưng bày những ĐDDH khác phù hợp với nội dung dạy học của từng ngày, tuần, tháng của các môn học khác như Toán, Tự nhiên và Xã hội (Xem thêm phần *Làm đồ dùng dạy học*).

Ví dụ : *Tranh về các bộ phận trên cơ thể người* : Tay, chân, mắt, mũi, đầu... sẽ giúp HS củng cố các từ chỉ bộ phận cơ thể con người trong TV và nắm chắc hơn kiến thức của môn Tự nhiên và Xã hội. *Tranh về các loài cây, hoa, con vật* có ghi tên rõ ràng (tên có thể làm rời để HS có thể chơi trò gắn tên vào tranh vẽ con vật, loài hoa, cây...). *Tranh về các con vật gắn liền với các phép tính...*

2. Tổ chức các hoạt động giao tiếp

2.1. Nhóm bạn

– Phân thành nhóm bạn : Ban đầu nhóm 2, sau đó tăng thành nhóm 3 – 4. Các thành viên trong nhóm chuyện trò với nhau, trao đổi về các thông tin như gia đình, làng xóm, nội dung bài học, các chủ điểm học tập... Các thành viên trong nhóm phải nắm được thông tin về "bạn" mình hoặc những nội dung đã trò chuyện, trao đổi với nhau.

– GV "kiểm tra" bằng cách thỉnh thoảng đặt câu hỏi cho các thành viên trong nhóm : Ví dụ : Hôm qua nhóm Thỏ nâu trao đổi về việc gì ? Nhà bạn Nình ở đâu ?...

2.2. Hộp thư cá nhân : Trao đổi bằng hình thức viết

Cách làm : Mỗi thành viên trong lớp có một hộp thư, có thể kết hợp với **Danh sách lớp** theo mẫu sau :

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Hòm thư
1	Sùng A Chính	16 – 5 – 1997	✉
2	Đinh Thị Cúc	8 – 7 – 1996	✉
3	Vàng A Dềnh	25 – 5– 1996	✉
4	Vừ Văn Đậu	12 – 11 – 1995	✉
5	Nguyễn Thị Hương	24 – 4 – 1997	✉
6	Hoàng Thị Khương	13 – 3 – 1997	✉
7	Mạc Thị Liên	14 – 1 – 1997	✉
8	Đinh Văn Ngân	1 7 1996	✉

• Thỉnh thoảng GV viết câu hỏi bỏ vào một số hộp thư để các em viết câu trả lời. Nội dung câu hỏi phải đơn giản, ngắn gọn và phù hợp với trình độ của HS.

• Hướng dẫn HS "viết thư" và gửi vào hộp thư cho bạn : Nội dung thư có thể chỉ là một câu hỏi ngắn hoặc một thông tin ngắn, một tranh vẽ đơn giản... HS nào nhận được "thư" sẽ viết thư trả lời bạn. Ví dụ :

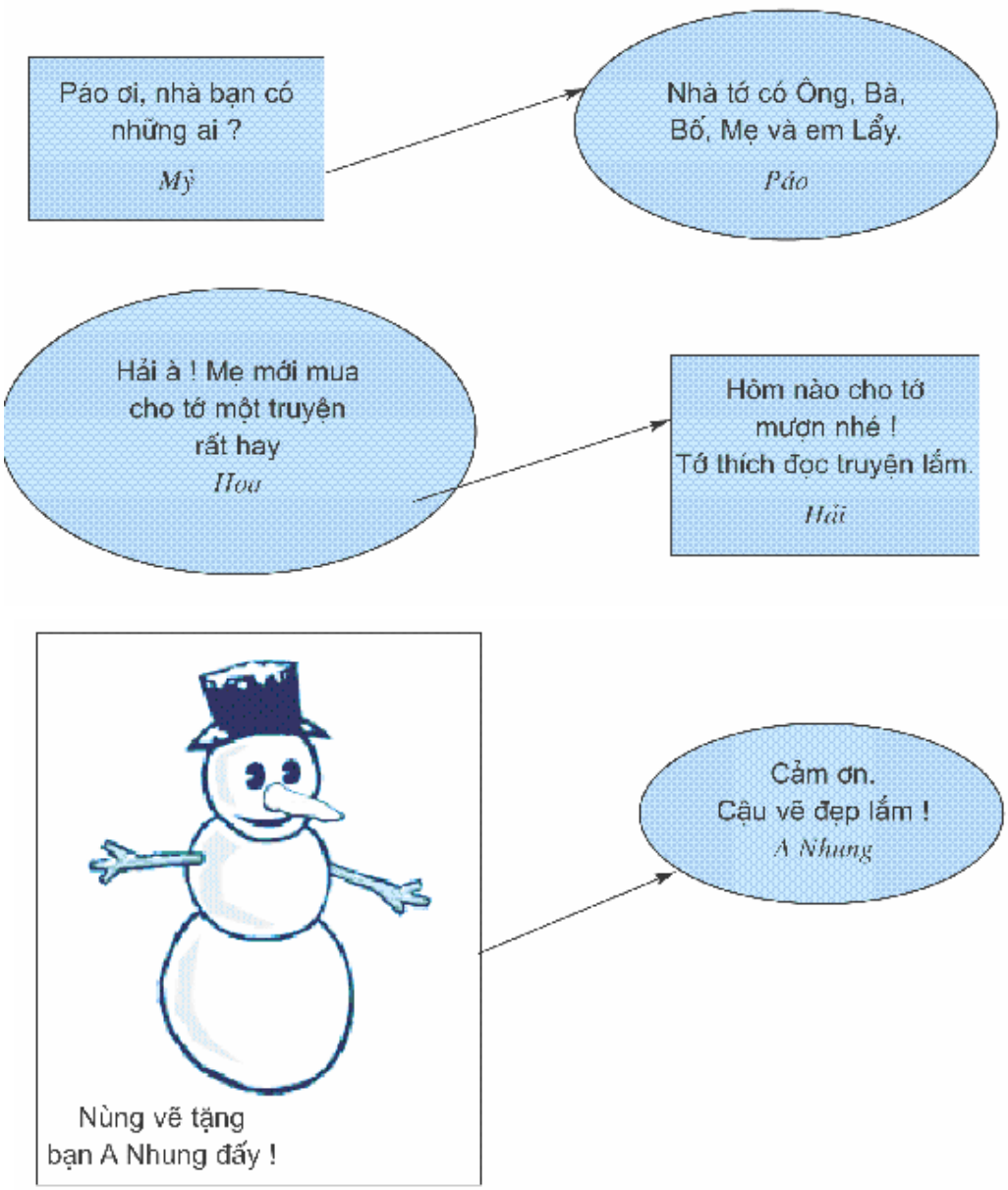

2.3. Giao tiếp với cán bộ nhân viên trong trường hoặc với khách

– Tạo các cuộc gặp gỡ, giao tiếp giữa HS với cán bộ nhân viên trong trường bằng cách :

+ Cho từng nhóm HS/cả lớp chủ động đến gặp gỡ và trò chuyện với cán bộ nhân viên. GV hướng dẫn HS cách chào và đặt các câu hỏi phù hợp với đối tượng giao tiếp.

+ Mời cán bộ nhân viên trong trường đến lớp học giao tiếp với HS trong những giờ sinh hoạt tập thể. GV hướng dẫn cán bộ nhân viên trò chuyện với HS xung quanh các chủ đề về việc học tập, gia đình...

– Hướng dẫn HS giao tiếp với khách khi khách đến thăm trường/lớp :

+ Tạo ra tình huống giả định : GV đóng vai là người khách để giao tiếp với HS.

+ Tận dụng tình huống thực : GV cần tận dụng cơ hội cho HS thực hành trên tình huống thực khi có khách đến trường.

Giao tiếp nhiều với các đối tượng trên sẽ giúp HS tự tin, mạnh dạn.

CHỦ ĐỀ 3 (4 tiết)

Sử dụng Tiếng Mẹ đẻ của học sinh dân tộc trong dạy học Tiếng Việt và các hoạt động giáo dục

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nắm được sự cần thiết và cách thức sử dụng tiếng mẹ đẻ của HSDT

(viết tắt là : TDT) trong dạy học TV và các hoạt động giáo dục.

2. Kĩ năng

HV có khả năng vận dụng được hiểu biết của mình về phương pháp tận dụng TDT trong dạy học trên lớp và tổ chức giáo dục cho HSDT.

3. Thái độ

– HV có ý thức sử dụng TDT có mức độ và liều lượng trong dạy học và giáo dục. Không lạm dụng TDT, cũng không cự tuyệt với TDT.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu sự cần thiết sử dụng TDT trong dạy học

Nhiệm vụ

1. Thảo luận với đồng nghiệp

– HSDT trong lớp bạn sử dụng TDT trong những tình huống nào ?

– Hãy giải thích tại sao các em lại sử dụng TDT trong những tình huống đó ?

– Những TDT nào thường được các em sử dụng ở trong lớp của bạn ?

2. Thiết lập danh sách HS lớp mình phụ trách theo các nội dung sau :

Họ và tên	Dân tộc	Nói TDT	Ghi chú
Vàng A Chư	Hmông	Hmông	
Lò Thị Hiền	Thái	Hmông, Thái	Sống ở bản người Hmông
Hà Thị Lan	Xinh - mun	Thái	Mẹ dân tộc Thái
...			

Thông tin cơ bản

1. Mỗi người đều có TMĐ của mình, thông thường, TDT của mỗi người là TMĐ của người đó. Ví dụ : em Sùng A Chua dân tộc Hmông, TMĐ của em là tiếng Hmông.

Do tình trạng sống xen kẽ giữa các dân tộc đang phổ biến ở vùng dân tộc nên nhiều người?ngoài TMĐ của mình còn sử dụng được nhiều tiếng của các dân tộc khác. Ví dụ :

em Lò Thị Hiền là người Thái, em có thể nói được tiếng Thái và cả tiếng Hmông, do em sống ở bản người Hmông.

Để dễ phân biệt giữa TMĐ của HSDT (tiếng Thái, tiếng Hmông, tiếng Ê-đê...) với TV, người ta thường gọi chung là TDT. Sau đây sử dụng thuật ngữ TDT để chỉ TMĐ của HSDT và chỉ tiếng các dân tộc thiểu số (DTTS) nói chung.

2. HSDT thường sử dụng TDT trong các hoạt động ở trong và ngoài lớp, trong học tập và trong các hoạt động khác. Mức độ sử dụng TDT không đồng đều ở HSDT. Thông thường, HS ở các lớp đầu cấp sử dụng TDT nhiều và phổ biến hơn HS ở các lớp cuối cấp.

HSDT thường sử dụng TDT ở trường, lớp do nhiều nguyên nhân :

– TDT là TMĐ của các em.

– Do các em chưa có đủ vốn TV.

– Do các em chưa có ý thức sử dụng TV.

3. Việc sử dụng TDT trong dạy học TV và tổ chức các hoạt động giáo dục một cách hợp lí là tận dụng được vốn ngôn ngữ sẵn có của các em để tiếp nhận một ngôn ngữ mới (tiếng Việt) cũng như tiếp thu các kiến thức khác. Đồng thời, giúp các em khắc phục được tâm lí e ngại những ngày đầu tới lớp.

Hoạt động 2. Tìm hiểu việc sử dụng TDT trong dạy học TV và các hoạt động giáo dục

Nhiệm vụ

1. Hãy thảo luận với đồng nghiệp : TDT nào được lựa chọn để sử dụng trong dạy học ?

– TDT có số HSDT đông nhất.

– TDT của các dân tộc khác nhau.

– TDT được nhiều HS các dân tộc sử dụng.

....

2. Hãy liệt kê các mẫu câu thường sử dụng bằng TDT trong điều khiển lớp, điền vào cột theo bảng sau :

Trong giờ dạy TV	Trong giờ dạy toán	Trong điều khiển lớp	Trong các hoạt động giáo dục khác

3. Thảo luận với đồng nghiệp :

– Trong quá trình dạy học, bạn sử dụng TDT trong những trường hợp nào có hiệu quả nhất ? Hãy liệt kê những trường hợp đó. Sau đó đọc thông tin dưới đây để hoàn thiện ý kiến cá nhân.

Thông tin cơ bản

1. ở mỗi vùng, khu vực thường có một thứ TDT được sử dụng phổ biến hơn cả. Người ta quen gọi đó là "tiếng phổ thông vùng". Ví dụ : ở Lai Châu tiếng Thái được nhiều dân tộc thiểu số trong vùng sử dụng. Như vậy, ở Lai Châu khi sử dụng tiếng Thái, nhiều người thuộc các DTTS khác cũng có thể nghe hiểu được.

GV cần tận dụng được đặc điểm sử dụng ngôn ngữ này ở các vùng dân tộc trong dạy TV và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. GV tìm hiểu HS lớp mình thuộc những dân tộc nào ? Nếu các em thuộc nhiều DTTS khác nhau thì DT nào chiếm đa số trong lớp ? TDT nào có thể được nhiều em nghe hiểu được ?... Trên cơ sở đó GV lựa chọn lấy một TDT phổ biến nhất để hỗ trợ trong dạy học TV và tổ chức các hoạt động giáo dục khác.

2. GV có thể sử dụng vốn tiếng mẹ đẻ sẵn có của HSDT để trợ giúp các em học TV trong một số trường hợp :

– Dịch một số câu lệnh sử dụng trong một số trường hợp :

• Để tổ chức, ổn định lớp trong những ngày đầu HS tới lớp.

Ví dụ : Các em xếp hàng !

Các em vào lớp !

Các em trật tự !

• Để điều khiển HS trong giờ dạy các môn học.

Ví dụ : Các em giơ bảng !

Các em gấp sách lại !

– Cung cấp nghĩa từ với những từ không thể sử dụng các phương pháp khác trong các môn học. Ví dụ : Trong bài TV, dịch những từ như : *đám cưới, lễ hội, chợ ; như thế nào ? Tại sao ?...*

– Đối chiếu với cấu trúc câu, cấu tạo từ mà HS hay nói sai do ảnh hưởng cách cấu trúc câu và cấu tạo từ của TDT.

Lưu ý : Chỉ sử dụng TDT trong những trường hợp không có phương pháp nào có thể giúp HS hiểu được.

Không lạm dụng TDT trong quá trình tổ chức dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục.

GV cần chuẩn bị trước những mẫu câu, vốn từ TDT sẽ sử dụng trước khi lên lớp.

Hoạt động 3. Cách sử dụng TDT trong dạy học TV và tổ chức các hoạt động giáo dục

Nhiệm vụ

1. Hãy so sánh các cách sử dụng TDT trong câu điều khiển lớp :

– Nói TDT trước, nói TV sau.

– Nói TV trước, nói TDT sau.

– Chỉ nói bằng TDT.

– Chỉ nói bằng TV.

Bạn sử dụng cách nào ? Tại sao ?

2. Thảo luận với đồng nghiệp : Làm thế nào để xác định được mức độ sử dụng TDT trong dạy học ? Sau đó đọc thông tin dưới đây để hiểu rõ việc sử dụng TDT trong dạy học.

3. Thử thiết kế bài dạy, trong đó có quy định những từ ngữ, câu cần sử dụng TDT.

Thông tin cơ bản

1. Mục đích cuối cùng của việc sử dụng TDT trong dạy học là nhằm giúp HS hiểu TV tốt hơn, sử dụng TV thành thục hơn. Bởi vậy, cần thiết phải có quy trình cụ thể cho việc sử dụng TDT trong các trường hợp khác nhau. Có như vậy mới tránh được tình trạng GV sử dụng tràn lan TDT. Việc sử dụng tràn lan TDT sẽ dẫn tới tình trạng HS chậm sử dụng được TV, có thái độ ỷ lại vào vốn ngôn ngữ sẵn có của mình mà không cố gắng để nắm vững TV.

2. Để sử dụng TDT có hiệu quả, đạt mục đích, GV cần tiến hành một số việc làm cụ thể, theo các bước sau :

– Đánh giá được trình độ TV của HS ở mỗi giai đoạn học tập, trong mỗi một bài lên lớp.

– Phải tiên liệu trước những câu, từ ngữ TV nào gây khó khăn cho HS khiến HS không thể hiểu trong mỗi bài, mỗi tình huống ngôn ngữ cụ thể.

– Xác định trước những câu, từ ngữ cần thiết phải dịch sang TDT.

– Xác định chuẩn bị cách thức sử dụng TDT một cách có hiệu quả để giúp HS hiểu được câu, từ ngữ TV.

3. Sử dụng TDT trong các bài dạy và tình huống giáo dục khá đa dạng. GV phải căn cứ vào các điểm đã nêu ở mục 2 để quy định cách sử dụng TDT phù hợp.

Chẳng hạn, với việc sử dụng TDT trong điều khiển lớp ở những lớp đầu cấp.

– GV cần xác định các mẫu câu điều khiển lớp cần dịch sang TDT. Điều này được thể hiện trong bài soạn.

– Khi sử dụng câu điều khiển lớp phải theo một số quy định :

• Không dịch sang TDT quá nhiều câu điều khiển lớp trong một giờ lên lớp. Tối đa là 5 câu. Những câu này được sử dụng cố định, liên tục trong 3 - 4 bài.

• Khi sử dụng mỗi câu điều khiển đó, đồng thời nói TV và dịch sang TDT. Trước khi làm việc này cần nhắc nhở để HS chú ý và chủ động với việc nghe bằng TV.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Trả lời câu hỏi : *Sự cần thiết phải sử dụng TDT ?*

Đánh dấu x vào ô trống trước câu trả lời đúng :

☐ Để HS hiểu được TV.

☐ Để giúp HS nói được TDT.

☐ Là cơ hội để GV nói được TDT.

☐ Để HS làm theo lệnh của GV.

2. Hãy chọn những từ ngữ sẽ sử dụng TDT trong giải nghĩa từ : con kiến, lá cây, con đường, ngày hội, lễ cưới, mùa xuân, hăng hái, tại sao, bỗng nhiên, lúng túng, con hổ.

3. Hãy liệt kê những câu điều khiển trong giờ Toán mà bạn sẽ sử dụng TDT khi lên lớp.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Trả lời câu hỏi : *Sự cần thiết phải sử dụng TDT ?*

Đánh dấu x vào ô trống 1 (Để HS hiểu được TV) và 4 (Để HS làm theo lệnh của GV).

2. Những từ ngữ có thể sử dụng TDT trong giải nghĩa từ : ngày hội, lễ cưới, mùa xuân, hăng hái, tại sao, bỗng nhiên

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Phương pháp dạy tiếng Việt cho HSDT ở trường tiểu học* – Lê A, Mông Ký Slay, Đào Nam Sơn, Đào Ngọc – Bộ GD và ĐT, Vụ Giáo viên, H. 1993.

2. *Hướng dẫn dạy tập nói TV cho HSDT*– Mông Ký Slay (Chủ biên), Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đào Nam Sơn, Nguyễn Trí. (Phần I : Hướng dẫn chung) – NXBGD, H. 2002.

CHỦ ĐỀ 4 (4 tiết)

Phương pháp dạy Tiếng Việt trong các môn học khác

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Biết và hiểu sự cần thiết khi đặt vấn đề dạy TV trong các môn học khác, cách thức tiến hành dạy TV trong các môn học khác cùng những lưu ý khi dạy.

2. Kĩ năng

Có khả năng vận dụng những điều đã học và thực tế giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả dạy các môn học khác, đồng thời nâng cao hiệu quả học TV.

3. Thái độ

Hiểu việc dạy TV trong các môn học khác là một việc làm cần thiết. Từ đó quan tâm hơn đến việc dạy TV trong các môn học khác.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Giải thích tại sao phải dạy TV trong các môn học khác

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

– Ghi lại những suy nghĩ của mình về lí do của việc dạy TV trong các môn học.

– Trong thực tế giảng dạy bạn thấy trình độ TV của HSDT liên quan thế nào với việc tiếp thu kiến thức các môn học ?

– Bạn hãy nêu những giải pháp của bạn nhằm giúp HS học tốt các môn học.

2. Làm việc theo nhóm

– Trao đổi với đồng nghiệp về những nội dung trên.

– Đọc thông tin dưới đây, đối chiếu và hoàn thiện suy nghĩ của mình.

Thông tin cơ bản

1. HSDT trước khi đến trường hầu hết chưa biết TV. Một số em nhà ở gần thị xã, thị trấn do tiếp xúc với các bạn cùng trang lứa là người Kinh thì vốn TV có khá hơn. Nhưng theo điều tra của chúng tôi, ngay với đối tượng này khi theo học tới THPT thì vốn TV so với HS người Kinh còn một khoảng chênh lệch khá xa. Chính vì điểm xuất phát TV thấp cho nên với lời giảng của thầy, HS thường rơi vào tâm trạng ngơ ngác không biết thầy nói gì và mình phải làm gì.

Các môn học và các hoạt động giáo dục trong trường đều sử dụng TV như một phương tiện để chuyển tải kiến thức tới HS. Do vậy, khi học các môn học khác HS cũng phải sử dụng TV, thông qua đó mà những kĩ năng sử dụng TV được thành thạo. Ví dụ : trong khi học Toán, các kĩ năng sử dụng TV cũng được sử dụng theo các biểu hiện sau :

– *Nói :* HS được nói những điều HS nghe, nhìn thấy ; được nêu thắc mắc hoặc phát hiện vấn đề thành lời ; được nói khi trao đổi với bạn và hỏi GV xung quanh bài học.

– *Đọc* : HS được đọc thành tiếng các số, quan hệ số, thao tác đếm, phép tính, biểu thức toán, bài toán có lời văn...

Đọc thầm các lệnh, câu hỏi, mệnh đề, bài toán, đếm, tính nhẩm, thao tác tính viết, bảng cộng trừ. Đọc hiểu các lệnh, câu hỏi, mệnh đề, phép tính, câu trong toán có văn cũng như quan hệ số, thứ tự số, các kí hiệu.

– *Viết* : Các em được viết các số và biểu thức toán, phép tính, đơn vị. Tập viết câu trong bài toán có lời giải, đáp số...

Trong chương trình Tiểu học, các môn học được thiết kế theo những nguyên tắc và phương pháp đặc trưng của môn học, nhưng chưa tính tới trình độ TV, khả năng tiếp nhận của HSDT. Việc tiếp nhận kiến thức các môn học phụ thuộc rất nhiều vào trình độ TV của HS. Nếu các em sử dụng TV kém thì chắc chắn cũng học không tốt các môn học khác.

HSDT do chưa sử dụng TV thành thạo, lại càng xa lạ hơn với những khái niệm, thuật ngữ... trong các môn học, do vậy kết quả học tập của các em hạn chế. Cần phải có những phương pháp phù hợp để giúp HS hiểu TV trong các môn học nhằm nâng cao chất lượng học tập. Việc giúp HS hiểu TV trong các môn học vừa nhằm tăng cường kĩ năng sử dụng TV, vừa trực tiếp giúp HS nắm được những kiến thức cơ bản của bài học, môn học.

Chẳng hạn trong giờ Toán, GV và HS không chỉ giao tiếp với nhau bằng các con số và bằng các phép tính. Nếu chỉ có như vậy thì những con số, những phép tính ấy cũng phải đọc lên thành tiếng rồi liên kết lại bằng lời. Cho nên, trong giờ học toán, GV phải tháo gỡ những vướng mắc về ngôn ngữ trong lời giảng và ngôn ngữ chứa đựng trong chính phép tính. Có như vậy, con đường đi đến kết quả học tập môn Toán mới khai thông.

2. Về vốn từ tiếng TV, nếu chỉ trông chờ vào vốn từ được trang bị trong sách giáo khoa thì chưa đủ. Những chủ điểm trong sách giáo khoa TV có đầy đủ đến mấy cũng khó đáp ứng được nhu cầu học tập và nhu cầu của cuộc sống.

Trong các môn học, có nhiều từ (khái niệm) của môn học và nhiều từ ngữ của đời sống thường ngày (nhằm dẫn dắt HS đến với các khái niệm môn học). Do vậy, việc tăng cường TV trong các môn học khác cũng là một biện pháp tốt để nâng cao trình độ TV nói chung của HSDT.

Học ngôn ngữ cần có môi trường. Môi trường học TV của HSDT lại rất hạn hẹp. Học TV trong các môn học khác là hình thức mở rộng môi trường học tiếng và đưa các tri thức TV các em đã học được trong môn TV vào thực hành.

3. Theo tinh thần đổi mới trong chương trình Tiểu học, HS phải chủ động tiếp thu tri thức trên cơ sở định hướng và giúp đỡ của thầy ; HS phải có tư duy độc lập. Ngôn ngữ là công cụ của tư duy. Ngôn ngữ mẹ đẻ dẫu có nhưng nghèo nàn, ngôn ngữ TV mới được học chưa đủ để nghe, để tư duy và trình bày lại những gì mình hiểu. Vì vậy, dạy TV trong các môn học khác không chỉ là đòi hỏi của môn TV mà còn chính là đòi hỏi

của bản thân môn học. Như là một hệ quả, ở những môn học khác, nếu như HS được học TV một cách bài bản, có ý thức thì chất lượng học TV nói chung của HS được tăng lên.

Hoạt động 2. Thực hành cách dạy TV trong các môn học khác

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

– Đọc tài liệu "Hướng dẫn tăng cường TV cho HSDT lớp 1" – (Ban Chỉ đạo thử nghiệm Chương trình Tiểu học mới).

– Soạn một bài giảng thuộc bộ môn Toán hoặc TN-XH trong đó có vận dụng việc dạy TV trong môn học.

– Thử vận dụng giáo án này dạy thử cho lớp mình phụ trách.

2. Làm việc theo nhóm

– Trao đổi những suy nghĩ của mình về cách dạy TV trong các môn học khác với đồng nghiệp trong nhóm.

– Giới thiệu kết quả tiết dạy có áp dụng phương pháp mới.

3. Đọc thông tin cơ bản dưới đây và đối chiếu với phần thực hành của mình, rút kinh nghiệm cá nhân.

Thông tin cơ bản

1. Dạy TV trong các môn học khác là dạy những gì ?

Do TV là ngôn ngữ giảng dạy nên để cung cấp kiến thức các môn học, tất yếu cần dùng TV. Tuy nhiên, TV ở đây gắn với kiến thức các môn học cụ thể. Ví dụ :

– Với môn Tự nhiên và Xã hội (lớp 1) :

• *Những từ ngữ* liên quan tới nội dung các chủ đề : Con người và sức khoẻ, Xã hội, Tự nhiên. Đó là các từ ngữ chỉ tên gọi, đặc điểm, tính chất của các sự vật, hiện tượng ; chỉ các dạng hoạt động và mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng.

• *Các mẫu câu liên quan tới cách diễn đạt* những kiến thức môn học, hệ thống các câu hỏi, các "lệnh" trong bài học...

– Trong môn Toán (lớp 1) :

• *Hệ thống từ ngữ* liên quan tới số học và một số yếu tố đại số ; đại lượng và các từ liên quan ; từ liên quan đến phép cộng, phép trừ ; từ liên quan đến giải toán ...

• *Hệ thống câu :* Các mệnh đề thường gặp (Ví dụ : a cộng b, a trừ b, a lớn hơn b, a nhỏ hơn b, số a gồm...) ; câu mô tả phép tính (thuật toán) ; câu mô tả thứ tự số, số lượng, quan hệ, đếm ; câu mô tả thực hiện phép tính (+, –, tính nhẩm, tính viết) ; câu trong toán có lời văn ; một số loại mẫu câu về số, phép tính đo lường, giải toán...

Mỗi môn học có đặc trưng riêng và có nhiệm vụ riêng phải hoàn thành theo mục tiêu môn học. Không phải vì TV có tầm quan trọng đối với HSDT mà biến giờ dạy các môn

học khác thành giờ dạy TV. Trong quá trình giảng giải cho HS hiểu các khái niệm của môn học, cách diễn đạt ... cũng đã là giúp HS nâng cao trình độ TV.

2. Về cách dạy

a) Tuân thủ các bước lên lớp của bộ môn.

b) Với những hiện tượng của TV (thuật ngữ, câu..) cần làm rõ thì cần quan tâm đầy đủ đến các hoạt động :

– Dạy các em nghe (lời giới thiệu, mô tả của GV). ở khâu này, GV phải diễn giảng chậm rãi, nhấn giọng vào các từ ngữ khó, từ ngữ chính. Vừa diễn giảng GV vừa sử dụng các thao tác, các tranh vẽ, vật thật để HS hiểu được lời nói của thầy. Gặp các từ cần giải thích thì phải vận dụng như phương pháp giải nghĩa từ trong môn học TV.

– Cung cấp cho các em các câu mẫu đơn giản, ngắn gọn. Ví dụ : *Đây là trò chơi Rồng rắn lên mây. Tham gia trò chơi này có mấy bạn ? Tham gia trò chơi này có 10 bạn v.v.*

– Hướng dẫn HS nói theo mẫu và tham gia trả lời câu hỏi.

c) Trong các môn học khác nhau cần có các hoạt động tương ứng để giúp HS hiểu bài. Chẳng hạn, với môn Toán, GV cần quan tâm tới một số hoạt động :

– Cung cấp từ ngữ, mẫu câu, hiện tượng ngôn ngữ trong dạy học toán.

GV chú ý cung cấp vốn ngôn ngữ đời sống gần với HS và ngôn ngữ toán nhằm giúp HS phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức toán theo hướng : GV xác định từ ngữ, mẫu câu, kí hiệu, các mệnh đề, câu liên quan tới môn Toán để tập trung giải quyết vốn ngôn ngữ phục vụ học toán ở từng lớp cho HS. Theo thống kê ban đầu, số từ của *Toán 1* khoảng trên 200 từ và gần 18 mệnh đề, mẫu câu...

– GV hướng dẫn HS chọn từ, mệnh đề, câu khi trình bày các vấn đề liên quan tới bài toán.

Có nhiều trường hợp HS không chọn được cách trình bày hợp lí những nội dung liên quan tới bài học do thiếu vốn TV. GV cần gợi ý các từ ngữ, mẫu câu để giúp HS khi trình bày các nội dung môn Toán. Nếu HS diễn đạt bằng TDT những vấn đề cần trình bày thì GV cần giúp HS chuyển dịch sang TV. ở những lớp đầu cấp, GV không nên ép buộc HS tư duy những vấn đề về toán bằng TV khi vốn TV còn kém. GV nên hướng dẫn HS cách trình bày cụ thể từng vấn đề, câu bắt đầu, câu kết thúc khi trình bày các nội dung môn Toán.

Như vậy, trong việc dạy các môn học, GV cần quan tâm tới việc giải thích cho HS hiểu những khái niêm, những cấu trúc câu liên quan tới bài học và môn học. Có như vậy mới đảm bảo cho HS hiểu bài, nắm vững bài.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Thử xác định hiệu quả đem lại cho HS khi dạy TV trong các môn học khác. Đánh dấu x vào ô trống trước câu bạn cho là đúng.

☐ HS sẽ hiểu bài hơn.

☐ HS lúng túng vì nhiều kiến thức quá.

☐ HS học TV tốt hơn.

☐ HS không hiểu bài.

2. Dạy TV trong các môn học khác là dạy những gì ? Những cách tiến hành để dạy có hiệu quả.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Bạn hãy đánh dấu vào ô thứ 1 và 3.

2. Bạn hãy đọc mục 2.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Phương pháp dạy TV cho HS dân tộc ở trường tiểu học* – Lê A, Mông Kí Slay, Đào?Nam?Sơn.... – Bộ GD và ĐT, Vụ Giáo viên, H. 1993.

2. *Hướng dẫn dạy tập nói TV cho HS dân tộc* – (Phần I : Hướng dẫn chung) – Mông Ký?Slay (Chủ biên), Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đào Nam Sơn, Nguyễn Trí – NXBGD, H. 2002.

CHỦ ĐỀ 5 (4 tiết)

Sử dụng tiếng Việt trong điều khiển lớp

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Nắm được một số mẫu câu, mẫu lời nói TV và cách thức sử dụng chúng để điều khiển lớp trong các buổi học, tiết học.

2. Kĩ năng

Biết vận dụng cách thức sử dụng TV trong điều khiển lớp để hướng dẫn HS tổ chức hoạt động học tập và rèn kĩ năng nghe nói TV cho HSDT.

3. Thái độ

Xác định được sự cần thiết của việc điều khiển lớp học bằng TV như là một hoạt động cần thiết để hướng dẫn HS học tập có kết quả, có ý thức tôn trọng HS trong hoạt động điều khiển lớp học.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu về điều khiển lớp học trong dạy học

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

– Hình dung một lớp học hay một buổi học trên lớp. Theo bạn, sẽ có những hiện tượng gì xảy ra đối với HS khi bạn :

+ Yêu cầu HS thực hiện một số hoạt động để ổn định lớp học.

+ Hướng dẫn HS tổ chức một hoạt động học tập nào đó.

+ Nêu câu hỏi thảo luận nhóm.

+ Đề nghị trả lời câu hỏi hay trình bày kết quả thảo luận.

– Ghi lại các hiện tượng mà bạn cho là sẽ xảy ra.

.....

.....

2. Trao đổi nhóm để chia sẻ với đồng nghiệp và đọc thông tin dưới đây nhằm bổ sung thêm ý kiến mà bạn chưa đề cập đến.

– Ghi lại các ý kiến bổ sung : .....

.....

Thông tin cơ bản

1. Điều khiển lớp học trong dạy học

Trong quá trình tổ chức dạy học trên lớp, GV thường hướng dẫn HS ổn định lớp học, ổn định chỗ ngồi khi phải học theo nhóm, giao nhiệm vụ học tập cho HS, nêu yêu cầu

để HS thực hiện các hoạt động học tập cần thiết... Có thể coi các hoạt động trên đây của GV là hoạt động điều khiển lớp học. Như vậy, điều khiển lớp học được hiểu như là hoạt động tổ chức, hướng dẫn HS học tập có hiệu quả của GV trong từng buổi học, từng tiết học.

GV thường sử dụng nhiều hình thức để điều khiển lớp : bằng cử chỉ, động tác ; bằng kí hiệu ghi trên bảng ; bằng lời nói...

2. Việc thực hiện lệnh của GV trong giờ dạy học ở vùng dân tộc

– Việc điều khiển lớp bằng lời nói được thực hiện theo các câu lệnh. GV thường dùng lệnh điều khiển lớp trong các khâu của quá trình tổ chức dạy học trên lớp : ổn định lớp trước tiết học, buổi học, hướng dẫn học cá nhân, học theo nhóm, nêu yêu cầu và nhiệm vụ học tập của HS, tổ chức các hoạt động trò chơi học tập...

Trong trường học, ngôn ngữ dạy học là TV nên điều khiển lớp cũng sử dụng TV là chủ yếu. Tuy nhiên, ở các vùng dân tộc thiểu số, điều hiển nhiên này gặp nhiều trở ngại. Khi GV dùng TV để tổ chức, hướng dẫn học tập cho HS, thường gặp các hiện tượng sau :

- HS không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu của GV do chưa nghe hiểu điều GV nói.
- HS thường chỉ trao đổi với nhau bằng TMĐ xem GV nói gì, yêu cầu gì.
- Khi được yêu cầu trả lời hay trình bày một nhiệm vụ học tập nào đó, HS thường lúng túng, e ngại hoặc chỉ nói "không biết !", thậm chí các em còn sử dụng TMĐ để trả lời và trình bày.
- HS thường mặc cảm, không tự nhiên, không thoải mái, lo sợ bị chê cười vì phát âm không chuẩn, dùng từ không đúng, nói sai câu, sai lời...

Các hiện tượng trên chứng tỏ trình độ TV, khả năng nghe hiểu TV cũng như khả năng giao tiếp TV của HS còn yếu. Hiện tượng này ảnh hưởng tới việc triển khai các hoạt động dạy học trên lớp. Nhiều khi do HS không hiểu lệnh của GV nên nhiệm vụ học tập của các em không hoàn thành.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về sự cần thiết của việc sử dụng TV trong điều khiển lớp

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân :

– Bạn nghĩ sao khi được hỏi : Vì sao phải sử dụng TV để điều khiển lớp học đối với HSDT ?

– Dựa vào một số ý kiến sau để làm sáng tỏ vấn đề :

+ Trình độ TV và khả năng giao tiếp TV của HSDT ?

+ ảnh hưởng của TMĐ trong giao tiếp TV của HSDT ?

+ Tác động tới việc tăng cường TV và rèn kĩ năng nghe nói TV cho HSDT như thế nào ?

– Ghi lại những ý kiến của bạn.

2. Chia sẻ ý kiến với đồng nghiệp

– Xem các ý kiến đưa ra có xác đáng và giống nhau không ?

– Trao đổi thống nhất về những ý kiến không giống nhau.

3. Đọc những thông tin ở phần dưới để so sánh và xác định nhận thức ban đầu của bạn đã đúng chưa ; nếu chưa, bạn sẽ có cơ hội để điều chỉnh.

Thông tin cơ bản

Do trình độ TV của HSDT có hạn, để điều khiển các hoạt động dạy học, ở những lớp đầu cấp nhiều GV dạy đã sử dụng TDT để điều khiển lớp. Việc sử dụng TDT trong điều khiển lớp mặc dù có hiệu quả trong một số trường hợp cụ thể, nhưng nếu sử dụng không có mức độ, không có phương pháp sẽ ảnh hưởng tới khả năng tiếp nhận TV của HS.

Việc sử dụng TV trong điều khiển lớp là rất cần thiết. Các câu lệnh bằng TV được sử dụng trong lớp có tác dụng giúp HS :

- Có tâm thế sử dụng TV trong giao tiếp và học tập ngay từ đầu buổi học và tiết học.
- Tạo thói quen nghe hiểu TV và rèn luyện kĩ năng nghe nói TV.
- Tạo được môi trường TV ngay trong các giờ dạy, HS có nhiều cơ hội hơn trong rèn luyện TV.
- Khắc phục được hiện tượng sử dụng TDT trong quá trình dạy học ở trên lớp.

Hoạt động 3. Liệt kê các loại câu lệnh dùng trong điều khiển lớp

Nhiệm vụ

1. Đọc tài liệu

– Đọc các bài 1, 2, 3, 5, 6 (trang 11 - 26) thuộc phần Hướng dẫn cụ thể trong cuốn sách *Hướng dẫn dạy tập nói TV cho HSDT* – NXB GD, H. 2002.

2. Ghi lại các mẫu câu TV dùng để tổ chức và hướng dẫn HS học tập trong các bài vừa đọc ở trên.

Ví dụ : – Bài 1 : Các em vào lớp ! Các em đứng lên ! Các em ngồi xuống !

3. Bạn hãy liệt kê những mẫu câu thường dùng để làm câu điều khiển lớp trong các giờ?dạy : Toán, TV, Tìm hiểu Tự nhiên và Xã hội. Đọc thêm thông tin dưới đây, đối chiếu với những loại câu mà bạn đưa ra và điều chỉnh.

Thông tin cơ bản

– *Câu lệnh* (hay còn gọi là *câu mệnh lệnh, câu cầu khiến*) được sử dụng trong dạy học để yêu cầu HS thực hiện một việc gì đó phục vụ cho mục tiêu bài dạy. Câu lệnh có tính chất biểu đạt yêu cầu, nguyện vọng, khuyên bảo, sai khiến, thúc giục người nghe hoạt động.

– Câu lệnh được sử dụng trong nhiều hoạt động giáo dục và dạy học. Tương ứng với mỗi hoạt động lại có những câu lệnh đặc trưng và phù hợp. GV cần thống kê những câu lệnh hay sử dụng và sử dụng chúng đúng mục đích, theo những bước cụ thể. Có thể chia các loại câu lệnh theo các hoạt động đặc thù.

Ví dụ :

+ Để ổn định lớp : *Các em vào lớp ! Các em ngồi theo nhóm ! Các em giữ trật tự ! Các em nhìn lên bảng ! ...*

+ Để dạy học môn TV : *Các em nói theo cô ! Các em đọc từ khoá ! Các em chú ý nghe cô nói ! Các em chú ý theo dõi bạn đọc bài !...*

+ Để dạy học môn Toán : *Các em hãy đếm que tính ! ...*

....

– Các câu lệnh phải nhất quán mỗi khi sử dụng thì HS mới có thể ghi nhớ và làm theo lệnh. Nếu thay đổi cấu trúc các câu lệnh, HS sẽ bị phân tán và không thể nhớ để thực hiện.

Hoạt động 4. Tìm hiểu và trao đổi cách thức sử dụng lệnh trong điều khiển lớp

Nhiệm vụ

1. Ghi lại ý kiến của bạn về vấn đề sau :

– Để HS hiểu và làm đúng theo yêu cầu của GV, bạn thường sử dụng các lệnh trong điều khiển lớp như thế nào ?

– Bạn sử dụng TDT trong những trường hợp nào ?

2. Trao đổi với đồng nghiệp về các mẫu câu TV và cách thức sử dụng chúng trong điều khiển lớp. Đọc thông tin dưới đây để hiểu rõ các hình thức sử dụng lệnh trong điều khiển lớp.

Thông tin cơ bản

1. Các hình thức sử dụng lệnh

– Để các câu lệnh đưa ra HS thực hiện được, GV phải tiến hành theo một quy trình nhất định. Khi hướng dẫn HS thực hiện lệnh, GV cần nói mẫu, làm mẫu, có thể có động tác, cử chỉ để HS thực hiện theo.

Do mục đích của các câu lệnh là nhằm tới HS, muốn HS thực hiện được các câu lệnh thì trước hết HS phải hiểu các câu lệnh đó. ở những lớp đầu cấp, trình độ TV của HSDT còn hạn chế, do vậy cần thiết phải sử dụng TDT trong việc cung cấp câu lệnh. Việc sử dụng TDT chỉ nhằm mục đích giúp HS hiểu được lệnh, theo cách : một vài lần đầu sử dụng một lệnh nào đó, GV có thể dịch sang TDT. Sau khi HS hiểu lệnh và đã có thể thực hiện theo lệnh, GV chỉ sử dụng TV.

– Quy trình khép kín của việc sử dụng các lệnh điều khiển lớp thường là :

+ Lựa chọn câu lệnh phù hợp với từng hoạt động giáo dục, dạy học.

+ Cung cấp câu lệnh, làm cho HS hiểu câu lệnh.

+ Hướng dẫn HS thực hiện theo lệnh.

+ Kiểm soát các hoạt động của HS để đánh giá tính đúng đắn của việc lựa chọn và hướng dẫn ở trên.

2. Một số lưu ý khi sử dụng TV trong điều khiển lớp

– Cần lựa chọn những câu lệnh có cách diễn đạt dễ hiểu, biểu đạt được tình cảm của GV với HS. Với đối tượng là HSDT, GV cần thể hiện tình cảm thân thiện, gần gũi, khuyên bảo và tôn trọng các em. Nhờ vậy mà không khí lớp học thoải mái, cởi mở, tiết học diễn ra một cách tự nhiên, nhẹ nhàng.

– Đối với HS lớp đầu cấp (lớp 1), GV cần lựa chọn các câu lệnh ngắn, gắn với các hoạt động cụ thể, dễ thực hiện.

– Đối với các câu khó, nội dung gắn với nhiều hoạt động thì GV có thể sử dụng có mức độ TDT của HS để giúp các em hiểu chính xác nội dung câu, thực hiện các hoạt động học tập theo đúng yêu cầu. Tuy nhiên, không nên lạm dụng TDT của HS để điều khiển lớp làm ảnh hưởng đến tâm thế học TV của các em.

– Mỗi tiết dạy không nên đưa ra quá nhiều câu lệnh. Như vậy sẽ làm cho HS khó nhớ.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Theo bạn, vì sao phải sử dụng TV để điều khiển lớp ?

Đánh dấu x vào ô trống trước ý đúng.

☐ Chuẩn bị tâm thế nghe nói TV cho HS trước khi vào bài học.

☐ Tạo thói quen và rèn kĩ năng nghe nói TV cho HS.

☐ Tăng cường khả năng tự tổ chức các hoạt động học tập của HS trong nhóm.

☐ Giúp HS khắc phục được ảnh hưởng tiêu cực của TMĐ.

2. Theo bạn, sử dụng TV ở khâu nào trong điều khiển lớp có hiệu quả nhất ?

Chọn đáp án đúng :

A. Tổ chức và ổn định lớp học.

B. Hướng dẫn các hoạt động học tập của HS.

C. Củng cố kiến thức bài học và giao nhiệm vụ học tập tiếp theo.

3. Ghi lại các bước sử dụng TV trong điều khiển lớp.

4. Sửa lại các câu lệnh sao cho có sắc thái tình cảm gần gũi, thân mật.

– Hãy nói theo cô ! -> ... ...

– Hãy nói bằng TV ! -> ... ...

– Hãy đặt sách vở lên bàn ! ->..... ...

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Các ý đúng là :

+ Tạo thói quen và rèn luyện kĩ năng nghe nói TV cho HS.

+ Tăng cường khả năng tự tổ chức các hoạt động học tập của HS trong nhóm.

Câu 2. Đáp án B.

Câu 3. Các bước sử dụng TV trong điều khiển lớp :

+ Chọn câu phù hợp với loại hình hoạt động của HS.

+ Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung câu.

+ Tổ chức cho HS luyện tập thực hành theo các tình huống giả định.

Câu 4. Cần thêm các đại từ chỉ người (em, các em, bạn, các bạn...) vào đầu câu và lược bỏ từ *hãy*.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

– *Hướng dẫn dạy tập nói TV cho HS dân tộc* – (Phần I : Hướng dẫn chung) – Mông Ký Slay (Chủ biên), Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đào Nam Sơn, Nguyễn Trí – NXBGD, H. 2002.

- Phần 1 : Giới thiệu chung (tr.3-10).
- Phần 2 : Hướng dẫn cụ thể (tr.11-26).

CHỦ ĐỀ 6 (4 tiết)

Tận dụng các phương tiện nghe nhìn và hoạt động trợ giúp cho dạy học Tiếng Việt

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Học viên xác định được một số phương tiện và hoạt động cần thiết nhằm trợ giúp cho việc dạy học TV ở vùng dân tộc.

2. Kĩ năng

– HV biết cách thức sử dụng các phương tiện nhằm trợ giúp việc dạy học TV.

– Vận dụng được những hiểu biết để tổ chức các hoạt động nhằm giúp HSDT học TV có hiệu quả.

3. Thái độ

– Có nhận thức mới về các phương tiện và hoạt động trợ giúp, coi đó là những chỗ dựa để giúp việc dạy học TV cho HSDT đạt hiệu quả cao. Từ đó GV có ý thức tận dụng các phương tiện trợ giúp trong dạy TV cho HSDT.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tận dụng các phương tiện nghe nhìn trong dạy học TV cho HSDT

Nhiệm vụ

1. Bạn hãy liệt kê những phương tiện nghe nhìn có tác động tới việc dạy học TV ở vùng dân tộc.

2. Thảo luận cùng bạn : So sánh hai cách tiến hành giờ sinh hoạt tập thể.

• GV nhận xét lớp. HS phát biểu.

• Lớp trưởng nhận xét lớp. GV bổ sung. GV cho HS nghe băng một câu chuyện kể thiếu nhi thu từ đài phát thanh. Nội dung câu chuyện có liên quan tới nội dung sinh hoạt. Cho HS nhắc lại nội dung chính của câu chuyện.

3. Bạn hãy thử thiết kế 1 tiết dạy Tập làm văn có sử dụng các phương tiện nghe nhìn. Trong thiết kế có nêu rõ : sử dụng phương tiện nào ? nhằm mục đích gì ? trong thời điểm nào của tiết dạy ? dự kiến tác dụng...

Thông tin cơ bản

– Trong cuộc sống hiện đại có nhiều phương tiện nghe nhìn nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin, giải trí... của con người. ở vùng dân tộc cũng có một số phương tiện nghe nhìn khá phổ biến như : ra đi ô, cát sét, ti vi, sách, báo.... Chúng ta có thể tận dụng được các phương tiện nghe nhìn trong quá trình dạy học TV cho HSDT.

• *ưu điểm* của các phương tiện nghe nhìn : Nội dung được phản ánh khá phong phú, có nhiều nội dung phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, với nội dung bài học ; Ngôn ngữ sử dụng trong các phương tiện này chuẩn mực, có thể làm mẫu để HS học theo.

• *Tác dụng* của việc sử dụng các phương tiện nghe nhìn : HS có thêm điều kiện được tiếp cận với TV, khắc phục được tình trạng thiếu môi trường TV ở vùng DT ; các giờ học tăng thêm phần hấp dẫn ; được tiếp xúc với các hình thức sử dụng TV phổ biến trong cuộc sống hằng ngày nhờ đó kích thích hứng thú học TV của HSDT ; những kĩ năng nghe đọc của HS được rèn luyện thường xuyên...

– Một số gợi ý về cách tận dụng các phương tiện nghe nhìn trong dạy học TV.

• Ra đi ô : dùng để rèn luyện kĩ năng nghe TV cho HS. Nội dung nghe nên là những chương trình liên quan tới thiếu nhi của Đài TNVN hoặc Đài địa phương.

Thời điểm chọn nghe đài cần phải linh hoạt, có thể cho HS nghe đài trong giờ sinh hoạt tập thể, đầu giờ lên lớp... Sau khi cho HS nghe có thể cho kể lại, nói lại nội dung vừa nghe...

• Cát sét : dùng để rèn luyện kĩ năng nghe TV đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả giờ dạy.... Nội dung băng nghe nên là : các bài hát, bài thơ, câu chuyện có liên quan tới nội dung bài học, nội dung các hoạt động giáo dục của lớp.

GV có thể sử dụng trong giờ sinh hoạt tập thể, giờ học một cách linh hoạt và hợp lí. Để có được những đoạn băng như vậy, HV có thể ghi lại từ Đài TNVN, từ Đài địa phương hoặc từ bản thân GV.

• Sách, báo : dùng để rèn luyện kĩ năng đọc cho HS. GV nên chọn trước một số bài trong các tờ báo viết cho thiếu nhi để hướng dẫn HS đọc. Những bài này có nội dung liên quan tới bài học hoặc tới nội dung sinh hoạt theo chủ điểm của thiếu nhi.

Việc hướng dẫn có thể tiến hành theo các cách : GV đưa bài và đưa yêu cầu (kể lại, nêu ý chính, chú ý một số từ...). Hoặc GV yêu cầu HS tự chọn bài đọc, sau đó GV hỏi HS về nội dung bài đọc.

Hoạt động 2. Tổ chức các hoạt động nhằm trợ giúp HSDT học TV

Nhiệm vụ

1. Hãy liệt kê những hoạt động ở lớp mà bạn đã tận dụng để trợ giúp HSDT học TV. Đọc thông tin dưới đây và đối chiếu với phần liệt kê của bạn, bổ sung cho ý kiến của bạn.

2. Thảo luận với bạn để thêm các công việc cần thiết cho hoạt động *Viết báo tường* có thể hỗ trợ HSDT học TV :

– GV chọn chủ đề cho HS viết.

– Hướng dẫn, phân công HS viết.

– Cho HS lựa chọn bài để trưng bày ở lớp.

– Cho HS lựa chọn bài để trình bày trong sinh hoạt lớp.

3. Thử chọn các hoạt động sau cho các nhóm lớp 1, 2, 3, 4, 5 một cách hợp lí.

– Quan sát (môi trường, thiên nhiên, sinh hoạt ...) và kể lại.

– Nghe người già kể chuyện và kể lại.

– Dạ hội TV, văn học.

– Viết báo tường.

– Sưu tầm văn học dân gian.

– Ghi chép những điều nghe được, đọc được.

.....

4. Thử lập kế hoạch cho hoạt động : Sưu tầm văn học dân gian.

Thông tin cơ bản

– Ngoài thì giờ dành cho học tập theo chương trình đã được quy định, HSDT còn một số thời gian dành cho các hoạt động ngoài giờ lên lớp (ở trường và ở nhà). GV cần biết tận dụng những cơ hội đó để tổ chức các hoạt động cho HS, hướng các em vào việc học tập, trước hết vào việc học TV. Thông qua những hoạt động này, có thể giúp các em có kĩ năng sử dụng TV ngày càng tốt hơn, có ý thức sử dụng TV thường xuyên hơn.

– Có thể tận dụng nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp để hỗ trợ HSDT học TV như : Dạ hội TV, viết báo tường, sưu tầm văn học dân gian, ghi chép những điều nghe được, đọc được ....

Tuỳ thuộc vào người tham gia, thời gian tiến hành hay mục đích của các hoạt động mà ta có thể chia như sau :

• Hoạt động thực hiện trong một, hai giờ (*Dạ hội văn học*) ; hoạt động cần thực hiện trong thời gian dài (*Sưu tầm văn học dân gian, ghi chép những điều đọc được, nghe được*...).

• Hoạt động có sự tham gia của nhiều HS, phải có sự chỉ đạo trực tiếp của GV *(Dạ hội văn học...) ;* nhưng cũng có hoạt động chỉ cần GV gợi ý, HS tự làm việc cá nhân (*ghi chép những điều đọc được, nghe được).*

• Có các hoạt động đòi hỏi HS phải có một kĩ năng sử dụng TV tương đối thành thạo *(Sưu tầm văn học dân gian, ghi chép những điều đọc được, nghe được... đọc thông viết thạo),* nhưng cũng có các hoạt động chỉ cần HS nghe hiểu được TV là đã có thể thực hiện được *(Quan sát : môi trường, thiên nhiên, sinh hoạt ... và kể lại).*

Điều quan trọng là GV phải biết lựa chọn những hoạt động phù hợp với HS lớp mình ...

– Để các hoạt động diễn ra có hiệu quả, GVphải xây dựng chương trình cụ thể, trong đó lưu tâm tới một số vấn đề sau :

• *Mục đích tổ chức hoạt động.* Phải chú ý tới mục đích chính là nhằm rèn luyện kĩ năng TV cho HS. Cần xác định kĩ năng nào là chính ? Nếu rèn luyện kĩ năng viết, nên chọn hình thức hoạt động chủ yếu là viết (nghe và ghi lại...).

• *Nội dung hoạt động.* Những nội dung hoạt động liên quan tới mục đích của hoạt động. Nếu cần rèn luyện các kĩ năng TV thì chọn các nội dung hoạt động mang tính tổng hợp như dạ hội văn học. GV cũng cần tổ chức các hoạt động liên quan tới chương trình học của HS.

• *Đối tượng tham gia.* Cần lưu tâm tới tất cả các đối tượng HS mà mình phụ trách, đảm bảo mỗi hoạt động đều thu hút được mọi HS tham gia.

• *Thời gian thực hiện* cần được tính toán cụ thể. Đảm bảo hoạt động diễn ra không ảnh hưởng tới thời gian học tập của HS. Tận dụng được cao nhất thời gian trong ngày, thời gian ở nhà của HS. Thời gian chuẩn bị cũng được tính vào quá trình tiến hành một hoạt động.

– Đề cương một chương trình hoạt động cần phải cụ thể, phản ánh được cơ bản những công việc chính cần làm cho một hoạt động. Trên cơ sở đề cương được thống nhất giữa các thành viên, việc thực hiện sẽ có nhiều khả năng thành công.

Một bản đề cương có thể có các mục sau :

I. Mục đích

II. Đối tượng tham gia

III. Các bước tiến hành

a) Chuẩn bị

b) Nội dung

c) Hình thức tiến hành

d) Thời gian

IV. Phân công thực hiện

Với một số hoạt động cần sự tham gia của nhiều người, cần nhiều công việc khác nhau lại cần phải có những đề cương cho từng công việc, do các thành viên phụ trách soạn thảo và thực hiện. Chẳng hạn, để tiến hành một cuộc dạ hội văn học, ngoài đề cương chung, cần có kế hoạch riêng cho đêm dạ hội, kịch bản của dạ hội... Trong các bản kế hoạch, kịch bản... có những nội dung cụ thể để có thể thực hiện được.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Trả lời câu hỏi : *Những phương tiện nghe nhìn nào có thể trợ giúp việc dạy học TV cho HSDT ?* Đánh dấu x vào ô trống trước câu trả lời đúng :

☐ ra đi ô	☐ chiếu bóng	☐ video
☐ cát sét	☐ sách, báo	☐ in tơ nét

2. Hãy xây dựng kịch bản một đêm dạ hội văn học cho khối HS lớp 3.

3. Hãy nối các hoạt động với lớp một cách hợp lí.

Quan sát (môi trường, thiên nhiên, sinh hoạt ...) và kể lại	Lớp 1
Nghe người già kể và kể lại	Lớp 2
Dạ hội tiếng Việt, văn học	Lớp 3
Viết báo tường	Lớp 4

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Trả lời câu hỏi : *Những phương tiện nghe nhìn nào có thể trợ giúp việc dạy học TV cho HSDT ?* Đánh dấu vào ô trống trước các phương tiện : ra đi ô, video, sách, báo, chiếu bóng, cát sét.

2. Tự xây dựng kịch bản một đêm dạ hội văn học cho khối HS lớp 3 theo các gợi ý đã hướng dẫn trong bài.

3. Trên nguyên tắc, các hoạt động có thể tổ chức cho các khối lớp hoặc cho tất cả các lớp trong cấp học. Nếu một hoạt động tổ chức cho nhiều trình độ khác nhau thì nhất thiết phải có nội dung hoạt động phù hợp với từng đối tượng ở các lớp. Nếu chỉ tổ chức cho một khối lớp thì nội dung hoạt động sẽ đơn giản hơn. Tuy nhiên, có những hoạt động nếu tổ chức ở khối lớp này thì sẽ có kết quả hơn ở khối lớp kia. Ta có thể lập phương án tổ chức các hoạt động phù hợp với các lớp một cách hợp lí như sau :

– Quan sát (môi trường, thiên nhiên, sinh hoạt ...) và kể lại (Lớp 1, 2).

– Nghe người già kể chuyện và kể lại (Lớp 1, 2, 3, 4, 5).

– Dạ hội TV (Lớp 1, 2, 3, 4, 5).

– Viết báo tường (Lớp 2, 3, 4, 5).

– Sưu tầm văn học dân gian (Lớp 4, 5).

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

– *Phương pháp dạy TV cho HS dân tộc ở trường tiểu học* – Lê A, Mông Ký Slay, Đào?Nam?Sơn.... – Bộ GD và ĐT, Vụ Giáo viên, H. 1993.

TIỂU MÔ ĐUN 2 (16 tiết)

Dạy âm vần Tiếng Việt

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Giúp HV nắm được sự khác biệt giữa dạy âm vần cho HSDT với HS người Kinh.

– Xác định một số phương pháp, biện pháp và hình thức chủ yếu để dạy âm vần TV cho HSDT.

– Hệ thống được một số loại lỗi phát âm mà HSDT thường mắc.

– Nắm được một số biện pháp để sửa lỗi phát âm cho HSDT.

2. Kĩ năng

– HV có thể sử dụng một số phương pháp dạy âm vần có hiệu quả cho HSDT.

– Vận dụng một số biện pháp để sửa lỗi phát âm cho HSDT.

3. Thái độ

– Có ý thức sửa lỗi phát âm TV cho HSDT trong các tình huống ngôn ngữ khác nhau.

B. GIỚI THIỆU

Nội dung Tiểu môđun 2 gồm 3 chủ đề. Nội dung chính của Tiểu môđun này liên quan tới việc rèn luyện cho HSDT phát âm TV đúng. Bao gồm các phương pháp dạy HSDT phát âm TV đúng trong các giờ dạy TV ; các phương pháp hướng dẫn HSDT sửa lỗi phát âm TV cũng như dạy HSDT phát triển lời nói trong các bài học âm, vần. Cùng với tài liệu in, còn có băng hình cho bài học "Dạy HSDT phát âm đúng TV".

Thời gian dành cho Tiểu môđun 2 là 14 tiết.

Cách học : Các bài chủ yếu được thiết kế để tự học và học theo nhóm. Để học với băng hình, HV cần sử dụng thêm tài liệu hướng dẫn học theo băng hình.

C. BÀI HỌC

CHỦ ĐỀ 7 (6 tiết)

Dạy Học sinh dân tộc phát âm đúng Tiếng Việt

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nắm được tầm quan trọng của việc dạy HSDT phát âm đúng TV ; một số yếu tố ảnh hưởng đến việc phát âm của HSDT.

– Hiểu được một số nội dung cần luyện tập, một số phương pháp, biện pháp và hình thức để dạy cho HSDT phát âm đúng TV.

2. Kĩ năng

Sử dụng có hiệu quả một số phương pháp và hình thức dạy phát âm đúng TV cho HSDT. Biết vận dụng trong các bài dạy, đặc biệt là trong bài dạy học vần.

3. Thái độ

– Quan tâm đến những khó khăn của HSDT khi học phát âm TV để tìm ra những cách thức hỗ trợ HS phát âm đúng.

– Chú ý luyện phát âm cho HSDT đúng phương pháp .

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu về tầm quan trọng của việc dạy HSDT phát âm đúng TV

Nhiệm vụ

1. Trả lời câu hỏi

– Bạn đã bao giờ học ngoại ngữ hay ngôn ngữ thứ hai chưa ? Nếu đã học bạn thử nhớ lại xem việc học phát âm ngôn ngữ đó của bạn ra sao ?

– Theo bạn việc học để phát âm đúng có vai trò quan trọng như thế nào với người học ngoại ngữ hay ngôn ngữ thứ hai ?

– Việc dạy HSDT phát âm đúng TV có vai trò quan trọng như thế nào ?

2. Trao đổi với đồng nghiệp

– Bạn có thể trao đổi với đồng nghiệp về những vấn đề nêu trên ; ghi lại ý kiến của đồng nghiệp vào vở học tập.

– Đọc thông tin cơ bản và đối chiếu ý kiến của cá nhân và nhóm thảo luận.

Thông tin cơ bản

1. Bất kì một ngôn ngữ nào cũng bao gồm hệ thống ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Để nắm được một ngôn ngữ nào đó, trước hết phải nắm được hệ thống ngữ âm. Người học phải phát âm được các âm đơn lẻ cũng như những đơn vị cao hơn là tiếng, từ rồi

câu. Cuối cùng là cách sử dụng chúng để người khác hiểu thông qua ngôn ngữ nói và viết.

Mục đích của việc học một ngôn ngữ nào đó là để có thêm một phương tiện giao tiếp, để học tập ... Người sử dụng ngôn ngữ chỉ có thể sử dụng được một ngôn ngữ khi nắm vững và sử dụng chúng một cách thành thạo. Việc học phát âm và phát âm đúng chính là điều kiện cơ bản đầu tiên để đảm bảo cho người học chiếm lĩnh được ngôn ngữ đó. Nếu phát âm không đúng trước hết làm cho người khác không hiểu được điều mình nói. Từ phát âm lệch chuẩn dẫn tới viết sai. Như vậy người học sẽ không sử dụng có hiệu quả ngôn ngữ mà mình đang học.

2. Một đứa trẻ bắt đầu học nói tiếng mẹ đẻ khi được một năm tuổi. Đứa trẻ được bố mẹ, ông bà, anh chị ... dạy nói từng âm, từng từ. Như vậy, đứa trẻ được lớn lên trong môi trường ngôn ngữ đó một cách rất tự nhiên. Nó bắt đầu biết nói những mẫu câu đơn giản để bày tỏ ý muốn của mình. Đến sáu tuổi đứa trẻ đã có một vốn từ khá phong phú và những mẫu câu cơ bản để có thể giao tiếp được trong môi trường sống của mình. Người lớn và cộng đồng luôn là người hướng dẫn đứa trẻ trong quá trình sử dụng tiếng mẹ đẻ.

HSDT khi tới trường mới bắt đầu tiếp xúc, làm quen và học tập bằng một ngôn ngữ hoàn toàn mới là TV. Các em không có thời gian để học nói TV trước, cũng không có điều kiện để tiếp xúc, để được mọi người xung quanh dạy nói một cách tự nhiên như HS người Kinh. Ngay lập tức khi tới trường, các em phải học đồng thời cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Các em phải làm quen với một hệ thống âm không hoàn toàn giống với TMĐ.

Với ngưười học NN 2 thì khâu phát âm đóng vai trò quan trọng, khi đã quen với cách phát âm thì những khâu tiếp theo như đọc tiếng, từ, câu sẽ dễ dàng hơn. Bởi vậy, cần phải dạy cho các em phát âm đúng ngay từ khi học âm vần TV.

HSDT học TV bắt đầu bằng việc học vần. Mỗi bài học vần với thời lượng 70 phút, các em được học từ một đến hai âm, vần mới, một đến hai tiếng mới, từ mới ; được làm quen và học đọc từ bốn đến sáu từ ứng dụng cùng một bài đọc ngắn từ một đến ba hoặc bốn câu. GV cần quan tâm tới việc phát âm đúng với những âm, vần, tiếng, từ cụ thể ngay từ những bài học âm, vần đầu tiên. Nếu các em phát âm không tốt sẽ ảnh hưởng tới chất lượng đọc, viết và ảnh hưởng tới chất lượng các môn học khác.

Để phát âm đúng đòi hỏi các em phải được hướng dẫn theo những phương pháp phù hợp, có thời gian thực hành luyện tập. GV là người có vai trò quan trọng trong các hoạt động tiếp nhận hệ thống âm vần TV của các em, ngoài ra sự nỗ lực của bản thân người học cũng rất cần thiết.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến việc phát âm đúng TV của HSDT

Nhiệm vụ

1. Trả lời câu hỏi

– Bạn đã dạy lớp 1 ở vùng dân tộc và miền núi chưa ? Nếu đã dạy bạn hãy nhớ lại xem việc dạy HSDT phát âm đúng TV bạn đã gặp những khó khăn gì ? Nếu chưa dạy bạn có thể trao đổi với đồng nghiệp để tìm câu trả lời.

– Theo bạn những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến việc phát âm đúng TV của HSDT ?

– Đối tượng HS của bạn thuộc vùng phương ngữ nào ? Bạn biết gì về phương ngữ ấy ? Khi dạy HS phát âm TV bạn đã chú ý tới điều đó như thế nào ?

2. Trao đổi với đồng nghiệp

– Bạn có thể trao đổi thêm với đồng nghiệp và ghi lại ý kiến vào vở học tập.

– Đọc thông tin dưới đây và hoàn thiện ý kiến cá nhân và nhóm thảo luận.

Thông tin cơ bản

1. Với HSDT việc phát âm thường gặp một số khó khăn cơ bản như sau :

– Khả năng nghe để phân biệt về mặt âm thanh ngôn ngữ của HS yếu, đặc biệt là những âm, vần, tiếng, từ đọc gần giống nhau.

– Khó thực hiện các thao tác phát âm với những âm khó hoặc những âm khác lạ với tiếng mẹ đẻ của các em như điểm đặt lưỡi, cách bật hơi, độ mở của miệng...

– Sự điều khiển luồng hơi và các bộ phận của bộ máy phát âm chưa nhịp nhàng linh hoạt.

2. Có thể kể ra một số yếu tố ảnh hưởng đến việc phát âm của HS như sau:

2.1. Yếu tố tâm sinh lí

Mỗi kí hiệu ngôn ngữ (từ hoặc hình vị) đều có sự biểu đạt bằng âm thanh của nó. Sự biểu đạt này bao giờ cũng mang những đặc trưng ngữ âm khác nhau. Chẳng hạn : "ta" khác với "đa" chỉ bằng đặc trưng khi phát âm dây thanh có hoạt động hay không (tức là đặc trưng vô thanh và hữu thanh) của 2 phụ âm **t** và **d**. Đặc trưng này phân biệt phụ âm này khác phụ âm kia.

Việc phát âm của mỗi người đều chịu sự tham gia của các cơ quan phát âm. Cụ thể là :

* *Cơ quan hô hấp*

Gồm hai lá phổi nằm trong lồng ngực cung cấp lượng không khí cần thiết cho phát âm. Không khí ở phổi đi ra làm dây thanh rung động, tiếp đó lượng không khí cọ xát vào các bộ phận phát âm ở khoang miệng, khoang mũi tạo nên âm thanh.

* *Thanh hầu*

Gồm 2 tổ chức cơ nằm song song nhau ở trong thanh hầu. Luồng không khí thoát ra ngoài thành những đợt đều đặn tạo nên sóng âm. Dây thanh dày mỏng khác nhau và tuỳ theo sự chấn động nhanh hay chậm khác nhau mà cho ta những âm thanh cao thấp khác nhau. Những âm thanh do dây thanh tạo nên khi đi lên qua những khoang rỗng ở thanh hầu (khoang yết hầu, khoang mũi) còn bị biến đổi nhờ hiện tượng cộng hưởng. Nếu dây thanh hoạt động đều, ta có những âm có chu kì và tần số xác định tạo nên âm hưởng êm tai, dễ nghe. Đó là các tiếng thanh (nguyên âm cấu tạo bằng các tiếng thanh). Nếu dây thanh hoạt động ít hoặc không hoạt động ta có những chu kì và tần số không xác định gọi là tiếng động (phụ âm cấu tạo bằng những tiếng động).

Như vậy, theo đặc điểm sinh học, các âm được phân thành nguyên âm và phụ âm. Sự khác biệt giữa nguyên âm và phụ âm được nhận diện chủ yếu qua cách phát âm. Giữa nguyên âm và phụ âm có một loại trung gian vừa mang tính chất của nguyên âm vừa mang tính chất của phụ âm. Đó là bán nguyên âm (ví dụ : /i/, /u/ trong từ "đại" và "khâu").

Đặc điểm cơ bản của cơ chế phát âm phụ âm là tiếng động. Song trong khi phát âm một số phụ âm, dây thanh cũng hoạt động và cung cấp thêm tiếng thanh. Tuỳ theo tỉ lệ tiếng động và tiếng thanh mà người ta chia phụ âm thành các loại khác nhau.

+ Phụ âm vô thanh chỉ được cấu tạo bằng tiếng động mà thôi (ví dụ : /p/, /t/, /k/).

+ Phụ âm hữu thanh ngoài tiếng động còn xen tiếng thanh (ví dụ : /b/, /d/).

+ Phụ âm vang : tỉ lệ tiếng thanh lớn hơn tiếng động (ví dụ : /m/, /n/, nh, ng).

Khoang miệng và khoang mũi là 2 cộng minh trường tiếp theo của bộ máy phát âm. Khoang miệng và khoang mũi ngăn cách bởi một vách ngăn gọi là ngạc.

Các bộ phận của bộ máy phát âm của người chia làm hai loại :

+ Loại hoạt động được : lưỡi con, nắp họng, lưỡi, môi.

+ Loại không hoạt động được : răng, lợi, ngạc.

Khoang miệng và khoang mũi nhờ sự tham gia của lưỡi và môi có thể thay đổi thể tích bất cứ lúc nào, nhờ đó tạo nên những âm có âm sắc khác nhau.

Việc tìm hiểu cấu tạo của bộ máy phát âm giúp cho bạn hiểu được vai trò của từng bộ phận khi tham gia vào việc phát âm. Nếu bộ phận nào đó có khiếm khuyết ví dụ như lưỡi ngắn, lưỡi dài, răng thưa, môi hếch... sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc phát âm đúng của HS. Nếu có HS mắc những khiếm khuyết như vậy GV cần có những phương pháp luyện tập phù hợp.

2.2. Yếu tố tiếng mẹ đẻ

Trong giao tiếp, chúng ta có thể nhận biết một cách tương đối dễ dàng khi nghe một người nước ngoài nói TV, người Việt Nam nói tiếng nước ngoài hay người dân tộc thiểu số nói TV, bởi vì, dù người nói đã đạt đến một trình độ tương đối chuẩn xác thì vẫn khó tránh khỏi những đặc trưng ngữ âm tiếng mẹ đẻ của họ nằm ở đâu đó trong chuỗi lời nói.

Khi học TV, HSDT có xu hướng chuyển những chuẩn mực và thói quen phát âm tiếng mẹ đẻ tới quá trình học phát âm TV. Cơ quan phát âm của các em đã quen với những thao tác khi phát âm TDT khó tránh khỏi những sai lệch khi phát âm TV.

2.3. Yếu tố xã hội

HSDT có rất ít môi trường để thực hành giao tiếp bằng TV. Việc luyện phát âm cho HS đứng trước một thách thức lớn, giữa một bên chủ yếu trông vào người thầy ở trên lớp với một lượng thời gian ít ỏi và một bên là sự chi phối của cả môi trường sống đang bao quanh HS, đó là gia đình và cả cộng đồng xã hội đều giao tiếp với nhau bằng TDT.

Những nơi có thể giao tiếp bằng TV như họp chợ, hội họp... thì tuổi các em lại chưa có thể thường xuyên tham gia.

Bên cạnh đó việc học phát âm của các em còn chịu ảnh hưởng của phương ngữ TV. GV cần nắm được đặc điểm phương ngữ nơi mình công tác để hướng dẫn HS cách phát âm đúng.

Phương ngữ chỉ được chấp nhận về mặt phát âm khi giao tiếp bằng lời nói, còn khi viết đòi hỏi phải đảm bảo theo chuẩn chữ viết. Điều đó yêu cầu GV phải cố gắng luyện để phát âm chuẩn, đặc biệt khi đọc chính tả cho HS viết.

Hoạt động 3. Tìm hiểu một số nội dung cần luyện tập để dạy HSDT phát âm đúng TV

Nhiệm vụ

1. Trả lời câu hỏi :

– Bạn cho rằng cần luyện tập để dạy HSDT phát âm đúng TV theo những nội dung nào ?

– Trong thực tế dạy học, bạn đã luyện cho HS những nội dung nào để HS phát âm đúng ?

2. Hãy trao đổi với đồng nghiệp và đọc thông tin cơ bản dưới đây nhằm làm rõ về những vấn đề trên.

Thông tin cơ bản

1. Luyện khả năng tri giác âm thanh ngôn ngữ cho HS

Khi nghe phát âm, âm thanh ngôn ngữ truyền đến tai HS tạo ra những xung động ở bán cầu đại não khiến HS nhận biết và phân biệt được các âm thanh ngôn ngữ khác nhau. Hoạt động đó được gọi là sự tri giác âm thanh ngôn ngữ. Trẻ chỉ có thể phát âm lại được khi nó nghe được một cách chính xác, rõ ràng, vì vậy việc luyện kĩ năng nghe cho trẻ là hết sức quan trọng.

Mục tiêu môn TV ở Tiểu học là dạy cho HS cả bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Trong SGK của chương trình Tiểu học mới, kĩ năng nghe thường xuất hiện dưới dạng yêu cầu nghe và kể lại nội dung một đoạn truyện hay một câu chuyện nào đó trong giờ kể chuyện...

Với HSDT việc rèn kĩ năng nghe là yêu cầu quan trọng hàng đầu bởi nghe có một vai trò hết sức quan trọng. Nếu không nghe tốt, HS không thể nhận diện được âm, tiếng, từ, câu để phát âm lại. HS phải nghe và hiểu tốt mới có thể tiếp thu bài học và có thể giao tiếp được.

Để rèn luyện kĩ năng này, cần phải có một số bài tập bổ trợ, đặc biệt là những lớp đầu cấp tiểu học. GV có thể thông qua những trò chơi vận động, khởi động đầu giờ, giữa giờ, trò chơi học tập ... để rèn kĩ năng nghe, hiểu, xử lí thông tin nhanh và phản xạ ngôn ngữ cho HS.

Nội dung các bài tập có thể là :

+ Nghe và phân biệt các thanh trong các từ có âm vần giống nhau : **be, bè, bé, bẻ, bẽ, bẹ....**

+ Nghe và nhận diện hai âm, vần gần nhau : **cái kẻng/ cái xẻng....**

+ Nghe và nhận biết các vần có trong tiếng, từ...

+ Nghe và ghép đúng các mảnh thẻ từ được cắt rời thành tiếng, từ...

Để HS nhận biết chính xác các âm thanh ngôn ngữ đòi hỏi việc phát âm mẫu của GV phải chuẩn xác, tròn vành rõ tiếng, HS được thực hành luyện tập nghe nhiều và thường xuyên. Trong giao tiếp với HS, lời nói của GV phải chậm rãi rõ ràng, dễ hiểu, nên sử dụng nhiều câu đơn hơn là câu phức, nhiều thành phần để HS dễ nghe, dễ hiểu.

2. Luyện vận động các bộ phận của cơ quan phát âm

Cơ quan phát âm gồm : phổi, các dây thanh, lưỡi, răng, môi, ngạc cứng, ngạc mềm. Các âm được phát ra chuẩn chỉ trên cơ sở các bộ phận của bộ máy phát âm hoàn chỉnh và HS có khả năng điều khiển bộ máy phát âm. Một trong những bộ phận nào đó của cơ quan phát âm có khuyết tật như lưỡi ngắn, môi hớt, răng thưa... sẽ làm cho sự phát âm trở nên khó khăn, các âm được phát ra sẽ thiếu chính xác.

Trước khi hướng dẫn HS phát âm, GV cần phát âm mẫu nhiều lần, thật chậm để HS quan sát khuôn miệng cũng như cách cử động của môi, lưỡi, hàm của GV. GV nên hướng dẫn HS vận động các bộ phận của cơ quan phát âm như : độ uốn của lưỡi, độ mở của miệng, hình dạng của môi, độ mạnh của hơi... trước khi tập phát âm một âm, vần cụ thể nào đó.

3. Luyện giọng để phát âm tròn vành rõ tiếng

Cường độ âm thanh khi phát âm rất quan trọng để phát âm tròn vành rõ tiếng. Phát âm nhỏ quá luồng hơi không thoát ra hết sẽ rất khó nghe. Phát âm quá to sẽ gây cảm giác chói tai khó chịu cho người nghe mà vẫn không rõ. Cần luyện giọng phát âm vừa phải, phát âm bằng chính giọng thật của mình, không lí nhí trong cổ họng, không the thé... Muốn HSDT phát âm đúng, cần luyện cho các em cách lấy hơi, bật hơi, há miệng... chuẩn xác.

Hoạt động 4. Tìm hiểu một số phương pháp và hình thức dạy phát âm đúng TV cho HSDT

Nhiệm vụ

1. Trả lời câu hỏi

– Bạn hãy kể tên một vài phương pháp mà bạn thường sử dụng để dạy phát âm đúng TV cho HSDT ?

– Bạn có thể lấy một bài học vần cụ thể làm ví dụ minh hoạ cho phương pháp của mình ?

– Theo bạn với HSDT phương pháp nào được coi là chủ đạo và không thể thiếu trong mỗi giờ học vần ?

2. Bạn hãy trao đổi với đồng nghiệp, sau đó đọc thông tin dưới đây nhằm làm rõ thêm về những vấn đề trên.

Thông tin cơ bản

1. Phương pháp luyện tập theo mẫu

Mẫu có thể từ băng hình, băng tiếng hoặc là giọng phát âm mẫu của GV. Với vùng dân tộc, miền núi do thiếu các phương tiện dạy học thì mẫu phổ biến nhất là phát âm trực tiếp của GV. Đây là một phương pháp chủ đạo trong việc dạy phát âm cho HSDT.

Thực hiện phương pháp này, khi dạy phát âm, GV phát âm mẫu vài ba lần một âm hoặc một từ nào đó, miệng hướng về phía HS cho tất cả HS đều thấy và nghe rõ. GV yêu cầu HS nhắc lại nhiều lần (cá nhân và đồng thanh). GV theo dõi HS phát âm và sửa lỗi phát âm cho HS. Được trực tiếp quan sát, nghe và bắt chước cách phát âm của GV, HS sẽ nhanh chóng học được cách phát âm đúng.

Việc luyện tập phát âm được tiến hành với các mức độ khác nhau : phát âm âm, vần rời, phát âm tiếng, từ có chứa âm vần đó, đọc câu, bài khoá có tiếng chứa âm, vần đó. Bởi vì trong thực tế giao tiếp âm, vần TV không đứng độc lập riêng lẻ mà nằm trong các đơn vị ngôn ngữ trên nó.

Khả năng bắt chước của trẻ rất lớn. GV cần động viên HS nghe và tập phát âm theo thầy, cô ; nghe và tập phát âm theo bạn ; tập phát âm trong giờ học, ngoài giờ học...thông qua các tình huống giao tiếp cụ thể, thông qua các trò chơi... Để thay đổi hình thức hoạt động, tăng sự hấp dẫn đối với học trò, GV có thể sử dụng băng, đĩa cát sét có ghi âm sẵn cho các em nghe và luyện tập theo.

2. Phương pháp quan sát và giải thích cách phát âm

Với những âm, tiếng khó phát âm, khi phát âm GV có thể mô tả bằng cách : nêu rõ cách đặt lưỡi, vị trí của lưỡi với răng, độ mở của môi... ở giai đoạn đầu học TV của HS, do khả năng nghe TV của HSDT chưa tốt nên GV cần sử dụng các từ ngữ mô tả dễ hiểu, kết hợp với việc cho HS quan sát GV phát âm. Thông qua quan sát GV phát âm, kết hợp với việc điều chỉnh các bộ phận của cơ quan phát âm của mình, HS sẽ dễ dàng phát âm đúng một âm nào đó.

3. Phương pháp tổ chức trò chơi học tập

Trò chơi học tập là một phương pháp cung cấp kiến thức hoặc củng cố khắc sâu nội dung kiến thức của bài thông qua một trò chơi. Có thể tận dụng trò chơi học tập để luyện phát âm cho HS.

Trò chơi học tập là hình thức hoạt động rất phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi của HS tiểu học. Trò chơi phù hợp, gắn với nội dung bài, hấp dẫn sẽ có tác dụng tốt với việc luyện phát âm của HS. Trong việc đổi mới phương pháp dạy học, trò chơi học tập được coi là một nội dung học tập, một hoạt động không thể thiếu trong mỗi giờ học.

Các trò chơi học tập nhằm luyện phát âm rất phong phú đa dạng và sinh động. Từ một mô hình trò chơi, GV có thể sáng tạo ra rất nhiều trò chơi để vận dụng cho từng bài cụ thể.

Ví dụ :

– Trò chơi nghe và đọc vần, tiếng, từ theo giai điệu : cao, thấp, nhanh, chậm...

– Nghe và nhận biết các vần có trong tiếng, từ và đọc lại...

– Nghe, đọc lại và ghép đúng các mảnh thẻ từ được cắt rời thành tiếng, từ...

– Tìm bạn có từ cùng vần với mình và đọc.

– Đọc đúng vần, tiếng hoặc từ được tạo thành khi bánh xe vần dừng lại trên băng vần.

– Dùng tranh, hình vẽ che từ có nghĩa tương ứng trong bài đọc ứng dụng cho HS đoán từ và đọc.

Hoạt động 5. Học qua băng hình

Nhiệm vụ

1. Bạn hãy xem đoạn băng hình về dạy phát âm đúng TV trong giờ học vần " uôt, ươt" và ghi lại ý kiến của bạn.

Bạn có thể dựa vào một số điểm gợi ý sau :

– GV đã sử dụng những phương pháp nào để dạy phát âm cho HS ?

– Bạn có nhận xét gì về đối tượng HS ? So với HS ở địa phương của bạn thế nào ?

– Việc tổ chức các hoạt động học tập của HS trong giờ học ra sao ? Hiệu quả của các hoạt động ? Sự phối hợp giữa thầy và trò ?

– Bạn muốn nói gì thêm về giờ học này ?

2. Trao đổi với đồng nghiệp về những ý kiến trên.

Thông tin cơ bản

Bạn hãy xem phần nội dung hướng dẫn học theo băng hình giờ học vần "uôt – ươt". Bạn đừng coi băng hình là một mẫu hoàn hảo. Hãy quan niệm băng hình là một tài liệu học tập để bạn tham khảo gồm cả những cái được và chưa được. Chính bạn sẽ là người hiểu rõ nhất những gì bạn có thể học được qua đoạn băng.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Hãy nêu một số yếu tố ảnh hưởng đến việc phát âm của HSDT ?

2. Hãy phân tích vai trò của các phương pháp dạy HSDT phát âm đúng TV ? Trong các phương pháp ấy phương pháp nào giữ vị trí chủ đạo ? Vì sao ?

3. Vận dụng các phương pháp dạy phát âm đã học, bạn hãy thiết kế các hoạt động luyện phát âm đúng cho HS trong một bài học vần tự chọn.

Bạn hãy thực hành tập giảng trong nhóm, sau đó thảo luận và ghi lại ý kiến nhận xét theo các tiêu chí sau :

– Đã sử dụng phương pháp nào để dạy HS phát âm đúng ?

– Sự phối hợp giữa thầy và trò trong dạy học như thế nào ?

– Hiệu quả giờ học ?

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Câu hỏi 1 : Xem thông tin cơ bản của nội dung 2.

2. Câu hỏi 2 : Xem thông tin cơ bản của nội dung 4.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Rèn luyện ngôn ngữ tập 1* – Phan Thiều – NXBGD, H. 2001.

2. *Rèn luyện kĩ năng sử dụng TV* – Đào Ngọc, Nguyễn Quang Ninh – NXBGD, H. 1995.

3. *Giáo trình TV2* – Đỗ Xuân Thảo, Lê Hữu Tỉnh– NXBGD, H. 1997.

4. *Phương pháp dạy TV cho HS dân tộc ở trường tiểu học* – Lê A, Mông Ký Slay, Đào?Ngọc, Đào Nam Sơn – Bộ GD và ĐT, Vụ Giáo viên, H. 1993.

CHỦ ĐỀ 8 (4 tiết)

Dạy Học Sinh dân tộc
Sửa lỗi phát âm Tiếng Việt

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Học viên nắm được một số loại lỗi phát âm phổ biến mà HSDT thường mắc, nguyên nhân của nó và cách sửa các lỗi cụ thể.

2. Kĩ năng

– Học viên có khả năng vận dụng một số phương pháp để sửa lỗi phát âm cho HSDT có hiệu?quả.

3. Thái độ

– Học viên thông cảm được với HSDT khi các em mắc lỗi phát âm. Đồng thời có thái độ tích cực trong việc sửa lỗi phát âm cho HS trong mọi điều kiện dạy học.

II. NỘI DUNG

Hoạt động1. **Tìm hiểu lỗi phát âm và nguyên nhân gây lỗi**

Nhiệm vụ

1. Trả lời câu hỏi

– Theo bạn thế nào là lỗi phát âm ? Lỗi phát âm và việc phát âm theo tiếng địa phương cần được hiểu như thế nào cho thoả đáng ?

– Những yếu tố nào đã gây nên lỗi phát âm của HSDT ?

2. Bạn có thể trao đổi chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp của mình. Đọc thông tin dưới đây và hoàn thiện ý kiến cá nhân.

Thông tin cơ bản

1. Thế nào là lỗi phát âm

– Lỗi phát âm là những sai lệch trong cách phát âm so với cách phát âm chuẩn, làm cho người nghe khó hiểu thậm chí hiểu sai thành một nghĩa khác.

Lỗi phát âm khác với tiếng địa phương. Việc dạy phát âm cho HSDT có thể được chấp nhận theo ba vùng phương ngữ như sau :

Phương ngữ Bắc Bộ **:** Gồm một vùng rộng lớn các tỉnh phía Bắc và đồng bằng sông Hồng. Phương ngữ này hướng đến cách phát âm theo tiếng Hà Nội như phát thanh viên Đài Phát thanh và Truyền hình Trung ương.

Phương ngữ Trung Bộ : Gồm các tỉnh bắc Trung Bộ từ Thanh Hoá đến đèo Hải Vân. Vùng phương ngữ này hướng đến việc phát âm chuẩn chữ viết.

Phương ngữ Nam Bộ : Từ đèo Hải Vân đến cực nam Trung Bộ. Vùng phương ngữ này hướng đến cách phát âm như phát thanh viên Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh.

Lưu ý rằng, chuẩn phát âm được tính theo ba vùng phương ngữ nhưng với chữ viết thì chỉ có một chuẩn duy nhất – chuẩn chính tả. GV dạy ở vùng dân tộc miền núi cần nắm được điều đó, nếu không bạn sẽ bị lẫn giữa hai khái niệm và việc luyện phát âm cho HS không đạt hiệu quả.

2. Một số nguyên nhân cơ bản gây ra lỗi phát âm của HSDT

– Nguyên nhân sinh lí

Bộ máy phát âm của con người tham gia vào việc phát âm với những chức năng khác nhau. Những khiếm khuyết nào đó trong cấu tạo của bộ máy phát âm sẽ là nguyên nhân trực tiếp gây ra lỗi phát âm.

Ví dụ : Người có lưỡi hơi ngắn sẽ khó phát âm chính xác những âm như **n, ch, r**... ; người có lưỡi hơi dài (còn gọi là đầy lưỡi) thường khó phát âm cho tròn vành rõ tiếng ; người hở hàm ếch, răng thưa, lưỡi gà ngắn thường khó phát âm các âm gió, âm xát, âm họng.... Ngoài ra, cấu tạo vòm họng, dây thanh cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc phát âm.

– Do ảnh hưởng thói quen phát âm của tiếng mẹ đẻ

Cách phát âm TMĐ đã trở thành thói quen với HSDT. Khi học một ngôn ngữ mới, các em rất khó làm quen với các thao tác phát âm mới, nhất là với những âm khó, những âm không có trong tiếng mẹ đẻ của mình. Bởi vậy, nhiều người DTTS đã được học TV lâu năm nhưng khi nói TV vẫn còn mang dấu ấn của tiếng mẹ đẻ ở đâu đó trong âm sắc, ngữ điệu...

Người DTTS tự học TV chỉ giao tiếp ngoài xã hội, không qua nhà trường thì sau nhiều năm nói TV vẫn mang theo những lỗi phát âm bị ảnh hưởng từ TMĐ. Người Hmông không phát âm chuẩn tiếng, từ kết thúc bằng âm khép ; người Khmer, Ê-đê ... nói không rõ thanh điệu ....

– Do cách phát âm của GV

Trong việc xét lỗi phát âm của HSDT, dường như chúng ta hay bỏ qua hoặc cố tình né tránh một nguyên nhân không kém phần quan trọng, đó là lỗi từ chính phía GV đứng lớp.

Trong thực tế, vẫn còn rất nhiều GV tiểu học phát âm chưa chuẩn, vẫn còn mang âm sắc?của địa phương, còn nói ngọng hoặc phát âm còn lẫn ở một số cặp phụ âm như **n – l**, **ch– tr** ..., chưa phát âm được âm rung như âm **r**.

Nhiều GV chưa có phương pháp dạy phát âm tốt, khi sửa lỗi cho HS không "bắt đúng bệnh", không phân tích chỉ ra đúng lỗi sai.

GV chưa nhận thức hết vai trò của việc dạy phát âm trong dạy học TV nên chưa chú ý đúng mức tới việc rèn và sửa lỗi cho các em. Trong khi đó, HS chỉ có những cơ hội ít ỏi trên lớp để được luyện tập thực hành và giao tiếp với thầy, cô, với bạn.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số lỗi phát âm cơ bản của HSDT

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

– Bạn hãy ghi lại một số lỗi phát âm phổ biến mà HSDT ở trường bạn đang công tác thường mắc theo các mục sau :

- Tên dân tộc.
- Lỗi phát âm phụ âm đầu.
- Lỗi phát âm về vần.
- Lỗi phát âm về thanh điệu.
- Các lỗi phát âm khác.

2. Bạn có thể trao đổi với đồng nghiệp của mình về nội dung trên. Đọc thông tin dưới để hiểu rõ những lỗi phát âm thường mắc của HS dân tộc.

Thông tin cơ bản

1. Một số lỗi phát âm của HSDT nói chung thường mắc

– Phát âm sai phụ âm đầu

Ngoài những lỗi mang tính chất vùng mà HS người Kinh cũng thường mắc như : **s – x , d – r – gi, ch – tr...** HSDT còn bị lẫn khi phát âm những âm do ảnh hưởng từ TMĐ, chẳng hạn : âm **v – b** (dân tộc Mường) ; **r – l** (dân tộc Tày) **...**

– Phát âm sai về vần

Một số dân tộc thuộc nhóm Tày – Thái thường khó phát âm các nguyên âm đôi và biến chúng thành các nguyên âm đơn. Ví dụ : **uô** -> **u** hoặc **ô** ; **ươ** -> hoặc **ư** hoặc **ơ** ; **iê** -> **i hoặc ê...**

HS Hmông thường khó khăn khi phát âm các âm tiết kết thúc bằng các âm tắc vô thanh, đây cũng là dạng lỗi phát âm phổ biến của HS dân tộc Hmông. Trong khi đó, HS Hmông ít mắc lỗi phụ âm đầu bởi tiếng Hmông có hệ thống phụ âm đầu khá phong phú, hầu hết phụ âm đầu TV đều có trong tiếng Hmông.

– Phát âm sai về thanh điệu

TV có 6 thanh, mỗi thanh đều có thể tham gia vào cấu tạo từ và tạo nghĩa cho từ. Trong khi đó nhiều ngôn ngữ dân tộc không có thanh điệu (tiếng Ê-đê, tiếng Gia-rai, tiếng Ba-na...). Có một số ngôn ngữ có thanh điệu nhưng số lượng và tính chất các thanh không hoàn toàn tương ứng với số lượng và tính chất các thanh trong TV (tiếng Thái, tiếng Hmông, tiếng?Dao...).

Bởi vậy, hiện tượng phát âm không đúng các thanh tiếng Việt cũng khá phổ biến ở HS các DTTS. Chẳng hạn, HS các dân tộc ở khu vực Tây Nguyên khó phát âm những tiếng mang thanh điệu TV ; HS các dân tộc Thái, Tày, Nùng.. thường khó phát âm thanh *ngã* và thường chuyển sang thanh *sắc* hoặc *nặng* khi phát âm những tiếng mang thanh này.

Hoạt động 3. Tìm hiểu một số phương pháp sửa lỗi phát âm cho HSDT

Nhiệm vụ

1. Trả lời câu hỏi

– Hãy ghi lại một vài phương pháp mà bạn đã sử dụng để sửa lỗi phát âm cho HS có hiệu quả. Lưu ý với từng loại lỗi :

- Lỗi thuộc âm đầu.
- Lỗi thuộc âm chính.
- Lỗi thuộc âm cuối.
- Lỗi thuộc thanh điệu.

2. Hãy thảo luận với đồng nghiệp về những phương pháp trên. Đọc thông tin cơ bản dưới để nắm rõ hơn về phương pháp sửa lỗi phát âm chủ yếu.

Thông tin cơ bản

Một số phương pháp sửa lỗi phát âm chủ yếu :

1. Phương pháp luyện tập theo mẫu

Việc luyện phát âm và sửa lỗi phát âm cho HSDT chủ yếu diễn ra trong môi trường lớp học do GV chủ động thực hiện.

Phương pháp luyện tập theo mẫu được coi là phương pháp cơ bản để sửa lỗi phát âm cho HS. Phương pháp này có thể sử dụng các phương tiện như mô hình, băng hình, băng tiếng hoặc giọng phát âm do GV trực tiếp thể hiện. Việc sử dụng băng hình, băng tiếng giúp cho HS quan sát, ghi nhớ cách phát âm chuẩn nhưng không thể thay thế hoàn toàn vai trò của GV. GV vẫn phải phân tích, giảng giải, hướng dẫn cụ thể các thao tác phát âm để giúp HS sửa lỗi.

Quy trình :

– GV chỉ ra chỗ sai trong phát âm của HS. Có thể so sánh với cách phát âm đúng.

– GV phát âm mẫu thật chuẩn xác, thật chậm, thật rõ (có thể phát âm tới 2 – 3 lần) để HS theo dõi. GV phải chú ý phát âm chuẩn, không để tiếng địa phương ảnh hưởng tới giọng phát âm mẫu của mình.

– Hướng dẫn HS cách phát âm, vị trí các bộ phận của cơ quan phát âm. Ví dụ : điểm đặt lưỡi, vị trí của lưỡi, độ mở của miệng khi bắt đầu hoặc kết thúc...

– Cho HS phát âm nhiều lần theo sự hướng dẫn của GV. Chú ý luyện cho từng em hơn là luyện cho nhiều em theo cách đồng thanh.

Trong quá trình phát âm các em sẽ tự điều chỉnh theo mẫu.

2. Phương pháp phân tích cách phát âm

GV chỉ ra nguyên nhân phát âm sai của HS bằng cách chỉ ra cách sử dụng các bộ phận phát âm không đúng của các em. Sau đó GV hướng dẫn HS phát âm lại theo cách sử dụng các bộ phận phát âm đúng. Để thực hiện phương pháp này, GV có thể phát âm chậm để HS quan sát cách phát âm của GV hoặc GV sử dụng hình vẽ các bộ phận phát âm để HS quan sát.

Với HSDT, đặc biệt những vùng trẻ biết ít TV, khi sử dụng phương pháp này, GV phải mô tả thật ngắn gọn, dễ hiểu, kết hợp mô tả bằng động tác là chủ yếu, tránh dùng những thuật ngữ, những từ khó hiểu với HS.

Phương pháp này đòi hỏi GV phải có kiến thức về ngữ âm tương đối vững vàng, nắm được kĩ thuật phát âm chuẩn xác, có khả năng mô tả chính xác các cách phát âm. Phương pháp này thường có hiệu quả cao khi sửa các lỗi về phụ âm đầu.

3. Phương pháp luyện tập tổng hợp

Để thực hiện phương pháp này cần tiến hành các bước như sau :

– Phân tích các thành phần và phân tích âm vị mắc lỗi để HS nhận diện.

– Đưa vào trong ngữ cảnh để khu biệt nét nghĩa cho HS có ý thức phân biệt âm đúng âm sai.

Ví dụ :

• Phụ âm đầu : **tr– ch :** ***tr*** trong ***tranh*** (bức ***tranh***) và ***ch*** trong ***chanh*** (quả ***chanh***) ; *chân* (bàn ***chân***) và *trân* (***trân*** trọng)...

•Vần : **an– ang :** ***an*** trong ***than*** (***than*** đá, ***than*** thở) và ***ang*** trong ***thang*** (cái ***thang***)...

Khi vận dụng vào chữa các lỗi phát âm cụ thể, GV cần lựa chọn hoặc kết hợp linh hoạt các phương pháp để có thể đạt hiệu quả cao.

4. Phương pháp tổ chức trò chơi học tập

Trong phân môn Học vần và Tập đọc, có thể tổ chức các trò chơi về phát âm trong các tiết dạy. Thông qua các trò chơi này, GV có nhiều cơ hội để sửa lỗi phát âm cho HS.

Để tổ chức hoạt động trò chơi hấp dẫn và có hiệu quả, đòi hỏi GV phải suy nghĩ, sáng tạo và linh hoạt. Tài liệu tham khảo cho GV về tổ chức trò chơi học tập vẫn còn quá nghèo nàn, nhiều trò chơi còn quá khó, chưa phù hợp với HS... Đặc biệt, những loại trò chơi có tính chuyên biệt như sửa lỗi phát âm cho HS hầu như chưa có. GV sẽ phải vận dụng linh hoạt, sáng tạo từ những trò chơi cơ bản về kĩ năng nghe, đọc...để thiết kế ra những trò chơi mới cho phù hợp. Do đó bên cạnh tâm huyết và lòng nhiệt tình GV còn phải có một năng lực nhất định.

Hoạt động 4. Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý với GV khi hướng dẫn HSDT sửa lỗi phát âm

Nhiệm vụ

1. Trả lời câu hỏi

– Bạn đã thực sự là người phát âm chuẩn chưa ? Bạn có bị ảnh hưởng nhiều của phương ngữ không ? Nếu chưa đạt đến trình độ phát âm chuẩn bạn sẽ làm gì ?

– Theo bạn là GV dạy ở vùng dân tộc và miền núi cần phải lưu ý những vấn đề gì ?

– Những nội dung nào của bài sẽ khó vận dụng vào thực tế ?

Bạn có thể trao đổi với đồng nghiệp để khẳng định thêm ý kiến của mình. Đọc thông tin dưới đây để nắm rõ cách sửa lỗi cho HS.

2. Thực hành

– Hãy chọn một loại lỗi mà HS của bạn thường hay sai và chọn phương pháp, sửa lỗi cho phù hợp ?

– Thực hành sửa lỗi trong nhóm theo kiểu sắm vai để đồng nghiệp nhận xét góp ý ?

Thông tin cơ bản

1. Mỗi GV phải là một mẫu chuẩn về phát âm TV

Trong trường sư phạm, bạn đã được học một chương trình rèn kĩ năng đọc, nghe, nói, viết nhưng với thời gian rất ít ỏi, chủ yếu là giới thiệu, còn việc luyện tập hoàn toàn tuỳ thuộc ở bạn. Vẫn còn nhiều GV nói ngọng, phát âm không chuẩn, đọc một văn bản không thành công, không kể nổi một câu chuyện cho hấp dẫn. Nhiều GV yêu cầu HS phải kể lại được một câu chuyện trong khi chính họ phải cầm sách để đọc...

Người GV cần nhận thức rõ hơn về trách nhiệm và nghĩa vụ của một GV khi đứng lớp. Bạn hãy nhớ rằng giọng phát âm của bạn sẽ là mẫu (có thể là duy nhất) cho HSDT, vì ngoài cô giáo, hầu như các em không được học phát âm ở một ai khác. Để HS phát âm đúng trước hết phải dạy HS phát âm đúng.

Nếu bạn phát âm chưa chuẩn hãy lập kế hoạch tự luyện tập cho mình. GV không thể nói ngọng, không thể phát âm kém chuẩn xác, không để tiếng địa phương chi phối quá nhiều. Có như vậy bạn mới dạy được HS phát âm đúng và sửa được lỗi phát âm cho HS.

2. Sửa lỗi phát âm được thực hiện chủ yếu trong các giờ TV

Trước hết, GV cần quan tâm tới việc sửa lỗi phát âm của HS trong các giờ dạy TV. Chẳng hạn, mục tiêu cơ bản của mỗi giờ học vần là HS đọc và viết được âm, vần, tiếng và từ khoá, đọc được từ ứng dụng và câu, bài ứng dụng. Như vậy, để thực hiện được mục tiêu giờ dạy, GV không thể bỏ qua việc hướng dẫn HS phát âm đúng và theo đó là sửa lỗi phát âm cho HS.

GV cần tổ chức những hoạt động phong phú, hấp dẫn để kích thích HS luyện phát âm như đọc cá nhân, đọc trong nhóm, thi đọc, tổ chức trò chơi... Ưu tiên cho hình thức sửa lỗi trực tiếp với từng cá nhân mắc lỗi.

Trước một lỗi sai cụ thể của HS, GV phải phân tích lỗi để tìm nguyên nhân mắc lỗi để sửa lỗi phát âm cho HS.

3. Sửa lỗi phát âm trong giờ học các môn và ngoài giờ lên lớp

Sửa lỗi phát âm không chỉ trong các giờ TV mà còn ở tất cả các môn học khác như Toán, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức... việc luyện tập thường xuyên sẽ tạo thành kĩ năng bền vững cho HS.

GV nên có sổ theo dõi việc phát âm TV của một số HS hay mắc lỗi trong lớp để luôn quan tâm sửa lỗi cho các em trong mọi tình huống ngôn ngữ như giao tiếp với cô, với bạn. Đôi khi GV cần tạo ra tình huống cho HS bộc lộ lỗi phát âm để có cơ hội sửa lỗi cho các em.

Điều quan trọng là GV phải tạo một không khí thân thiện, động viên khích lệ HS để các em mạnh dạn, tự tin, cởi mở với cô, với bạn.

4. Khuyến khích HS sửa lỗi cho nhau

Hoạt động nhóm là cách học mang tính hợp tác phát huy được tính tích cực chủ động và sáng tạo của HS. Hoạt động đọc trong các giờ học sau khi đã hướng dẫn cách đọc nên tổ chức cho HS được thực hành luyện đọc trong nhóm. Khi lần lượt đọc bài trong nhóm, em nào đọc sai các em khác trong nhóm sẽ sửa cho nhau. Nếu trong nhóm có em đọc yếu, GV cần quan tâm giúp đỡ nhiều hơn.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Lỗi phát âm là gì ? Kể tên một vài nguyên nhân gây lỗi phát âm ở HSDT ?

2. Hãy kể tên một số phương pháp sửa lỗi phát âm cho HSDT ? Theo bạn, phương pháp nào hiệu quả hơn ? Tại sao ?

3. Hãy sử dụng phương pháp phân tích cách phát âm để hướng dẫn HS sửa lỗi về phụ âm :

ch – tr , n – l , s – x , r – d – gi , b – v , ph – v , th – s.

4. Hãy chọn một bài học vần mà theo bạn HS của bạn sẽ mắc lỗi phát âm ở đó, thiết kế bài dạy trong đó có hoạt động sửa lỗi phát âm cho HS ?

Thực hành tập giảng trong nhóm với đồng nghiệp ? Ghi lại các ý kiến nhận xét của đồng nghiệp vào vở học tập.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

– Câu hỏi 1 : Bạn hãy xem phần thông tin cơ bản của hoạt động 1.

– Câu hỏi 2 : Xem thông tin cơ bản của hoạt động 3.

– Câu hỏi 3 : Mô tả một số thao tác cơ bản để phát âm chuẩn một số âm dễ lẫn:

Tr : Cong đầu lưỡi lên chạm vào vòm miệng, mặt lưỡi hơi uốn xuống, (nên còn gọi là phụ âm quặt lưỡi), luồng hơi bật ra tương đối mạnh, miệng há.

Ch : Nâng lưỡi lên, lưỡi trước chạm vào lợi của hàm răng trên, mặt lưỡi thẳng, đẩy luồng hơi ra nhè nhẹ, miệng há nhẹ.

X : Đầu lưỡi chạm vào phần lợi của hàm răng trên, đẩy luồng hơi ra nhẹ nhưng có độ xuýt của âm gió, miệng há nhẹ.

S : Đưa đầu lưỡi cong lên chạm vào vòm miệng, mặt lưỡi uốn xuống đẩy luồng hơi ra mạnh nhưng cũng có độ xuýt của âm gió.

N : Đầu lưỡi cong lên tựa vào phần lợi răng cửa của hàm răng trên trong lúc mặt lưỡi hơi lõm xuống, đẩy luồng hơi đi qua mũi nên có độ vang ở mũi. Nếu bịt mũi lại sẽ không phát âm đươợc.

L : Uốn lưỡi cong lên, đầu lưỡi chạm vào vòm miệng, khi đẩy hơi ra lưỡi bật thẳng, luồng hơi đi ra theo 2 bên rìa lưỡi.

D : Đầu lưỡi đưưa lên chạm vào lợi ở hàm răng trên. Đẩy hơi ra, miệng há nhẹ.

Gi : Đầu lưỡi uốn lên chạm vào phần lợi mềm của hàm răng trên, miệng hơi khép.

R : Đầu lưỡi uốn cong lên vòm miệng, đẩy luồng hơi ra mạnh để tạo độ rung của lưỡi.

B : Hai môi mím lại, bật hơi ra tương đối mạnh, miệng há hơi rộng.

V : Hàm răng trên chạm vào môi dưới, đẩy hơi ra ngoài tạo âm gió, miệng há.

Ph : Hàm răng trên cũng chạm vào môi dưới như âm **v** nhưng bật hơi ra mạnh hơn, miệng há.

Th : Đưa đầu lưỡi lên chạm vào chân hàm răng trên, bật hơi, lưỡi thẳng.

– Câu hỏi 4 : Bạn hãy tham khảo các tiêu chí dưới đây và tự đánh giá bài dạy của mình :

Xếp loại / Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Chưa đạt yêu cầu
Phân tích lỗi sai.	Chỉ ra được cụ thể nguyên nhân mắc lỗi của HS.	Chỉ ra được nguyên nhân mắc lỗi ở một số lỗi cụ thể.	Chỉ nói chung chung về lỗi mà không chỉ ra cụ thể.	Không chỉ ra được nguyên nhân mắc lỗi của HS.
Lựa chọn phương pháp và hình thức sửa lỗi.	Phù hợp với đối tượng.	Phù hợp với phần lớn đối tượng	Phù hợp với một số đối tượng.	Không phù hợp đối tượng.
Sự phối hợp giữa thầy và trò.	Linh hoạt, nhịp nhàng, sáng tạo phát huy tính tích cực của trò.	Tương đối linh hoạt, đã chú ý phát huy tính tích cực của trò.	Đã thể hiện sự phối hợp giữa thầy và trò nhưng chưa phát huy đỡợc tính tích cực của HS.	Các hoạt động còn nặng về hình thức, máy móc, thiếu sáng tạo linh hoạt.
Hiệu quả so với mục tiêu đặt ra.	HS biết cách sửa lỗi sai, đọc đúng những tiếng, từ đã đọc sai trong bài.	HS biết cách sửa một số lỗi sai, đọc đúng hầu hết những tiếng, từ đã đọc sai trong bài.	HS đọc đúng một số lỗi sai nhưng chủ yếu là do bắt chước tức thời chứ chỏa nắm được các thao tác phát âm cụ thể.	Việc sửa lỗi chưa đạt hiệu quả. Số HS sửa được rất ít.

* Bốn loại trên lấy tiêu chí **tốt** làm chuẩn.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Phương pháp dạy học TV ở tiểu học* – Lê Phương Nga, Nguyễn Trí - NXBĐHQG, H.1999.

2. *Rèn luyện kĩ năng sử dụng TV* – Đào Ngọc, Nguyễn Quang Ninh – NXBGD, H.1995.

3. *Giáo trình TV 2* – Đỗ Xuân Thảo, Lê Hữu Tỉnh – NXBGD, H.1997.

CHỦ ĐỀ 9 (4 tiết)

Dạy phát triển lời nói trong bài học âm, vần

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nắm vững các kiểu bài dạy âm, vần trong SGK TV 1 hiện hành để xác định rõ những cơ hội phát triển lời nói cho HSDT.

– Hiểu những khó khăn của HSDT trong việc học TV (về phát âm, vốn từ, kĩ năng diễn đạt...) để biết vận dụng phương pháp dạy TV (phát triển lời nói) nhằm đạt hiệu quả tốt.

2. Kĩ năng

– Xác định rõ nội dung, yêu cầu phát triển lời nói trong bài học âm, vần ở lớp 1 (dựa theo SGK TV 1 hiện hành).

– Sử dụng các biện pháp giúp HSDT phát triển lời nói trong quá trình giảng dạy các bài học âm, vần TV ở lớp 1.

3. Thái độ

– Quan tâm đến việc phát triển lời nói cho HSDT nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn TV ở lớp 1 theo Chương trình, SGK mới.

– Thường xuyên tạo điều kiện cho HSDT tập nói TV, phát triển ngôn ngữ thông qua những tình huống giao tiếp cụ thể, gần gũi với HS tiểu học.

II. NỘI DUNG

Hoạt động1. Tìm hiểu các kiểu bài dạy âm, vần trong SGK TV 1

Nhiệm vụ

1. Tìm hiểu về các kiểu bài dạy âm, vần trong SGK TV 1

1.1. Đọc tài liệu :

– SGV TV 1, tập một : Phần *Hướng dẫn chung* (từ tr. 3 đến tr. 11).

– SGK TV 1, tập một : *Một số bài dạy âm, vần* (Ví dụ : các bài 7, 11, 42, 43).

1.2. Làm các bài tập :

– Ghi chép tóm tắt về các nhóm và kiểu bài dạy âm, vần trong SGK TV 1 (SGK TV1 có mấy nhóm bài, vị trí của chúng trong cuốn sách ? Các nhóm bài đó gồm có các kiểu bài dạy?nào ?).

– Phát hiện những khó khăn của HSDT khi tiếp nhận các bài học âm, vần TV.

1.3. Trao đổi với đồng nghiệp về kết quả các bài tập do bạn đã thực hiện.

2. Tìm hiểu về quy trình dạy học các kiểu bài âm, vần TV cho HSDT

2.1. Đọc các tài liệu :

– SGK TV 1, tập một (các bài 7, 11, 42, 43).

– SGV TV 1, tập một (Phần *Hướng dẫn cụ thể* các bài 7, 11, 42, 43).

2.2. Làm các bài tập :

– Ghi chép tóm tắt quy trình dạy các bài 7, 11, 42, 43 trong SGV TV 1, tập một.

– Đề xuất những điều chỉnh cần thiết về quy trình dạy học các kiểu bài âm, vần TV cho HSDT.

2.3. Trao đổi với đồng nghiệp về những đề xuất của bạn đối với việc dạy các kiểu bài âm, vần TV theo SGK TV 1 hiện hành.

2.4. Đọc thông tin cơ bản dưới đây, đối chiếu với ý kiến cá nhân và nhóm cùng thống nhất.

Thông tin cơ bản

1. Các nhóm và kiểu bài dạy âm và vần trong SGK TV 1

a) Các nhóm bài dạy phần âm, vần

SGK TV 1 (hai tập) có 3 nhóm nội dung bài dạy về âm, vần với mục đích như sau :

– Nhóm bài *Làm quen với chữ cái* (từ bài 1 đến bài 6). Mục đích : giúp HS *làm quen* với việc học chữ Việt, chuẩn bị cho việc học toàn bộ phần âm và phần vần TV trong SGK.

– Nhóm bài *Âm và chữ ghi âm* (từ bài 7 đến bài 28). Mục đích : giới thiệu đầy đủ 29 chữ cái được dùng trong ghi chép TV ; làm quen với cấu tạo tiếng (ở dạng *tiếng mở* – tiếng có vần là 1 nguyên âm).

– Nhóm bài *Vần* (từ bài 29 đến bài 103). Mục đích : giới thiệu các vần thường gặp trong TV, giúp HS nắm được cấu tạo các loại vần, tiếng ; hình thành kĩ năng đọc đúng TV.

b) Các kiểu bài dạy âm, vần

Các nhóm nội dung bài dạy nói trên có 3 kiểu bài dạy cơ bản sau :

– Bài dạy *Âm và chữ ghi âm mới.*

– Bài dạy *Vần mới.*

– Bài dạy *Ôn tập âm, vần* (đã học).

2. Một số khó khăn và hạn chế của HSDT trong việc tiếp nhận bài học âm, vần TV ở lớp 1

HSDT học TV là học ngôn ngữ thứ hai (không phải TMĐ), vì vậy thường gặp một số khó khăn và hạn chế sau :

– Phải tiếp nhận một hệ thống âm thanh ngôn ngữ không giống TMĐ (khó khăn về *nghe, nói*), một hệ thống từ vựng, ngữ pháp mới mẻ (khó khăn về *hiểu*), một hệ thống chữ viết mới, ít được tiếp xúc (khó khăn về *đọc, viết*), do vậy phải có một quá trình học tập và rèn luyện lâu dài.

– Nếu hiện tượng TV cần học có những nét tương đồng với TMĐ thì quá trình tiếp nhận xảy ra không khó khăn lắm ; nếu hiện tượng TV cần học xa lạ với TMĐ thì quá

trình tiếp nhận sẽ rất khó khăn vì HS bị ảnh hưởng thói quen sử dụng TMĐ (cản trở về *phát âm,* về *chữ viết* và cả về tư duy ngôn ngữ).

– Không thường xuyên được sử dụng TV trong những môi trường giao tiếp cụ thể ở cộng đồng, vì vậy quá trình tiếp nhận càng trở nên khó khăn hơn so với việc học TMĐ.

3. Quy trình dạy học các kiểu bài âm, vần TV cho HSDT (đã được điều chỉnh theo yêu cầu chỉ đạo dạy học ở vùng dân tộc – công văn số 9048/TH ngày 9/10/2002 của Bộ?GD và ĐT).

Bài Dạy âm và chữ ghi âm mới

Tiết 1

1. Kiểm tra bài cũ : Đọc, viết theo nội dung bài kế trước.

2. Giới thiệu bài mới

3. Dạy âm và chữ ghi âm mới (hoặc dấu thanh)

3.1. Dạy âm và chữ ghi âm thứ nhất

a) Hướng dẫn phát âm và nhận diện chữ ghi âm (1) – (chữ in thường)

b) Hướng dẫn ghép tiếng khoá (Đánh vần tiếng, đọc trơn tiếng).

c) Hướng dẫn ghép từ khoá (Đánh vần tiếng, đọc trơn tiếng, từ).

d) Hướng dẫn nghĩa từ khoá (Qua tranh minh hoạ hay vật thật, kèm lời dẫn bằng TV hoặc TDT nếu cần).

** Tổ chức trò chơi, kết hợp nghỉ giữa tiết học.*

3.2. Dạy âm và chữ ghi âm thứ hai

a) Hướng dẫn phát âm và nhận diện chữ ghi âm (2) (chữ in thường).

b) Hướng dẫn ghép tiếng khoá (Đánh vần tiếng, đọc trơn tiếng).

c) Hướng dẫn ghép từ khoá (Đánh vần tiếng, đọc trơn tiếng – từ).

d) Hướng dẫn nghĩa từ khoá (Qua tranh minh hoạ hay vật thật, kèm lời dẫn bằng TV hoặc TDT nếu cần).

* *Chú ý* : Nếu cả lớp có bộ chữ *Thực hành TV lớp 1*, GV cần hướng dẫn HS chủ động tham gia vào quá trình học âm và chữ ghi âm mới, tự ghép tiếng khoá, từ khoá theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học môn TV ở lớp 1.

3.3. Hướng dẫn viết chữ : HS tập viết các chữ ghi âm mới (chữ viết thường), chữ ghi tiếng khoá trên bảng lớp, bảng con để GV dễ kiểm tra, uốn nắn.

** Tổ chức trò chơi cuối tiết 1, kết hợp nghỉ chuyển tiết.*

Tiết 2

4. Luyện tập

4.1. Đọc

a) Đọc âm-tiếng-từ khoá. (Củng cố nội dung học ở tiết 1 – chú ý phát âm).

b) Đọc từ ngữ ứng dụng. (Hướng dẫn nhận biết vần mới trong chữ ghi tiếng – đánh vần và đọc tiếng chứa vần mới – đọc từng từ ứng dụng. Kết hợp giải nghĩa từ ngữ bằng TV, ĐDDH, hoặc bằng TDT nếu cần ; có thể điều chỉnh từ ngữ ứng dụng cho sát hợp với HSDT).

c) Đọc câu ứng dụng. (Đọc chữ ghi tiếng có vần mới – đọc từ – đọc cả câu, bài ứng dụng trên bảng. Kết hợp tìm hiểu ý câu, bài ứng dụng qua tranh vẽ minh hoạ ở SGK).

d) Đọc bài trong SGK. (Âm-vần, tiếng, từ khoá ; từ ngữ ứng dụng ; chữ viết thường ; câu-bài?ứng dụng ; từ ngữ luyện nói).

** Tổ chức trò chơi (luyện đọc đúng và nhanh), kết hợp nghỉ giữa tiết học.*

4.2. Viết

(Hướng dẫn HS sử dụng *Vở Tập viết 1* tại lớp, GV kiểm tra, uốn nắn).

4.3. Nghe-nói

(Dựa vào tranh ở SGK, kết hợp cung cấp vốn từ ngữ và luyện nói theo mẫu câu đã học – vận?dụng tài liệu *Hướng dẫn dạy tập nói TV cho HSDT* ; chú ý mức độ khai thác nội dung chủ đề sao cho phù hợp vốn sống và trình độ HSDT).

5. Củng cố, dặn dò

(Có thể tổ chức trò chơi ghép tiếng – từ thông qua bộ chữ *Thực hành TV lớp 1* nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng đã học ; dặn dò yêu cầu thực hành luyện tập ở nhà).

Bài Dạy vần mới

Tiết 1

1. Kiểm tra bài cũ : Đọc, viết theo nội dung bài kế trước.

2. Giới thiệu bài mới

3. Dạy vần mới

3.1. Dạy vần thứ nhất

a) Hướng dẫn nhận biết vần mới (1) – (Phân tích cấu tạo vần mới hoặc *hướng dẫn HS tự thiết lập vần mới* nếu có bộ chữ *Thực hành TV lớp 1* ; đánh vần vần, đọc trơn vần ; có thể kết hợp phân biệt với vần đã học mà HSDT dễ lẫn lộn).

b) Hướng dẫn ghép tiếng khoá. (Đánh vần tiếng, đọc trơn tiếng, chú ý phát âm rõ, đúng).

c) Hướng dẫn ghép từ khoá. (Đánh vần tiếng, đọc trơn tiếng, từ).

d) Hướng dẫn nghĩa từ khoá. (Qua tranh minh hoạ hay vật thật, kèm lời dẫn bằng TV hoặc TDT nếu cần).

** Tổ chức trò chơi, kết hợp nghỉ giữa tiết học.*

3.2. Dạy vần thứ hai

a) Hướng dẫn nhận biết vần mới (2) – (Tương tự cách dạy vần thứ nhất ; kết hợp so sánh với cấu tạo vần thứ nhất để phân biệt).

b) Hướng dẫn ghép tiếng khoá. (Đánh vần tiếng, đọc trơn tiếng – chú ý phát âm rõ, đúng).

c) Hướng dẫn ghép từ khoá. (Đánh vần tiếng, đọc trơn tiếng, từ).

d) Hướng dẫn nghĩa từ khoá. (Qua tranh minh hoạ hay vật thật, kèm lời dẫn bằng TV hoặc TDT nếu cần).

3.3. Hướng dẫn viết chữ : HS tập viết các chữ ghi vần mới (chữ viết thường), chữ ghi tiếng khoá trên bảng lớp, bảng con để GV dễ kiểm tra, uốn nắn.

** Tổ chức trò chơi cuối tiết 1, kết hợp nghỉ chuyển tiết.*

Tiết 2

4. Luyện tập

4.1. Đọc

a) Đọc vần-tiếng-từ khoá. (Củng cố nội dung học ở tiết 1 – chú ý phát âm rõ, đúng các vần dễ lẫn).

b) Đọc từ ngữ ứng dụng. (Hướng dẫn HS nhận biết vần mới trong chữ ghi tiếng – đánh vần và đọc tiếng chứa vần mới – đọc từng từ ứng dụng. Kết hợp giải nghĩa từ ngữ bằng TV, ĐDDH, hoặc bằng TDT nếu cần ; có thể điều chỉnh từ ngữ ứng dụng cho sát hợp với HSDT).

c) Đọc câu ứng dụng. (Đọc chữ ghi tiếng có vần mới, đọc từ, đọc cả câu, bài ứng dụng trên bảng. Kết hợp tìm hiểu ý câu, bài ứng dụng qua tranh vẽ minh hoạ ở SGK).

d) Đọc bài trong SGK. (Âm, vần, tiếng, từ khoá ; từ ngữ ứng dụng ; chữ viết thường ; câu–bài ứng dụng ; từ ngữ luyện nói).

** Tổ chức trò chơi (luyện đọc đúng và nhanh), kết hợp nghỉ giữa tiết học.*

4.2. Viết

(Hướng dẫn HS sử dụng *Vở Tập viết 1* tại lớp, GV kiểm tra uốn nắn).

4.3. Nghe-nói

(Dựa theo tranh ở SGK, kết hợp cung cấp vốn từ ngữ và luyện nói theo mẫu câu đã học tương tự bài dạy *Âm, chữ ghi âm mới* ; chú ý mức độ khai thác nội dung chủ đề sao cho phù hợp vốn sống và trình độ HSDT).

5. Củng cố, dặn dò

(Tổ chức trò chơi, hoạt động nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng đã học) ; Dặn dò yêu cầu thực hành luyện tập ở nhà.

Bài Dạy ôn tập âm, vần

Tiết 1

1. Kiểm tra bài cũ : Đọc, viết theo nội dung bài kế trước.

2. Giới thiệu bài mới

3. Ôn tập

3.1. Lập bảng ôn âm (vần)

(GV lưu ý củng cố âm, vần cần ôn tập ; hướng dẫn HS thực hành : nghe GV đọc – viết chính tả chữ ghi âm, vần vào bảng con).

** Tổ chức trò chơi, kết hợp nghỉ giữa tiết học.*

3.2. Ghép tiếng, luyện đọc (theo bảng ôn)

(ở bài ôn vần, GV lưu ý HS tìm tiếng chứa vần cần ôn tập ; sử dụng bộ chữ *Thực hành TV lớp 1*, nếu có).

3.3. Đọc từ ngữ ứng dụng (SGK)

** Tổ chức trò chơi cuối tiết 1, kết hợp nghỉ chuyển tiết.*

Tiết 2

3.4. Đọc bài ứng dụng (SGK). Kết hợp hướng dẫn HS đọc bài trong SGK.

3.5. Luyện viết (Vở *Tập viết 1*)

** Tổ chức trò chơi, kết hợp nghỉ giữa tiết học.*

4. Kể chuyện : GV kể, hướng dẫn HS quan sát tranh và nắm vững từ ngữ ; sau đó tập kể từng đoạn của câu chuyện theo tranh và lời gợi ý của GV.

5. Củng cố, dặn dò

Tổ chức trò chơi, hoạt động nhằm củng cố kiến thức, kĩ năng đã ôn tập ; dặn dò yêu cầu thực hành luyện tập ở nhà.

Hoạt động 2. Dạy phát triển lời nói trong bài học âm, vần đối với HSDT

Nhiệm vụ

1. Xác định những cơ hội dạy HSDT phát triển lời nói trong bài học âm, vần ở lớp 1

1.1. Nghiên cứu các tài liệu :

– SGK TV 1, tập một (các bài 7, 11, 42, 43).

– SGV TV 1, tập một (Phần *Hướng dẫn cụ thể* cho các bài 7, 11, 42, 43).

1.2. Làm các bài tập :

– Ghi chép các cơ hội dạy HSDT phát triển lời nói trong bài học về âm, vần mới, theo?SGK TV1 hiện hành.

– Ghi chép các cơ hội dạy HSDT phát triển lời nói trong bài *Ôn tập về âm, vần* đã học, theo SGK TV 1 hiện hành.

1.3. Trao đổi với đồng nghiệp về kết quả các bài tập do bạn đã thực hiện.

2. Đề xuất và thực hành về những biện pháp, hình thức tổ chức dạy HSDT phát triển lời?nói trong bài học âm, vần

2.1. Nghiên cứu các tài liệu :

– SGK TV 1, tập một (1 bài dạy âm mới, 1 bài dạy vần mới, 1 bài *Ôn tập các âm* đã học, 1 bài *Ôn tập các vần* đã học).

– SGK TV 1, tập một (Phần *Hướng dẫn cụ thể* cho các bài đã chọn trong SGV TV 1, tập một).

2.2. Làm các bài tập :

– Ghi chép những đề xuất của bạn về biện pháp và hình thức tổ chức dạy HSDT phát triển lời nói trong bài học về âm, vần mới, theo SGK TV 1 hiện hành.

– Ghi chép những đề xuất của bạn về biện pháp và hình thức tổ chức dạy HSDT phát triển lời nói trong bài Ôn tập về âm, vần đã học, theo SGK TV 1 hiện hành.

– Soạn giáo án cho phần nghe – nói (trong giờ dạy âm hoặc vần mới) và phần kể chuyện (trong giờ Ôn tập âm, vần đã học) theo yêu cầu phát triển lời nói cho HSDT.

2.3. Trao đổi với đồng nghiệp về kết quả các bài tập ghi chép do bạn đã thực hiện.

Thuyết trình (hoặc dạy thử) về giáo án đã soạn ; sau đó rút kinh nghiệm về biện pháp, hình thức tổ chức dạy HSDT phát triển lời nói trong bài học âm, vần TV.

Thông tin cơ bản

1. Một số yêu cầu về phát triển lời nói đối với HSDT trong việc học TV ở lớp 1

– GV cần giúp HS hiểu và sử dụng được một số lệnh đơn giản thường sử dụng trong giờ học nói chung và trong quá trình tập nói TV nói riêng (VD : Hãy nói theo cô / Hãy trả lời...).

– GV giúp HS nắm được những *từ ngữ* cần thiết (hiểu nghĩa, phát âm đúng) và một số *mẫu câu* thông dụng (kể, hỏi, trả lời...) để sử dụng trong các tình huống nói năng phù hợp với quan hệ thầy cô, bạn bè.

– GV cần dựa vào ĐDDH (tranh ảnh, vật thật...) để gợi ý HS tập nói TV, gợi ra những tình huống giao tiếp cụ thể để HS tập vận dụng từ ngữ, mẫu câu đã học vào việc ứng xử bằng lời nói TV ; có nhiều biện pháp và hình thức tổ chức linh hoạt để HS tập nói TV có hiệu quả (nói theo mẫu, nói theo từng cặp HS, nói trong nhóm, nói trước lớp...).

– Quá trình hướng dẫn HS tập nói TV, GV cần kiên trì uốn sửa về cách phát âm, dùng từ, đặt câu, giúp HS khắc phục những hạn chế của sự giao thoa ngôn ngữ (ảnh hưởng TMĐ) ; tuy nhiên không nên đòi hỏi HS phải nói đúng ngay theo chuẩn hoặc sửa được ngay lỗi phát âm (vì do ảnh hưởng thói quen, cần khắc phục lâu dài).

– GV cần nắm được đặc điểm tâm lí của HSDT trong việc học nói TV (nhút nhát, lúng túng, thiếu tự tin, chưa mạnh dạn...), từ đó có những biện pháp và hình thức dạy học thích hợp, tạo điều kiện cho HS có cơ hội tiến bộ.

2. Dạy HSDT phát triển lời nói trong giờ học âm, vần TV ở lớp 1

2.1. Dạy HSDT phát triển lời nói theo yêu cầu nội dung bài học âm, vần TV

– Trong các bài dạy âm, vần mới, để hướng dẫn HSDT luyện tập theo nội dung Nghe-nói (mục ***4.3***), GV cần lưu ý những điểm sau :

+ Triệt để sử dụng tranh vẽ ở SGK để cung cấp cho HS vốn từ ngữ cần thiết, phục vụ cho việc luyện nói.

Ví dụ : Bài 42 (SGK TV 1, tập một), HS cần hiểu được các tên con vật đã học : *hổ, báo, gấu, hươu, nai, voi* – thông qua các hình vẽ con vật cụ thể ; từ đó mở rộng một số từ ngữ liên quan đến nội dung tập nói như : *trong rừng* (nói về nơi ở chủ yếu của các con vật), *ăn cỏ, ăn mật ong...* (nói về thức ăn mà con vật ưa thích), *to lớn, hiền lành, chậm chạp, nhanh nhẹn...*(nói về một số đặc điểm của các con vật) v.v.

+ Hướng dẫn HS tập nói theo mẫu câu (VD : *Đây là con gì ? Con hươu ăn gì ? Con gấu thích ăn gì ?... Hổ, báo, gấu, hươu, nai, voi thường sống ở đâu ? Con nào trông to lớn nhưng rất hiền lành ? ...*). Mức độ khai thác nội dung chủ đề cần phù hợp với vốn sống và hiểu biết, vốn từ ngữ và mẫu câu mà HSDT nắm được (có thể điều chỉnh nội dung của SGV, tránh ôm đồm, quá khó).

+ Cần tổ chức cho HSDT luyện nói theo từng bước từ dễ đến khó, nói nhiều ý khác nhau theo mẫu câu đã học (để củng cố, nắm vững cách diễn đạt) ; từ việc nói theo mẫu của GV đến việc nói với các bạn trong nhóm tổ (tập trả lời theo câu hỏi của bạn, tập đặt lại câu hỏi cho bạn trả lời...).

– Trong các bài dạy Ôn tập âm, vần, để hướng dẫn HSDT luyện tập theo nội dung Kể chuyện (mục 4), GV cần lưu ý những điểm sau :

+ Sử dụng tranh vẽ ở SGK để cung cấp cho HS vốn từ ngữ cần thiết, phục vụ cho việc luyện nói.

VD : Bài 43 (Kể chuyện *Sói và Cừu non* – SGK TV1, tập một), HS cần hiểu được tên hai nhân vật trong truyện (*Sói, Cừu*) ; từ đó mở rộng một số từ ngữ liên quan đến nội dung tập kể theo tranh như : *gặm cỏ, cánh đồng, mải ăn, đi mãi, gặp...*

+ GV vừa kể thật chậm rãi từng đoạn truyện theo tranh vừa hướng dẫn HS theo dõi từng chi tiết cụ thể trong tranh vẽ (để hiểu nghĩa từ) – có thể kết hợp cho HS nhắc lại từ ngữ cần thiết (tập phát âm đúng) ; giúp HS hiểu được ý chính và từ ngữ cần diễn đạt nội dung đoạn truyện (theo tranh).

+ GV hướng dẫn HS tập kể lại nội dung từng đoạn truyện theo tranh (thông qua những câu hỏi gợi ý cụ thể) ; nhắc HS nhớ lại từ ngữ hoặc dịch ra TDT một số từ ngữ để HS hiểu lời nói bằng TV ; chú ý uốn sửa cho HS cách phát âm, dùng từ, diễn đạt đúng ý.

Ví dụ : Bài 43 (kể chuyện *Sói và Cừu non*), GV hướng dẫn HS quan sát từng tranh trong SGK, tập kể theo những câu hỏi gợi ý như sau :

Tranh 1 : Cừu mải ăn cỏ, đi mãi ra tận đâu ? Sói đang đói bỗng gặp Cừu, nó nghĩ thế nào ? Sói nói với Cừu điều gì ?

(HS trả lời từng ý và tập kể lại cả đoạn theo tranh : *Cừu mải ăn cỏ, đi mãi ra tận giữa cánh đồng. Sói đang đói bỗng gặp Cừu, nó nghĩ rằng sẽ được một bữa ăn ngon lành. Sói nói với Cừu* : "*Này Cừu, hôm nay mày tận số rồi. Trước khi chết, mày có mong ước gì không ?").*

Tranh 2 : Cừu nói với Sói rằng trước khi ăn Sói nên làm gì ? Sói nghĩ gì và đã làm theo lời Cừu ra sao ?

(HS trả lời và kể theo tranh : *Cừu nói với Sói rằng* : *trước khi ăn, Sói nên hát thật to*. *Sói nghĩ Cừu không thể thoát được nên đã hắng giọng và cất tiếng sủa thật to*).

Tranh 3 : Tận cuối bãi, người chăn cừu nghe thấy gì ? Anh chạy nhanh đến và thấy thế nào?? Người chăn cừu đã làm gì *?*

(HS trả lời và kể theo tranh : *Tận cuối bãi, người chăn cừu nghe thấy tiếng gào của Sói. Anh chạy nhanh đến và thấy Sói vẫn đang ngửa mặt lên, rống ông ổng. Người chăn cừu liền giáng cho Sói một gậy*).

Tranh 4 : Cuối cùng, Cừu có thoát nạn không ? Theo em, nhờ có đức tính gì mà Cừu đã thoát?khỏi bàn tay của Chó Sói ?

(HS trả lời và kể theo tranh : *Cuối cùng, Cừu đã thoát chết. Nhờ bình tĩnh và nhanh trí nên Cừu đã thoát khỏi bàn tay của Sói*).

2.2. Dạy HSDT phát triển lời nói theo yêu cầu kết hợp trong bài học âm, vần TV

Trong tất cả các bài học âm, vần TV, GV đều phải quan tâm hướng dẫn HSDT tập nói bằng TV. Cụ thể :

– ở bài dạy *Âm, vần mới,* GV hướng dẫn HS tập nói TV (nói câu trả lời) trong suốt quá trình tiếp nhận kiến thức (nhận biết âm, vần mới, ghép tiếng, đọc từ, đọc câu ứng dụng, tập viết chữ ghi âm, vần, tiếng, từ...) thông qua những câu hỏi dẫn dắt, gợi mở tìm hiểu nội dung và thực hành luyện đọc.

– ở bài dạy *Ôn tập âm, vần,* GV hướng dẫn HS tập nói TV (nói câu trả lời, củng cố kiến thức) trong suốt quá trình ôn luyện (ghép tiếng, đọc tiếng, từ, câu ứng dụng, tham gia trò chơi củng cố kiến thức đã học...). Qua từng bài học cụ thể, nếu GV giúp HS nắm vững được vốn từ ngữ và câu đã học (nói lại và hiểu được) thì việc tập nói TV (luyện *nghe-nói*, *kể chuyện*) của HSDT sẽ rất dễ dàng, thuận lợi.

2.3. Một số biện pháp và hình thức tổ chức cho HSDT tập nói TV trong giờ học âm, vần

– Dạy HSDT tập nói TV, GV thường sử dụng một số biện pháp chủ yếu sau :

+ *Dạy học bằng trực quan* : Dùng hiện vật, tranh ảnh, mô hình, điệu bộ, cử chỉ,... và lời nói TV (trực quan ngôn ngữ) để hướng dẫn, gợi ý, trao đổi trực tiếp với HS (chỉ sử dụng TDT trong trường hợp thật cần thiết) trong suốt quá trình lên lớp.

+ *Thực hành luyện tập* : Thực hành theo mẫu (hỏi, trả lời) ; thực hành theo tình huống (thể hiện qua tranh vẽ, bằng lời mô tả hay thực tế hoạt động...) ; thực hành giao tiếp ngay tại lớp học (giữa GV và HS, HS với HS).

+ *Sử dụng TDT* : GV chỉ nên dùng trong một số trường hợp thật cần thiết (không thay thế được bằng cách khác), VD : cung cấp nghĩa từ ngữ mang tính trừu tượng (*tại sao, bao giờ, khi nào, ...rất, quá, lắm...*), cung cấp một số câu lệnh nhằm hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập (*Các em nói theo cô, Em hãy hỏi để bạn trả lời...*).

– Để hướng dẫn HSDT tập nói TV có hiệu quả, GV thường sử dụng một số *hình thức tổ?chức* sau :

+ *Nói trước lớp* : HS tập nói trước lớp theo mẫu bằng TV của GV để ghi nhớ và chuẩn bị luyện tập.

+ *Nói theo cặp* (hoặc *nhóm*) : 2 hay vài HS thực hành nói TV theo yêu cầu hoặc chỉ dẫn của GV để trau dồi kĩ năng đã học.

+ *Trò chơi học tập* : GV nêu nội dung trò chơi, cách thức chơi, luật chơi, cách đánh giá, khen thưởng...tạo điều kiện cho HS tập nói TV một cách hứng thú, tự giác.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Theo bạn, trong các kiểu bài dạy âm, vần TV, HSDT gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp nhận những kiểu bài nào ? Vì sao ?

Chọn những ý kiến đúng và giải thích lí do :

A – Bài dạy *Âm và chữ ghi âm mới.*

B – Bài dạy *Vần mới.*

C – Bài dạy *Ôn tập âm, vần* (đã học).

D – Cả 3 kiểu bài dạy nói trên.

2. Trong bài dạy âm, vần TV, bạn xác định những cơ hội nào tốt nhất để phát triển lời nói cho HSDT ?

Đánh dấu x vào những ô cần thiết :

☐ Dạy đọc chữ ghi âm, vần, tiếng - từ mới.

☐ Dạy viết chữ ghi âm, vần, tiếng - từ mới.

☐ Dạy đọc từ ngữ, câu ứng dụng trong bài.

☐ Dạy nghe-nói theo nội dung bài học âm, vần mới.

☐ Dạy kể chuyện trong bài ôn tập âm, vần đã học.

☐ Dạy kết hợp trong toàn bộ quy trình dạy học.

3. Mô tả lại một vài biện pháp và hình thức tổ chức cho HSDT tập phát triển lời nói TV trong giờ dạy âm, vần mà bạn viết và sử dụng.

a) Biện pháp

b) Hình thức tổ chức

4. Đánh giá phần dạy thử (Nghe – nói, Kể chuyện) của bạn theo tiêu chí và thang xếp loại ở mục IV dưới đây.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

– Câu 1. HSDT gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp nhận các kiểu bài dạy *Âm và chữ ghi âm mới* (A), *Vần mới* (B). Giải thích lí do : dựa vào *Thông tin cơ bản* dành cho mục II.1 (b).

– Câu 2. Xác định những cơ hội *tốt nhất* để phát triển lời nói cho HSDT :

• Dạy nghe - nói theo nội dung bài học âm, vần mới (Ô trống thứ 4).

• Dạy kể chuyện trong bài ôn tập âm, vần đã học (Ô trống thứ 5).

– Câu 3. Mô tả lại một vài biện pháp và hình thức tổ chức cho HSDT tập phát triển lời nói TV trong giờ dạy âm, vần : Xem *Thông tin cơ bản* dành cho mục II.2 (ý 2. c) ; tham khảo thêm phần *Hướng dẫn chung* ở tài liệu 4 (mục V. Tài liệu tham khảo).

– Câu 4. Bảng sử dụng để đánh giá nội dung dạy thử (*Nghe - nói, Kể chuyện*) dưới đây.

Đánh dấu + vào ô phù hợp :

a) Nghe - nói

Xếp loại / Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Chưa đạt yêu cầu
1. Sử dụng tranh để cung cấp vốn từ ngữ phục vụ cho luyện nói.				
2. Hướng dẫn HS tập nói theo mẫu câu.				
3. Tổ chức HS luyện tập phát triển lời nói.				

b) Kể chuyện

Xếp loại / Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Chưa đạt yêu cầu
1. Sử dụng tranh để cung cấp vốn từ ngữ phục vụ cho luyện nói.				
2. GV kể mẫu và hướng dẫn HS hiểu nội dung truyện.				
3. Sử dụng các biện pháp và hình thức hướng dẫn HS tập kể từng đoạn truyện.				

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công văn số 9048/TH ngày 9/10/2002 của Bộ GD và ĐT v/v chỉ đạo dạy học ở vùng dân?tộc.

2. SGK TV 1 (hai tập), NXBGD, 2002.

3. SGV TV 1 (hai tập), NXBGD, 2002.

4. *Hỏi và đáp về sách TV 1*, Nguyễn Trí (Chủ biên), NXBGD, H. 2002.

5. *Hướng dẫn dạy tập nói TV cho HSDT* (Tài liệu thử nghiệm) – Mông Ký Slay (Chủ biên), NXBGD, H. 2002.

6. *Trò chơi học âm - vần TV* – Vũ Khắc Tuân – NXBGD, H. 2002.

7. *Phương pháp dạy TV cho HSDT ở trường tiểu học* – Lê A, Mông Ký Slay, Đào Nam Sơn, Đào Ngọc – Bộ GD và ĐT, Vụ Giáo viên, H. 1993.

TIỂU MÔ ĐUN 3 (22 tiết)

Dạy nghe, nói Tiếng Việt

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Học viên nắm được yêu cầu và các nội dung dạy nghe, nói TV trong chương trình và phương pháp tiến hành dạy học phù hợp với đối tượng HSDT.

2. Kĩ năng

Vận dụng những phương pháp nắm được để tổ chức dạy học tốt các nội dung phát triển và rèn luyện kĩ năng nghe, nói TV cho HSDT ; so sánh, đối chiếu giữa việc dạy nghe nói TV cho HS người Kinh và cho HSDT để có cách dạy phù hợp.

3. Thái độ

Có ý thức dạy HS nói TV đúng và chính xác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

B. GIỚI THIỆU

– *Nội dung* Tiểu môđun 3 gồm 5 chủ đề và 2 đoạn băng hình (dạy từ trong dạy nói và dạy kể chuyện). Các bài trong môđun nhằm hướng dẫn tổ chức dạy kĩ năng nghe – nói TV cho HSDT. Bắt đầu từ việc dạy từ, đến dạy câu và dạy nghe – nói trong 2 kiểu giao tiếp bằng lời là hội thoại và độc thoại (kể chuyện), cuối cùng là hướng dẫn sửa lỗi văn miệng.

– *Thời gian* cần thiết để hoàn thành Tiểu môđun : 22 tiết.

– *Cách học* : Các bài chủ yếu được thiết kế để học cá nhân và học theo nhóm. Tuy nhiên có một số hoạt động cần có sự hướng dẫn của giảng viên đặc biệt là hoạt động xem băng. Việc rèn luyện kĩ năng nghe nói trong chương trình được tiến hành thông qua phân môn kể?chuyện và các hoạt động trong các phân môn khác. Đây là những gợi ý chung, khi học theo tài liệu này, GV cần có những vận dụng cụ thể vào các bài dạy TV một cách phù hợp.

C. BÀI HỌC

CHỦ ĐỀ 10 (4 tiết)

Dạy từ trong dạy nói Tiếng Việt

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Nắm được một số phương pháp và hình thức dạy từ gồm hướng dẫn luyện phát âm và cung cấp nghĩa từ.

2. Kĩ năng

Vận dụng các phương pháp để tổ chức hoạt động dạy từ đảm bảo yêu cầu rèn kĩ năng nghe nói TV cho HSDT.

3. Thái độ

Xác định được sự cần thiết và tầm quan trọng của việc dạy từ trong hình thành và phát triển kĩ năng nghe nói TV cho HSDT ; có ý thức phát triển vốn từ cho HS.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu những hình thức phát triển ngôn ngữ nói trong chương trình TV tiểu học

Nhiệm vụ

1. Những hình thức phát triển ngôn ngữ nói trong Chương trình TV Tiểu học

1.1. Đọc tài liệu : Đọc SGK TV 1, TV 2, TV 3.

1.2. Liệt kê những hình thức phát triển ngôn ngữ nói trong các tài liệu trên.

2. Tầm quan trọng của dạy từ trong phát triển ngôn ngữ nói

2.1. Làm việc cá nhân

Ghi lại ý kiến trả lời câu hỏi trên theo các mục sau :

– Các lí do phải dạy từ.

– Các ý xác định vai trò của dạy từ trong dạy nghe nói.

– So sánh các nội dung trả lời với thực tế giảng dạy của bạn.

2.2. Chia sẻ ý kiến của bạn với đồng nghiệp

– Xem xét các ý kiến đưa ra có trùng nhau không.

– Thảo luận về những ý kiến không trùng nhau và đi đến thống nhất.

2.3. Hãy thử so sánh nhận thức ban đầu của bạn với nhận thức sau khi thực hiện hoạt động và đọc thông tin cơ bản để hoàn thiện ý kiến của mình.

Thông tin cơ bản

1. Những hình thức phát triển ngôn ngữ nói trong Chương trình TV Tiểu học

Trong Chương trình TV Tiểu học, tuy không có phân môn dành riêng cho phát triển kĩ năng nói nhưng phân môn Học vần, Luyện tập tổng hợp (lớp 1), Tập làm văn và Kể chuyện đều có nội dung phát triển ngôn ngữ nói. Chương trình có những hình thức phát triển ngôn ngữ nói như sau :

– Luyện nói ở lớp 1 : luyện nói theo chủ đề (kể chuyện) ; luyện nói câu có tiếng chứa âm vần đã học ; hội thoại theo nội dung bài đọc hoặc về một chủ đề đơn giản, gần gũi với trẻ em.

– Rèn luyện các nghi thức lời nói trong giao tiếp thông thường (Tập làm văn) : chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, yêu cầu...

– Thực hành trao đổi, trò chuyện với người khác (Tập làm văn) : họp lớp, họp Đội ; giải thích vấn đề đang trao đổi ; tán thành, bác bỏ hay bảo vệ một ý kiến...

– Nói thành bài (Tập làm văn) : giới thiệu về bản thân, gia đình, bạn bè ; thông báo tin ngắn ; thuật lại câu chuyện hoặc sự việc đã nghe, đã chứng kiến...

– Kể chuyện.

2. Tầm quan trọng của việc dạy từ trong dạy nói

– Lời nói là một hoạt động của con người, là sự thể hiện tư duy dựa vào phương tiện ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu...). Muốn nói tốt, ngoài yêu cầu phát âm còn phải có vốn từ ngữ vì từ ngữ là chất liệu được sử dụng để nói ; nếu không có vốn từ HS sẽ không thể nói được.

– Trong dạy nghe, nói TV thì việc dạy từ là bước đi đầu tiên và có vai trò quan trọng.

Đối với HSDT thì công việc này lại càng cần thiết vì vốn từ TV của trẻ em dân tộc trước khi tới trường rất hạn chế ; phần lớn các em trước khi đi học chưa nói được TV. Số trẻ nói được chút ít thì phát âm cũng chưa chuẩn, hiểu nghĩa từ chưa chính xác[1].

3. So sánh nội dung thông tin với thực tế HS của bạn

Hoạt động 2. So sánh và nêu đặc điểm của dạy từ trong dạy nói TV

Nhiệm vụ

1. Sự giống nhau và khác nhau giữa dạy từ trong dạy nói và dạy từ trong dạy đọc.

1.1. Bạn hãy so sánh việc dạy từ trong dạy nói với việc dạy từ trong dạy đọc. Ghi ra sự giống nhau và khác nhau giữa 2 việc làm này.

1.2. Từ sự giống nhau và khác nhau đó, khi dạy nói TV, bạn thấy cần kết hợp dạy từ với dạy nghe như thế nào cho có hiệu quả ?

2. ảnh hưởng của TDT đối với việc dạy từ

2.1. Hãy thảo luận với đồng nghiệp về những ảnh hưởng của TDT ở địa phương đến việc dạy?từ.

2.2. Theo bạn, sự khác nhau cơ bản nào giữa TV và TDT ở địa phương về từ vựng – ngữ nghĩa có ảnh hưởng đến việc dạy từ ? Ghi ra một số điểm khác nhau về :

– Cấu tạo từ.

– Ngữ nghĩa.

2.3. Đọc thông tin cơ bản dưới đây nhằm hoàn thiện ý kiến cá nhân.

Thông tin cơ bản

1. Mặc dù cùng là dạy từ, nhưng dạy từ trong dạy nói và dạy từ trong dạy đọc không hoàn toàn giống nhau. Hai việc làm này có cùng yêu cầu là : khi dạy một từ, HS phải phát âm chuẩn và nắm được nghĩa của từ đó. Tuy nhiên, dạy từ trong dạy nói có những điểm khác với dạy từ trong dạy đọc. Có thể thấy một số điểm khác nhau ở bảng sau :

Dạy từ trong dạy nói	Dạy từ trong dạy đọc
- Chủ yếu dựa vào nghe và trực quan. - Khi dạy nghĩa từ, khó có thể dựa vào ngữ cảnh (văn cảnh). - Khi dạy phát âm, chủ yếu dựa vào việc nghe phát âm mẫu và quan sát các cấu âm.	- Ngoài nghe và trực quan còn có thể dựa vào kênh chữ trong văn bản đọc. - Có thể dựa vào ngữ cảnh (văn cảnh) trong bài đọc. - Ngoài nghe và quan sát cấu âm còn có thể đánh vần để đọc đúng.

Chính vì đặc điểm của việc dạy từ trong dạy nói chủ yếu dựa vào nghe và trực quan nên dạy từ cần kết hợp chặt chẽ với dạy nghe. Trong chương trình môn TV, không có phân môn nào đặt trọng tâm rèn kĩ năng nghe. Kĩ năng nghe được rèn qua các phân môn Chính tả, Kể?chuyện, Tập làm văn... Tuy nhiên, trong chương trình, ở phần mục tiêu, kĩ năng nghe được xác định rõ mức độ cần đạt qua từng lớp. Đây là những căn cứ cơ bản giúp GV xác định nội dung rèn kĩ năng nghe cho HS.

Khi dạy từ, cần có các bài tập rèn kĩ năng nghe đúng để nói lại từ một cách chính xác?; bài tập nghe – đáp lại bằng hành động để kiểm tra mức độ nghe hiểu một từ nào đó. Trong?các loại bài tập này, GV đưa ra yêu cầu và hướng dẫn HS thực hiện theo yêu cầu đó. Ví?dụ :

Giáo viên nói "cái bàn","cái ghế", hoặc "đứng lên" hay "ngồi xuống"...

HS nghe và xem giáo viên làm mẫu.

HS thực hiện theo yêu cầu của GV :

- GV nói "cái bàn" – HS đặt tay vào cái bàn ;
- GV nói "đứng lên" – HS đứng lên, ...

2. Tiếng mẹ đẻ của HS cũng ảnh hưởng đến việc dạy từ

Một số TDT có phương thức tạo từ khác với trong TV. Đây là một trong những nguyên nhân khiến HSDT thường mắc lỗi trong dùng từ TV. Ví dụ như trong tiếng Hmông, có các từ ghép có đảo trật tự so với TV : *mẹ bố (cha mẹ), em anh (anh em)... ;* hiện tượng chuyển nghĩa *: biết – chú ý (biết rõ), đau – gan (thương xót)... ;* hiện tượng láy : *đi – đi (đi mãi), thứ – thứ (có) (có mọi thứ)*[1]...

Hệ thống đại từ nhân xưng và các từ ngữ xưng hô của nhiều TDT cũng khác với trong TV. Với sự khác nhau như vậy và do thói quen nói TMĐ, HSDT gặp khó khăn trong việc dùng từ. Các em thường sử dụng các từ xưng hô không phù hợp nhiều khi dẫn tới chỗ khiếm nhã ; sử dụng nhầm lẫn các từ ngữ do không hiểu nghĩa.

Hoạt động 3. Tìm hiểu phương pháp dạy từ trong dạy nói TV

Nhiệm vụ

1. Cung cấp nghĩa từ cho HS

1.1. Đọc tài liệu.

– Đọc chủ đề 1, 3 (Tiểu môđun 1) ; chủ đề 16 (Tiểu môđun 4).

– Đọc mục 6 phần *Giới thiệu chung* trong "Hướng dẫn dạy tập nói TV cho HS dân tộc" (mục V, phần Phụ lục).

1.2. Làm bài tập.

– Liệt kê các cách cung cấp nghĩa từ đã nêu trong các tài liệu trên.

– Bổ sung thêm các cách khác của bạn hoặc của đồng nghiệp mà bạn biết.

1.3. Thảo luận về các cách cung cấp nghĩa từ.

2. Hướng dẫn HS luyện nói từ ngữ

2.1. Nêu các dạng bài tập bạn đã sử dụng để hướng dẫn HS luyện nói từ ngữ.

2.2. Bạn tự đánh giá hiệu quả của từng loại bài tập.

3. Xác định các bước dạy từ

3.1. Ghi lại thứ tự các việc bạn làm khi dạy một từ trong dạy nói.

3.2. So sánh thứ tự các việc làm của bạn với đồng nghiệp và với thứ tự (các bước) trong phần *Thông tin cơ bản*.

3.3. Bạn hãy chọn cho mình một trình tự mà bạn thấy hợp lí.

4. Đọc thông tin cơ bản và đối chiếu với ý kiến cá nhân

Thông tin cơ bản

1. Cung cấp nghĩa từ

Có nhiều phương pháp cung cấp nghĩa từ khác nhau. Do đặc điểm của việc dạy từ trong dạy nói, có thể sử dụng các phương pháp cung cấp nghĩa từ sau :

– Phương pháp trực quan : Sử dụng vật thật, mô hình, tranh ảnh, điệu bộ, cử chỉ, nét?mặt... ; mô phỏng các việc làm, hành động... bằng động tác ; quan sát các hoạt động của người, vật... ; sử dụng các sự vật, hiện tượng của môi trường xung quanh...

– Phương pháp giải thích bằng lời (mô tả mở rộng trong vài ba câu kết hợp với lấy ví dụ câu có từ đó).

– Phương pháp dịch ra TDT.

(Về phương pháp cung cấp nghĩa từ xem thêm chủ đề 16 (Tiểu môđun 4).

2. Luyện phát âm từ ngữ

– Sử dụng phương pháp quan sát và giải thích cấu âm : Đối với HS tiểu học, phương pháp này cũng có thể sử dụng nhưng chỉ với mức độ nhất định. Cách giải thích đơn giản kết hợp với việc cho HS quan sát. Chủ yếu giải thích cách đặt lưỡi, môi khép mở ra sao..., tức là những cơ quan tham gia cấu âm mà HS có thể quan sát được.

– Sử dụng phương pháp so sánh : So sánh âm khó trong TV với nhau và với âm trong TDT. Lưu ý : Chỉ so sánh những âm có sự tương đồng nhất định trong cách cấu âm và chỉ khác nhau ở một vài điểm như độ mở của miệng, tính hữu thanh và vô thanh của phụ âm...

3. Các bước dạy từ

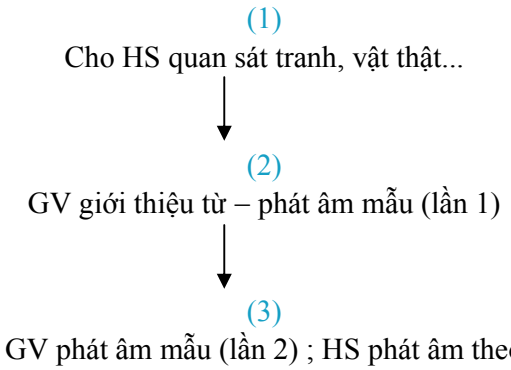

(1) Bước này nhằm giúp HS có một hình ảnh chung về từ mà mình sẽ học. Thực hiện bước này, GV chỉ tranh, đồ vật hoặc làm động tác... cho HS quan sát (giáo viên có thể vừa chỉ, vừa nói).

(2) Bước này nhằm giúp HS chú ý hơn vào hình ảnh tương ứng với từ cần cung cấp. Đây là bước quan trọng nhằm giúp HS vừa nắm được nghĩa từ vừa biết được cách phát âm. Thực hiện bước này, giáo viên vừa chỉ vào hình ảnh trong tranh, vào vật thật hoặc làm động tác, cử chỉ... đồng thời phát âm từ ; HS lắng nghe.

(3) ở bước này, giáo viên phát âm mẫu và yêu cầu HS phát âm theo.

**** Lưu ý :*** Khi dạy từ nên :

– Quan tâm đồng thời việc phát âm đúng từ và cung cấp nghĩa từ.

– Chỉ nên sử dụng phương pháp dịch ra TDT khi giải nghĩa từ trừu tượng.

– Không nên cho HS nhắc lại từ nhiều lần, vì việc lặp lại nhiều lần dễ gây nhàm chán và không đem lại hiệu quả trong việc hiểu nghĩa của từ ; chỉ lặp lại nhiều lần trong trường hợp cần luyện phát âm.

– Phối hợp các phương pháp và luôn thay đổi cách cung cấp nghĩa từ.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Theo bạn, yêu cầu (bước đầu) của việc dạy từ là gì ?

Chọn đáp án đúng :

A – HS đọc được từ đó.

B – HS hiểu nghĩa từ đó.

C – HS phát âm chuẩn và nắm được nghĩa của từ.

2. Đánh giá các phương pháp cung cấp nghĩa từ

• *Phương pháp nào có hiệu quả nhất đối với HS lớp 1 ?*

Đánh dấu x vào ô cần thiết :

☐ PP trực quan

☐ PP giải nghĩa bằng lời

☐ PP dịch ra tiếng mẹ đẻ

• Sử dụng phương pháp phù hợp : *Phương pháp nào phù hợp với việc dạy nghĩa các danh từ cụ thể ?*

Chọn phương pháp phù hợp

A – Phương pháp trực quan

B – Phương pháp giải nghĩa bằng lời

C – Phương pháp dịch ra tiếng mẹ đẻ

3. Liệt kê các bước dạy từ

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Yêu cầu của việc dạy từ là HS phát âm chuẩn và nắm được nghĩa của từ (C). Tuy nhiên, đây là yêu cầu bước đầu ; còn để đánh giá việc nắm từ thì còn cần xem xét việc sử dụng từ đó trong các hoạt động giao tiếp của HS.

2. Đánh giá các phương pháp cung cấp nghĩa từ

– Đối với HS lớp 1, sử dụng phương pháp trực quan thường mang lại hiệu quả tốt nhất.

– Để dạy nghĩa danh từ cụ thể, phương pháp phù hợp cũng là phương pháp trực tiếp (A).

3. Các bước dạy từ

– Cho HS quan sát tranh, vật thật...

– GV giới thiệu từ – phát âm mẫu (lần 1).

– GV phát âm mẫu (lần 2) ; HS phát âm theo.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Phương pháp dạy TV cho HS dân tộc ở trường tiểu học* – Lê A, Mông Ký Slay, Đào Nam Sơn, Đào Ngọc – Bộ Giáo dục và Đào tạo ; Vụ Giáo viên, H. 1993.

Phần : Dạy tập nói TV (tr. 36 - 41).

2. *Hướng dẫn dạy tập nói tiếng Việt cho HS dân tộc* (Tài liệu thử nghiệm)– Mông Ký Slay (Chủ biên), Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đào Nam Sơn, Nguyễn Trí – NxbGD, H. 2002 ; tái bản lần 1 năm 2003.

Phần 1 : Giới thiệu chung (tr. 3 - 10)

3. *Giáo trình đào tạo giáo viên THSP 9 + 3 và 9 + 4*.

Bài 6. Phương pháp dạy tập nói cho HS dân tộc (tr. 76 - 95).

Phụ lục

* Tài liệu *Hướng dẫn dạy tập nói TV cho HSDT,* NXBGD, H. 2003.

* Phương pháp dạy học

• *Phương pháp trực tiếp.*

– Dạy nói TV thông qua việc sử dụng TV để dạy HS nói ; tạo môi trường TV ngay trong giờ học.

– Triệt để sử dụng hiện vật, mô hình, vật mẫu, tranh ảnh, điệu bộ, cử chỉ...

• *Phương pháp thực hành.*

– Thực hành theo mẫu.

– Thực hành theo tình huống.

• *Thực hành giao tiếp.*

• *Phương pháp sử dụng tiếng mẹ đẻ.*

CHỦ ĐỀ 11 (4 tiết)

Dạy câu trong dạy nói Tiếng Việt

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Xác định được các mẫu câu cần luyện nói phù hợp với đối tượng HS dân tộc và có những biện pháp luyện nói tích cực.

2. Kĩ năng

Vận dụng các biện pháp để tổ chức luyện nói có hiệu quả, đảm bảo yêu cầu hình thành và phát triển kĩ năng nói.

3. Thái độ

Chủ động trong việc lựa chọn mẫu câu phù hợp với đối tượng HS và quan tâm tới khâu nói mẫu của GV.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu về tầm quan trọng của câu trong văn bản nói

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

– Ghi lại ý kiến của bạn về tầm quan trọng của câu trong văn bản nói.

2. Chia sẻ ý kiến của bạn với đồng nghiệp vấn đề này. Đọc thông tin dưới đây và đối chiếu với ý kiến của mình.

Thông tin cơ bản

Câu có vai trò quan trọng trong văn bản nói, vì :

– Trong dạy nói, không thể dạy HS nói từng từ riêng lẻ mà tối thiểu phải bắt đầu từ đơn vị?câu.

– Dạy nói cho HSDT không dừng lại ở những phát ngôn đơn lẻ mà dạy lời nói liên kết ; dạy kĩ năng giao tiếp. Để thực hiện giao tiếp, các em buộc phải phát ngôn được câu hoàn chỉnh theo các nội dung chào hỏi, làm quen, giới thiệu ; yêu cầu (hỏi mượn, hỏi xin, xin?phép...)

– Câu cũng là đơn vị tối thiểu để GV có thể đánh giá được khả năng ngôn ngữ của HS ở dạng nói.

Hoạt động 2. Phân tích và tìm hiểu đặc điểm của dạy câu trong dạy nói

Nhiệm vụ

1. Sự giống nhau và khác nhau giữa dạy câu trong dạy nói và trong dạy viết

– Bạn hãy nêu một số đặc điểm của câu trong lời nói và trong văn bản viết :

- Đặc điểm của câu trong lời nói.

• Đặc điểm của câu trong văn bản viết.

– Từ những đặc điểm trên, thảo luận với đồng nghiệp để cùng xác định sự giống nhau và khác nhau giữa dạy câu trong dạy nói và dạy câu trong dạy viết.

2. Những loại câu thường sử dụng trong lời nói

– Đọc văn bản chương trình TV (trong cuốn *Chương trình Tiểu học*, NXBGD, H. 2001, tr. 9 - 26) ; SGK TV 1, TV 2, TV 3 theo chương trình này.

– Nêu một số loại câu thường được sử dụng trong lời nói và cần luyện cho HS trong dạy?nói.

3. ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ đối với việc dạy câu trong dạy nói

– Hãy thảo luận với đồng nghiệp về những ảnh hưởng của TMĐ của HSDT ở địa phương đến việc dạy câu.

– Theo bạn, sự khác nhau cơ bản nào giữa TV và TDT ở địa phương về cú pháp có thể ảnh hưởng đến việc dạy câu ? Ghi ra một số điểm khác nhau về cú pháp.

– Đọc thông tin dưới đây và hoàn thiện ý kiến của cá nhân và nhóm.

Thông tin cơ bản

1. Sự giống nhau và khác nhau giữa dạy câu trong dạy nói và trong dạy viết

1.1. Đặc điểm của câu trong lời nói và văn bản viết :

– Câu trong lời nói sử dụng âm thanh, ngữ điệu làm phương tiện biểu hiện, còn câu trong văn bản viết sử dụng kí tự.

– Dạng nói thường sử dụng kiểu câu ngắn gọn ; dùng nhiều biến thể câu đơn giản. Loại câu này giúp người nghe dễ theo dõi, dễ hiểu nội dung cần truyền đạt. Câu trong lời nói thường có các yếu tố dư như : hình thức lặp, nghi vấn, cảm thán, các phụ từ... Dạng viết thường sử dụng câu dài hơn, câu có nhiều thành phần phong phú.

– Các loại câu sử dụng trong lời nói thường phong phú hơn trong văn bản viết.

– Trong lời nói, ngữ điệu của câu đóng vai trò hết sức quan trọng, nó làm cho câu giàu sắc thái biểu cảm và có thể làm thay đổi cả ý nghĩa của câu. Câu trong văn bản viết không có đặc điểm này.

1.2. Chính vì những đặc điểm trên nên tuy cùng là dạy đơn vị câu nhưng dạy câu trong dạy nói và dạy câu trong dạy viết có sự khác nhau.

– Do phương tiện biểu hiện và các điều kiện giao tiếp khác nhau nên dạy nói câu chủ yếu dựa vào nghe và dường như không có điều kiện để chuẩn bị, "nháp" hoặc sửa chữa ; trong khi đó, dạy viết có thể thực hiện được điều này.

– Trong dạy viết có thể dễ dàng thiết kế và thực hiện các bài tập luyện đặt câu hơn so với trong dạy nói.

– Như đã nói ở trên, câu trong lời nói mang đậm sắc thái biểu cảm (qua ngữ điệu) nên cũng khó thể hiện hơn.

2. Một số mẫu câu dùng trong giao tiếp thông thường

Trong chương trình TV có yêu cầu rèn luyện một số nghi thức lời nói trong giao tiếp thông thường. Chương trình có giới thiệu những mẫu câu dùng để nói lời chào, lời chia tay, lời tự giới thiệu ; lời cảm ơn, xin lỗi ; yêu cầu, đề nghị... Các loại câu thường được sử dụng là :

– Câu trần thuật (câu khẳng định, câu phủ định).

– Câu hỏi.

– Câu cầu khiến.

3. ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ đối với việc dạy câu

Một số đặc điểm về cú pháp của TDT khác với TV có thể ảnh hưởng tới việc dạy câu TV.

– Trong một số ngôn ngữ dân tộc, trật tự từ đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc biểu hiện các mối quan hệ ngữ pháp. Trong các thành phần câu, trạng ngữ thường có vị trí tự do hơn. Ví dụ : trong tiếng Dao, câu *Ngày mai tôi đi chợ*, trạng ngữ *ngày mai* có thể đứng?ở vị trí đầu câu, cuối câu và ở cả giữa câu.

– ở một số ngôn ngữ dân tộc, các đại từ nghi vấn *đâu, gì* thường được đặt ở đầu câu hỏi. Ví dụ :

Tiếng Gia-rai : *Pơcă* ami naw ? (*Đâu* mẹ đi = Mẹ đi đâu ?)

Tiếng Ba-na : *Toyơ* ih năm ? *(Đâu* anh đi = Anh đi đâu ?)

Yă kiơ oh sa ? *(Cái* gì em ăn = Em ăn cái gì ?)

Tiếng Ê-đê : *Ya* ih ngă ? *(Gì* anh làm = Anh làm gì ?)[1].

Hoạt động 3. Phương pháp dạy câu trong dạy nói tiếng Việt

Nhiệm vụ

1. Bạn đã hướng dẫn HS luyện nói câu như thế nào

– Ghi lại cách bạn tổ chức cho HS luyện nói câu.

– Bạn tự đánh giá về cách làm của mình.

2. Xác định mức độ quan trọng của việc làm mẫu

– Khi tổ chức cho HS luyện nói câu, bạn đã chú ý tới việc làm mẫu chưa ?

– Trao đổi ý kiến về vấn đề này với đồng nghiệp và cùng nhau xác định những lí do của sự cần thiết phải làm mẫu.

– Đọc thông tin dưới đây, đối chiếu và hoàn thiện ý kiến của mình.

Thông tin cơ bản

1. Cách chọn mẫu câu

---

[1] Nguồn : Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc), (Các tỉnh phía Nam) - NXB Khoa học xã hội, H. 1978, 1984.

Nên chọn những mẫu câu chuẩn, tường minh, tránh cách nói vòng vo, sử dụng những từ ngữ chêm xen không cần thiết. Ví dụ : Khi dạy nghi thức chào với người trên, nên dạy mẫu câu?: *Con/Cháu/Em... chào bố mẹ, ông bà, anh chị... ạ !* , còn những cách chào khác sẽ được bổ sung sau khi vốn TV của các em đã phong phú.

2. Có thể hướng dẫn học luyện nói câu theo trình tự sau :

– Giáo viên nêu tình huống câu cần nói.

– Giáo viên giới thiệu câu – nói mẫu (lần 1).

– Giáo viên nói mẫu (lần 2) ; HS nói theo.

– HS luyện nói (cá nhân, trong nhóm...).

* *Lưu ý :*

– Cũng như dạy từ, dạy câu trong dạy nói chủ yếu dựa vào nghe nên giáo viên phải rất chú trọng vào khâu nói mẫu ; ở một mức độ nào đó cần nói chậm, nói rõ từ (chấp nhận lời nói có thể không được tự nhiên), nhấn vào các từ ngữ đánh dấu các dạng câu, ví dụ như : ai, gì, như thế nào... (đối với câu hỏi) ; hãy, chớ, đừng...(đối với câu cầu khiến).

– Với mỗi loại câu cần có cách dạy phù hợp.

– Yêu cầu về phát âm trong giai đoạn đầu học nói TV : chú ý đến những phát âm khác biệt làm sai lạc thông tin ; cần chấp nhận sự gần đúng và các lỗi trong lời nói của HS?; không nên có những đòi hỏi quá sức của các em, dễ gây tâm lí nhàm chán hoặc sợ sệt dẫn đến làm mất nhu cầu nói TV ở HS.

Hoạt động 4. Tìm hiểu lỗi và cách khắc phục lỗi câu ở dạng nói

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân : lập bảng thống kê theo các mục sau cho HS các dân tộc :

– Tên dân tộc.

– Lỗi sử dụng từ (lưu ý đại từ và từ xưng hô).

– Lỗi ngữ pháp (trật tự từ).

2. Làm việc theo nhóm

– Bạn đã làm thế nào để sửa các lỗi trên ? Ghi ra các cách bạn đã làm để sửa lỗi cho HS.

– Trao đổi về cách làm của bạn với các đồng nghiệp và chọn ra những cách làm có kết quả tốt. Đọc thông tin dưới đây và đối chiếu ý kiến của bạn.

Thông tin cơ bản

1. Một số lỗi câu ở dạng nói mà HSDT thường mắc

Do đặc điểm của TMĐ (như đã đề cập ở trên) và do vốn TV còn hạn chế nên HSDT thường mắc một số lỗi câu như : dùng từ không đúng ; dùng đại từ nhân xưng, từ xưng

hô không phù hợp do không hiểu nghĩa từ ; nói trống không ; nói câu thiếu chủ ngữ, câu không đầy đủ, câu không đúng trật tự từ...

2. Một số biện pháp khắc phục lỗi

– Nắm được một số đặc điểm về phương thức cấu tạo từ, về hệ thống đại từ nhân xưng, từ xưng hô trong TDT thì sẽ dự đoán được lỗi dùng từ của HS để phòng ngừa.

– Sử dụng các loại bài tập thực hành luyện tập theo mẫu ; ở đây cần nhấn mạnh vai trò làm mẫu của giáo viên. Để HS xác định được trật tự từ trong câu trong lúc nghe, khi nói mẫu giáo viên cần nhấn vào từ ngữ chức năng có tác dụng cấu tạo dạng hỏi (từ ngữ nghi vấn : *ai, cái gì, làm gì, ở đâu*... ; các khuôn từ ngữ : *có phải... không, có... không*...) ; dạng câu cầu khiến (phó từ : *hãy, chớ, đừng*... ; trợ từ : *đi, nào, thôi*...). Ngoài ra, cần lưu ý tới ngữ điệu, nét mặt... khi nói mẫu.

(Về cách khắc phục lỗi câu, xem thêm chủ đề 14 – Tiểu môđun 3).

– Để rèn luyện kĩ năng phát âm và nói trôi chảy có thể sử dụng những bài hát hợp với lứa tuổi HS ; những bài đồng dao quen thuộc của trẻ người Kinh. Những bài đồng dao này, khác với thơ thể hiện bằng ngôn ngữ viết, mang đậm nét truyền khẩu nên dễ đọc trơn tru, nội dung thường lại chứa đựng những từ ngữ chỉ đồ vật, con vật quen thuộc.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Lập bảng thống kê các lỗi về câu mà HS lớp bạn thường mắc khi nói.

2. Thiết kế một hoạt động luyện nói câu (lưu ý dự báo các lỗi HS có thể mắc và nêu cách khắc phục).

– Trao đổi về thiết kế với đồng nghiệp.

– Tổ chức dạy thử.

– Đánh giá hoạt động dạy thử.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Các công việc bạn nên làm

– Thống kê các lỗi.

– Phân loại các lỗi.

– Xác định nguyên nhân cho mỗi loại lỗi.

– Cách khắc phục đối với từng loại lỗi.

2. Đánh giá hoạt động dạy thử bằng bảng sau :

Xếp loại / Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Chưa đạt yêu cầu
– Phương pháp cung cấp nghĩa và luyện phát âm từ. Khâu nói mẫu của GV. Hình thức tổ chức HS luyện nói câu. – Dự báo lỗi và cách khắc phục.				

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chương trình Tiểu học* – Bộ Giáo dục và Đào tạo – NXBGD, H. 2001.

2. *Sách giáo khoa TV 1, TV 2, TV 3* (theo chương trình mới).

3. *Một số vấn đề dạy ngôn bản nói và viết ở tiểu học theo hướng giao tiếp* – Nguyễn Quang Ninh – NXBGD, H. 1998.

4. *Đặc trưng ngôn ngữ nói TV* – Hoàng Trọng Phiến, trong cuốn "Một số vấn đề ngôn ngữ học Việt Nam" – NXB KHXH, H. 1981.

CHỦ ĐỀ 12 (4 tiết)

Dạy hội thoại trong dạy nói Tiếng Việt

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Nắm được các phương pháp giới thiệu tình huống và hướng dẫn HS hội thoại trong các tình huống đó.

2. Kĩ năng

Vận dụng các phương pháp để hướng dẫn HS hội thoại trong những tình huống cụ thể ; đảm bảo yêu cầu hình thành và phát triển kĩ năng nói trong hội thoại.

3. Thái độ

Quan tâm xây dựng môi trường thuận lợi cho việc tạo nhu cầu nói TV của HS và giúp các em nói được tiếng Việt.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Xác định đặc điểm các dạng hội thoại thường sử dụng trong dạy nói

Nhiệm vụ

1. Liệt kê một số dạng (tình huống) hội thoại trong phân môn Tập làm văn lớp 2, lớp 3 (theo Chương trình Tiểu học mới).

2. Theo bạn, các dạng hội thoại vừa liệt kê có những đặc điểm gì ?

– Bạn ghi ra ý kiến trả lời câu hỏi trên.

– Trao đổi ý kiến của bạn với đồng nghiệp.

3. So sánh với các ý đưa ra trong phần *Thông tin cơ bản*.

Thông tin cơ bản

1. Yêu cầu kĩ năng nói trong hội thoại

Hình thành những nghi thức lời nói trong giao tiếp thông thường như : chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, đề nghị giúp đỡ, chúc mừng, chia buồn, nói chuyện qua điện thoại..., đáp lại trong những tình huống nói trên và trong giao tiếp nghi thức chính thức trong sinh hoạt ở trường?tiểu học, nơi công cộng...

2. Dạng hội thoại thường sử dụng trong các tình huống

– Tình huống giao tiếp hằng ngày (bao gồm tình huống có thật, tình huống giả định ; ví?dụ : để dạy chào hỏi, có thể sử dụng tình huống thực như chào thầy giáo, cô giáo, các bạn khi vào lớp, lúc ra về... ; hoặc tình huống tự tạo – HS vẫn ngồi trong lớp, đóng vai ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi, các em nhỏ... , rồi cho các em chào ông bà, cha mẹ khi đi học và lúc đi học về...).

– Tình huống trên cơ sở văn bản trong dạy kể chuyện. Trong trường hợp này, tình huống được mô tả trong văn bản và khi thực hành nói, HS ngoài việc dựa vào nghe và quan sát còn có thể dựa vào văn bản.

– Lưu ý những yếu tố tham gia vào hội thoại : nhân vật giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp, hiện thực được nói tới, đích giao tiếp, ngôn ngữ giao tiếp.

Hoạt động 2. Nêu khó khăn của HSDT trong hội thoại

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

– Bạn hãy ghi ra những khó khăn của HSDT trong hội thoại.

– Phân loại những khó khăn đó.

2. Làm việc theo nhóm

– Thảo luận về ý kiến của các cá nhân.

– Thống nhất nội dung chung của nhóm.

3. Đối chiếu nội dung đã thống nhất với phần *Thông tin cơ bản*

Thông tin cơ bản

1. Trong hội thoại, HSDT thường gặp một số khó khăn

– Tâm lí HSDT rụt rè, hay xấu hổ ; các em chưa có thói quen nói TV nên thường ngại nói, khi có cơ hội, các em thường quay về với tiếng mẹ đẻ quen thuộc của mình, kể cả trong lớp học.

– HSDT vì chưa làm chủ được TV nên thiếu chủ động, thường thụ động trả lời câu hỏi, không mấy khi dám đặt câu hỏi.

– Do ảnh hưởng của TMĐ (đã đề cập ở bài 9 và 10), trong hội thoại, HSDT thường sử dụng không chính xác đại từ nhân xưng hay từ xưng hô và một số từ khác do không hiểu nghĩa ; nói câu không đầy đủ ; trả lời trống không, câu thiếu chủ ngữ...

– Do thói quen sử dụng TMĐ khi nói TV, HSDT khó nói đúng ngữ điệu câu và khó có thể sử dụng điệu bộ, cử chỉ, nét mặt... ; lời nói của các em thiếu hẳn tính tự nhiên.

– HSDT thiếu môi trường thực hành giao tiếp TV ngoài nhà trường nên kĩ năng nói trong hội thoại được hình thành và phát triển chậm.

2. Cách khắc phục những khó khăn khi HSDT hội thoại

GV lưu ý tạo môi trường thuận lợi cho hội thoại :

– Sử dụng ngôn ngữ hợp lí, giọng nói, nét mặt, nụ cười của giáo viên.

– Không khiển trách những câu trả lời sai.

– Khuyến khích HS đặt câu hỏi và cho các em tự do đặt câu hỏi.

– Tạo và sử dụng những tình huống gần gũi với HS.

– Nội dung hoạt động phong phú.

Hoạt động 3. Tìm hiểu phương pháp dạy hội thoại

Nhiệm vụ

1. Theo bạn, những mẫu câu nào cần cung cấp khi dạy hội thoại ? Bạn cung cấp mẫu câu cho HS như thế nào ?

– Xác định mẫu câu cần cung cấp.

– Nêu cách cung cấp của bạn.

– Thảo luận về cách làm với đồng nghiệp.

2. Bạn hãy nêu các bước tổ chức hội thoại theo tình huống

– Tình huống thực.

– Tình huống giả định.

3. Bằng kinh nghiệm của mình, bạn hãy thử trình bày cách thiết kế một trò chơi đóng vai để dạy hội thoại. Đọc thông tin cơ bản, đối chiếu và hoàn thiện ý kiến của bạn.

Thông tin cơ bản

1. Những mẫu câu cơ bản cần cung cấp cho HS

Câu hỏi và câu trả lời là những loại mẫu câu cần cung cấp cho HS nhằm thực hiện các cuộc đối thoại. Nếu HS không làm chủ các loại câu này thì khó có thể thực hiện các cuộc đối thoại cũng như giao tiếp trong các tình huống ngôn ngữ khác nhau.

Hoạt động cung cấp mẫu câu cần yêu cầu : HS nắm được mục đích câu ; nói được theo câu mẫu. Trình tự tiến hành hoạt động này gồm các bước :

– Luyện nói câu hỏi.

– Luyện nói câu trả lời.

– Luyện đối thoại.

Hoạt động của các bước cụ thể như sau :

(1) Luyện nói câu hỏi

– GV nêu mục đích của câu hỏi ; HS nắm được mục đích câu hỏi thì mới có thể sử dụng câu hỏi này đúng lúc, đúng chỗ, đúng tình huống giao tiếp.

– Giáo viên nói câu hỏi ; HS nói theo. GV nói chậm rãi, rõ ràng.

(2) Luyện nói câu trả lời

– GV giới thiệu câu trả lời, câu trả lời này nhằm đáp lại cho câu hỏi nào.

– GV nói mẫu (nói chậm, rõ ràng) ; HS nói theo.

(3) Luyện đối thoại

– GV hỏi và trả lời mẫu ; HS lắng nghe. Đây là phần đối thoại mẫu do GV tiến hành. HS?nghe.

– GV hỏi – HS trả lời. Trong hoạt động này, trước tiên GV là người hỏi ; HS là người trả lời. Sau đó, GV yêu cầu HS hỏi – GV trả lời.

– HS hỏi – HS khác trả lời theo từng cặp ; ở hoạt động này giáo viên hướng dẫn HS đối thoại theo mẫu. Có thể cho từng cặp HS thay nhau hỏi – trả lời hoặc từng nhóm nhỏ luân phiên nhau hỏi – trả lời để tránh nhàm chán.

2. Các hình thức tổ chức hội thoại

2.1. Hội thoại theo tình huống

Để hội thoại thường sử dụng phương pháp thực hành giao tiếp mà cốt lõi của nó là xây dựng nên các tình huống giao tiếp, sau đó dùng cách đóng vai để thực hiện các tình huống giao tiếp đó. Có thể tiến hành hoạt động này theo các bước sau :

– Giới thiệu tình huống.

– Phân vai cho HS.

– Hướng dẫn tham gia tình huống (kết hợp làm mẫu).

– HS đóng vai thực hiện tình huống.

Lưu ý :

Khi tổ chức thực hành theo tình huống, giáo viên nên lưu ý đến bước giới thiệu tình huống và hướng dẫn tham gia tình huống (kết hợp làm mẫu). Vốn TV của HSDT còn hạn chế, nếu HS không hiểu thì sẽ không thể tham gia tình huống. Do đó, để hướng dẫn có hiệu quả cần lựa chọn ngôn ngữ phù hợp với trình độ hiểu biết của HS. Cần có kĩ năng trình bày ngắn gọn, rõ ràng, kết hợp với kĩ năng sử dụng đồ dùng dạy học. Lời hướng dẫn càng đơn giản càng tốt và theo trình tự rõ ràng để HS dễ làm theo.

** Một số cách giới thiệu tình huống*

– Giới thiệu tình huống dựa vào tranh.

– Giới thiệu tình huống dựa vào thực tế hoạt động trong lớp, thực tế sinh hoạt thường ngày của HS.

– Giới thiệu qua tình huống được tạo trong lớp.

– Giới thiệu tình huống qua mô tả bằng lời.

Đối với các tình huống thực thì chỉ cần giáo viên hướng dẫn HS tham gia vào tình huống và gợi ý các mẫu câu cần nói trong những tình huống đó.

2.2. Tổ chức trò chơi

Trò chơi đóng vai là hoạt động tốt cho việc luyện đối thoại. Để tổ chức trò chơi đóng vai, GV thiết kế trước dưới dạng một hoạt cảnh (xác định những từ ngữ, mẫu câu sẽ được sử dụng trong trò chơi ; trình tự chơi) và chuẩn bị những "đạo cụ" giúp cho việc sắm vai thêm sinh động.

Tổ chức trò chơi có thể tiến hành theo trình tự sau :

– Giới thiệu trò chơi.

– Phân công vai cho HS "hoá trang".

– Hướng dẫn đóng vai : dùng lời nói và hành động.

– HS tập đóng vai (chơi thử).

– Đóng vai thực hiện trò chơi.

Lưu ý : Thời gian chơi không nên kéo dài để có thể tổ chức cho nhiều HS được chơi.

2.3. Sử dụng những tình huống thực

Tình huống thực là một cơ hội tốt giúp HS thực hành nói và rèn luyện kĩ năng nói. Để làm được việc này, GV nên tận dụng các tình huống ở giờ học trong lớp, giờ học ngoài trời, trong giờ ra chơi, trên sân trường, trong các buổi sinh hoạt tập thể, sinh hoạt ngoại khoá, các buổi tham quan dã ngoại... tổ chức cho HS thực hành những nghi thức lời nói đã được học, như : chào, thăm hỏi, cảm ơn, xin lỗi...

Cũng như dạy từ và dạy câu, dạy hội thoại cần kết hợp với dạy nghe. Khi dạy hội thoại, GV nên lưu ý đến việc rèn kĩ năng nghe hiểu cho HS : nghe hiểu trả lời câu hỏi ; nghe hiểu nội dung hội thoại để có lời đáp, có câu hỏi phù hợp ; nghe hiểu hướng dẫn để tham gia trò chơi, tham gia tình huống... ; nghe hiểu một ngôn bản nói kết hợp với ngôn bản viết (trong kể chuyện) để tái tạo lại theo những yêu cầu khác nhau.

Hoạt động 4. Thực hành dạy nói tiếng Việt cho HSDT

Nhiệm vụ

1. Xem băng hình dạy nói tiếng Việt qua Tập làm văn lớp 2. "Cảm ơn và xin lỗi"

1.1. Xem đoạn băng hình *Dạy nói tiếng Việt* ; chú trọng vào hoạt động luyện nói câu và hoạt động hội thoại theo nhóm ở phần cuối.

1.2. Ghi lại ý kiến của bạn về những vấn đề sau :

– Đánh giá hiệu quả của các biện pháp đã sử dụng khi tổ chức luyện nói.

– Chia nhóm và giới thiệu tình huống.

– Hướng dẫn HS tham gia tình huống.

– Hoạt động tham gia tình huống của các nhóm.

– Kết quả của hoạt động này thông qua phần thể hiện của một nhóm.

2. Dạy hội thoại

– Thiết kế hoạt động dạy bài tập 2 : Nói lời đáp trong các đoạn đối thoại (Tập làm văn lớp 2, Tiếng Việt 2, tập 2, tr. 66).

– Trao đổi thiết kế với đồng nghiệp.

– Tổ chức dạy thử và rút kinh nghiệm sau khi dạy thử.

Thông tin cơ bản

1. Khi thiết kế hoạt động dạy hội thoại, bạn cần lưu ý một số điểm sau :

– Chuẩn bị để giới thiệu tình huống (tranh ảnh, vật dụng...).

– Lựa chọn mẫu câu phù hợp với tình huống và với đối tượng HS (bao gồm cả mẫu câu hỏi và câu trả lời) ; các từ ngữ cần luyện nói và cung cấp nghĩa.

– Nội dung cụ thể từng bước cho HS thực hành hội thoại.

2. Sau khi dạy thử, rà soát lại thiết kế và có những điều chỉnh là việc làm cần thiết. Có thể biểu diễn quá trình này bằng sơ đồ sau :

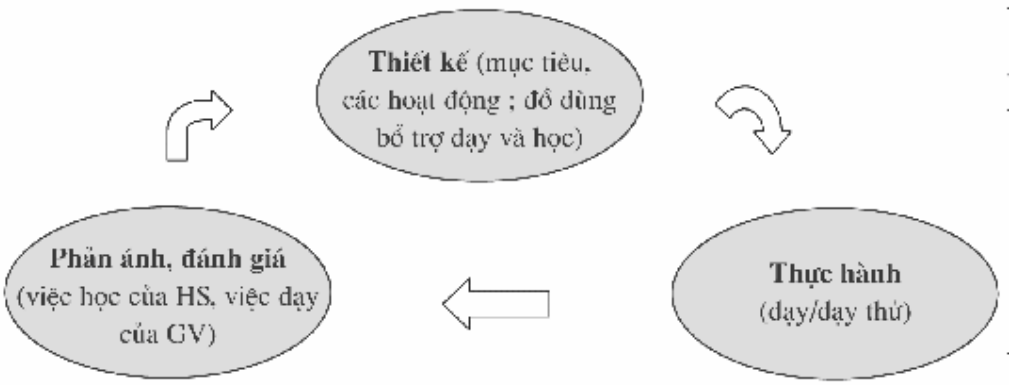

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Bạn hãy liệt kê trình tự các bước khi tiến hành hoạt động cung cấp câu và nêu hoạt động cụ thể của bước luyện đối thoại.

2. Đánh giá phần dạy thử của bạn.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Trình tự các bước cung cấp mẫu câu

– Luyện nói câu hỏi.

– Luyện nói câu trả lời.

– Luyện đối thoại.

* *Các hoạt động cụ thể của bước luyện đối thoại :*

– GV hỏi và trả lời mẫu ; HS lắng nghe.

– GV hỏi – HS trả lời ; HS hỏi – GV trả lời.

– HS hỏi – HS trả lời (luân phiên) theo từng cặp.

2. Sử dụng bảng ở phần *Thông tin phản hồi về câu hỏi tự đánh giá* của bài 10, đánh giá phần dạy thử của bạn (theo tiêu chí do bạn tự đặt ra).

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Hướng dẫn dạy tập nói tiếng Việt cho HS dân tộc* (Tài liệu thử nghiệm) – Mông Ký Slay (Chủ biên), Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đào Nam Sơn, Nguyễn Trí – NxbGD, H. 2002 ; tái bản lần 1 năm 2003.

2. *Dạy và học môn TV ở tiểu học* – Nguyễn Trí – NXBGD, H. 2002.

Phần B – Dạy các kĩ năng, Mục (2), Dạy kĩ năng nói (tr. 80 - 89).

3. *Thực hành Tập làm văn 2* – Trần Mạnh Hưởng (Chủ biên), Phan Phương Dung, NXBGD, H. 2003.

CHỦ ĐỀ 13 (6 tiết)

Dạy kể chuyện cho Học Sinh Dân Tộc

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Xác định đúng nhiệm vụ của phân môn Kể chuyện ; biện pháp dạy học chủ yếu của phân môn Kể chuyện ; những khó khăn của HSDT khi học phân môn Kể chuyện và biện pháp khắc phục.

2. Kĩ năng

Thiết kế kế hoạch bài dạy kể chuyện phù hợp với đối tượng HSDT.

3. Thái độ

Có ý thức quan tâm đến khó khăn của HSDT khi kể chuyện và tìm cách hỗ trợ. Tích cực tự làm và sử dụng làm đồ dùng dạy học phục vụ cho phân môn Kể chuyện.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu vị trí, nhiệm vụ của phân môn Kể chuyện

Nhiệm vụ

1. Hồi tưởng và liên hệ

– Bạn hãy nhớ lại, khi còn nhỏ bạn có thích nghe kể chuyện không ? Câu chuyện nào để lại ấn tượng mạnh nhất ? Ai là người hay kể chuyện cho bạn nghe ?...

– Thử liên hệ với con trẻ của bạn hoặc của đồng nghiệp : Trẻ có thích nghe kể chuyện không ? Những biểu hiện của trẻ khi nghe chuyện...

– Bạn rút ra điều gì từ những liên hệ trên ?

2. Suy nghĩ và trả lời

– Viết câu trả lời cho câu hỏi : Nhiệm vụ của phân môn Kể chuyện là gì ?

– So sánh phần ghi của bạn với thông tin dưới đây, bạn sẽ tìm được lời giải đáp.

Thông tin cơ bản

Kể chuyện là nhu cầu của cuộc sống và là nhu cầu thiết yếu của lứa tuổi HS tiểu học. Các em rất thích được nghe kể chuyện và kể chuyện cho người khác nghe.

Kể chuyện với tư cách là một phân môn đã có từ lâu trong chương trình cấp Tiểu học và chiếm một vị trí quan trọng của bộ môn TV.

Nhìn chung, phân môn Kể chuyện có các nhiệm vụ cơ bản sau :

1. Phát triển kĩ năng nghe nói cho HS, cụ thể là :

– Phát triển kĩ năng độc thoại : được rèn luyện thông qua các bài tập kể lại câu chuyện đã được nghe, đọc (kể từng đoạn, kể toàn bộ câu chuyện/kể theo lời văn trong bài tập đọc, kể bằng lời của mình hoặc kể có chi tiết tưởng tượng thêm...).

– Phát triển kĩ năng đối thoại : tập dựng lại câu chuyện đã học theo các vai, sử dụng các yếu tố phụ trợ trong giao tiếp (nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

2. Củng cố, mở rộng vốn từ ngữ, phát triển tư duy hình tượng và tư duy lôgíc, nâng cao sự hiểu biết của các em về đời sống thông qua những câu chuyện có nội dung phong phú.

3. Bồi dưỡng tình cảm tốt đẹp, trau dồi hứng thú đọc và kể chuyện, đem lại niềm vui tuổi thơ cho HS trong hoạt động học tập.

Tuỳ vào mục tiêu từng lớp mà nhiệm vụ trên được xác định cụ thể hơn, phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi.

Trong các phân môn của TV thì có lẽ Kể chuyện có ưu thế hơn cả trong việc rèn luyện kĩ năng nghe – nói. HS không những được rèn luyện nghe đúng, chính xác mà còn được rèn luyện khả năng nghe hiểu nội dung câu chuyện để sau đó có khả năng tái tạo lại câu chuyện. Sự thành công của kể chuyện do nhiều yếu tố tạo nên : nội dung câu chuyện, nghệ thuật kể, khả năng cảm nhận của người kể đối với câu chuyện, sử dụng ngữ điệu và các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt...).

Hoạt động 2. Tìm hiểu kể chuyện trong SGK chương trình Tiểu học mới và một số biện pháp dạy học chủ yếu

Nhiệm vụ

1. Bạn đã từng dạy Chương trình Tiểu học CCGD (165 tuần) chưa ?

– Nếu đã từng dạy, bạn hãy nêu sự khác nhau cơ bản giữa Kể chuyện trong Chương trình Tiểu học mới và Chương trình Tiểu học trước đây.

– Nếu *chưa*, bạn hãy nhớ lại khi còn học tiểu học bạn đã được học phân môn Kể chuyện như thế nào và so sánh với Kể chuyện trong Chương trình Tiểu học mới ? Hoặc bạn trao đổi với đồng nghiệp để tìm lời giải đáp cho vấn đề trên.

2. Hãy nêu những biện pháp dạy học chủ yếu của phân môn Kể chuyện được thể hiện trong SGK của Chương trình Tiểu học mới.

So sánh với *Thông tin cơ bản* dưới đây.

Thông tin cơ bản

1. Những điểm cần lưu ý về phân môn Kể chuyện trong SGK Chương trình Tiểu học mới

ở lớp 1, văn bản truyện kể không có trong SGK mà chỉ có trong SGV (SGK chỉ có câu chuyện bằng kênh hình). GV kể câu chuyện cho HS nghe trên cơ sở kết hợp với hướng dẫn HS quan sát tranh vẽ...

Từ lớp 2, phân môn Kể chuyện có những đặc điểm sau :

– Gắn chặt chẽ với phân môn Tập đọc : Nội dung các câu chuyện đều là kể lại các câu chuyện đã học trong các bài Tập đọc. Do vậy, nhờ đã đọc và học kĩ văn bản trong tiết Tập đọc trước đó nên HS kể lại câu chuyện một cách tự tin hơn và có khả năng làm chủ ngôn ngữ của mình hơn. Nội dung kể chuyện phù hợp với chủ điểm, phù hợp với tâm lí trẻ và được biên soạn lại với độ dài phù hợp với trình độ của HS từng lớp.

– Sử dụng hệ thống tranh minh hoạ và các câu hỏi gợi ý làm điểm tựa cho trẻ thực hành kể chuyện. Các tranh minh hoạ được vẽ rất sinh động, bên cạnh tác dụng hỗ trợ trí nhớ, trí tưởng tượng cho trẻ, còn làm cho các em hứng thú quan sát tranh, nói về tranh, tăng thêm sức hấp dẫn cho giờ kể chuyện.

– Chỉ ra phương pháp luyện tập kể chuyện cho HS thông qua các kiểu bài tập kể chuyện từ mức độ đơn giản đến khó dần.

Những đặc điểm nêu trên cũng chính là những điểm mới của Chương trình Tiểu học mới so với chương trình CCGD trước đây.

2. Một số biện pháp dạy học chủ yếu

– Sử dụng tranh minh hoạ để kể chuyện cho HS (Lớp 1).

– Sử dụng tranh minh hoạ để gợi mở, hướng dẫn HS kể lại từng đoạn câu chuyện.

– Sử dụng câu gợi ý hoặc dàn ý, hướng dẫn HS kể lại câu chuyện.

– Sử dụng câu hỏi gợi trí tưởng tượng hoặc gợi nhận xét, cảm nghĩ của HS về nhân vật hoặc về câu chuyện.

– Hướng dẫn HS phân vai, dựng lại câu chuyện theo hình thức đối thoại.

Hoạt động 3. Xác định những khó khăn trong dạy – học kể chuyện cho HSDT và một số biện pháp khắc phục

Nhiệm vụ 1

** Xác định những khó khăn trong dạy – học kể chuyện*

1. Làm việc theo nhóm

– Mỗi người chuẩn bị một tờ giấy A4 và ngồi theo vòng tròn.

– Cùng viết ra giấy những khó khăn trong dạy – học kể chuyện cho HSDT theo cách sau :

- Mỗi người viết 1 khó khăn vào tờ giấy của mình (gạch đầu dòng và ghi ý chính).
- Sau đó chuyển giấy cho người ngồi bên phải và nhận tờ giấy của người bên trái.
- Viết tiếp vào tờ giấy nhận được của đồng nghiệp một khó khăn khác (không được trùng với nội dung đã được viết trong tờ giấy).
- Tiếp tục viết và chuyển như trên khoảng 4-5 lần rồi dừng lại.

– Nhóm trưởng sẽ tập hợp các tờ giấy ghi và đọc to để cả nhóm cùng nghe – Thư kí ghi lại các ý chính (loại bỏ những ý trùng nhau ở các tờ ghi).

– Cùng nhau thảo luận về những khó khăn đã xác định (phân tích, nêu ví dụ thực tế...).

2. Làm việc cá nhân : Đọc phần thông tin cơ bản dưới đây và đối chiếu với nội dung đã thảo luận.

Thông tin cơ bản

HSDT khi kể chuyện và học phân môn Kể chuyện thường gặp một số khó khăn chính sau :

1. Do vốn từ TV còn hạn chế, các em gặp khó khăn trong việc :

– Lựa chọn từ ngữ để diễn đạt suy nghĩ và ý tưởng.

– Diễn tả thành lời các ý tưởng và suy nghĩ : Tức là bật ra thành tiếng các từ ngữ đã chọn.

– Nghe, đọc, hiểu kĩ nội dung câu chuyện.

2. Khả năng nối kết ngôn ngữ hạn chế, biểu hiện rõ nét ở :

– Liên kết từ ngữ, câu để tạo thành nội dung lời nói.

– Lựa chọn và sắp xếp các sự kiện để dựng lại cốt chuyện.

3. Sự ảnh hưởng của TMĐ trong khi nói, kể bằng TV.

– Điều khiển âm lượng, phát âm, ngữ điệu...

4. Những câu chuyện kể đôi khi xa lạ với vốn hiểu biết thực tế của các em hoặc xa lạ với văn hoá của chính dân tộc các em, nên các em gặp khó khăn khi tiếp nhận.

5. HS thiếu tự tin và mạnh dạn, tâm lí rụt rè, e ngại trong giao tiếp.

GV khi dạy môn Kể chuyện cho HSDT thường gặp một số khó khăn sau :

– Chưa hiểu rõ về văn hoá, phong tục, tập quán của HS.

– Trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đặc biệt là hệ thống tranh minh hoạ cho phân môn Kể?chuyện còn thiếu.

Nhiệm vụ 2

** Tìm biện pháp hỗ trợ HSDT học kể chuyện*

1. Bạn hãy nêu cách ứng xử trong những tình huống sau :

– Một HSDT kể cho bạn nghe câu chuyện con gà mái đẻ quả trứng.

– Đa số HS trong lớp không thể hiểu được yêu cầu của một bài tập kể chuyện trong SGK.

– Một vài câu hỏi gợi ý kể chuyện trong SGK khó thực hiện đối với HSDT ở lớp bạn dạy.

Bạn hãy trao đổi cách ứng xử của bạn với đồng nghiệp.

2. Đi tìm nguyên nhân

– Hãy nhớ lại một giờ dạy kể chuyện thành công. Tìm nguyên nhân.

– Hãy nhớ lại một giờ dạy kể chuyện chưa thành công. Tìm nguyên nhân.

3. Xem băng hình trích đoạn kể chuyện bài : "Bác sĩ Sói" và đọc tài liệu hướng dẫn học theo băng hình.

Thông tin cơ bản

1. Khuyến khích HSDT kể những câu chuyện trong sinh hoạt hằng ngày của các em. Không kể lại những câu chuyện trong bài học. GV cần chú ý tạo điều kiện, giúp các em kể những chuyện thường nhật với thầy cô, với bạn bè... Điều này sẽ giúp các em có cơ hội rèn luyện kĩ năng giao tiếp bằng lời, tạo cho các em sự tự tin, mạnh dạn.

Ví dụ sau đây cho thấy cách GV giúp HS phát triển kĩ năng kể chuyện :

Một em HSDT học lớp 2 – tên là Mị – kể cho cô giáo và các bạn nghe câu chuyện xảy ra với em như sau :

Mị : Có một con chó đuổi theo em, sợ quá.

GV : Con chó đuổi em khi nào ?

Mị : Sáng nay, trên đường em đi học.

GV : Nó đuổi em ở chỗ nào ?

Mị : ở gần nhà bà Bông.

GV : Thế con chó ấy như thế nào ?

Mị : Con chó to lắm, màu vàng.

GV : Thế em đã làm gì ?

Mị : Em chạy thật nhanh vào nhà bà Bông.

GV : Con chó có đuổi theo em nữa không ?

Mị : Không cô ạ ! Nó quay đầu chạy mất.

GV : Bây giờ em hãy kể lại cả câu chuyện cho cô và các bạn nghe nào ! Em hãy bắt đầu như sau : "Sáng nay, trên đường đi học..."

– GV có thể hướng dẫn em Mị kể lại câu chuyện một cách hoàn chỉnh như sau:

"Sáng nay, trên đường đi học, có một con chó to, màu vàng đuổi theo em. Con chó đuổi theo em ở gần quán bà Bông. Nó làm em sợ quá. Em chạy nhanh vào quán bà Bông. Thế là con chó thôi không đuổi em nữa. Nó chạy mất".

2. GV cùng tham gia kể chuyện với HS, giúp HS thực hiện các yêu cầu của bài tập, giảm dần mức độ tham gia. GV có thể cùng kể tiếp sức với HS, cùng tham gia đóng vai, cùng kể một đoạn trong câu chuyện, nhắc cho HS nếu các em quên hoặc lúng túng...

3. Xây dựng một hệ thống câu hỏi gợi mở trên cơ sở chia nhỏ các nội dung câu hỏi gợi mở có trong SGK (cách đặt câu hỏi tương tự như đã nêu trên).

HS sẽ học được cách trả lời câu hỏi của GV. Điều này cũng có nghĩa là HS đã trở thành những người nghe tích cực. Từ đó, HS cũng sẽ biết đặt câu hỏi khi nghe một câu chuyện, biết cách mở rộng câu chuyện và thu nhận thông tin khi nghe. Đồng thời cũng giúp HS biết cách liên kết các chi tiết để tạo thành câu chuyện...

4. Sử dụng TDT khi cần thiết, ví dụ : Khi đưa ra lời giải thích hay hướng dẫn mà thấy HS khó hiểu, đặc biệt đối với những câu chuyện chứa ý nghĩa hàm ẩn.

5. Tăng cường sử dụng tranh minh hoạ, đồ dùng trực quan (tranh phóng to, mặt nạ, con rối...) trong dạy học kể chuyện. Đối với trẻ em nói chung và đặc biệt trẻ em dân tộc, việc sử dụng phương tiện trực quan trong dạy kể chuyện là biện pháp có tác dụng tích cực. Tuy nhiên, việc khai thác các đồ dùng trực quan ấy như thế nào để đạt hiệu quả đòi hỏi GV phải học hỏi và rèn luyện.

Hoạt động 4. Thực hành soạn kế hoạch bài học phân môn Kể chuyện cho HSDT

Nhiệm vụ

** Thực hành soạn kế hoạch bài học.*

1. Làm việc theo nhóm, mỗi thành viên trong nhóm sẽ :

– Soạn kế hoạch bài học cho 1 tiết dạy kể chuyện có dạng bài tập kể chuyện theo tranh hoặc kể chuyện theo dàn ý, câu hỏi gợi ý.

– Trao đổi trong nhóm về các kế hoạch, đóng góp ý kiến bổ sung, sửa chữa...(chú ý đến những biện pháp nhằm hỗ trợ HSDT).

2. Tham khảo một số kế hoạch bài học ở phần thông tin cơ bản

– Phát hiện ra những hoạt động, biện pháp nhằm giúp HSDT thực hiện mục tiêu, yêu cầu của bài học.

– Xem xét tính phù hợp của kế hoạch đối với đối tượng HS của trường, lớp mình dạy và điều chỉnh cho phù hợp.

Thông tin cơ bản

Tham khảo kế hoạch bài học sau :

Quả Tim Khỉ

(1 tiết)

I – Mục đích, yêu cầu

– Biết kể lại từng đoạn câu chuyện dựa theo tranh và trí nhớ bài Tập đọc đã học. Biết cùng các bạn phân vai dựng lại câu chuyện, bước đầu thể hiện đúng giọng người kể chuyện, giọng Khỉ, giọng Cá Sấu.

– Biết theo dõi bạn kể và kể tiếp được lời của bạn, biết nhận xét lời kể của bạn.

II – Đồ dùng dạy học

– 4 tranh minh hoạ nội dung từng đoạn truyện trong SGK (tranh phóng to).

– Băng giấy đội trên đầu ghi tên nhân vật Khỉ, Cá Sấu, người dẫn chuyện.

III – Các hoạt động dạy – học

A. Kiểm tra bài cũ : 5 phút

Kiểm tra 3 em kể nối tiếp truyện *Bác sĩ Sói*.

B. Dạy bài mới

1. Giới thiệu bài : 1 phút.

Sử dụng tranh gợi nhớ lại bài Tập đọc đã học và chuyển sang nội dung bài Kể chuyện.

2. Hướng dẫn kể chuyện : 30 phút.

Thời gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
2'	Gọi 1 - 2 HS đọc nội dung yêu cầu của bài tập 1.	1-2 HS đọc, các HS khác nghe và theo dõi trong SGK.
	Yêu cầu HS đọc nhầm lại câu chuyện ở bài Tập đọc. GV dán 4 tranh lên bảng.	Đọc nhầm bài Tập đọc.
3'	Hướng dẫn HS quan sát từng tranh bằng cách đặt câu hỏi gợi ý. Ghi lại vắn tắt nội dung từng tranh dưới mỗi tranh dán trên bảng. Tr.1 : Khỉ kết bạn với Cá Sấu Tr.2 : Cá Sấu vờ mời Khỉ đến chơi nhà Tr.3 : Khỉ mưu trí thoát nạn Tr.4 : Cá Sấu bị Khỉ mắng xấu hổ lủi mất	Quan sát tranh (cá nhân hoặc nhóm) và nói nội dung từng tranh.
5'	Phân HS thành nhóm và giúp các nhóm kể từng đoạn câu chuyện theo tranh trong nhóm.	Kể từng đoạn câu chuyện theo tranh (kể trong nhóm).
5'	Yêu cầu các nhóm cử đại diện lên kể từng đoạn câu chuyện. Hỗ trợ trong khi HS kể chuyện (gợi ý, hướng dẫn các em chỉ vào tranh khi kể...).	Kể lại từng đoạn câu chuyện trước lớp (lên bảng và chỉ vào tranh).
5'	Gọi (xung phong, chỉ định) 4 HS nối tiếp nhau kể từng đoạn câu chuyện.	4 HS kể trước lớp và các HS khác nhận xét, bổ sung.
5'	- Chuyển sang bài tập và nói rõ yêu cầu của bài tập. - Gọi 3 HS khá trong lớp làm mẫu phân vai dựng lại câu chuyện (có kèm theo cử chỉ, động tác, giọng điệu). Sau đó chia thành từng nhóm 3 HS và hướng dẫn các nhóm phân vai dựng lại câu chuyện trong nhóm.	Dựng lại câu chuyện trong nhóm.
5'	Yêu cầu vài nhóm lên thể hiện trước lớp (sử dụng băng giấy đội trên đầu ghi tên nhân vật).	Từng nhóm kể chuyện theo vai trước lớp. Các nhóm khác nhận xét.

Hoạt động 5. Thực hành cách vẽ phóng to tranh

Nhiệm vụ

* *Thực hành vẽ phóng to tranh* (theo nhóm hoặc cá nhân)

– Chuẩn bị một số vật liệu như : giấy, bút chì, bút mực, màu tô, thước kẻ, SGK...

– Đọc hướng dẫn vẽ phóng to tranh trong phần **Thông tin cơ bản.**

– Thử vẽ phóng to một bức tranh bất kì theo hướng dẫn trên (dùng bút chì để kẻ và vẽ phác hoạ trước, sau đó dùng bút mực, bút màu để tô dựa theo tranh mẫu).

– So sánh sản phẩm và tìm cách khắc phục cho lần vẽ sau.

Thông tin cơ bản

SGK TV cấp Tiểu học có rất nhiều tranh minh hoạ cho các bài học, đặc biệt là trong phân môn Kể chuyện. GV có thể phóng to tranh để phục vụ cho giảng dạy. Sau đây là phương pháp tự vẽ phóng to tranh mà GV có thể thực hiện được (kể cả những người không có năng khiếu hội hoạ).

Phương pháp kẻ ô vuông tiến hành theo các bước sau :

– Kẻ ô vuông trên các tranh cần phóng to (tranh gốc). Tranh có hình đơn giản thì có thể kẻ ô vuông lớn, tranh có hình phức tạp cần kẻ những ô vuông nhỏ hơn. Mạng lưới ô vuông có kích thước càng nhỏ thì càng thuận tiện cho việc ước lượng khi vẽ các hình, hình vẽ càng chính xác hơn.

– Trên giấy để vẽ phóng tranh (bản sao) ta cũng kẻ số lượng ô vuông giống như bản gốc.?Tuỳ theo tỉ lệ tranh cần phóng to mà tính toán kích thước các ô vuông cho phù hợp. Ví?dụ : Cạnh của ô vuông bản gốc là 1 thì cạnh tương đương của bản sao có thể là 2, 3, 4...

– Dựa vào các điểm đã xác định trên bản gốc, ta vẽ hình đồng dạng trên bản sao bằng bút?chì.

– Sau đó dùng màu nước, bút chì màu tô màu cho bức tranh.

* Nếu tranh có nhiều đường nét phức tạp thì ta có thể kẻ thêm các đường chéo, các đường nối các trung điểm của các cạnh bên để xác định được toạ độ của các đường nét cần phóng to.

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Hãy nêu nhiệm vụ của phân môn Kể chuyện ?

2. Nêu điểm mới của phân môn Kể chuyện trong Chương trình Tiểu học mới.

3. Xác định một số khó khăn trong học kể chuyện của HSDT.

4. Tự đánh giá về kế hoạch bài học đã soạn ở trên (mục 4) sau khi đã dạy cho HS.

5. Tham khảo ý kiến nhận xét của các đồng nghiệp về bức tranh tự vẽ phóng to.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Phân môn Kể chuyện có 3 nhiệm vụ chính như sau :

– Phát triển kĩ năng nghe – nói cho HS, bao gồm kĩ năng độc thoại và đối thoại.

– Củng cố, mở rộng vốn từ ngữ, phát triển tư duy hình tượng và tư duy lôgíc, nâng cao sự hiểu biết của các em về đời sống thông qua những câu chuyện có nội dung phong phú.

– Bồi dưỡng tình cảm tốt đẹp, trau dồi hứng thú đọc và kể chuyện, đem lại niềm vui tuổi thơ cho HS trong hoạt động học tập.

Câu 2. Trong Chương trình Tiểu học mới, phân môn Kể chuyện có những điểm mới :

– Gắn chặt chẽ với phân môn Tập đọc : Nội dung các câu chuyện đều kể lại các câu chuyện đã học trong các bài tập đọc.

– Sử dụng hệ thống tranh minh hoạ và các câu hỏi gợi ý làm điểm tựa cho trẻ thực hành kể?chuyện.

– Chỉ ra phương pháp luyện tập kể chuyện cho HS thông qua các kiểu bài tập kể chuyện từ dễ đến khó, từ ít tình tiết đến nhiều tình tiết.

Câu 3. Trong kể chuyện, HSDT thường gặp một số khó khăn sau :

– Vốn từ TV còn hạn chế.

– Khả năng nối kết ngôn ngữ hạn chế : Lựa chọn và sắp xếp các sự kiện ; liên kết từ ngữ, câu để tạo thành nội dung lời nói.

– Chịu ảnh hưởng của TMĐ trong phát âm, ngữ điệu khi kể...

– Những câu chuyện kể đôi khi xa lạ với vốn hiểu biết thực tế của các em hoặc xa lạ với văn hoá của chính dân tộc các em nên các em gặp khó khăn khi tiếp nhận.

– Thiếu sự tự tin và mạnh dạn, tâm lí rụt rè, e ngại trong giao tiếp.

Câu 4 và câu 5 : Bạn tìm câu trả lời ở đồng nghiệp.

CHỦ ĐỀ 14 (4 tiết)

Dạy sửa lỗi văn miệng của Học Sinh Dân Tộc

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nắm được các lỗi văn miệng thường gặp ở các dạng bài văn miệng khác nhau của HSDT trong việc thực hiện chương trình văn miệng ở tiểu học.

2. Kĩ năng

– Có khả năng phát hiện các loại lỗi của HSDT, có biện pháp hữu hiệu giúp HSDT sửa lỗi có kết quả, nâng cao chất lượng học văn miệng.

3. Thái độ

– Thường xuyên quan tâm đến việc khắc phục các lỗi văn miệng của HSDT, tìm được những giải pháp hữu hiệu để hạn chế dần, tiến tới khắc phục được các lỗi văn miệng, góp phần nâng cao chất lượng học văn miệng của HSDT.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tập làm văn miệng trong chương trình Tiểu học mới

Nhiệm vụ

1. Tự nghiên cứu và rút kết luận

– Thống kê và phân loại các bài tập làm văn (TLV) miệng được dạy trong Chương trình Tiểu học mới ?

– Bạn hiểu vị trí của tập làm văn miệng trong chương trình môn TV như thế nào ?

– Bạn thử xác định vai trò của văn miệng trong phân môn Tập làm văn ?

(Tham khảo SGK TV các lớp 1, 2, 3 và cuốn Chương trình Tiểu học mới do Bộ GD – ĐT phát hành).

2. Trao đổi với đồng nghiệp và trả lời các câu hỏi

– Đặc điểm của TLV miệng trong Chương trình Tiểu học mới ?

– Vì sao cần chú ý đến đặc điểm đó ? Tác dụng của việc nắm vững đặc điểm đó ?

Thông tin cơ bản

1. Trong SGK TV tiểu học, phân môn TLV miệng được trình bày rải rác ở nhiều bài, mỗi bài chỉ giải quyết một khía cạnh. Có thể tóm lược một số thể loại TLV miệng chính sau đây :

a) Bài TLV miệng về các nghi thức của lời nói : nhắc lại lời của bạn, nói lại lời của người khác, nói lời chào, lời cám ơn, xin lỗi, thăm hỏi, chúc mừng, đề nghị, từ chối, khen ngợi, động viên, ngạc nhiên, vui mừng, lời giới thiệu, nói lời đáp khi được khen, chúc mừng, chia buồn, trả lời câu hỏi của người đối thoại...

b) Bài TLV miệng kể, tả, thuật về gia đình, người thân, bạn bè, trường lớp, quê hương, lễ hội, hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ...

c) Bài TLV miệng gắn với các hoạt động hằng ngày có tính chất nhật dụng : nghe và gọi điện thoại, tổ chức và điều khiển cuộc họp, phát biểu ý kiến, báo cáo, thuyết trình, tranh luận, thảo luận về một số chủ đề nào đó như bảo vệ môi trường, về tình hình học tập của lớp...

2. Tập làm văn miệng trong Chương trình Tiểu học mới nhằm nâng cao kĩ năng nghe, nói TV cho HS.

– TLV miệng có tác dụng to lớn trong việc hình thành kĩ năng nói TV cho HS. Nhờ kĩ năng nói TV, HSDT sẽ trở nên hoạt bát, tự tin và giao tiếp đạt hiệu quả tốt hơn, giúp các em hoà nhập cộng đồng thuận lợi hơn.

– Việc dạy TLV miệng sẽ giúp cho HS làm văn viết chủ động, đạt kết quả tốt hơn.

– Các bài TLV miệng thường gắn chặt với các hoạt động cần thiết mà hằng ngày HS tiếp xúc và giải quyết ; vì vậy những kiến thức và kĩ năng đòi hỏi phải hình thành cho các em dễ chấp nhận và tiếp thu.

– Các bài TLV miệng được dạy trong Chương trình Tiểu học mới giúp các em hình thành được những thói quen cần thiết và bổ ích, phục vụ trực tiếp cho cuộc sống trước mắt và lâu dài của các em.

Hoạt động 2. Nêu những khó khăn trong việc học TLV miệng và các lỗi thường gặp của HSDT

Nhiệm vụ

1. Tự nghiên cứu và trả lời câu hỏi

– Bằng kinh nghiệm và thực tiễn dạy học ở vùng dân tộc, bạn đã gặp những khó khăn gì trong việc dạy TLV miệng cho HSDT ? Nguyên nhân khách quan ? Chủ quan ?

– Bạn đã làm gì để khắc phục những khó khăn đó ?

2. Thống kê những lỗi văn miệng cụ thể thường gặp của HSDT.

– Lỗi diễn đạt.

– Lỗi về khả năng giao tiếp.

– Lỗi dùng từ.

– Lỗi về tư duy .

– Lỗi hạn chế về vốn từ và khả năng vận dụng từ, ngữ.

Thông tin cơ bản

1. Những khó khăn

– Những nội dung TLV miệng được trình bày trong chương trình có nhiều điểm mới, khó và khá xa lạ với thói quen giao tiếp hằng ngày của các em HSDT như : cách nói lời cám ơn, xin lỗi, chúc mừng, từ chối, đồng ý, thưa gửi, thảo luận, thuyết trình, báo cáo, giới thiệu... Chương trình chưa đề ra các biện pháp thỏa đáng để dạy nói TV cho HSDT. Hơn nữa, việc dạy văn miệng cho HSDT chưa được nhà trường và GV chú ý, chưa thấy rõ tầm quan trọng của nó.

– Trình độ TV của HSDT có hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng bài văn miệng. Vốn từ của các em nghèo nàn, nhiều khi không đủ từ để diễn đạt những nội dung cần trình bày. Do nắm chưa vững ngữ pháp TV nên các em thường mắc nhiều lỗi về câu. Khả năng sử dụng câu phức, câu ghép nhiều thành phần là rất hạn chế. Khả năng sắp xếp ý, nghệ thuật tổ chức câu, lập dàn ý còn nhiều lúng túng.

Thêm nữa, vốn sống của các em bị hạn chế nên thiếu chất liệu để có thể tạo các văn bản, nhất là bài TLV miệng.

– Do chưa làm chủ được TV nên các em thường có tâm lí tự ti, rụt rè, ngại bộc lộ ý kiến. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động trong giờ tập làm văn miệng. Sự chủ động trong xây dựng bài hiếm thấy ở các em. Do vậy, giờ TLV miệng dễ trở nên buồn tẻ.

2. Cách khắc phục

– Phải có kế hoạch cụ thể để nâng dần trình độ TV của HSDT trong các giờ TLV miệng. Trước hết, GV cần thống kê các lỗi thường mắc của HSDT để có kế hoạch giúp đỡ. Để có thể thống kê được chính xác, GV nên có sổ ghi chép các lỗi thường mắc của HS qua các giờ dạy Tập đọc, TLV miệng và cả trong giao tiếp hằng ngày. Cần phân loại các lỗi : lỗi dùng từ, lỗi dùng câu, lỗi diễn đạt...

Sau khi nắm được tình trạng lỗi, cần có các biện pháp giúp HS sửa lỗi cho phù hợp. Cách tốt nhất là sửa lỗi trực tiếp cho từng em, bởi vì nguyên nhân dẫn tới lỗi trong làm văn miệng khá đa dạng. Việc sửa lỗi văn miệng cho các em có thể diễn ra trong giờ học, hoặc trong các hoạt động khác của nhà trường. Có như vậy thì các lỗi văn miệng của HSDT mới có thể sớm được khắc phục.

– Tạo ra một môi trường giao tiếp TV ở trong trường học, trước hết trong các giờ học TV. Nhờ có môi trường giao tiếp thì trình độ TV của các em mới được nâng cao.

GV thường xuyên động viên khuyến khích các em giao tiếp bằng TV. Có những biện pháp phối hợp với gia đình và xã hội để các em được nâng cao kĩ năng nói TV.

Hoạt động 3. Cách sửa lỗi văn miệng trong việc dạy các nghi thức lời nói

Nhiệm vụ

1. Chia sẻ kinh nghiệm của bản thân với đồng nghiệp

– Nêu những khó khăn của HSDT khi học các bài về nghi thức lời nói.

– Hãy nêu cách khắc phục lỗi về nghi thức lời nói cho HSDT mà bạn đã sử dụng trong quá trình dạy học.

2. Đọc thông tin dưới đây và đối chiếu với ý kiến cá nhân

Thông tin cơ bản

– Nghi thức lời nói là những khuôn mẫu đã được cộng đồng chấp nhận, rất cần thiết với đời sống hằng ngày của HS. Tuy nhiên, những nghi thức lời nói này lại mới lạ với

thói quen giao tiếp của số đông HSDT. GV cần giúp HSDT giải quyết những khó khăn này.

– Một số cách hướng dẫn HS sửa lỗi văn miệng các bài về nghi thức lời nói.

• Tăng cường thực hành theo mẫu của GV. Bố trí đủ thời gian để HS được nói theo mẫu và thực hành ở trên lớp. Những hình thức đối thoại tay đôi, nhóm, tổ đều có tác dụng giúp ích cho việc hình thành kĩ năng nói của các em.

Ví dụ : Nói lời *cám ơn, xin lỗi*. Nên đưa các em vào trong những tình huống khác nhau để HS có cơ hội sử dụng lời *cám ơn, xin lỗi.* Trong các trò chơi đóng kịch trong các tiểu phẩm, được sắm vai, nhập vai nhân vật... các em lặp đi lặp lại các câu đối thoại cũng như sử dụng các nghi thức lời nói, nhờ vậy mà nắm được, sử dụng được nghi thức lời nói.

• Sửa lỗi TLV miệng khi dạy các nghi thức lời nói chính là giúp các em biết sử dụng các mẫu câu giao tiếp, các nghi thức lời nói phù hợp với đối tượng giao tiếp.

• GV cần chú ý giới thiệu các mẫu câu kèm theo ngữ điệu phù hợp để sử dụng trong giao tiếp với các đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp khác nhau. Nói với bậc trên như ông bà, bố mẹ, thầy cô thì thái độ, lời lẽ phải tỏ ra kính trọng, lễ phép, nói với bạn bè thì ngôn ngữ phải gần gũi, ấm áp, thân thiện, chân thành, nói với em thì lời lẽ phải mềm mại, yêu thương.

Yêu cầu HS học thuộc một số từ, ngữ thường dùng khi giao tiếp như : *thưa, kính thưa, xin lỗi, cám ơn, làm ơn, mong rằng*... Đồng thời giúp các em biết chọn được từ ngữ phù hợp với đối tượng giao tiếp.

• Quá trình rèn kĩ năng nói đúng các nghi thức lời nói cần được tiến hành thường xuyên, sửa lỗi mọi lúc, mọi nơi không nhất thiết phải chờ đợi đến giờ học TLV miệng mới sửa thì kết quả sẽ rất hạn chế.

Hoạt động 4. Nêu cách sửa lỗi các dạng bài văn miệng : văn kể, tả, thuật

Nhiệm vụ

1. Soạn một bài về cách sửa lỗi cho một bài văn miệng : Tả ngắn về một loại cây có ở địa phương em.

Nêu cách khắc phục, sửa các lỗi văn miệng với dạng bài này.

2. Trao đổi với đồng nghiệp cách khắc phục các lỗi về văn miệng thuộc dạng bài này.

3. Đọc thông tin dưới đây và thống nhất ý kiến của cá nhân và nhóm.

Thông tin cơ bản

1. Văn kể

– Những lỗi thường gặp ở nhiều HSDT khi học dạng bài văn này là : không nắm vững nội dung và trình tự cần kể ; sắp xếp ý tứ không phù hợp với lôgíc diễn biến của điều cần kể ; ngôn ngữ không phù hợp với dạng văn kể ; diễn đạt các tình tiết của câu chuyện không rõ ràng.

– Để giúp HS sửa lỗi văn kể, phải quan tâm đến những vấn đề sau :

• Giúp HS nắm được nội dung theo trình tự phát triển của câu chuyện ; biết cách sắp xếp hợp lí các ý cần kể một cách nhanh chóng trong óc. Để làm được điều này, GV giúp các em lập dàn ý ra nháp để làm chỗ dựa khi kể.

• GV hướng dẫn HS dựa vào dàn ý đã được chuẩn bị để kể lại câu chuyện.

GV cần đặt yêu cầu phù hợp với từng đối tượng HS. Có em chỉ yêu cầu kể một ý nhỏ, với em khác thì yêu cầu kể cả đoạn để nâng dần kĩ năng cho các em.

Ví dụ : Bài TLV "Dựa vào tranh vẽ, hãy kể câu chuyện có tên *Bút của cô giáo*" (TV2, T1, Tr. 62).

GV cần hướng dẫn các em HSDT theo các bước : HS phải dựa vào bốn tranh vẽ trong SGK, xem lời nói của các nhân vật trong tranh. Các em suy nghĩ và sắp xếp các ý thành câu chuyện. Có thể viết những ý chính cho từng bức tranh. Sau đó, dùng ngôn ngữ riêng của mình để thể hiện thành lời kể.

– Lưu ý : GV chỉ yêu cầu các em kể đủ ý, ngôn ngữ giản dị, làm rõ được nội dung chính của điều cần kể.

2. Văn tả

– Muốn chất lượng tả miệng đạt yêu cầu, GV phải hướng dẫn HSDT tiến hành theo các?bước :

• Trước hết, cho HS tập trung quan sát tỉ mỉ, có định hướng đối tượng cần tả. GV có thể gợi ý trong quá trình quan sát : quan sát từ thấp lên cao, từ gần đến xa...

• GV gợi ý cho HS nhận xét về sự vật một cách chi tiết, tỉ mỉ. Trên cơ sở ghi nhớ được những chi tiết đó, HS huy động vốn từ ngữ để tả.

– Lưu ý : HS cần được quan sát thực tế, hoặc chứng kiến đối tượng cần tả các em mới có thể tả được. Tránh bắt HS tả những gì mà HS chưa được nhìn thấy. Việc xác định các nội dung tả miệng cần được tính toán kĩ, trường hợp mà SGK yêu cầu nhưng ở vùng dân tộc chưa có hoặc không có thì bạn hãy thay thế đối tượng tả phù hợp với HSDT mà bạn đang phụ trách. Những nội dung tả cần phải gần gũi với cuộc sống hằng ngày các em thường gặp thì chất lượng của bài văn tả miệng sẽ tốt hơn.

3. Văn thuật

– Để làm được bài văn thuật, đòi hỏi HS phải có vốn sống, vốn ngôn ngữ và khả năng tái hiện các sự vật, hiện tượng.

– Để HSDT có thể thuật được sự việc, hiện tượng, yêu cầu :

• Phải cho các em trực tiếp được tham gia vào các hoạt động cụ thể nào đó.

• Trước khi cho HS tham gia hoạt động cần thông báo cho HS chú ý quan sát, ghi nhớ các sự việc, hiện tượng xảy ra trong hoạt động đó.

Khi làm bài, dựa vào trí nhớ, các em chỉ cần thuật lại theo trình tự phát triển của sự việc, hiện tượng, sắp xếp ý thuật phù hợp với trình tự diễn biến theo thời gian là có thể hoàn thành bài.

Ví dụ : *Em hãy thuật lại một buổi họp của lớp em để nghe cô giáo báo cáo tình hình học tập của lớp trong tuần qua*. Bài này cần được tiến hành sau một buổi họp lớp nào đó. Khi làm bài, HS chỉ cần tái hiện lại : thời gian tổ chức, địa điểm của cuộc họp, người đều khiển, người báo cáo, nội dung báo cáo, không khí của lớp trong khi nghe, cuộc họp kết thúc, kết quả sau cuộc họp theo diễn biến của cuộc họp mà nó diễn ra.

Hoạt động 5. Nêu cách sửa lỗi văn miệng trong dạy dạng văn bản nhật dụng

Nhiệm vụ

1. Tự soạn một mẩu đối thoại

• Về trao đổi học tập.

• Về chuẩn bị cho sinh hoạt lớp.

2. Tìm ra những khó khăn và lỗi HS hay mắc khi học loại bài này. Trao đổi với đồng nghiệp để tìm cách khắc phục.

3. Đọc thông tin dưới đây và hoàn thiện ý kiến của bạn

Thông tin cơ bản

– Muốn cho HSDT làm tốt kiểu TLV miệng về các văn bản có tính chất nhật dụng, GV cần đưa HS tham gia vào các hoạt động thực tế, hoặc những hoạt động được tái tạo. Thông qua các hoạt động đó, các em sẽ được nói TV một cách tự nhiên, thoải mái. GV cần động viên khích lệ để HS có nhu cầu nói đều được nói.

– GV nên hướng dẫn chi tiết, tỉ mỉ cách thức phát biểu ý kiến, cách thuyết trình, cách nói chuyện điện thoại... Có thể phải cho HS chuẩn bị các ý kiến, nội dung, ý tưởng trước khi tham gia.

Gọi điện thoại là một dịch vụ tiện ích nhưng còn xa lạ với HS ở nhiều vùng dân tộc. Để dạy được bài này có hiệu quả, GV phải chuẩn bị đồ dùng dạy học, tiến hành làm mẫu và tổ chức HS thực hành về cách thức thực hiện một cuộc nói chuyện điện thoại.

– *Lưu ý :* Trong giảng dạy, cần động viên và biết cách khích lệ kịp thời đối với HS, tránh chê bai, miệt thị, tránh nhận xét có tính chất xúc phạm nhân cách, thiếu tôn trọng các ý kiến của HS.

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ

1. GV cần làm thế nào để giúp HS sửa lỗi trong các bài văn miệng, nhằm giúp HSDT đạt kết quả theo đúng yêu cầu của chương trình ?

2. Lập bảng các lỗi văn miệng mà HS lớp bạn thường gặp.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Muốn dạy tốt các dạng bài tập làm văn miệng cho HSDT, GV cần có những hiểu biết về đặc điểm của các loại bài, nắm được những khó khăn và những thuận lợi, những đặc điểm tâm lí của HSDT, kiên trì và có phương pháp cụ thể sửa lỗi cho HSDT. Nếu làm tốt điều đó nhất định việc dạy văn miệng nói riêng và dạy TV nói chung sẽ có kết quả, đáp ứng yêu cầu của chương trình, góp phần nâng cao chất lượng học tập của HSDT.

2. Bài tập : Lập bảng thống kê lỗi văn miệng của HS lớp bạn phụ trách.

Yêu cầu : – Phân loại được các loại lỗi.

– Tìm được nguyên nhân của các lỗi.

– Đề ra được các cách khắc phục sửa lỗi cụ thể cho từng loại.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Thực hành Tập làm văn 2* – Trần Mạnh Hưởng – NXBGD, H.2003.

2. *Dạy và học môn TV theo Chương trình Tiểu học mới* – Nguyễn Trí – NXBGD, H. 2000.

TIỂU MÔ ĐUN 4 (16 tiết)

Dạy đọc

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Giúp HV xác định được đúng ý nghĩa và yêu cầu của việc dạy đọc TV cho HSDT bao gồm các giai đoạn : trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc.

Phân định rõ một số thao tác trước, trong và sau khi đọc nhằm giúp HSDT đọc đúng chính âm, đọc hiểu từ ngữ của bài cũng như đặt các câu hỏi.

2. Kĩ năng

Có kĩ năng tổ chức các hoạt động để giúp HS đọc đúng, đọc hiểu văn bản.

3. Thái độ

Chủ động sử dụng các phương pháp một cách năng động trong việc hướng dẫn HS hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu bài học.

B. GIỚI THIỆU

– *Nội dung* Tiểu môđun 4 gồm 3 chủ đề và 1 đoạn băng hình. Tiểu môđun này hướng dẫn học viên tổ chức dạy kĩ năng đọc cho HSDT, bao gồm : dạy đọc đúng, dạy hiểu từ ngữ và cách đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc. Đoạn băng hình trong bài *Dạy hiểu từ ngữ trong bài tập đọc* hướng dẫn học viên một số phương pháp tìm hiểu cách cung cấp từ ngữ trong bài tập đọc.

– *Thời gian* để hoàn thành Tiểu môđun 4 : 16 tiết.

– *Cách học* : Các bài chủ yếu được thiết kế để học cá nhân và học theo nhóm. Chỉ có hoạt động xem băng là cần có sự hướng dẫn của giảng viên.

C. BÀI HỌC

CHỦ ĐỀ 15 (4 tiết)

Hướng dẫn Dạy đọc đúng

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nắm được những khó khăn của HSDT trong việc đọc đúng TV ở tiểu học.

– Hiểu được các yêu cầu của việc dạy đọc đúng TV và một số biện pháp, hình thức tổ chức dạy HSDT ở tiểu học đọc đúng TV.

2. Kĩ năng

– Đọc đúng được các tiếng, từ, câu, đoạn, bài TV ; có giọng đọc phù hợp với từng thể loại bài văn.

– Biết hướng dẫn HSDT đọc đúng TV theo yêu cầu đề ra cho từng lớp ở cấp Tiểu học.

3. Thái độ

– Quan tâm đến yêu cầu đọc đúng TV đối với HSDT biết ít hoặc chưa biết nói TV.

– Kiên trì luyện đọc nhằm đạt được những yêu cầu của việc đọc mẫu đúng TV.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Nêu yêu cầu về kĩ năng đọc đối với các lớp ở tiểu học

Nhiệm vụ

1. Tìm hiểu yêu cầu cơ bản về kĩ năng đọc đối với HS Tiểu học

1.1. Đọc các tài liệu :

– Chương trình Tiểu học, NXB Giáo dục, 2002 (môn TV).

– SGV TV các lớp 1, 2, 3 (tập một) : Phần Hướng dẫn chung (Yêu cầu về kiến thức và kĩ?năng).

1.2. Làm các bài tập :

– Dựa vào Chương trình Tiểu học (môn TV), lập bảng tóm tắt yêu cầu cơ bản về kĩ năng đọc đối với từng lớp (1, 2, 3, 4, 5) ở tiểu học.

– Ghi chép những điểm khác nhau về mức độ yêu cầu luyện đọc (đọc thành tiếng, đọc hiểu) ở từng lớp tiểu học.

1.3. Trao đổi với đồng nghiệp về kết quả các bài tập do bạn đã thực hiện.

2. Thực hành về kĩ năng đọc đúng TV

2.1. Đọc các tài liệu :

– SGK theo Chương trình Tiểu học mới : TV 1 (hai tập), TV 2 (hai tập), TV 3 (hai tập).

– Rèn luyện kĩ năng sử dụng TV (Tài liệu dùng trong các trường SP đào tạo GV tiểu học hệ 12 + 6 tháng), Vụ GV – Bộ GD và ĐT, H. 1994.

2.2. Làm các bài tập :

– Chọn trong SGK TV ở mỗi lớp (1, 2, 3) một bài thơ, một bài văn xuôi, một văn bản thông thường (trong SGK TV 2 hoặc SGK TV 3) để đọc đúng.

– Tìm hiểu và ghi chép về cách đọc đúng các văn bản đã chọn trong SGK TV (các lớp?1, 2, 3).

2.3. Đọc thành tiếng và trao đổi về cách đọc từng văn bản trong SGK do bạn đã lựa chọn.

2.4. Đọc thông tin dưới đây và đối chiếu với ý kiến của bạn về yêu cầu kĩ năng đọc tiếng Việt.

Thông tin cơ bản

1. Yêu cầu về kĩ năng đọc đối với các lớp ở Tiểu học (theo Chương trình Tiểu học mới)

Lớp 1	- Đọc đúng và rõ ràng bài văn đơn giản (tốc độ đọc khoảng 30 tiếng/phút), hiểu nghĩa các từ thông thường và ý của câu đã đọc.
Lớp 2	- Đọc đúng và rành mạch bài văn (khoảng 50 tiếng/phút), nhận biết ý chính của đoạn văn, đoạn thơ.
Lớp 3	- Đọc đúng và rành mạch bài văn (khoảng 70 tiếng/phút), nắm được ý chính của bài.
Lớp 4	- Đọc rành mạch, lưu loát bài văn (khoảng 120 tiếng/phút), đọc có biểu cảm đoạn văn, đoạn thơ ; hiểu nội dung và ý nghĩa của bài đọc.
Lớp 5	- Đọc rành mạch, lưu loát bài văn (khoảng 150 tiếng/phút), đọc có biểu cảm bài văn, bài thơ ngắn ; hiểu nội dung, ý nghĩa của bài đọc.

2. Một số yêu cầu cơ bản về đọc đúng TV (đọc thành tiếng)

– Căn cứ vào các mặt *ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp* của văn bản, yêu cầu đọc đúng có thể phân ra các mức độ từ thấp đến cao như sau :

+ Phát âm đúng, không sai, không thừa, không sót từng âm, vần, tiếng (âm tiết).

+ Phát âm rõ tiếng, đọc rõ từ, ngữ ; ngắt, nghỉ hơi đúng ở chỗ có dấu câu ; đọc rõ từng câu, từng ý (không gây cho người nghe hiểu sai ý câu văn, đoạn văn...). Cường độ đọc vừa phải (không đọc to quá hay đọc lí nhí), tốc độ đọc vừa phải, đạt yêu cầu đề ra ở mỗi lớp (không ê a, ngắc ngứ hoặc liến thoắng...).

+ Tốc độ đọc phù hợp với yêu cầu diễn tả nội dung ; phát âm rõ ràng, rành mạch, không vấp váp ; ngắt nghỉ hơi theo đúng dấu câu hoặc cụm từ rõ nghĩa (còn gọi là đọc lưu loát).

– Căn cứ vào *đặc điểm của thể loại văn bản* được dạy ở các lớp theo Chương trình Tiểu học mới, yêu cầu về đọc đúng được thể hiện ở một số điểm sau :

+ *Đọc thơ* : cần chú ý đến nhịp điệu của câu thơ theo từng thể thơ cụ thể. Cách ngắt nhịp thông thường theo một số thể thơ dạy ở tiểu học như sau :

* *Thơ lục bát* : câu 6 chữ có thể ngắt nhịp 2/2/2 hoặc 2/4, 4/2, 3/3 ; câu 8 chữ có thể ngắt nhịp 2/2/2/2 hoặc 4/4, 2/6, 2/3/3, 3/5...

VD : Những ngôi sao / thức ngoài kia /

Chẳng bằng mẹ / đã thức vì chúng con /...

(*Mẹ* – Trần Quốc Minh)

* *Thơ 4 chữ, 5 chữ* : ngắt nhịp 2/2 hay 2/3, 3/2 ; hoặc đọc liền cả 4 hay 5 tiếng ở mỗi dòng?thơ.

VD : Những lời cô giáo giảng /
ấm trang vở thơm tho /
Yêu thương / em ngắm mãi /
Những điểm mười / cô cho /...

(*Cô giáo lớp em* – Nguyễn Xuân Sanh)

* *Thơ 7 chữ* (thất ngôn) : ngắt nhịp 4/3 hay 3/4.

VD : ở tận sông Hồng / em có biết /
Quê hương anh / cũng có dòng sông /
Anh mãi gọi / với lòng tha thiết /
Vàm Cỏ Đông ! / Ơi Vàm Cỏ Đông ! / ...

(*Vàm Cỏ Đông* – Hoài Vũ)

* *Thơ tự do* : không có cách ngắt nhịp cố định, thường căn cứ vào nội dung của câu, đoạn, bài để ngắt nhịp theo từ, cụm từ hoặc dựa vào dấu câu (nếu có).

VD : Những đêm hè /
Khi ve ve /
Đã ngủ /
Tôi lắng nghe /
Trên đường Trần Phú /
Tiếng chổi tre /
Xao xác /
Hàng me / ...

(*Tiếng chổi tre* – Tố Hữu)

+ *Đọc văn xuôi* : cần chú ý đến đặc điểm của từng thể loại để có giọng điệu đúng và thích hợp. Ví dụ : văn kể chuyện thường đọc giọng chậm rãi, văn miêu tả thường đọc giọng nhẹ nhàng, văn bản thông thường cần đọc rõ ràng, dứt khoát...

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số biện pháp và hình thức tổ chức hướng dẫn HS đọc đúng

Nhiệm vụ

1. Tìm hiểu về một số biện pháp và hình thức tổ chức hướng dẫn HS đọc đúng

1.1. Đọc các tài liệu :

– SGV TV các lớp 1, 2, 3 (tập một) : Phần Hướng dẫn chung (dạy Tập đọc)

– SGV TV các lớp 1, 2, 3 : Phần Hướng dẫn cụ thể (chọn 6 bài Tập đọc : 3 bài thơ – theo 3 thể loại khác nhau, 2 bài văn xuôi – 1 bài văn miêu tả, 1 bài văn kể chuyện, 1 bài theo văn bản thông thường ở các lớp 2, 3).

1.2. Làm các bài tập :

– Ghi chép về một số biện pháp và hình thức tổ chức hướng dẫn HS đọc đúng 3 bài thơ (theo 3 thể loại khác nhau), 2 bài văn xuôi (1 bài văn miêu tả, 1 bài văn kể chuyện), 1 bài theo văn bản thông thường theo SGK mới (các lớp 1, 2, 3) đã chọn ở trên.

– Đề xuất những điểm cần lưu ý khi hướng dẫn HSDT đọc đúng trong giờ Tập đọc môn TV (lớp 1, lớp 2, lớp 3).

1.3. Trao đổi với đồng nghiệp về kết quả các bài tập do bạn đã thực hiện.

2. Thực hành về hướng dẫn HSDT đọc đúng TV

2.1. Đọc các tài liệu :

– SGK theo Chương trình Tiểu học mới (NXB Giáo dục – 2002, 2003, 2004) : TV 1 (hai tập), TV 2 (hai tập), TV 3 (hai tập) – (Tìm hiểu về các bài Tập đọc đã chọn để thực hành).

– SGV TV ở các lớp 1, 2, 3 : Phần Hướng dẫn cụ thể (các bài Tập đọc đã chọn để thực hành).

2.2. Làm các bài tập :

– Soạn giáo án phần Hướng dẫn HS luyện đọc ở 3 bài Tập đọc (1 bài TĐ truyện kể, 1 bài TĐ văn miêu tả, 1 bài TĐ văn bản thông thường) trong số các bài đã chọn nhằm thể hiện các biện pháp và hình thức tổ chức HS đọc đúng (chú ý đối tượng HSDT).

– Ghi chép những điểm cần lưu ý về hướng dẫn HSDT luyện đọc đúng trong giờ Tập đọc theo SGK mới.

2.3. Trình bày giáo án đã soạn về phần Hướng dẫn HS luyện đọc.

Thông tin cơ bản

1. Một số biện pháp và hình thức tổ chức HS luyện đọc đúng TV trong giờ Tập đọc ở tiểu học

1.1. Đọc mẫu (GV)

– *Đọc toàn bài* : nhằm giới thiệu, gây xúc cảm, tạo hứng thú và tâm thế học đọc cho HS. Căn cứ vào trình độ HS, GV có thể đọc 1 hoặc 2 lần, theo mục đích đề ra.

– *Đọc câu, đoạn* : nhằm hướng dẫn, gợi ý hoặc "tạo tình huống" để HS nhận xét, giải thích, tự tìm ra cách đọc...(có thể đọc vài lần trong quá trình dạy đọc).

– *Đọc từ, cụm từ* : nhằm sửa phát âm sai và rèn cách đọc đúng ; góp phần nâng cao ý thức viết đúng cho HS.

1.2. Hướng dẫn HS luyện đọc (đọc thành tiếng)

– Thực hiện theo quy trình dạy Tập đọc ở các lớp thay sách (1, 2, 3) nhằm đổi mới PPDH (tích cực hoá hoạt động học tập của HS), cụ thể :

+ *Luyện đọc tiếng, từ* (ở lớp 1) : kết hợp củng cố âm, vần đã học ; giúp HSDT phát âm đúng tiếng, khắc phục lỗi phát âm lệch chuẩn do ảnh hưởng của TMĐ hoặc cách phát âm địa phương.

+ *Luyện đọc câu* (chủ yếu ở lớp 1, 2, 3) : nhằm luyện đọc đúng tiếng, từ ; tạo điều kiện cho HS đọc rõ ràng, rành mạch (biết ngắt hơi ở dấu phẩy hoặc cụm từ rõ nghĩa).

+ *Luyện đọc đoạn* : nhằm luyện đọc đúng từng câu trong đoạn (biết nghỉ hơi ở dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm cảm...), tập ngắt nhịp đúng ở các câu thơ, khổ thơ.

+ *Luyện đọc toàn bài* (chủ yếu ở lớp 2, 3) : nhằm giúp HS làm quen với cách đọc liền mạch các đoạn trong bài, chuẩn bị cho yêu cầu luyện đọc lưu loát và diễn cảm ở các lớp 4, 5.

– Vận dụng các hình thức tổ chức luyện đọc một cách linh hoạt để HSDT hứng thú, tích cực tham gia luyện đọc đúng : *đọc cá nhân* (riêng lẻ hoặc nối tiếp), *đọc đồng thanh* (nhóm, tổ, lớp) ; *đọc theo vai* (phối hợp nhiều HS đọc cá nhân).

Để hướng dẫn HS đọc đúng TV, GV cần *biết nghe* đọc để có cách rèn luyện thích hợp với từng em (củng cố cấu tạo tiếng để nắm vững cách phát âm, tập phát âm hoặc luyện đọc theo mẫu của GV...) ; gợi ý, khuyến khích HS trong lớp trao đổi, nhận xét về chỗ *được*, chỗ *chưa được* của bạn nhằm rút kinh nghiệm để đọc tốt hơn...

2. Một số điểm lưu ý khi hướng dẫn HSDT luyện đọc đúng TV

– GV vừa kết hợp giúp HS nắm vững cấu tạo tiếng (đánh vần, phân tích cấu tạo) vừa hướng dẫn HS về cách phát âm các tiếng khó với HSDT (thông qua việc làm mẫu và mô tả hoạt động của các cơ quan phát âm như *lưỡi, môi, răng, độ mở của miệng*...) ; có thể kết hợp với việc phân tích về chữ viết để minh hoạ cho cách phát âm các tiếng mang âm vần khó hoặc phân biệt các cặp tiếng dễ phát âm lẫn lộn do ảnh hưởng TMĐ hoặc tiếng địa phương.

– Luyện đọc đúng từ ngữ trước khi đọc đúng từng câu (ở lớp 1) ; phát hiện và sửa lỗi phát âm khi HS luyện đọc từng câu (ở các lớp 2, 3) ; GV đọc mẫu thật rõ ràng cho HS nghe rồi đọc lại cho đúng (chú ý cách ngắt hơi đúng sau cụm từ rõ nghĩa, tránh ngắt hơi sai dẫn đến việc hiểu sai nghĩa câu văn).

– Cố gắng nắm vững đặc điểm phát âm của HS từng dân tộc để tìm cách khắc phục (VD?: HSDT Hmông khó phát âm những tiếng có âm cuối vần là phụ âm khép *m, p*..., tiếng có thanh ngã ; HSDT Khơ-me thường phát âm không rõ thanh điệu...).

– Coi trọng việc thực hành luyện đọc ; tạo mọi điều kiện cho HSDT được tham gia vào quá trình luyện đọc thành tiếng dưới sự chỉ dẫn của GV (đọc cá nhân, đọc đồng thanh ; đọc theo từng cặp, đọc trong nhóm, đọc trước lớp ; tham gia vào các trò chơi luyện đọc...).

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Dựa vào các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, yêu cầu về đọc đúng ở tiểu học được xác định ở các mức độ như thế nào ? Chọn 1 văn bản trong SGK TV (lớp 2 hoặc lớp 3) để thể hiện các yêu cầu đó.

2. Theo bạn, đọc câu thơ dưới đây theo cách ngắt nhịp nào là đúng ?

Đánh dấu + vào ô trống trước cách đọc mà bạn lựa chọn :

☐ Yêu hơn / cả cầu ao / mẹ thường đãi đỗ

Là cái cầu này / ảnh chụp xa xa.

☐ Yêu hơn cả cầu ao / mẹ thường đãi đỗ

Là cái cầu này / ảnh chụp xa xa.

☐ Yêu hơn cả / cầu ao mẹ thường đãi đỗ

Là cái cầu này / ảnh chụp xa xa.

3. Theo bạn, đọc câu văn dưới đây theo cách ngắt hơi nào là đúng ?

Đánh dấu + vào ô trống trước cách đọc mà bạn lựa chọn :

☐ -Tôi quên thế nào được / những cảm giác trong sáng ấy / nảy nở trong lòng tôi / như mấy cánh hoa tươi / mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

☐ -Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy / nảy nở trong lòng tôi / như mấy cánh hoa tươi / mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

☐ -Tôi quên thế nào được / những cảm giác trong sáng ấy / nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi / mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

4. Liệt kê các cấp độ hướng dẫn HSDT luyện đọc trong giờ Tập đọc ở tiểu học.

5. Đánh giá phần trình bày giáo án về Hướng dẫn HSDT luyện đọc theo tiêu chí và thang xếp loại ở mục 5 dưới đây.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Xác định các mức độ yêu cầu về *đọc đúng* ở tiểu học : Xem *Thông tin cơ bản* dành cho mục II-1 (ý 2) ; tham khảo thêm phần *Hướng dẫn chung* ở tài liệu 3 (mục IV. Tài liệu tham?khảo).

Thể hiện cách đọc cụ thể một văn bản do bạn tự lựa chọn, sau đó dựa vào các mức độ yêu cầu nói trên để nhận xét, trao đổi cùng đồng nghiệp.

2. Đọc ngắt nhịp câu thơ theo cách thứ 3 là đúng (đánh dấu + vào ô trống thứ 3).

3. Đọc ngắt hơi câu văn theo cách thứ 2 là đúng (đánh dấu + vào ô trống thứ 2).

4. Liệt kê các cấp độ hướng dẫn HSDT luyện đọc trong giờ Tập đọc ở tiểu học : Xem *Thông tin cơ bản* dành cho mục II-2 (ý 1.2) ; tham khảo thêm về quy trình dạy Tập đọc trong phần *Hướng dẫn chung* ở tài liệu 3 (mục IV. Tài liệu tham khảo).

5. Bảng sử dụng để đánh giá nội dung phần trình bày giáo án về *Hướng dẫn HSDT luyện đọc* trong giờ Tập đọc (lớp 1, 2, 3).

Đánh dấu + vào ô phù hợp :

Xếp loại / Tiêu chí	Tốt	Khá	Đạt yêu cầu	Chưa đạt yêu cầu
1. Hướng dẫn HS nắm vững cấu tạo tiếng và cách phát âm tiếng khó.				
2. Thực hiện đúng quy trình luyện đọc (*từ ngữ – câu – đoạn – bài*).				
3. GV đọc mẫu rõ ràng, sửa lỗi phát âm phù hợp với đặc điểm HSDT.				
4. Sử dụng các biện pháp và hình thức tổ chức luyện đọc nhằm phát huy tính tích cực học tập của HS.				

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chương trình Tiểu học*, NXBGD, H. 2002 (môn TV).

2. *Rèn luyện kĩ năng sử dụng TV* (Tài liệu dùng trong các trường SP đào tạo GV tiểu học hệ 12+6 tháng), Vụ GV – Bộ GD và ĐT, H. 1994.

3. *Hỏi và đáp về sách Tiếng Việt 1* – Nguyễn Trí (Chủ biên) – NXBGD, H. 2002.

4. *Hỏi – Đáp về dạy học Tiếng Việt 2* – Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên) – NXBGD, H. 2003.

5. *Hỏi – Đáp về dạy học Tiếng Việt 3* – Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên)– NXBGD, H. 2004.

6. *Trò chơi học tập Tiếng Việt 2* – Trần Mạnh Hưởng (Chủ biên) – NXBGD, H. 2003.

7. *Phương pháp dạy Tiếng Việt cho HS dân tộc ở trường tiểu học* – Lê A, Mông Ký Slay, Đào Nam Sơn, Đào Ngọc – Bộ GD và ĐT, Vụ Giáo viên, H. 1993.

CHỦ ĐỀ 16 (6 tiết)

Dạy hiểu từ ngữ trong bài tập đọc

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Biết và hiểu ý nghĩa của việc dạy từ ngữ trong bài tập đọc, các phương pháp dạy từ ngữ trong bài tập đọc.

2. Kĩ năng

Có khả năng vận dụng những điều đã học vào thực tế giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy hiểu từ ngữ trong giờ dạy tập đọc nói riêng và nâng cao chất lượng tập đọc nói chung.

3. Thái độ

Chủ động vận dụng những phương pháp phù hợp với việc dạy từ ngữ cho HSDT trong bài tập đọc.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu ý nghĩa của việc dạy từ ngữ trong bài tập đọc

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

– Ghi lại những suy nghĩ của bạn về ý nghĩa của việc dạy từ ngữ cho HSDT trong giờ Tập?đọc.

– Những hình thức dạy từ ngữ cho HSDT trong giờ Tập đọc mà bạn đã sử dụng có hiệu quả.

– Thử vẽ sơ đồ biểu thị mối quan hệ giữa : *dạy từ ngữ, dạy từ ngữ* trong giờ Tập đọc.

2. Hoạt động trong nhóm

– Trao đổi những kinh nghiệm của bạn trong dạy từ ngữ cho HSDT trong giờ Tập đọc.

– Trao đổi về sơ đồ biểu thị mối quan hệ giữa : dạy từ ngữ, dạy từ ngữ trong giờ tập đọc, dạy tập đọc.

– Đọc thông tin dưới đây và hoàn thiện ý kiến của cá nhân và nhóm.

Thông tin cơ bản

1. Trong giờ Tập đọc, việc hiểu bài là hết sức quan trọng. Có hiểu bài đọc HS mới thu thập được thông tin, mới hình thành khả năng đọc rộng để tự học, tự bồi dưỡng kiến thức về cuộc sống, từ đó hình thành thói quen, hứng thú với việc đọc sách, với việc tự học thường xuyên. Có hiểu được bài đọc, các chức năng ngôn ngữ như chức năng thông tin, chức năng giáo dục, chức năng thẩm mĩ mới thực hiện được. Để hiểu được bài phải bắt đầu từ việc hiểu từ ngữ.

2. Từ ngữ là vật liệu tạo nên văn bản, ví như không có vật liệu xây dựng thì không có ngôi nhà. Không hiểu từ ngữ thì không hiểu văn bản. Quá trình hiểu văn bản là quá

trình phân tích từ ngữ diễn ra trong nhận thức người đọc. Quá trình hiểu văn bản trong đọc hiểu diễn ra theo hai chiều ngược nhau. Người đọc có trình độ văn hoá cao, có nhiều kinh nghiệm sống thường chọn cách phân tích đi từ ý nghĩa chung (ý nghĩa chưa được tường minh lắm) của văn bản, sau đó xem lại các chi tiết, các từ ngữ rồi khái quát lên thành chủ đề tư tưởng của văn bản. Nhưng dù theo cách nào người đọc cũng không thể thoát li được văn bản, thoát li được khâu phân tích từ ngữ. Thực ra, người ở trình độ cao cũng đi từ đơn vị nhỏ là từ ngữ nhưng đi rất nhanh, đi lướt qua để đi đến những cái tổng thể mà thôi.

Với bài tập đọc, cần quan tâm tới từ ngữ mới của bài đọc. Từ mới là những yếu tố mới của thông tin trong bài. Giúp HS hiểu được từ mới là giúp các em nắm được những thông tin mới, từ đó nắm được nội dung bài.

Khả năng đọc và vốn từ của HS tiểu học, nhất là HSDT còn nhiều hạn chế. Cho nên, dạy tập đọc rất cần thiết phải giúp HS hiểu từ ngữ của văn bản.

3. Trong bài tập đọc, với HS người Kinh, GV không cần phải giải thích từ ngữ các em vẫn có thể hiểu được những ý chính. Các em đã biết được hầu hết nghĩa của các kí hiệu trong bài. Nếu chỗ nào chưa hiểu các em có thể tìm thấy lời giải đáp trong mục *Chú thích và giải nghĩa*. Lời giải nghĩa ấy nói chung vừa với sức học của các em. Còn với HSDT, trước khi đến trường hầu hết chưa biết TV thì đây lại là một việc khó khăn. Lượng từ các em hiểu được còn quá ít so với số từ được chú thích và giải nghĩa trong SGK. Ngay cả những từ được sách chú giải các em cũng không hiểu được như HS người Kinh. Các em không tiếp nhận được cả *từ chú giải và nội dung chú giải*. Các em như bị đánh đố trong trường hợp : từ các em chưa hiểu lại được giải thích bằng một loạt từ các em không hiểu. Thí dụ : *lấp ló : lúc ẩn lúc hiện* (Ngôi trường mới – TV 2). Các em chưa biết thế nào là *ẩn, hiện* thì không thể hiểu được từ *lấp ló*...Rồi *thân thương : thân yêu, gần gũi* (cũng bài trên), *vùng vằng : tỏ ý giận dỗi, cáu kỉnh* (Sự tích cây vú sữa – TV 2)...

4. Đặc điểm của từ ngữ trong bài tập đọc

Từ ngữ trong bài tập đọc là từ ngữ trong một văn cảnh cụ thể, có một nét nghĩa cụ thể, người đọc có thể nương tựa vào các từ ngữ đã hiểu trong câu để luận ra từ ngữ chưa hiểu.

Thế nhưng, trong bài tập đọc là những bài thơ, những từ ngữ mang tính biểu cảm khá nhiều. Đây chính là cái hay của văn chương nhưng lại là cái khó đối với người dạy và người học. Thí dụ : *Hoa xao xuyến nở / Như mây từng chùm* (Ngôi nhà – TV 2) ; *Cánh đồng chờ gặt hái / Chín vàng màu ước mong* (Ngày hôm qua đâu rồi – TV 2*). Xao xuyến* là một kiểu nở của hoa mà trong hoa có hồn người, có tâm trạng bồn chồn. Còn *ước mong* làm gì có màu mà đó chính là tâm cảm của người nông dân một nắng hai sương, cả nhà trông vào hạt lúa. Cái dễ và cái khó trong việc giảng từ để HS hiểu bài tập đọc là như thế.

Hoạt động 2. Phương pháp dạy từ ngữ cho HSDT trong bài tập đọc

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

– Bạn đã sử dụng những phương pháp nào để dạy từ ngữ trong giờ tập đọc ?

– Hãy tìm những phương pháp phù hợp để dạy các nhóm từ sau :

- Quả xoài, con công, biển.
- Lễ cưới, chợ phiên.
- Nô đùa, thích thú.
- Xanh thẳm, long lanh, lạnh lùng.

– Soạn một giáo án dạy một bài tập đọc có vận dụng những tri thức vừa tiếp thu được về dạy từ ngữ cho HSDT.

2. Hoạt động trong nhóm

– Trao đổi về giáo án.

– Trao đổi những bài học kinh nghiệm của mình trong tiết dạy thử.

– Đọc thông tin dưới đây và hoàn thiện ý kiến bạn và nhóm.

3. Xem trích đoạn băng hình dạy tập đọc : "Có công mài sắt có ngày nên kim".

Thông tin cơ bản

Từ ngữ có thể dạy ở mọi nơi, mọi lúc, ở nhiều môn học và nhiều phân môn. Từ ngữ trong bài tập đọc không phải là từ ngữ đơn lẻ được sắp xếp trong từ điển mà là một bộ phận có nghĩa nhỏ nhất trong một đơn vị lời nói. Từ ngữ trong bài đọc cũng khác từ ngữ được cung cấp trong bài luyện từ và câu nhằm giúp HS thực hành trong một nhiệm vụ giao tiếp cụ thể. Trong giờ Tập đọc, GV có nhiệm vụ giảng giải, khai thác để HS hiểu bài tập đọc, giúp các em đọc đúng và đọc hay hơn. Để có thể tiến hành việc tìm hiểu từ ngữ trong bài tập đọc, cần phải tiến hành một số công việc.

1. Lựa chọn từ mới cần cung cấp cho HS

Từ mới là yếu tố thông tin mới đầu tiên trong văn bản. Nhận ra được từ mới tức là người đọc đã chú ý đến những thông tin mới trong văn bản. Việc làm đầu tiên là GV cần lựa chọn từ ngữ thích hợp với HS của mình cũng như với việc khai thác nội dung bài. Cách lựa chọn cũng rất đa dạng.

Trước hết, GV cần lựa ra một danh sách từ mới cần cung cấp cho HS. Bằng trực cảm và kinh nghiệm, căn cứ vào vốn từ của HS lớp mình mà GV lựa chọn lấy 7– 8 từ ngữ/ bài. Tới lớp dạy, một lần nữa trên cơ sở đặt các câu hỏi thích hợp ta có thể biết trong số các từ đã chuẩn bị, từ nào HS đã nắm được ít nhiều, cuối cùng chọn lấy 4-5 từ để giải nghĩa.

Những từ cần giữ lại để cung cấp cho các em là những từ quan trọng mà nếu không hiểu chúng, HS không thể hiểu bài – lâu nay quen gọi là từ "chìa khoá". Những từ chìa khoá có quan hệ trực tiếp tới đề tài, chủ đề của bài văn. Nhờ có những từ này mà ta có thể đoán được chủ đề, đề tài của bài.

Trong các loại văn bản khác nhau, các từ "chìa khoá" cũng khác nhau. Chẳng hạn, trong văn bản khoa học và hành chính công vụ, là những thuật ngữ ; trong văn bản văn chương là các từ gợi tả, gợi cảm...

2. Cung cấp nghĩa từ ngữ cho HS

Trong số các từ cần cung cấp nghĩa, GV cần có ý thức sắp xếp thứ bậc ưu tiên các từ cần dạy cũng như mức độ dạy nghĩa của chúng, bởi thời gian dành cho công việc này trên lớp hạn chế. Có thể hệ thống lại những phương pháp cung cấp nghĩa từ trong bài Tập đọc như sau :

2.1. Giải nghĩa từ bằng phương pháp trực quan : dùng vật thực, mô hình, tranh ảnh ... Đây là cách giải nghĩa đối chiếu từ với vật thật, vật thay thế đại diện cho nghĩa của từ. Cách giải nghĩa này thường được chọn để dạy các danh từ cụ thể. Ví dụ : khi dạy bài "Cây gạo" có từ *hoa gạo* được dạy bằng phương pháp trực quan.

2.2. Dùng yếu tố từ vựng như sử dụng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa... để giải nghĩa từ.

2.3. Giải nghĩa từ bằng ngữ cảnh. Đặt từ vào trong cụm từ, câu, đoạn, bài để giúp HS suy ra nghĩa từ, hoặc giải nghĩa bằng cách nêu nghĩa cả cụm từ, câu chứa từ.

2.4. Đối chiếu với từ của TDT. Tìm một từ có nghĩa tương đương trong TMĐ của HS để giải nghĩa.

3. Một số lưu ý khi dạy từ ngữ trong bài tập đọc

– Để giúp HS hiểu nghĩa của từ trong văn bản, GV cần tập cho HS thói quen : tìm nghĩa của từ trong phần chú giải trong SGK ; tập tra cứu trong từ điển...

– *Trong quá trình chuẩn bị bài, GV cần chuẩn bị giải nghĩa những từ ngữ trong bài nếu HS yêu cầu.* Nói chung, GV có đủ khả năng để hiểu các từ ngữ trong bài đọc trong sách giáo khoa, nhưng từ chỗ bản thân hiểu đến chỗ giúp cho người khác hiểu còn có một khoảng cách. Để lấp đầy khoảng cách đó GV cần dày công chuẩn bị. Nếu không có sự chuẩn bị trước về nội dung giải nghĩa và phương pháp giải nghĩa từng từ cụ thể, khi đột xuất cần dùng đến không thể tránh khỏi lúng túng.

– *Luyện đọc để có chất lượng đọc cao.* Muốn HS hiểu nghĩa từ, GV cần giúp HS nghe đúng, đọc đúng chính âm, ngắt giọng đúng, đọc đúng ngữ điệu câu. Từ ngữ có thể chia thành các cấu trúc : cấu trúc ngữ âm, cấu trúc hình thái, cấu trúc ngữ nghĩa. Ba cấu trúc này có quan hệ chặt chẽ với nhau. Từ ngữ được đọc lên, vỏ ngữ âm được tách ra, người đọc có điều kiện tiếp thụ cấu trúc và ngữ nghĩa của nó. Hơn nữa từ được giảng nằm trong bài đọc nên nét nghĩa cần giảng chính là nét nghĩa của bài đọc. Vì thế, đọc bài khoá không đơn thuần có ý nghĩa phương pháp mà còn là yêu cầu có tính bắt buộc. Dưới đây là 2 cách ngắt hơi đem lại 2 hiệu quả khác nhau :

** Đêm nay /con ngủ giấc tròn*
Mẹ / là ngọn gió / của con suốt đời.
** Đêm nay con /ngủ giấc tròn*
Mẹ là ngọn / gió của con / suốt đời.

4. Xem băng hình

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Suy nghĩ của bạn về ý nghĩa của việc dạy từ ngữ cho HSDT trong giờ Tập đọc ?

2. Dạy hiểu từ ngữ trong bài tập đọc gồm có những phương pháp nào ?

3. Khi dạy từ ngữ trong bài tập đọc cần lưu ý những gì ?

V. Tài liệu tham khảo

1. Phương pháp dạy TV cho HSDT ở trường tiểu học – Lê A, Mông Ký Slay, Đào Nam Sơn, Đào Ngọc – Bộ GD và ĐT – Vụ Giáo viên, H. 1993.

2. *Phương pháp dạy tập đọc ở trường tiểu học* – Lê Phương Nga, NXBGD, H. 2002.

CHỦ ĐỀ 17 (6 tiết)

Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Học viên hiểu tầm quan trọng của việc đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc đối với quá trình giúp HSDT tìm hiểu nội dung bài đọc.

2. Kĩ năng

– Sử dụng tốt hệ thống câu hỏi của SGK và biết đặt các câu hỏi khác phù hợp với trình độ nhận thức của HSDT để giúp HS đọc và hiểu bài tập đọc tốt hơn.

– Hướng dẫn HSDT nắm được các lỗi thường gặp và biết cách trả lời câu hỏi đúng yêu?cầu.

3. Thái độ

– Có ý thức tôn trọng thực tế trình độ nhận thức của các em HSDT, đặt được câu hỏi vừa sức, dễ hiểu, cụ thể, phù hợp để các em hiểu đầy đủ hơn nội dung và nghệ thuật của các văn bản đọc, góp phần nâng cao chất lượng học TV của HSDT.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu về vai trò của hệ thống câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc

Nhiệm vụ

1. Tự nghiên cứu và trả lời câu hỏi

– Hãy nêu vai trò của hệ thống câu hỏi trong bài tập đọc.

– Anh / chị đã thay đổi, điều chỉnh hệ thống câu hỏi trong SGK theo hướng nào để thích hợp hơn với trình độ HSDT ?

2. Thực hành

– Tập đặt câu hỏi cho một bài tập đọc lớp 2 phù hợp với HSDT.

– Sử dụng câu hỏi của SGK để soạn câu hỏi phù hợp hơn với HSDT ?

Thông tin cơ bản

– Câu hỏi trong bài tập đọc thường được đặt ra trên cơ sở gắn với nhân vật, tình tiết, hình ảnh, ngôn ngữ, ý nghĩa ... của văn bản đọc, là cơ sở quan trọng định hướng suy nghĩ, tìm tòi giúp HSDT dễ dàng tiếp cận bài đọc có kết quả hơn.

– Thông qua hệ thống câu hỏi, GV hướng dẫn HS tiến hành khai thác nội dung của bài. Nhờ có hệ thống câu hỏi, các nội dung của bài được HS tìm hiểu một cách có chủ đích và theo một hệ thống nhất định. Nhờ đó, HS nắm vững nội dung bài một cách có ý thức.

Qua việc trả lời câu hỏi mà các kĩ năng về phân tích, tổng hợp của HS được phát triển. HS có điều kiện phát triển kĩ năng nói, là một trong các kĩ năng cần rèn luyện.

Để HS có thể trả lời câu hỏi cần phải có hệ thống câu hỏi phù hợp. Những câu hỏi phù hợp là câu hỏi có thể giúp HS tìm hiểu bài một cách thuận lợi, các trình độ HS trong lớp có thể trả lời và trả lời đúng các câu hỏi. Do vậy, việc thiết kế một hệ thống câu hỏi vừa đảm bảo khai thác nội dung bài vừa phù hợp với trình độ HS là một yêu cầu cần thiết với các GV khi dạy tập đọc.

Để câu hỏi phù hợp hơn với HSDT, GV có thể tự đặt câu hỏi hoặc điều chỉnh câu hỏi trong SGK.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số biện pháp giúp HS trả lời câu hỏi tìm hiểu bài tập đọc

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

– Hãy liệt kê những khó khăn HSDT trong tiếp nhận văn bản đọc.

– Nêu những dạng câu hỏi khó đối với HSDT ? Hãy đưa ra những ví dụ cụ thể.

– Bạn hãy đưa ra một số biện pháp để giúp HS trả lời câu hỏi bài tập đọc dễ dàng hơn.

2. Trao đổi với đồng nghiệp

– Thống kê các lỗi thường mắc của HSDT khi trả lời câu hỏi trong bài tập đọc.

– Cách sữa lỗi cho HSDT khi trả lời câu hỏi của bài tập đọc ?

– Đọc thông tin dưới đây và đối chiếu với ý kiến của mình.

Thông tin cơ bản

1. HSDT tiếp nhận nhiều loại văn bản, mỗi văn bản có những đặc trưng riêng... Các loại văn bản mới đưa vào chương trình như truyện vui, văn bản nhật dụng, thông tin báo chí... đều rất xa lạ với HSDT.

– Trong các bài đọc, để khai thác bài văn, thường có nhiều loại câu hỏi với những yêu cầu khác nhau khi trả lời.

Thông thường, có một số loại câu hỏi tìm hiểu bài tập đọc như sau :

- Câu hỏi tìm ý (1)
- Câu hỏi tóm lược nội dung (2)
- Câu hỏi suy luận (3)

Với những loại câu hỏi này, việc yêu cầu trả lời không giống nhau. Với loại câu hỏi (1), HS có thể dựa vào các câu trong từng đoạn để tìm ý trả lời. Với loại câu hỏi (2), đòi hỏi HS có khả năng tổng hợp, tóm tắt mới trả lời được. Với câu hỏi (3) suy luận thì đòi hỏi các em có khả năng tưởng tượng phong phú, có khả năng so sánh, đối chiếu ... Với câu hỏi loại này hầu như là quá khó với HSDT.

Thông thường, để trả lời câu hỏi, HS phải cầm sách đọc một câu hoặc một đoạn liên quan tới câu hỏi để trả lời. GV cần gợi ý bằng các câu hỏi phụ thì HS mới có thể trả lời được.

2. Do khả năng đọc hiểu kém cũng như khả năng nói hạn chế nên HSDT khi trả lời câu hỏi thường mắc một số lỗi :

- Khi trả lời các câu hỏi của bài tập đọc, các em thường chưa biết sắp xếp, tổ chức các ý để trả lời. Nhiều em chỉ dựa vào sách giáo khoa đọc lại những ý liên quan đến nội dung câu hỏi. Những câu trả lời đó không hoàn toàn phù hợp với nội dung mà câu hỏi đặt ra và không đúng với yêu cầu của trả lời câu hỏi.

- Trong một số trường hợp khác, do không hiểu chính xác yêu cầu của câu hỏi, các em trả lời lạc đề hoặc không sát với yêu cầu của câu hỏi.

- Những dạng câu hỏi mang tính chất tổng hợp, khi trả lời cần khái quát ý của một đoạn hay cả bài thường là những câu hỏi khó, cần phải được hướng dẫn cẩn thận khi lên lớp.

3. Để giúp các em HSDT trả lời các câu hỏi trong bài tập đọc, GV nhất thiết phải hướng dẫn các em nắm vững đặc trưng hệ thống câu hỏi trong từng loại văn bản khác nhau trước khi yêu cầu các em trả lời. Nếu HS chưa nắm được sự khác biệt giữa các thể loại bài đọc thì chất lượng trả lời câu hỏi sẽ không đạt yêu cầu mong muốn.

– GV cần bố trí thời gian phù hợp để các em đọc, hiểu văn bản, hiểu đầy đủ yêu cầu của các câu hỏi. GVcó thể nêu hoặc để HS xác định yêu cầu cụ thể của mỗi câu hỏi trước khi cho các em trả lời câu hỏi. Khi nắm chắc yêu cầu của câu hỏi, HS mới có thể trả lời chính xác được. GV nhất thiết không nóng vội chạy theo thời gian cho xong nội dung cần dạy. Chỉ có trên cơ sở HS nắm được câu hỏi và trả lời được câu hỏi thì kết quả đọc hiểu của HSDT mới đạt yêu cầu.

– Trong hướng dẫn HSDT trả lời câu hỏi của bài tập đọc, GV cần chú ý tổ chức để tất cả HS được trả lời câu hỏi, tránh tình trạng chỉ cho một số em trả lời, chỉ ưu tiên những em hay trả lời. Nếu làm như vậy một bộ phận HSDT sẽ không có cơ hội bày tỏ ý kiến của mình và sẽ không làm cho các em tự nhiên, tự tin trong học tập.

– Đối với những câu hỏi khó, GV cần chia nhỏ các đơn vị câu hỏi, thay đổi kiểu hỏi để HSDT có thể dễ dàng trả lời.

Ví dụ : Bài " Sông Hương" (TV2, T2 – Tr. 72).

Câu hỏi 1 của SGK viết : "Tìm những từ chỉ màu xanh khác nhau của sông Hương ?". GV có thể đặt câu hỏi khác SGK, ví dụ : "Em hãy đếm xem có mấy màu xanh được tả trong bài ?" ; hoặc câu 2 SGK viết : "Vào mùa hè và vào những đêm trăng, sông Hương đổi màu như thế nào ?". GV có thể hỏi rõ hơn bằng cách chia thành hai câu hỏi : "Mùa hè sông Hương đổi màu như thế nào ? Những đêm trăng, sông Hương đổi thành màu gì ?" v.v.

– GV cần quan tâm tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi với nhau theo từng cặp hoặc nhóm về yêu cầu của từng câu hỏi. Sau khi HS thảo luận, các em sẽ trả lời câu hỏi chính xác hơn.

Hoạt động 3. Tìm hiểu và thực hành cách đặt câu hỏi trong việc dạy một số dạng bài Tập đọc

3.1. Đặt câu hỏi trong bài tập đọc là một bài văn xuôi

Nhiệm vụ

1. Trao đổi trong nhóm chuyên môn

– Đặc điểm nào của văn bản văn xuôi cần phải chú ý để đặt được câu hỏi phù hợp với HSDT.

2. Thực hành đặt câu hỏi phù hợp với đối tượng HS bạn đang phụ trách. Bài : *Cây đa quê hương* (TV2, T2 – Tr. 93).

Thông tin cơ bản

– Đặt câu hỏi cho HSDT trong tìm hiểu bài tập đọc là văn bản văn xuôi phải dựa vào các đặc điểm cơ bản của bài đọc như nội dung, ý nghĩa, chủ đề, ngôn ngữ, hình ảnh, diễn đạt... Câu hỏi cho HSDT nên dựa vào khai thác nội dung đơn giản, hỏi về các hình ảnh, chi tiết dễ nhận biết, ngôn ngữ cụ thể, có thể cho HS đặt tên khác, giải thích hoặc nêu suy nghĩ về một chi tiết, tránh đưa ra các câu hỏi có tính khái quát, suy luận trừu tượng đối với các em.

Ví dụ : Các câu hỏi đặt ra trong bài "Voi nhà" (TV2, T2 – tr. 56) rất đơn giản, các câu hỏi đều dựa vào các chi tiết có trong bài tập đọc, HS dễ dàng tìm thấy câu trả lời.

– Có thể chia nhỏ câu hỏi, đặt câu hỏi đơn giản nhằm giúp HS hiểu từng bộ phận của bài đọc. Trong một số trường hợp cụ thể, GV có thể thay câu hỏi của SGK bằng câu hỏi khác.

Ví dụ : Bài tập đọc "Chim rừng Tây Nguyên", câu hỏi 2 viết : "Tìm từ ngữ tả hình dáng, màu sắc, tiếng kêu, hoạt động của từng loài chim : a, Chim đại bàng ; b, Chim thiên nga ; c, Chim kơ púc".

Trong trường hợp này, GV có thể chia câu 2 của SGK thành nhiều câu hỏi nhỏ. Ví dụ : "Hình dáng, màu sắc, tiếng kêu của chim đại bàng được tả bằng những từ ngữ nào ?", hỏi các loài chim khác cũng theo dạng câu hỏi đó. Sau đó hỏi : "Tác giả đã dùng những từ ngữ nào để tả hoạt động của chim đại bàng, chim thiên nga, chim kơ púc ?".

3.2. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc là những bài thơ

Nhiệm vụ

1. Bạn thử lập bảng so sánh về các nội dung sau : Gợi ý :

– Sự khác biệt cơ bản giữa văn bản văn xuôi và văn bản thơ.

– Sự giống nhau và khác nhau trong cách đặt câu hỏi đối với HSDT trong bài Tập đọc là văn bản văn xuôi và văn bản thơ.

2. Theo bạn những ý nào trong các ý sau bạn cho là phù hợp : Đánh dấu × trước các ý phù?hợp :

	Văn xuôi		**Thơ**
☐	Là văn tự sự, thuật, kể về sự vật hiện tượng.	☐	Thơ là tiếng nói của cảm xúc, tình cảm.
☐	ý tứ không mạch lạc, nội dung không tường minh.	☐	Nhân vật trữ tình, hình ảnh, âm thanh, nhạc.
☐	Dạy văn xuôi : Dựa vào chi tiết, diễn biến, ngôn ngữ tường minh, chính xác...	☐	Dạy thơ : Dựa vào cảm xúc trữ tình, âm thanh, nhạc điệu, hình tượng thơ...

3. Thực hành đặt câu hỏi tìm hiểu bài thơ : *Sư tử xuất quân* (TV2, T2 - Tr. 46).

Thông tin cơ bản

– Văn bản thơ có đặc điểm rất khác biệt đối với văn bản văn xuôi. Nếu như văn bản văn xuôi thiên về diễn biến của sự vật hiện tượng, có tuyến nhân vật, có nội dung tường minh, thường chia thành từng đoạn thì thơ là tiếng nói của tình cảm, không có kết cấu tường minh, chủ yếu diễn đạt cảm xúc của nhà thơ. Nhân vật trong thơ là cái tôi trữ tình của nhà thơ. Thơ thiên về sử dụng âm thanh, nhịp điệu, ngôn ngữ, hình ảnh để mô tả cảm xúc cá nhân hơn là nhận thức về lí trí.

– Đặt câu hỏi trong dạy văn bản thơ cho HSDT cần thật cụ thể, đơn giản. Câu hỏi nên hỏi về những chi tiết, hình ảnh đặc sắc, chỉ ra mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, ý nghĩa cụ thể hoặc yêu cầu HS học thuộc lòng một đoạn hay cả bài. Tránh đưa các câu hỏi dài, hoặc yêu cầu HS hiểu nghĩa của câu thơ, bài thơ.

Ví dụ : Bài *Sư tử xuất quân* (TV2, T2, Tr .46). Trong SGK có 5 câu hỏi. Ba câu hỏi đầu đều dựa vào các chi tiết mà HS dễ nhận biết để đặt câu hỏi :

a) Sư tử muốn giao việc cho thần dân theo cách nào ?

b) Voi, Gấu, Cáo, Khỉ được giao những việc gì ?

c) Vì sao Sư tử vẫn giao việc cho Lừa và Thỏ ?

Câu hỏi số 4 cho HS đặt tên khác cho bài thơ theo những gợi ý đã cho sẵn. Mỗi em có thể theo cảm nghĩ của mình, chọn một tên khác cho bài thơ. Câu số 5 yêu cầu HS học thuộc lòng bài thơ.

3.3. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc là những văn bản khoa học

Nhiệm vụ

Anh, chị đồng ý với những nhận thức nào trong số các ý kiến nhận xét sau về văn bản khoa học : đánh dấu × vào trước ý thích hợp với văn bản khoa học.

- ☐ Văn bản nói về một vấn đề khoa học.
- ☐ Văn bản nói sự cảm nhận về một sự vật.
- ☐ Ngôn ngữ hàm súc, nhiều tầng ý nghĩa.
- ☐ Ngôn ngữ chính xác, cô đọng, khô khan, tường minh.
- ☐ Người viết bộc lộ rõ thái độ yêu ghét.
- ☐ Người viết không bộc lộ cảm xúc, thái độ.
- ☐ Tôn trọng tính khách quan, chính xác.
- ☐ Có thể thêm bớt theo ý nghĩ chủ quan của người viết.

Thông tin cơ bản

– Văn bản khoa học là những văn bản mang tính chính xác cao, thường viết để mô tả những đặc điểm, những tính chất, những quy luật hoạt động cụ thể nào đó của một sự vật, đồ vật, cây, con, hoặc của các hiện tượng thiên nhiên... Ngôn ngữ có tính chính xác, khô khan, khách quan. Người viết không được bộc lộ cảm xúc, nhận xét đánh giá chủ quan của mình nhằm cung cấp những thông tin chính xác, đích thực nhất về bản chất, quy luật hoạt động của sự vật, hiện tượng.

– Văn bản khoa học là loại văn bản mới lạ đối với HSDT. Vì vậy đặt câu hỏi đối với văn bản khoa học cho phù hợp với HSDT cần chú ý đến tính ngắn gọn, tường minh, chính xác, dễ hiểu, bám sát vào nội dung của các văn bản khoa học. Câu hỏi không được bộc lộ thái độ, những cảm xúc, nhận xét của con người trong các câu hỏi.

Ví dụ : Bài *Gấu Trắng là chúa tò mò* (TV2, T2 – Tr .53). Có ba câu hỏi :

a) Hình dáng của Gấu Trắng như thế nào ?

b)Tính nết của Gấu Trắng có gì đặc biệt ?

c) Người thuỷ thủ đã làm cách nào để khỏi bị Gấu vồ ?

Ba câu hỏi của bài thể hiện rõ tính nết, hình dáng của Gấu, HS sẽ dễ dàng trả lời đúng yêu cầu của các câu hỏi.

3.4. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc là văn bản hành chính

Nhiệm vụ

1. Chia sẻ quan niệm với đồng nghiệp

– Nêu quan niệm cá nhân về văn bản hành chính.

– Dẫn một số văn bản hành chính có trong SGK TV lớp 2, 3, Chương trình Tiểu học mới.

– Trả lời các câu hỏi sau :

+ Tại sao cần thiết phải đưa văn bản hành chính vào giảng dạy cho HS ?

+ Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc là văn bản hành chính như thế nào để phù hợp với HSDT ?

2. Làm việc cá nhân

– Thực hành soạn câu hỏi bài : *Nội quy đảo Khỉ* (TV2, T2 – Tr. 43).

Thông tin cơ bản

– Văn bản hành chính là những văn bản mang tính quy định cụ thể về các thủ tục hành chính trong quản lí nhà nước, quản lí xã hội về mọi phương diện. Đặc điểm của phong cách văn bản hành chính là tính chính xác, lạnh lùng, vô cảm trong ngôn ngữ và trình tự thủ tục, không bộc lộ khía cạnh tình cảm con người trong đó. Câu chữ ngắn gọn, rành mạch, khúc chiết, dễ hiểu để mọi người dễ tuân thủ và dễ thực hiện đúng.

– Đặt câu hỏi cho HSDT trong tìm hiểu bài tập đọc là văn bản hành chính cần cụ thể, rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu hướng tới việc HS hiểu mục đích của văn bản hành chính, các thủ tục, trình tự của văn bản hành chính để thực hiện đúng và đầy đủ, giúp các em biết cách hành văn, cách trình bày một văn bản hành chính. Tuyệt đối GV không nhằm khuyến khích các em thực hiện sáng tạo, không theo các khuôn mẫu đã định sẵn của các thủ tục hành chính.

Ví dụ : Bài *Nội quy đảo Khỉ* (TV2,T2 – Tr. 44) có ba câu hỏi :

a) Nội quy đảo Khỉ có mấy điều ?

b) Em hiểu những điều quy định nói trên như thế nào ?

c) Vì sao đọc xong nội quy, Khỉ Nâu lại cười khoái chí ?

3.5. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc là văn bản thông tin, báo chí.

Nhiệm vụ

1. Bạn đồng tình với những quan điểm nào trong số các quan niệm dưới đây về văn bản thông tin báo chí : Đánh dấu × vào ý mà bạn đồng tình :

☐ Văn bản được viết ra nhằm cung cấp những nhận thức về một vấn đề nào đó của xã hội.

☐ Nhằm biểu dương, cổ vũ những thay đổi, những việc làm có ích cho xã hội.

☐ Nhằm thông tin về một số vấn đề nào đó để con người nhận thức tốt hơn.

☐ -Nhằm giúp cho mọi người hiểu biết chính xác về cấu tạo, về đặc điểm của một loài vật, về một hiện tượng của thiên nhiên...

☐ Thể hiện một tình cảm, một thái độ ủng hộ hoặc phê phán một hiện tượng xã hội nào đó.

☐ -Nó miêu tả quá trình hình thành, quy luật hoạt động của một hiện tượng tự nhiên nào đó như bão, lụt, ngày, đêm, sáng, tối....

2. Làm việc theo tổ

– Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc là những văn bản thông tin, báo chí như thế nào là phù hợp với HSDT ?

3. Thực hành soạn câu hỏi bài : **Bạn có biết** ***(TV2,T2 – Tr. 85).***

Thông tin cơ bản

– Văn bản thông tin, báo chí cung cấp cho con người những nhận thức mới, những hiểu biết mới về một sự việc, hiện tượng nào đó bằng những văn bản ngắn gọn, khách quan tuân theo sự diễn biến của các sự vật, hiện tượng, sự kiện. Thông qua văn bản thông tin, báo chí người đọc có thể thấy rõ quan điểm, thái độ, nhận thức, trình độ của người viết ủng hộ, phê phán, đồng tình đối với những thông tin đưa ra. Đằng sau các thông tin đó là tình cảm, thái độ, lập trường của người viết nhằm hướng dẫn, định hướng dư luận. Các thông tin đó có tác động lớn đến nhận thức và tình cảm của người đọc, của HS...

– Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc là văn bản thông tin, báo chí cho HSDT phải là những câu hỏi cụ thể, rõ ràng, ngắn gọn dễ hiểu và phải dựa vào nội dung, mức độ, diễn biến, số lượng, tính chính xác của thông tin ; thái độ, tình cảm của người viết về các thông tin được phản ánh, tác dụng của thông tin giúp HS những nhận thức đúng sai, mới mẻ nào đó sau khi tiếp xúc với các thông tin được đưa ra.

Ví dụ : Bài : *Bạn có biết* (TV2, T2 – Tr. 85) có ba câu hỏi :

a) Nhờ bài viết trên em biết được những điều gì mới ?

b) Vì sao bài viết được đặt tên *Bạn có biết* ?

c) Hãy nói về cây cối ở làng, phố hay trường em : cây cao nhất, cây thấp nhất, cây to nhất.

3.6. Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc là văn bản nhật dụng

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

Đọc sách giáo khoa TV lớp 2,3 của Chương trình Tiểu học mới :

– Nhận xét về tính cần thiết của việc đưa các văn bản nhật dụng vào Chương trình Tiểu học.

– Câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản nhật dụng cần đạt được điều quan trọng gì để HSDT có thể hiểu và làm theo mẫu ?

2. Thực hành soạn câu hỏi bài Thời khóa biểu (TV 2,T1 – Tr. 58).

Thông tin cơ bản

– Văn bản nhật dụng được dạy ở tiểu học là những văn bản của cuộc sống, nó đã được quy ước theo một hình thức, trình tự cố định, là mẫu mực để hướng dẫn mọi người làm theo và sử dụng nó trong việc tổ chức cuộc sống của chính mỗi người. Chương trình đã dạy một số dạng văn bản nhật dụng như *giấy xin phép, đơn từ, thời khóa biểu, danh sách HS, gọi điện thoại, bưu thiếp, nội quy*... Những văn bản nhật dụng quan trọng và thiết thực đối với các em, nó giúp các em hoà nhập cuộc sống thuận lợi hơn.

– Đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài Tập đọc là văn bản nhật dụng cho HSDT cần bám sát trình tự kết cấu, thứ tự, thủ tục quy định của văn bản để HS hiểu và vận dụng phục vụ cuộc sống hằng ngày. Câu hỏi cần có tính cụ thể, có tính chất hướng dẫn để các em có thể làm theo một cách thuận lợi. Tránh việc dạy lí thuyết suông, có thể sử dụng hình thức thực hành để HS dễ nhận biết và làm theo được ngay. (Ví dụ : Thực hành mẫu gọi điện thoại, ghi thiếp chúc mừng sinh nhật, viết giấy xin phép, lập bảng danh sách HS, đọc nội quy thư viện ...). Hạn chế tối đa việc dạy lí thuyết hoặc đặt câu hỏi lí thuyết trừu tượng.

Ví dụ : Bài : *Đơn xin vào Đội* (TV3, T1 – Tr. 9) gồm có các câu hỏi :

a) Đơn này của ai ? Gửi cho ai ? Nhờ đâu mà em biết điều đó ?

b) Bạn HS viết đơn để làm gì ? Những câu nào trong bài cho em biết điều đó ?

c) Nêu nhận xét về cách trình bày đơn :

+ Phần đầu đơn (từ đầu đến *Ban chỉ huy Liên đội*) viết những gì ?

+ Ba dòng cuối đơn viết những gì ?

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Trả lời câu hỏi

– Vai trò của việc đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc đối với HSDT ?

– Tại sao phải đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc ?

– Có thể thay đổi, điều chỉnh hệ thống câu hỏi trong SGK như thế nào để thích hợp hơn với trình độ HSDT mà bạn đang giảng dạy ?

2. Bài tập

Lập bảng so sánh sự khác nhau trong đặt câu hỏi tìm hiểu bài của các loại văn bản : Khoa học, hành chính, thông tin – báo chí, nhật dụng.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Vai trò của việc đặt câu hỏi trong tìm hiểu bài tập đọc của HSDT

– Không có hệ thống câu hỏi, HS không có chỗ dựa để hiểu biết đầy đủ từng bộ phận, từng nội dung của văn bản đọc. Câu hỏi có ý nghĩa giúp định hướng đúng quá trình tìm hiểu văn bản đọc. Câu hỏi giúp HS phát triển được tư duy sáng tạo, độc lập từ thấp lên cao theo những định hướng có sẵn của người thiết kế sách giáo khoa.

– Dạy học ở vùng dân tộc, GV có thể điều chỉnh hệ thống câu hỏi trong SGK cho phù hợp hơn với đối tượng HSDT mà mình đang phụ trách. Muốn soạn lại các câu hỏi cần căn cứ vào đặc trưng của thể loại bài dạy, vào đối tượng HS lớp mình phụ trách.

2. Bài tập : GV tự lập bảng so sánh theo cột để làm rõ sự khác nhau trong việc đặt câu hỏi tìm hiểu bài của các loại văn bản : Khoa học, hành chính, thông tin – báo chí, nhật dụng.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Sách Hướng dẫn dạy tiếng Việt các lớp 1, 2, 3* của NXBGD, H. 2004.

2. *Dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo chương trình mới* – Nguyễn Trí – NXBGD, H. 2002.

TIỂU MÔ ĐUN 5 (12 tiết)

Dạy Viết

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nắm vững yêu cầu, mức độ rèn luyện các kĩ năng viết cho HS Tiểu học theo chương trình mới để đối chiếu, so sánh, nhận diện trình độ của HSDT trong quá trình thực hành các kĩ năng mới.

– Biết được các biện pháp phù hợp rèn luyện HSDT thực hành viết TV.

2. Kĩ năng

– Có khả năng phát hiện, phân loại đúng các lỗi thực hành viết TV của HSDT.

– Sử dụng được các biện pháp rèn luyện kĩ năng viết cho HS tiểu học để hướng dẫn HSDT viết chữ Việt đúng kĩ thuật, đúng chính tả, viết câu, viết văn đúng kiểu câu giao tiếp TV.

3. Thái độ

– Quan tâm sửa chữa các lỗi về viết TV đến từng HS.

– Có ý thức tìm tòi nhiều biện pháp giúp HSDT luyện viết TV có hiệu quả.

B. GIỚI THIỆU

– *Nội dung* : Tiểu môđun 5 gồm 3 chủ đề. Nội dung các chủ đề liên quan tới việc hướng dẫn GV tổ chức luyện kĩ năng viết cho HSDT trong các phân môn : Tập làm văn, Tập viết, Chính tả. Không đi sâu vào phương pháp dạy học cụ thể các phân môn này mà tập trung vào việc hướng dẫn HS viết đúng và sửa lỗi viết cho HSDT.

– *Thời gian* dành cho Tiểu môđun 5 là 12 tiết , mỗi bài 4 tiết.

– *Cách học* : Các bài chủ yếu được thiết kế để học viên tự học kết hợp với việc học theo nhóm. Học viên lưu ý không thoát li các phương pháp dạy học cơ bản liên quan tới các phân môn Tập làm văn, Tập viết, Chính tả trong khi nghiên cứu các bài trong Tiểu môđun này.

C. BÀI HỌC

CHỦ ĐỀ 18 (4 tiết)

Cách sửa lỗi văn viết của HS dân tộc

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nêu được các loại lỗi văn viết thường gặp của HSDT và cách thức sửa các loại lỗi đó.

2. Kĩ năng

– Biết hướng dẫn HSDT khắc phục các loại lỗi văn viết một cách có hiệu quả để các em nói và viết đúng TV.

3. Thái độ

– Có thói quen hướng dẫn HSDT luyện viết đúng một số văn bản TV ở tiểu học, tôn trọng cách nghĩ và viết của các em.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Xác định các loại lỗi văn viết thường gặp của HSDT ở tiểu học

Nhiệm vụ

1. Tìm hiểu và xác định các loại lỗi văn viết của HS

1.1. Đọc tài liệu :

– Chương trình Tiểu học mới : môn TV, kĩ năng viết văn các lớp 2, 3, 4, 5 (mục 1.4 các trang 13, 16, 19, 23).

– Hướng dẫn dạy TV 2, 3, 4, 5 (phần Hướng dẫn dạy các tiết Tập làm văn).

– Thu thập và đọc một số bài làm văn của HS (gồm nhiều dạng bài khác nhau).

1.2. Làm việc cá nhân :

– Thống kê các dạng bài làm văn của từng khối lớp ở tiểu học, nêu kĩ năng và yêu cầu cần đạt của từng dạng bài.

– Ghi lại các lỗi viết sai trong các bài làm văn của HS.

2. Thống kê, phân loại các lỗi văn viết của HS

2.1. Làm việc cá nhân :

– Phân loại các lỗi văn viết của HS (đã ghi lại ở hoạt động 1) về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

– Ghi nhận xét về bố cục bài văn (mở bài, thân bài, kết thúc), về nội dung và cách diễn đạt phù hợp với từng loại văn bản, về tính liên kết giữa các câu văn, đoạn văn trong bài viết...

– Thống kê các loại lỗi văn viết của HS theo từng thể loại văn bản ở tiểu học.

2.2. Làm việc theo nhóm :

– Trao đổi với đồng nghiệp về các loại lỗi văn viết của HS thuộc các dân tộc và các khối lớp khác nhau.

– Lập bảng thống kê phân loại lỗi văn viết của HS trong lớp, trong trường.

– Đọc thông tin dưới đây và hoàn thiện ý kiến của cá nhân và nhóm.

Thông tin cơ bản

1. Các dạng bài làm văn ở tiểu học

Trong Chương trình Tiểu học mới, môn TV nhằm hình thành và phát triển ở HS các kĩ năng sử dụng TV (nghe, nói, đọc, viết) mà trọng tâm là kĩ năng đọc và viết. Trong kĩ năng viết, bên cạnh những nội dung đã yêu cầu về viết chính tả thì nội dung và yêu cầu viết văn được thể hiện qua các dạng bài tập làm văn cụ thể :

+ Viết các thông báo, đơn từ, biên bản ngắn.

+ Viết các bức thư ngắn trao đổi thông tin, thăm hỏi người thân.

+ Viết bài tả đồ vật, cây cối, con vật, tả người, tả cảnh.

+ Viết bài kể một truyện đã đọc, một việc đã làm hoặc chứng kiến...

Nội dung các bài làm văn giúp HS thực hành, rèn luyện các kĩ năng sử dụng TV như thực hành các nghi thức lời nói, rèn kĩ năng diễn đạt, kĩ năng xây dựng văn bản TV.

2. Các loại lỗi văn viết thường gặp của HSDT

Trong quá trình làm văn (sáng tạo văn bản) bằng TV, HSDT thường gặp nhiều khó khăn hơn so với HS người Kinh. Do trình độ TV thấp, vốn từ ngữ hạn chế, một số cách cấu tạo từ và câu TV khác với ngôn ngữ mẹ đẻ và do ảnh hưởng của cách tư duy bằng TMĐ nên HSDT khi viết văn bản TV thường mắc nhiều loại lỗi khác nhau :

+ Các loại lỗi chính tả thường gặp xuất hiện ở tất cả các bộ phận của âm tiết TV : Viết lẫn lộn các cặp dấu thanh **hỏi– ngã, ngã– sắc**, các cặp phụ âm đầu : **x– s, ch– tr** ; các nguyên âm đơn/ đôi tương ứng : **ia – iê/ i – ê, ua– uô/ u – ô, ưa– ươ / ư– ơ**. Viết lẫn lộn hoặc không viết các phụ âm cuối p, t, k trong các âm tiết khép...

+ Các lỗi viết câu sai ngữ pháp, câu không đủ thành phần chủ – vị, dùng sai dấu câu làm cho câu cụt, câu què...

+ Các lỗi dùng từ sai hoặc dùng từ không chính xác do hiểu không đúng nghĩa của từ và câu khi diễn đạt.

+ Ngoài ra, khi làm văn, HSDT thường nghĩ thế nào viết thế ấy, bố cục bài văn thiếu tính mạch lạc, lôgíc, cách diễn đạt ý và lời thường chịu ảnh hưởng của lối nói TMĐ...

Tìm ra các loại lỗi văn viết cụ thể của HSDT sẽ giúp GV có định hướng khắc phục lỗi văn viết TV của HSDT tốt hơn.

Hoạt động 2. Nghiên cứu cách sửa lỗi văn viết cho HSDT ở Tiểu học

Nhiệm vụ

1. Tìm hiểu nguyên nhân mắc lỗi văn viết của HSDT

1.1. Đọc tài liệu :

– Phương pháp dạy tiếng Việt cho HSDT ở trường tiểu học. Vụ Giáo viên – Bộ GD và ĐT, H.1993, phần dạy Tập làm văn.

– Phương pháp dạy học tiếng Việt, Vụ Giáo viên – NXB GD, H.1997, Chương II, bài 12, trang 149.

1.2. Thảo luận nhóm về nguyên nhân mắc lỗi văn viết của HSDT.

– Dựa vào bảng thống kê phân loại các loại lỗi văn viết của HS mà nhóm đã lập (ở hoạt động 2, nội dung 2.1).

– Hãy đề cập tới các loại lỗi chính tả (liên quan tới các yếu tố ngữ âm, từ ngữ, ngữ pháp), các loại lỗi về từ và câu (liên quan tới cách cấu tạo từ và câu, nghĩa của từ và câu...) TV và TMĐ của HSDT để tìm nguyên nhân lỗi văn viết của HSDT.

2. Hướng dẫn HS sửa các loại lỗi viết trong bài văn

2.1. Bạn đã hướng dẫn HS sửa các loại lỗi viết trong bài làm văn như thế nào ?

Ghi lại những việc mà bạn đã thực hiện.

Tự đánh giá kết quả những việc đã làm.

2.2. Xác định các bước trong quy trình sửa lỗi văn viết cho HS.

– Ghi lại thứ tự các bước mà bạn đã làm khi hướng dẫn HS sửa từng loại lỗi văn viết (lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi viết câu).

– Trao đổi với đồng nghiệp để có thể lựa chọn một trình tự mà bạn cho là hợp lí nhất. Sau đó đọc thông tin dưới đây để hoàn thiện ý kiến của bạn.

Thông tin cơ bản

1. Các lỗi chính tả thường mắc của HSDT và cách sửa lỗi

1.1. Nguyên nhân mắc lỗi

– Hệ thống quy tắc chính tả TV phức tạp, có nhiều yếu tố bất hợp lí. HSDT khó nhận biết kí hiệu chữ viết dành cho các cặp phụ âm, nguyên âm, dấu thanh, vần có âm sắc gần giống nhau (s/x, tr/ch, gi/d, ngã – hỏi, ngã – sắc, au – âu...)

– Hệ thống ngữ âm TV và TMĐ của HS có sự khác biệt. HSDT thường sử dụng cách phát âm của TMĐ để phát âm và tiếp nhận âm TV trong khi thực hành viết chính tả, viết văn TV.

Ví dụ :

+ Tiếng Hmông chỉ có 8 nguyên âm, 4 âm cuối, 13 vần trong khi TV có 14 nguyên âm, 10 âm cuối, 155 vần nên HS Hmông thường viết sai phần vần của âm tiết, đặc biệt là các âm tiết khép (có p, t, k đứng cuối).

+ Các thứ TDT ở Tây Nguyên không có thanh điệu nên HS thường viết sai các dấu thanh (không viết dấu hoặc viết lẫn sang dấu khác) : *mạnh khoẻ* -> *manh khoe* hoặc *mánh khoé*, ...

+ Tiếng Nùng không có nguyên âm đôi nên HS thường viết thành nguyên âm đơn : niềm?tin -> *nìm tin* ; chiều hôm -> *chìu hôm* ; cuồn cuộn -> *cồn cộn* ; hương sắc -> *hơng sắc*.

+ Tiếng Bru-Vân Kiều không có âm đệm nên HS thường viết thiếu âm đệm : chuẩn bị -> *chẩn bị* ; nghệ thuật -> *nghệ thật* ...

1.2. Quy trình sửa lỗi

– Xác định những lỗi có tính phổ biến với đối tượng HSDT trong lớp để hướng dẫn sửa lỗi.

– Hướng dẫn HS nhận biết lỗi, luyện phát âm và tìm hiểu nghĩa các từ viết sai.

– Đưa HS về dạng viết đúng chính tả theo quy định, hướng dẫn HS so sánh dạng viết sai với dạng viết đúng.

– Hướng dẫn HS luyện tập thực hành viết đúng : GV kẻ bảng thành 2 cột (một cột ghi lỗi chính tả, cột còn lại để HS viết đúng chính tả).

– HS tự sửa lỗi chính tả trong bài.

2. Các lỗi dùng từ, viết câu sai ngữ pháp và cách sửa lỗi

2.1. Nguyên nhân mắc lỗi

Các lỗi về dùng từ sai, dùng từ không chính xác, viết câu sai ngữ pháp thường rất phổ biến trong các bài văn viết của HSDT. Nguyên nhân thường là :

– Hệ thống từ ngữ TV rất phong phú và đa dạng, mỗi từ thường có nhiều nghĩa và nhiều cách sử dụng khác nhau trong nói và viết. Tuỳ từng ngữ cảnh cụ thể mà dùng nghĩa đen hay nghĩa bóng của từ, có sự lựa chọn từ trong cùng trường nghĩa (những từ có nghĩa gần nhau)... HSDT ở tiểu học không thể có năng lực để phân biệt ngữ cảnh mà lựa chọn từ, lựa chọn nghĩa và dùng từ một cách phù hợp và chính xác nhất.

– Phương thức tạo từ của TV và TDT có nhiều sự khác biệt, thông thường HSDT hay sử dụng cách tạo từ của TMĐ áp dụng cho cách tạo từ TV trong nói và viết bằng TV.

Ví dụ : HSDT Hmông viết : anh em -> em anh ; rộng lượng -> gan rộng ; thương xót -> gan đau ; ...

– Trật tự từ của TV và TDT cũng có nhiều trường hợp khác nhau và khi viết văn TV, HS sẽ viết theo trật tự từ của TMĐ.

Ví dụ :

Tiếng Hmông : *cái ba tháng* (tháng 3) ; *tôi mẹ* (mẹ tôi) ; *chỗ này rất tốt ở* (chỗ này ở rất tốt).

– ý nghĩa ngữ pháp cũng được biểu hiện khác. Ví dụ trong tiếng Kơ-ho : *tôi làm gặp mẹ nó* (tôi làm cho nó gặp mẹ) ; *tôi nó làm ốm* (tôi làm nó ốm).

– Ngoài ra, viết câu sai ngữ pháp còn do HS không nắm được cách sử dụng dấu câu, các thành phần chính của câu TV nên các em thường viết câu cụt, câu không có nghĩa ...

2.2. Quy trình sửa lỗi

– Hướng dẫn HS xác định lỗi dùng từ và lỗi câu sai ngữ pháp trong bài viết.

– Phân tích các từ dùng sai trong ngữ cảnh câu văn để HS nhận biết.

Ví dụ :

Phân tích câu : "Từ ngày cô vĩnh biệt chúng em đi công tác ở trường khác, chúng em vẫn luôn nhớ cô", từ *vĩnh biệt* trong câu dùng sai nghĩa (vì vĩnh biệt chỉ sự ra đi mãi mãi, dùng cho trường hợp người đã chết).

– Hướng dẫn HS tìm từ mới thay thế (HS tự tìm hoặc GV gợi ý một số từ cùng nghĩa để HS lựa chọn. Trong trường hợp câu trên, GV có thể thay thế bằng các từ *: tạm biệt, từ biệt, chia tay*).

– Phân tích cấu trúc câu sai ngữ pháp : Chỉ ra các thành phần câu, trật tự của các thành phần câu, trật tự từ trong câu, cách sử dụng dấu câu... để HS nhận biết các lỗi sai trong câu.

– Hướng dẫn HS tập sửa lỗi câu trên bảng : GV kẻ bảng thành 3 cột, cột thứ nhất ghi câu sai hoặc có dùng từ sai, cột thứ hai ghi lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp, cột thứ ba ghi câu đã sửa thành câu đúng.

– Hướng dẫn HS sửa lỗi trong bài tập làm văn của các em (viết lại câu đã sửa xuống dưới bài làm).

III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Theo bạn, HSDT ở nơi bạn dạy học thường mắc các loại lỗi văn viết nào ? Đánh dấu?× vào ô trống mà bạn chọn :

– Lỗi chính tả :

☐ Viết sai các phụ âm đầu.

☐ Viết sai các dấu thanh.

☐ Viết sai một số nguyên âm đơn và đôi.

☐ Viết sai các phụ âm cuối.

– Lỗi dùng từ :

☐ Dùng từ sai nghĩa.

☐ Dùng từ không chính xác.

– Lỗi viết câu :

☐ Câu thiếu chủ ngữ hoặc vị ngữ (câu què).

☐ Câu chỉ có thành phần phụ (câu cụt).

☐ Câu có nhiều từ ngữ thừa, rườm rà, lủng củng.

2. Theo bạn, do đâu HSDT ở tiểu học thường mắc nhiều loại lỗi khi làm văn ? Khoanh tròn chữ cái in hoa ở đầu đáp án đúng :

A. Trình độ TV của HSDT yếu kém.

B. Sự khác nhau về nhiều yếu tố giữa TV và TMĐ của HS.

C. Nội dung và phương pháp dạy tập làm văn ở tiểu học không phù hợp với HSDT.

D. GV chưa quan tâm hướng dẫn HSDT sửa lỗi viết văn.

3. Bạn hãy ghi lại quy trình sửa các loại lỗi văn viết cho HSDT.

4. Học xong bài này, bạn sẽ làm gì tiếp theo ? (Đánh dấu × vào ô trống mà bạn chọn).

☐ Không làm gì cả.

☐ -Lập bảng thống kê phân loại lỗi văn viết của HS các dân tộc nơi trường lớp mình đang dạy học.

☐ Cùng đồng nghiệp xây dựng quy trình hợp lí nhất sửa lỗi văn viết cho HS.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

Câu 1 : Tuỳ thuộc vào đối tượng HSDT ở trường lớp của mình mà bạn chọn.

Câu 2 : Khoanh tròn các chữ cái A, B, C.

Câu 3 : Xem trong bài (Phần thông tin cơ bản của nội dung 2.2).

Câu 4 : Theo kế hoạch dự định của bạn.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Thực hành tập làm văn 2* – Trần Mạnh Hưởng – NXBGD, H. 2003.

2. *Thực hành tập làm văn 4* – Trần Mạnh Hưởng – NXBGD, H. 2003.

3. *Phương pháp dạy TV cho HSDT ở trường tiểu học* – Lê A, Mông Ký Slay, Đào Nam Sơn, Đào Ngọc, Bộ GD và ĐT – Vụ Giáo viên, H.1993.

CHỦ ĐỀ 19 (4 tiết)

Hướng dẫn dạy Học Sinh dân tộc viết đúng chính tả

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nắm vững nội dung, yêu cầu dạy viết chính tả ở tiểu học.

– Trên cơ sở đó, đối chiếu với đặc điểm HSDT, hiểu được nguyên nhân mắc lỗi chính tả của các em để có biện pháp luyện viết phù hợp.

2. Kĩ năng

– Khảo sát, thống kê và phân loại lỗi chính tả của HSDT.

– Thiết kế được các bài luyện tập chính tả phù hợp với HSDT.

3. Thái độ

– Có ý thức nói, viết đúng TV để làm mẫu cho HSDT.

– Có ý thức rèn viết đúng chính tả cho HSDT trong các phân môn khác.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu nội dung yêu cầu dạy Chính tả ở Tiểu học

Nhiệm vụ

1. Tìm hiểu nội dung yêu cầu dạy chính tả ở tiểu học

1.1. Đọc các tài liệu :

+ Chương trình Tiểu học 2000 (Môn TV, kĩ năng viết chính tả các lớp 1, 2, 3, 4, 5).

+ Phần luyện tập chính tả trong sách TV 1, 2, 3.

1. 2. Làm bài tập :

+ Tóm tắt 3 nhiệm vụ của phân môn Chính tả.

+ Lập bảng thống kê mức độ, chỉ tiêu cung cấp kiến thức, kĩ năng cần rèn luyện ở từng khối lớp.

1.3. Thảo luận nhóm về nội dung mức độ cần đạt ở từng lớp, liên hệ trình độ viết chính tả của HSDT. Đặc biệt, chú ý thảo luận nội dung chính tả khu vực dạy cho HSDT đã được thực hiện ra sao ở trường lớp các bạn.

1.4. Đọc thông tin cơ bản dưới đây và đối chiếu phần tóm tắt của mình.

Thông tin cơ bản

1. Nhiệm vụ cơ bản của phân môn Chính tả

a) Giúp HS nắm vững các quy tắc chính tả và hình thành kĩ năng viết đúng chính tả.

b) Kết hợp luyện tập viết đúng chính tả với rèn luyện kĩ năng nghe, luyện phát âm, củng cố nghĩa từ, trau dồi về ngữ pháp TV, góp phần phát triển một số thao tác tư duy.

c) Bồi dưỡng một số đức tính, thái độ, tác phong cần thiết trong công việc như tính cẩn thận, chính xác, óc thẩm mĩ...

2. Nội dung yêu cầu dạy chính tả từng khối lớp

Lớp	Hình thức chính tả	Nội dung luyện tập	Mức độ đạt
1	Tập chép, bước đầu tập nghe đọc viết chính tả.	Viết các vần khó, các chữ mở đầu bằng g/gh ; ng/ngh ; c/k/q. Tập ghi các dấu câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi). Tập trình bày một bài chính tả ngắn.	Viết đều nét, thẳng dòng, đúng chính tả. Tốc độ chép 30 chữ/15 phút.
2	Tập chép, nghe đọc viết chính tả. Chính tả âm, vần, thanh điệu.	Viết tiếng có vần khó, những chữ viết hay lầm do phương ngữ. Viết hoa tên người, địa danh Việt Nam. Rèn thói quen sửa lỗi chính tả.	Viết được 50 chữ / 15 phút. Trình bày bài chính tả đúng quy định.
3	Nghe viết chính tả, nhớ lại để viết chính tả. Chính tả âm, vần, thanh điệu.	Viết hoa tên người và địa danh nước ngoài. Tập phát hiện, sửa lỗi chính tả quy tắc và lỗi chính tả phương ngữ. Luyện khắc phục lỗi chính tả phương ngữ.	Tốc độ viết đạt 60 chữ / 15?phút, đúng chính tả. Trình bày bài chính tả đúng quy định thành thạo.
4	Nghe đọc và nhớ lại viết chính tả.	Lập sổ tay chính tả ; ôn tập các quy tắc chính tả đã học. Tập sửa lỗi chính tả. Chính tả phương ngữ.	Viết chính tả với tốc độ nhanh, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng quy định. Đạt 80 chữ / 15 phút.
5	Nghe đọc và nhớ lại viết chính tả.	Lập sổ tay chính tả ; ôn quy tắc chính tả. Chính tả phương ngữ.	Viết bài chính tả với tốc độ 100 chữ/ 15 phút.

3. Một số hạn chế trong thực hiện yêu cầu phân môn Chính tả ở vùng dân tộc.

a) HS.

– Còn nhiều lỗi chính tả trong một bài viết.

– Cách trình bày bài chính tả chưa đạt yêu cầu.

– Chữ viết chưa ngay ngắn, thẳng hàng và tốc độ viết chưa đảm bảo mức quy định tối thiểu.

b) Sách giáo khoa.

Nội dung chính tả cho HSDT từng vùng chưa được thể hiện trong sách giáo khoa chung, GV không có nhiều cơ hội để rèn luyện cho HS những loại lỗi thường mắc do ảnh hưởng của TMĐ.

Hoạt động 2. Tìm hiểu lỗi chính tả của HSDT

Nhiệm vụ

1. Thống kê, phân loại các lỗi chính tả thường mắc của HSDT

1.1. Đọc lại các bài chính tả của HS lớp bạn phụ trách.

1.2. Bài tập cá nhân :

– Bạn hãy liệt kê tất cả các lỗi trong các bài chính tả của HS lớp bạn.

– Trên cơ sở các lỗi đã liệt kê, bạn hãy phân loại chúng vào các dạng lỗi sau :

- Lỗi về vần.
- Lỗi về phụ âm đầu âm tiết.
- Lỗi về phụ âm cuối âm tiết.
- Lỗi về dấu thanh.
- Lỗi về cách trình bày bài chính tả.

1.3. Từng nhóm (nên theo khối lớp hoặc đơn vị trường) trao đổi, tổng hợp lỗi chung của cả khối lớp hoặc của toàn trường. Các bạn hãy cử một thư kí tổng hợp lỗi chính tả dưới dạng thống kê, một thư kí tổng hợp lỗi về trình bày bài chính tả. Lưu ý, mỗi loại lỗi cần ghi rõ số lần mắc lỗi trên tổng số bài viết của HS được khảo sát.

2. Tìm nguyên nhân mắc lỗi chính tả của HSDT

2.1. Đọc các tài liệu liên quan :

– Hỏi – đáp dạy học TV 1, TV 2, TV 3, phần dạy chính tả.

– Phương pháp dạy TV cho HSDT ở trường tiểu học. Vụ GV – Bộ GD và ĐT, H. 1993, phần dạy chính tả.

2.2. Thảo luận nhóm về nguyên nhân lỗi chính tả của HSDT.

– Gợi ý :

- Dựa vào bảng tổng hợp các loại lỗi chính tả ở hoạt động 1, các bạn hãy chia thành 2 loại lỗi : Lỗi chính tả có nguyên nhân chung đã nêu trong *Hỏi đáp về dạy học TV 2* (trang 85,86) ; lỗi chính tả do ảnh hưởng của TMĐ.
- Hãy đề cập đến các yếu tố về hệ thống nguyên âm, phụ âm, về cấu trúc âm tiết, về thanh điệu của ngôn ngữ một số dân tộc ít người để tìm nguyên nhân lỗi chính tả của HSDT.

2.3. Đọc thông tin dưới đây, đối chiếu với phần bài tập cá nhân và hoàn thiện ý kiến cá nhân.

Thông tin cơ bản

1. HSDT thường mắc các lỗi chính tả chung như HS các vùng khác nhưng số lượng mắc lỗi thường nhiều hơn vì kĩ năng sử dụng TV của các em bị hạn chế. Đó là những loại lỗi :

– Do không nắm vững quy tắc chính tả : quy tắc kết hợp trước các nguyên âm *i, iê, ê, e và các nguyên âm còn lại ;* quy tắc viết hoa...

– Do bị hạn chế về vốn từ nên HS viết sai chính tả. Chẳng hạn nếu HS hiểu được nghĩa từ thì dễ dàng phân biệt được *da* với *gia, tranh* với *chanh*. Đối với HSDT, khó khăn này lớn hơn HS người Kinh do phạm vi giao tiếp của các em bị hạn chế nên vốn từ TV ít.

2. Ngoài những loại lỗi do nguyên nhân chung nêu trên, HSDT còn hay mắc những lỗi do chịu ảnh hưởng của TMĐ.

– *Về hệ thống nguyên âm, phụ âm* : Một số ngôn ngữ của một số dân tộc không có đủ các nguyên âm đôi như TV. Cho nên các em rất khó khăn khi phát âm các vần có nguyên âm đôi, đồng thời khi viết cũng hay viết thiếu âm vị trong các vần có nguyên âm đôi ấy. Ví dụ *chuồn* thường viết *chồn, lươn* viết *lưn* hoặc *lơn, chiêm* viết *chim...*

Một số dân tộc không phân biệt được phụ âm đầu b/v hoặc p/b nên đọc và viết dễ lẫn *bảo vệ* thành *bảo bệ, đèn pin* thành *đèn bin...*

– *Về cấu trúc âm tiết* : TMĐ của một số HSDT có cấu trúc âm tiết không điển hình do số lượng âm cuối bị hạn chế. Do đó, khi đọc và viết các âm tiết có âm cuối p, t, c, ch thường hay nhầm lẫn. Ví dụ : *thịt* viết là *thịch, chất* viết *chấc, phấp phới* viết *phất phới...*

– *Về thanh điệu :* TV là ngôn ngữ có thanh điệu. Một số ngôn ngữ dân tộc không có thanh điệu (Ê-đê, Gia-rai, Ba-na...) hoặc có nhưng số lượng và tính chất không hoàn toàn tương ứng với số lượng và tính chất thanh điệu trong TV (Mường, Thái, Dao, Hmông...) Ví dụ : có HSDT đọc và viết thường lẫn lộn *hiệu trưởng* thành *hiểu trưởng, giới thiệu* thành *giới thiểu...*

3. Phân loại lỗi chính tả HSDT thường mắc có ý nghĩa quan trọng đối với kế hoạch giảng dạy tuần, tháng, học kì và toàn năm học của mỗi GV. Đó là kế hoạch dạy chính tả theo nguyên tắc khu vực để phù hợp với HSDT từng địa bàn. Và kế hoạch này sẽ là một loại hồ sơ dạy học quý giá, gắn bó lâu dài với bạn trong nghề dạy học ở vùng dân tộc.

4. Các loại lỗi chính tả khu vực nên phân làm 5 loại : Lỗi do không thuộc quy tắc chính tả ; lỗi do không phân biệt âm đầu âm tiết ; lỗi do không nắm vững cấu tạo các vần khó ; lỗi do không phân biệt các âm cuối âm tiết ; lỗi do không phân biệt dấu thanh.

Hoạt động 3. Tìm hiểu những điều cần lưu ý khi dạy chính tả cho HSDT

Nhiệm vụ

1. Lập kế hoạch dạy chính tả khu vực

1.1. Chia nhóm theo khối lớp, xây dựng kế hoạch dạy chính tả khu vực của trường bạn đang công tác

** Gợi ý cách lập kế hoạch :*

– Dựa vào bảng phân loại các loại lỗi chính tả của HS lớp bạn thường mắc (kết quả của hoạt động ở nội dung 2), hãy chọn ra những loại lỗi phổ biến chung của HS (từ 50% HS mắc lỗi trở lên), xem đó là nội dung chính tả khu vực cần được dạy cho HS.

– Dựa vào Phân phối chương trình phân môn Chính tả của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bạn hãy bổ sung lần lượt theo tuần học những nội dung ấy vào hình thức chính tả âm vần.

1.2. Trao đổi nhóm về một bản kế hoạch chính tả khu vực của một khối lớp.

– Chia sẻ chung trong nhóm về kinh nghiệm lập kế hoạch.

– Đánh giá chất lượng bản kế hoạch : Nội dung chính tả khu vực được phân phối đã phù hợp với đặc điểm HSDT chưa ? Đã bao trùm hết các loại lỗi phổ biến chưa ? Đã kết hợp với nội dung chính tả trong sách giáo khoa chưa ? Thời lượng phân phối cho từng loại lỗi đã hợp lí chưa ?

1.3. Từng cá nhân hoàn chỉnh bản kế hoạch dạy chính tả khu vực cho lớp mình phụ trách.

2. Tìm hiểu thiết kế các bài luyện tập Chính tả âm, vần, dấu thanh trong SGK.

2.1. Cá nhân đọc kĩ các bài chính tả âm, vần, dấu thanh trong SGK để tìm hiểu:

– Nguyên tắc thiết kế một bài luyện tập chính tả âm vần.

– Mô hình một bài luyện tập chính tả âm vần.

– Các dạng bài chính tả âm vần.

– Bạn hãy ghi lại những điều tìm hiểu được.

2.2. Trao đổi trong nhóm về những điều đã tìm hiểu.

– Nên đơn cử những bài luyện tập chính tả âm vần cụ thể trong sách giáo khoa để trao đổi (một bài về phân biệt phụ âm đầu, một bài về vần, một bài về dấu thanh).

3. Thiết kế một bài luyện tập chính tả âm vần phục vụ cho kế hoạch dạy chính tả khu vực

3.1. Mỗi bạn hãy chọn một nội dung chính tả khu vực để soạn một bài chính tả âm vần cho HS của bạn.

* Gợi ý :

– Trong một nhóm, nên chia nhau để thiết kế bài luyện tập phụ âm đầu, phụ âm cuối, vần khó, thanh điệu.

– Dung lượng luyện tập chỉ bằng dung lượng một bài luyện tập lựa chọn trong SGK.

3.2. Trao đổi trong nhóm một thiết kế bài luyện tập chính tả khu vực. Nên chọn một thiết kế bài luyện tập khắc phục một loại lỗi phổ biến nhất tại khu vực của các bạn.

* Gợi ý nội dung trao đổi :

– Mô hình bài luyện tập có quen thuộc với HSDT không ?

– Lệnh của bài luyện tập có tường minh không ?

– Ngữ liệu sử dụng có chính xác không ?

– Nội dung bài tập có bám sát kế hoạch dạy chính tả khu vực không ?

3.3. Các cá nhân hoàn chỉnh thiết kế của mình. Những thiết kế này sẽ là tài liệu giúp bạn soạn bài chính tả phù hợp với trình độ HS lớp mình.

3.4. Bạn hãy đọc thông tin dưới đây để nắm chắc những điều cần lưu ý khi dạy chính tả cho HSDT.

Thông tin cơ bản

1. Dạy chính tả cho HSDT cần lưu ý

a) Luôn luôn củng cố các quy tắc chính tả đã học từ lớp 1 và quy tắc viết hoa học ở lớp?2, lớp 3.

b) Thường xuyên luyện viết các vần khó trong giờ dạy chính tả và trong các phân môn?khác.

c) Trong quy trình dạy chính tả, cần coi trọng bước chuẩn bị viết chính tả. Trước khi cho HS viết chính tả, GV cần dự kiến đúng các lỗi chính tả hay mắc của HSDT. Những lỗi đó cần được hướng dẫn chu đáo theo cách, cho HS viết bảng con những tiếng có phụ âm, có vần, có dấu thanh dễ lẫn trước khi viết bằng bút vào vở. Trước khi cho HS viết vào bảng con, cần phân tích âm vần và cho HS vừa nhìn chữ viết, vừa phát âm nhiều lần.

Việc chấm chữa bài cần đi liền với luyện tập chữa lỗi. Gặp trường hợp có HS lặp lại một loại lỗi nhiều lần hoặc nhiều HS cùng mắc một loại lỗi, GV cần có biện pháp luyện tập thêm. GV có thể tự soạn những đoạn văn trong đó tiếng hay viết sai được lặp lại nhiều lần để cho HS luyện viết. Ví dụ để khắc phục lỗi nhầm **b/v** cho HSDT, có thể cho các em chép đoạn văn : *Buôn Ban có người vì ham lợi, không bảo vệ động vật quý hiếm, hay vào rừng bẫy thú, bị bộ đội biên phòng bắt về bản.*

d) Khi luyện tập chính tả âm, vần, dấu thanh cần chọn những bài tập phù hợp với HSDT. Nếu những bài tập trong SGK không phù hợp cho việc luyện viết chính tả cho HSDT lớp mình phụ trách thì cần tự biên soạn những bài luyện tập khác.

2. Lập kế hoạch dạy chính tả khu vực và biên soạn bài luyện tập chính tả khu vực

a) Kế hoạch dạy chính tả khu vực cần được xây dựng đầu năm học trên cơ sở khảo sát đầy đủ các loại lỗi chính tả HS địa phương thường mắc.

b) Dựa vào kế hoạch này, người dạy lần lượt biên soạn những bài luyện tập chính tả khu vực bổ sung cho nội dung dạy chính tả trên lớp.

c) Khi thiết kế các bài tập chính tả khu vực nên dựa vào các mô hình bài tập chính tả trong SGK ; mục tiêu của bài tập phải bám sát kế hoạch dạy chính tả khu vực ; lệnh của bài tập cần rõ ràng, dễ hiểu ; ngữ liệu chính xác ; nội dung bài tập phải đảm bảo tính sư phạm.

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Anh (chị) hãy phân biệt mức độ yêu cầu dạy chính tả cho từng lớp ở tiểu học.

2. Trong quy trình dạy chính tả, anh (chị) đã chú ý những công việc nào đối với HSDT ?

3. Tại sao cần bổ sung thêm những bài luyện tập chính tả khu vực cho HSDT ?

4. Anh (chị) có những kinh nghiệm gì để sửa lỗi chính tả cho HS nơi anh (chị) dạy ?

5. Giả dụ, thực tế nơi anh (chị) dạy, HS thường nhầm lẫn giữa b/p và dấu thanh *hỏi, nặng,* anh (chị) sẽ soạn giảng bài chính tả cuối tuần 25 (TV2, T2, tr. 66) như thế nào cho phù hợp với HS của lớp ?

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Tham khảo Chương trình Tiểu học mới hoặc dựa vào thông tin cơ bản ở nội dung 1, anh (chị) có thể phân biệt các mức độ về kiến thức chính tả, kĩ năng chính tả và một số thói quen cần rèn luyện cho HS từng lớp.

Cần phân biệt các mức độ như vậy để xác định rõ mục tiêu dạy chính tả cho từng lớp và có ý thức sáng tạo nhiều biện pháp hay, nhằm đạt mục tiêu đó.

2. Khi soạn giảng một giờ chính tả, các hoạt động cơ bản trong quy trình dạy học đều phải thực hiện đầy đủ. Tuy nhiên, với HSDT, do có khó khăn về trình độ TV, cho nên cần chú ý làm tốt khâu hướng dẫn chuẩn bị chính tả và khâu chấm chữa lỗi chính tả cho HS. Ngoài ra, khi dạy các phân môn khác, cũng luôn quan tâm uốn nắn những lỗi sai chính tả của HS.

3. Dạy chính tả theo khu vực là một trong 3 nguyên tắc dạy chính tả ở tiểu học. Tức là nội dung giảng dạy chính tả phải sát hợp với phương ngữ, phải xuất phát từ tình hình thực tế mắc lỗi của HS từng vùng. Sách giáo khoa TV là cuốn sách viết dùng chung cho cả nước, cho nên cũng chỉ có thể đề cập tới những lỗi chính tả điển hình của 3 phương ngữ Bắc, Trung, Nam. Còn khu vực miền núi, do ảnh hưởng của ngôn ngữ dân tộc nên lỗi chính tả TV có những đặc điểm riêng. Vì vậy, để HSDT viết đúng chính tả TV, cần có những bài luyện tập cụ thể phù hợp với từng dân tộc. Việc làm này, không ai làm tốt hơn người đang trực tiếp dạy con em các dân tộc.

4. Kinh nghiệm giúp HSDT viết đúng chính tả thường được thể hiện trên các phương diện sau đây :

– Kinh nghiệm phát hiện lỗi chính tả của HSDT.

– Kinh nghiệm khắc phục từng loại lỗi đã phát hiện.

– Kinh nghiệm khai thác vốn từ dân tộc của HS để dạy chính tả ngữ nghĩa TV.

– Kinh nghiệm hướng dẫn HSDT chuẩn bị chính tả trong các giờ học chính tả.

– Kinh nghiệm chấm chữa lỗi chính tả cho HS trong mỗi giờ dạy...

5. Bài chính tả cuối tuần 25 (TV 2, tập 2) là bài thiết kế chưa phù hợp với thực tế của khu vực bạn. Sau đây là những phương án bạn có thể vận dụng :

+ Giữ lại hình thức bài tập như SGK, thay nội dung luyện tập cho phù hợp kế hoạch dạy chính tả khu vực của bạn.

+ Thiết kế hình thức bài tập khác thay thế bài tập trong SGK để điền ***b*** hay ***p***, hoặc điền ***thanh hỏi*** hay ***thanh nặng*** vào chỗ trống.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình Tiểu học ban hành theo quyết định 43/2001/QĐ – BGD&ĐT ngày?9-11-2001.

2. *Dạy học chính tả ở tiểu học* – Hoàng Văn Thung, Đỗ Xuân Thảo – NXBGD, H. 2003.

CHỦ ĐỀ 20 (4 tiết)

Hướng dẫn dạy Tập viết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Nội dung dạy tập viết ở tiểu học theo chương trình mới. Những thay đổi về mẫu chữ dạy cho HS theo các văn bản mới.

– Một số lưu ý về phương pháp dạy tập viết cho HSDT.

2. Kĩ năng

– Biết hướng dẫn HS viết được đúng các chữ cái thường và chữ cái hoa có thay đổi kích cỡ so với trước.

– Sử dụng được những biện pháp dạy tập viết với HSDT.

– Phát hiện đúng những lỗi tập viết của HSDT và biết cách giúp HS luyện tập có hiệu quả.

3. Thái độ

– Cầu thị và tự tin khai thác vốn kinh nghiệm dạy tập viết đã có để nhận thức những vấn đề mới của chương trình phân môn Tập viết.

– Có trách nhiệm cao về chất lượng chữ viết của HSDT hiện nay.

II. NỘI DUNG

Hoạt động 1. Tìm hiểu một số điểm cơ bản về nội dung chương trình dạy tập viết ở Tiểu học

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

1.1. Tìm hiểu nội dung, mức độ dạy tập viết các lớp 1, 2, 3.

– Đọc các bài tập viết trong sách TV 1, 2, 3 theo Chương trình Tiểu học.

– Đọc các vở tập viết lớp 1, lớp 2 và lớp 3 theo Chương trình Tiểu học.

1.2. Rút ra các thông tin thành bảng ghi nhớ cần thiết về phân môn Tập viết.

– Lập bảng nội dung, mức độ tập viết cho từng lớp.

– Nhận xét cấu trúc vở tập viết, sử dụng cấu trúc ấy trong giờ dạy tập viết như thế nào.

– Liên hệ trình độ viết của HSDT với mức độ yêu cầu tập viết từng lớp.

1.3. Tìm hiểu về mẫu chữ viết dạy trong trường tiểu học.

Nghiên cứu Quyết định số 31/2002/QĐ – BGD&ĐT ngày 14-6-2002 phát hiện một số điểm thay đổi về mẫu chữ viết được quy định.

– Quan sát, phân tích mẫu chữ thường và mẫu chữ hoa dạy trong trường tiểu học ban hành kèm theo quyết định nêu trên.

2. Bài tập

– Tìm và tập viết các chữ cái có thay đổi mẫu chữ so với CCGD.

– Trình bày bảng một bài tập viết (đứng, nghiêng).

3. Đọc thông tin cơ bản dưới đây và đối chiếu với ý kiến của mình.

Thông tin cơ bản

1. Nội dung chương trình dạy tập viết ở tiểu học theo chương trình mới có đôi điểm khác với chương trình CCGD. Cần tìm hiểu các điểm mới đó được thể hiện trong mức độ dạy tập viết từng lớp.

Nội dung mức độ dạy tập viết từng lớp cụ thể như sau :

Lớp	**Kiến thức**	**Kĩ năng**
Lớp 1	Nhận biết về đường kẻ, dòng kẻ, độ cao, cỡ chữ, hình dáng và tên gọi các nét chữ cơ bản, cấu tạo chữ cái, chữ ghi tiếng, chữ thường, chữ số. Làm quen với chữ hoa cỡ lớn.	Viết đúng quy trình chữ cái, chữ ghi tiếng, viết thẳng hàng các chữ trên dòng kẻ. Ngồi viết đúng tư thế, cầm bút, để vở đúng cách. Cỡ chữ tập viết nhỏ và nhỡ.
Lớp 2	Củng cố, hoàn thiện kiến thức về chữ viết học ở lớp 1. Nắm được hình dáng cấu tạo chữ hoa, cách viết liền mạch chữ hoa và chữ thường.	Viết đúng quy trình chữ hoa, kĩ thuật viết liền mạch rõ, đều giữa các chữ viết thường và giữa chữ hoa, chữ viết thường. Cỡ chữ tập viết : chữ thường cỡ nhỏ ; chữ hoa cỡ nhỡ và nhỏ.
Lớp 3	Củng cố, hoàn thiện hiểu biết về hình dáng quy trình viết chữ hoa, chữ thường và chữ số. Làm quen với một vài kiểu chữ khác phù hợp trình độ.	Viết đúng, rõ và hình thành kĩ năng viết nhanh các kiểu chữ thường, chữ hoa cỡ nhỏ. Biết trình bày một đoạn văn ngắn, một bài viết sạch, đẹp, thực hiện nề nếp giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

So với chương trình cũ, chương trình mới yêu cầu hoàn thiện kĩ năng viết chữ thường, chữ số và chữ hoa ở cuối lớp 3. Từ lớp 4 trở lên, việc rèn chữ viết cho HS tiểu học không có giờ riêng trong kế hoạch dạy học hằng tuần, nhưng GV vẫn quan tâm củng cố, uốn nắn chữ viết của HS ở các phân môn.

Trong 3 năm đầu tiểu học, cần hoàn thành mục tiêu phân môn Tập viết cho HS tiểu học. Để thực hiện mục tiêu này ở vùng dân tộc đòi hỏi người GV làm việc khá công phu. Bởi vì HSDT gặp nhiều khó khăn trong thực hiện bài tập viết của mình : bàn ghế không đúng quy cách, ánh sáng không đủ, bút, vở không đảm bảo chất lượng, không có điều kiện viết ở nhà...

2. Theo quyết định 31/2002/QĐ – BGD & ĐT ngày 14-6-2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, mẫu chữ viết trong trường tiểu học cơ bản như bộ chữ mẫu đã dùng trong CCGD, nhưng có một số thay đổi sau :

– Các chữ cái thường *b, g, h, k, l, y* có chiều cao 2,5 đơn vị (cũ là 2 đơn vị).

– Các chữ cái thường *r, s* có chiều cao 1,25 đơn vị (cũ là 1 đơn vị).

– Hầu hết các chữ cái viết hoa có chiều cao 2,5 đơn vị ; riêng 2 chữ cái viết hoa *Y, G* được viết cao 4 đơn vị.

– Ngoài 29 chữ cái viết hoa theo kiểu 1 còn cung cấp 5 mẫu chữ cái viết hoa theo kiểu 2 (*A, M, N, Q, V*) để HS biết và lựa chọn sử dụng.

– Mẫu chữ cái viết thường và chữ cái viết hoa đều được thể hiện ở 4 dạng :

+ Chữ viết đứng, đều nét ;

+ Chữ viết nghiêng, đều nét ;

+ Chữ viết đứng, nét thanh, nét đậm ;

+ Chữ viết nghiêng, nét thanh, nét đậm.

Trong trường tiểu học, HS học viết chữ theo dạng chữ viết đứng, nét đều là chủ yếu. Những nơi có điều kiện, GV có thể dạy hoặc giới thiệu thêm các dạng chữ viết nghiêng, chữ viết nét thanh, nét đậm.

Hoạt động 2. Tìm hiểu những lỗi phổ biến về tập viết của HSDT

Nhiệm vụ

1. Làm việc cá nhân

– Liệt kê những lỗi về tư thế viết.

– Phân loại lỗi về kĩ thuật viết.

2. Thảo luận nhóm

– Tìm những nguyên nhân của từng loại lỗi.

– Nêu kinh nghiệm sửa lỗi tập viết cho HS của các bạn trong nhóm.

– Đọc thông tin dưới đây, đối chiếu và hoàn thiện ý kiến của cá nhân và nhóm.

Thông tin cơ bản

1. Nhận diện được các loại lỗi về tập viết của HSDT là một việc có ý nghĩa quan trọng trong quá trình dạy tập viết cho HSDT. Các loại lỗi về tập viết của HSDT thường mắc :

a) Lỗi về tư thế viết

– *Lỗi về tư thế ngồi của HS.* HS ngồi không đúng tư thế : vẹo lưng, ngoẹo đầu, tì ngực vào mép bàn, cúi đầu gần mặt vở...

Nguyên nhân chủ yếu do bàn ghế không hợp tầm vóc HS, thiếu bàn ghế, HS ngồi quá chật. Ngoài ra, không ít trường hợp HS ngồi viết không đúng tư thế là do GV chưa thường xuyên nhắc nhở HS tư thế mỗi khi cầm bút viết chữ.

– *Lỗi về cách cầm bút.* Tư thế cầm bút của nhiều HS chưa đúng, nhất là HS lớp đầu tiểu học. Nhiều HS cầm bút viết theo kiểu cầm con mạ cấy ruộng. Tức là thân đầu quản

bút không được tì lên giữa đốt cuối của ngón tay giữa mà ở đốt cuối của ngón tay "đeo nhẫn" ; đầu ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa đều đặt phần trên của đầu quản bút. Cầm như vậy, HS nhỏ tuổi có cảm giác cây bút được giữ chặt hơn nhưng tốc độ viết bị hạn chế và khi phải lượn nét bút, thường phải cử động cả bàn tay, cổ tay, chữ viết không đúng mẫu.

Nguyên nhân chủ yếu là do buổi đầu tiên cầm bút viết, các em không được hướng dẫn cách cầm bút đúng. Sau đó, GV lại không kiên trì uốn nắn mỗi khi HS viết, để thành thói quen khó sửa.

– *Lỗi về cách để vở viết.* Có hai lỗi để vở không đúng cách : Để vở sát mép dưới của mặt bàn học. Cách này thường không còn chỗ đặt khuỷu tay trên mặt bàn nên khi viết phải cử động cả cánh tay, chữ viết không thể đúng mẫu, cỡ ; Để vở sát mép trên của mặt bàn thường làm cho nửa thân người phía trên ngả về phía trước, ngực tì lên mép bàn học, mắt quá gần trang vở.

Nguyên nhân chủ yếu là do GV không hướng dẫn HS cách đặt vở đúng tầm viết trên mặt bàn và biết di chuyển cuốn vở hợp lí trong quá trình viết.

b) Lỗi về kĩ thuật viết

– *Lỗi về cách đặt điểm bút đầu tiên khi viết chữ :* Điểm đặt bút đầu tiên không đúng vị trí trong khung kẻ, nhất là với những con chữ có điểm đặt bút không trùng với các đường kẻ trên vở ô li.

– *Lỗi về cách đưa bút tạo nên nét chữ :* HS không đưa bút đúng chiều nét đi của các con chữ. Một số HS không phân biệt được từng nét chữ trong con chữ, nhất là thứ tự các nét chữ khi viết. Nhiều HS không viết đúng các nét khuyết và nét thắt. Đây là hai loại nét khó với mọi HS các lớp đầu tiểu học.

– *Lỗi về cách dừng bút, kết thúc nét chữ :* Khi kết thúc nét cuối cùng, hay có thói quen nhấn mạnh đầu ngòi bút, dễ làm con chữ biến dạng.

– *Lỗi về cách nối các chữ với nhau :* Nối các con chữ trong một chữ chưa hợp lí về khoảng cách, nhất là những con chữ có nét mở đầu hoặc kết thúc bằng các nét móc.

– *Nguyên nhân chủ yếu của các loại lỗi kĩ thuật trên là :*

- Do GV chưa sử dụng đúng, đầy đủ phương pháp trực quan trong dạy tập viết.
- Do GV chưa chú ý nhiều hình thức luyện tập khởi động trước khi cho HS viết chính thức vào vở tập viết.
- Chưa quan tâm uốn nắn sai sót của HS một cách thật tỉ mỉ, chu đáo.

Hoạt động 2. Tìm hiểu những điểm cần lưu ý khi dạy tập viết cho HSDT

Nhiệm vụ

1. Cá nhân làm việc

– Rà soát lại quy trình dạy tập viết trong sách GV. Đánh dấu vào những công việc cần lưu ý khi dạy cho HSDT.

– Xác định những điểm cần lưu ý trong quy trình dạy tập viết đối với HSDT. Nêu lí do vì sao phải lưu ý những điểm đó. (Yêu cầu : Trên cơ sở nắm vững quy trình dạy tập

viết, đối chiếu với các loại lỗi về tập viết HS thường mắc, tìm ra những việc làm cần lưu ý đối với HSDT).

2. Thực hành soạn giảng 2 tiết

– Soạn 1 tiết dạy tập viết lớp 1 ; 1 tiết dạy tập viết chữ hoa ở lớp 2.

(Yêu cầu : Ngoài nội dung đã có trong sách GV hướng dẫn, bạn cần thể hiện được những điều cần lưu ý đối với HSDT)

3. Đọc thông tin dưới đây và chú ý vào những điểm lưu ý khi dạy tập viết

Thông tin cơ bản

Dạy tập viết cho HSDT phải thực hiện đủ các việc làm theo quy trình đã hướng dẫn trong sách GV, đồng thời lưu ý các điểm sau :

1. Đảm bảo cho mọi *HS đúng tư thế viết* trước khi hướng dẫn nội dung viết. GVcần làm mẫu về tư thế ngồi viết, cầm bút, để vở ; có thể tổ chức thi đúng tư thế viết hằng tuần. Trong quá trình viết, lưu ý giúp đỡ những HS chậm tiếp nhận tư thế đúng, càng không bó tay đầu hàng những trường hợp HS cầm bút sai.

2. *Cho HS phát âm* khi giới thiệu mẫu chữ viết ; cần *cung cấp nghĩa từ, cụm từ ứng dụng* (theo các phương pháp cung cấp nghĩa từ ngữ cho HSDT đã được giới thiệu) ; chú ý phân tích âm, vần ; đọc cá nhân, đồng thanh những đơn vị viết ứng dụng để luyện tập nghe, nhìn, đọc và hiểu.

3. *Sử dụng phương pháp trực quan* khi hướng dẫn viết chữ, không giảng giải nhiều về lí thuyết cấu tạo chữ mà gợi ý để HS so sánh, đối chiếu với chữ đã viết, tìm ra những nét chữ giống nhau, nét chữ khác nhau. Sau đó, dành thời gian cho HS luyện tập khởi động bằng cách tô khan, viết trên không, viết trên bảng con... trước khi viết từng chữ vào vở luyện viết. Khi viết vào vở phải đạt yêu cầu viết chữ nào, đúng chữ ấy.

Với HS lớp 1, GV nên cầm tay những em viết kém để giúp các em vượt qua khó khăn buổi đầu tập viết.

4. *Giúp HS viết đúng ngay từ những thao tác kĩ thuật viết đầu tiên* khi HS viết vào vở. GV cần đến từng bàn HS, quan sát cách đặt bút viết nét đầu tiên, chiều đưa ngòi bút để kịp thời uốn nắn cách viết của HS.

5. Khi chấm chữa bài, nên *tăng cường chấm tay đôi* với HS để hướng dẫn trực tiếp cho từng em sửa chữa những nét, những chữ viết chưa đúng. Gặp trường hợp có HS đã tập viết nhiều lần một con chữ mà vẫn viết sai, cần tìm đúng nguyên nhân để giúp HS khắc phục. Kịp thời động viên, khuyến khích những em viết chữ đẹp, có vở sạch. Không gian lớp học nên dành một góc giới thiệu sản phẩm của HS, trong đó có những trang viết, cuốn vở chữ đẹp của HS.

Những điểm cần lưu ý trên phải được thể hiện trong soạn giảng khi dạy phân môn Tập viết cho HSDT.

III. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Bạn hãy phân biệt mức độ dạy tập viết ở các lớp 1, 2, 3 theo Chương trình Tiểu học mới.

2. Hãy nêu những điểm mới về mẫu chữ viết trong trường tiểu học theo Quyết định số 31/2002/QĐ – BGD&ĐT ngày 14-6-2002.

3. HS nơi bạn dạy thường mắc những lỗi nào trong tập viết chữ. Bạn có những kinh nghiệm gì để khắc phục những lỗi ấy, hãy chia sẻ cùng đồng nghiệp.

4. Theo bạn, cần chú ý những khâu nào trong quy trình dạy tập viết cho HSDT.

5. Bạn hãy nêu nhận xét bước *Hướng dẫn viết chữ hoa* của một đồng nghiệp trong tiết dạy viết chữ B hoa (lớp 2 vùng DT) được tóm tắt như sau :

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
1. Hướng dẫn HS quan sát, nhận xét chữ mẫu. - GV giới thiệu khung chữ B hoa và miêu tả : chữ B hoa cao 5 li, có hai nét. Nét 1 là nét móc ngược trái, nét 2 là kết hợp nét cong trên và cong phải bởi một vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ.	- HS quan sát khung chữ mẫu treo trên bảng lớp.
- GV dùng thước chỉ dẫn cách viết trên bìa chữ mẫu : Viết nét 1 cần đặt bút trên đường kẻ ngang 6, kéo xuống một nét móc ngược trái, dừng bút ở trên đường kẻ 2. Viết nét 2 cần đặt bút lên đường kẻ ngang 5, viết nét cong trên và cong phải liền nhau tạo thành vòng xoắn nhỏ giữa thân chữ.	- 5 HS thay nhau nhắc lại cấu tạo của chữ B hoa.
2. Hướng dẫn HS viết trên bảng con. GV nhận xét sau mỗi lần HS viết.	- Tất cả HS viết bảng con chữ B hoa 3 lần.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI VỀ CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

Câu 1 và 2. Bạn có thể tìm lời giải đáp trong thông tin của nội dung 1 và đọc một số tài liệu tham khảo được giới thiệu ở mục IV.

Câu 3. Bạn hãy dựa vào cách phân loại lỗi tập viết của HS ở nội dung 2, thống kê các lỗi của chính HS nơi bạn dạy và trao đổi kinh nghiệm khắc phục các loại lỗi ấy của bản thân với đồng nghiệp.

Câu 4. Thông tin về nội dung 3 đã nêu một số điểm cần lưu ý khi dạy tập viết cho HSDT, bạn có thể bổ sung thêm những điều cần lưu ý khác theo kinh nghiệm của bạn. Ví dụ : kinh nghiệm về sửa tư thế viết cho HSDT, kinh nghiệm vận động dân bản mua sắm bàn ghế hợp tầm vóc cho HS, kinh nghiệm cụ thể về cách hướng dẫn HS nhận diện các nét chữ và luyện viết các nét đó...

Câu 5. Chắc rằng bạn sẽ không đồng tình với các việc GV và HS làm trong bước *Hướng dẫn viết chữ hoa* nêu trên vì có một số điểm không phù hợp với HSDT. Đó là GV nặng về thuyết giảng cấu tạo chữ B hoa, nặng về giảng cách viết các nét chữ. Hoạt động của HS trong bước này vừa đơn điệu, vừa thụ động. Đáng ra, GV nên cho HS phát âm chữ B (nếu đó là vùng HS hay nhầm b/p), nên có các câu hỏi gợi ý để HS tham gia nhận xét độ cao, số nét, tên từng nét chữ của chữ B hoa (Ví dụ : *Chữ B hoa cao mấy li ?*

Chữ B hoa gồm mấy nét ? Là những nét gì ? Nét 1 của chữ B hoa giống nét 1của chữ hoa nào đã học ?...). Khi hướng dẫn chiều đi của từng nét chữ, GV nên vừa viết trên bảng lớp, vừa hướng dẫn HS theo dõi nét phấn của GV thì hiệu quả hơn là chỉ dùng thước chỉ trên mẫu chữ. Bước cho HS viết vào bảng con, lần viết thứ nhất, GV nên cùng viết từng nét với HS để các em theo dõi nét phấn của GV, bắt chước viết vào bảng con.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Dạy tập viết ở trường tiểu học*, Lê A (Chủ biên), NXBGD, H. 2002.

2. *Mẫu chữ viết trong trường tiểu học*, Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 14-6-2002 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Hướng dẫn Học theo băng hình

I. hướng dẫn học trích đoạn băng hình dạy phát âm TV trong giờ học vần lớp 1 (Bài 74 : vần uôt và ươt)

1. Trong khi xem băng hình bạn hãy suy nghĩ về những vấn đề sau

a) Những mục tiêu dạy học của GV trong băng hình

– Những mục tiêu về phương pháp

GV đã chú ý sử dụng phương pháp luyện tập theo mẫu, tổ chức hoạt động nhóm, để phát huy việc học tương tác của HS, hỗ trợ HS học tập theo nhóm, khuyến khích HS trong nhóm hỗ trợ lẫn nhau, phát huy tác dụng của phương pháp tổ chức trò chơi học tập để củng cố bài, tạo hứng thú cho HS.

– Những mục tiêu về kết quả học tập

HS nhận diện, đánh vần và phát âm đúng vần **uôt**.

Đánh vần và đọc trơn tiếng **chuột** và từ **chuột nhắt.**

Đọc đúng các từ ứng dụng có vần **uôt.**

Thông qua hoạt động phát âm mẫu và thao tác hướng dẫn phát âm của GV, HS nắm được cách đánh vần và phát âm đúng vần **uôt**, tiếng **chuột** và từ **chuột nhắt.**

Qua hoạt động đọc bài trong nhóm HS sẽ được nghe bạn đọc, được nhận xét bạn đọc và mạnh dạn đọc bài cho các bạn trong nhóm nghe và nhận xét.

Qua hoạt động tổ chức trò chơi học tập HS sẽ được củng cố phần mới học.

Ghi nhớ những mục tiêu đó bạn cần quan sát khi xem băng để đánh giá xem các mục tiêu đó đã đạt được đến đâu.

Khi xem băng hình lần đầu tiên bạn nên xem liên tục hết cả đoạn đồng thời lưu ý những điểm a và b nói trên.

b) Bạn hãy luôn luôn liên hệ những điều kiện ở lớp học trong băng hình với lớp học của bạn. Nếu điều kiện học tập lớp bạn không giống lớp học trong băng hình bạn sẽ điều chỉnh ra sao để có thể đảm bảo giờ dạy của bạn cũng thành công tương tự như giờ học trong băng ?

Trích đoạn băng hình dạy HSDT phát âm đúng TV

Trích đoạn băng hình này được quay ở một lớp học bình thường ở vùng dân tộc huyện Đà Bắc – tỉnh Hòa Bình. Đây là trích đoạn băng gồm 13 phút của một giờ học vần lớp 1 bài 74 vần **uôt** và **ươt**. Trích đoạn băng này không có lời bình mà chỉ ghi lại các sự kiện trên lớp. Tuy nhiên tài liệu hướng dẫn học đưa ra những nhận xét bổ sung về các hoạt động trên?lớp.

Trích đoạn băng hình này gắn với chủ đề 7, Tiểu môđun 2, trong tài liệu in "Phương pháp dạy TV cho HSDT". Do vậy, trước khi học theo băng hình này, bạn cần thực hiện những nội dung của bài học trong tài liệu in.

* Bây giờ bạn hãy xem trích đoạn.

2. Các hoạt động sau khi xem băng hình lần đầu

Sau khi xem, bạn có thể thảo luận theo các điểm a và b nói trên.

Sau khi thảo luận và phân tích băng hình, bạn hãy thử lập kế hoạch một bài học có sử dụng hình thức dạy học theo nhóm (2 – 4 HS) và dạy thử bài học đó (cả bài hay một phần) để bạn và đồng nghiệp phân tích như ở dưới đây.

Sau khi lập kế hoạch và dạy xong bạn hãy thảo luận về giờ dạy ở nhóm, đánh giá và phát triển nội dung và hình thức của giờ học đó. Nhóm có thể thảo luận về giáo án mà bạn đã soạn.

3. Theo băng hình, 6 đoạn ngắn trong thời gian là 13 phút tương ứng với 6 cảnh trong kịch bản băng hình. Sau mỗi cảnh bạn có thể dừng băng và ghi ý kiến vào vở học tập của bạn.

* *Cảnh 1* (2,0 phút) : Phụ đề, nhận diện và phân tích vần uôt

Bạn hãy quan sát cách giới thiệu bài của cô giáo. Cụ thể là đưa *tranh con chuột* để giới thiệu vần **uôt** của bài.

– Cách đặt vấn đề đã kích thích hứng thú học tập của HS chưa ?

– Thời gian dành cho hoạt động này có phù hợp không ?

* Bạn tiếp tục xem băng cảnh 2 (2,5 phút) và ghi ý kiến của mình vào vở học tập : Nhận diện, phân tích, đánh vần và đọc trơn vần **uôt**.

– GV đã hướng dẫn HS nhận diện và phân tích vần **uôt** qua những hoạt động nào ? Hoạt động ghép vần **uôt** theo nhóm có hợp lí không ?

– GV hướng dẫn HS đánh vần và đọc trơn vần **uôt** ra sao ? Những hoạt động đó có hợp lí không ? Có kích thích HS hoạt động tích cực không ?

* *Bạn hãy tiếp tục xem băng hình cảnh 3* (2,0 phút) : Phân tích cấu tạo, đánh vần và đọc trơn tiếng **chuột**.

– GV đã hướng dẫn để HS tự tìm đến kiến thức của bài qua những hoạt động nào ? GV hướng dẫn HS đánh vần tiếng **chuột** ra sao ? Những hoạt động đó có phù hợp không ? Có kích thích HS tích cực không ? Hoạt động ghép tiếng mới theo nhóm 2 có hợp lí không ?

* *Bạn lại tiếp tục xem băng hình cảnh 4* (1,5 phút) : Đọc từ khoá **chuột nhắt**.

GV cho HS đọc bài theo nhóm. Hãy nhận xét :

– Cách chia nhóm và xác định vị trí của nhóm đã hợp lí chưa ? Cách hướng dẫn nhóm trưởng và cả lớp hiểu nội dung hoạt động của nhóm đã rõ ràng chưa ? Bạn có thể đưa ra cách làm của mình.

* *Xem tiếp cảnh 5* (3,0 phút) : Đọc toàn bộ vần, tiếng, từ khoá của bài đọc.

GV cho luyện đọc bài theo nhóm và thi đọc giữa các nhóm. Hoạt động này có phát huy được tính tích cực của HS không ? HS có thực sự làm việc không ? Hiệu quả ra sao ?

* *Cảnh 6* (2,0 phút) : Trò chơi học tập.

GV hướng dẫn lượt chơi đã rõ ràng chưa ? HS đã nắm được luật chơi chưa.

HS đã thực sự tương tác với nhau trong khi chơi chưa ? Hiệu quả của trò chơi như thế nào?? Bạn có thể đưa ra cách làm của mình.

Lưu ý :

Sau khi đã thực hiện xong hoạt động 3 bạn có thể tham khảo thông tin phản hồi của chúng tôi dưới đây :

– ***Cảnh 1 :*** Cách đặt vấn đề của GV : Dùng *tranh con chuột* để đưa ra vần mới của bài đã gây được hứng thú cho HS.

– ***Cảnh 2 :*** GV đã hướng dẫn HS thực hiện các thao tác nhận diện và phân tích cấu tạo vần **uôt**, ghép vần **uôt** bằng con chữ rời theo nhóm 2 và thử đánh vần trên cơ sở đã ghép được vần đó. Các hoat động này HS đều tự thực hiện, GV không làm hộ làm thay. Việc tự đánh vần giúp HS tự tin và hiểu được khi đã biết các âm và thứ tự các âm trong vần thì có thể đánh vần được bất cứ vần nào.

GV hướng dẫn HS đánh vần và phát âm vần mới. Vần **uôt** có âm đôi HS thường đọc sai âm chính, bị nuốt âm ô (uôt– ut).

– ***Cảnh 3 :*** GV hướng dẫn HS ghép thêm âm **ch** và **dấu nặng** để tạo tiếng mới sau đó phân tích cấu tạo tiếng, thử đánh vần và đọc trơn tiếng mới.

HS tự đánh vần tiếng mới. GV hướng dẫn phát âm âm **ch**, phân biệt âm **ch** và **tr**, tiếng **chuột.**

– ***Cảnh 4 :*** Giới thiệu tranh *chuột nhắt*, đọc trơn từ khóa.

– ***Cảnh 5 :*** Đọc toàn bộ vần, tiếng, từ khoá theo nhóm 4. GV cho cả 4 em trong nhómcùng đọc chung một quyển sách giáo khoa để tăng khả năng quan sát, nghe bạn đọc, nhận xét bạn đọc để tạo không khí học tương tác theo nhóm.

– ***Cảnh 6* :** Trò chơi thi nghe đúng vần, có tên *Tai ai thính*.

Nhóm trưởng sẽ là người khoanh vần sau khi cả nhóm đã cùng nghe và thống nhất ý kiến. GV giới thiệu luật chơi chưa rõ ràng nên HS chơi còn lúng túng và hiệu quả chưa được như mong muốn.

II. Hướng dẫn học trích đoạn băng hình dạy Tập làm văn lớp 2 (Bài:Cảm ơn, xin lỗi)

1. Trong khi xem băng hình, bạn hãy suy nghĩ về những vấn đề sau :

a) Những mục tiêu dạy học của GV trong băng hình :

** Những mục tiêu về phương pháp*

GV cung cấp từ ngữ (phương pháp luyện phát âm và cung cấp nghĩa) ; GV hướng dẫn HS luyện nói câu theo các bước cần thiết ; GV chú ý đến khâu nói mẫu của mình và khuyến khích HS nói TV.

** Những mục tiêu về kết quả học tập*

Sau khi GV hướng dẫn HS luyện nói, các em có thể :

– Hiểu được khi nào cần nói lời cảm ơn.

– Nói được lời cảm ơn trong một số tình huống cụ thể của bài tập.

– Thông qua bài tập thực hành này, HS biết nói lời cảm ơn trong các tình huống cần thiết khác trong giao tiếp hằng ngày.

Ghi nhớ những mục tiêu đó, bạn quan sát (kết hợp với nghe) cẩn thận khi xem băng để xem các mục tiêu đó đã đạt được đến đâu.

b) Bạn hãy liên hệ đối tượng HS (thành phần dân tộc, trình độ TV...) trong băng hình với các em HS của bạn. Nếu HS của bạn thuộc thành phần dân tộc khác, các em còn khó khăn khi nói TV, bạn cần có những điều chỉnh gì để bài học có kết quả ?

Trích đoạn băng hình dạy Tập làm văn lớp 2 cho HSDT

Thời gian : 12' 44".

Đây là trích đoạn băng hình được quay ở một lớp HSDT, tiết Tập làm văn lớp 2 (Cảm ơn, xin lỗi). Trích đoạn băng hình này không có lời bình và phần phụ đề mà chỉ ghi lại các hoạt động trên lớp. Tài liệu hướng dẫn này đưa ra một số gợi ý định hướng cho bạn học theo băng.

Mã số thời gian được hiện lên ở góc dưới bên phải màn hình. Mã số này được tăng lên sau mỗi giây, chỉ ra thời gian từ khi băng hình bắt đầu cho tới khi kết thúc. Mã số này giúp tài liệu hướng dẫn học xác định vị trí của những hoạt động nhất định của bài học trên băng hình.

Mã số thời gian cũng có ích khi bạn xem băng hình theo nhóm. Nếu bạn nhận thấy một hoạt động hay hành vi cụ thể mà bạn muốn xem lại, bạn không nên dừng băng ngay vì như thế sẽ làm ngắt quãng việc xem băng của các đồng nghiệp. Bạn chỉ cần ghi lại mã số thời gian và sau đó xem lại dựa vào mã số thời gian.

Bây giờ bạn hãy xem trích đoạn băng hình

2. Xem băng hình

Như đã nói ở trên, trích đoạn băng hình không có phần thuyết minh và phụ đề, khi xem băng bạn lưu ý đến mã thời gian ở phía dưới màn hình góc bên phải ; ghi vào vở của bạn nhận xét về những hoạt động cụ thể sau :

a) Hoạt động giới thiệu tình huống (mã thời gian : trong khoảng 00' 36" – 02' 00").

GV giới thiệu tình huống nói lời cảm ơn (trong bài tập), có sử dụng tranh minh hoạ tình huống. Bạn hãy nêu nhận xét về lời hướng dẫn của GV (Lựa chọn ngôn ngữ đã phù hợp chưa?? Nét mặt, giọng nói có tự nhiên không ?...). Theo bạn, việc sử dụng tranh trong trường hợp này đã phù hợp chưa ? Có giúp HS hiểu rõ hơn về tình huống không ? Nếu là bạn thì bạn sẽ làm như thế nào ?

b) Hoạt động dạy từ (mã thời gian : trong khoảng 02' 00" – 03' 07").

GV giới thiệu từ, cung cấp nghĩa và cho HS luyện nói từ. Cách cung cấp nghĩa và hướng dẫn luyện nói từ đã phù hợp với đối tượng HS chưa ? Vì sao ?

c) Hoạt động dạy nói câu (mã thời gian : trong khoảng 03' 07" – 09' 45").

Bạn hãy nêu ý kiến của mình cho từng mục sau :

– Các bước dạy nói câu.

– Khâu nói mẫu của GV.

– Các hình thức tổ chức cho HS luyện nói.

– Việc sửa lỗi phát âm cho HS ; lưu ý HS cách dùng từ xưng hô phù hợp (đặc biệt khi hướng dẫn HS luyện nói mẫu câu thứ ba).

d) Hoạt động thực hành (mã thời gian : trong khoảng 09' 46" – 12' 44").

– Theo bạn, cách tổ chức HS luyện nói theo nhóm như vậy có đem lại kết quả không ?

– Bạn hãy trình bày ý kiến của bạn về cách tổ chức hoạt động theo nhóm.

– Bạn có thể đưa ra cách làm của mình.

3. Các hoạt động sau khi xem băng hình

3.1. Thảo luận

– Sau khi xem băng hình, bạn có thể thảo luận với đồng nghiệp về các điểm a và b của mục 1.

– Bạn chia sẻ với đồng nghiệp về những điều ghi chép của bạn theo các điểm a, b, c và d ở mục 2 ; bạn nên lưu ý tới những phần nêu cách làm của bạn ở điểm a và d.

3.2. Thực hành

a) Sau khi thảo luận và phân tích băng hình, bạn hãy lập thử kế hoạch một bài học có nội dung hình thành và phát triển kĩ năng nói TV (trong chương trình môn TV lớp 1, lớp 2 và lớp 3).

b) Trao đổi với đồng nghiệp về kế hoạch bài học và tổ chức dạy thử để bạn và đồng nghiệp phân tích theo các điểm ở trên.

c) Hãy thảo luận về giờ dạy ở nhóm ; lưu ý đến những mục tiêu về phương pháp và mục tiêu về kết quả học tập.

III. Hướng dẫn học trích đoạn băng hình dạy kể chuyện lớp 2 (Bài: Bác sĩ Sói)

1. Trước khi xem băng hình, bạn hãy suy nghĩ về những vấn đề sau :

a) Mục tiêu dạy – học trong băng hình

– *Mục tiêu về phương pháp* : Sử dụng phương pháp trực quan trong dạy học phân môn Kể chuyện, cụ thể là sử dụng tranh minh họa để giúp HS dân tộc kể chuyện theo tranh.

– *Mục tiêu học tập của HS :* HS có thể kể lại từng đoạn của câu chuyện "Bác sĩ Sói" dựa theo tranh minh họa.

Những mục tiêu này bạn cần ghi nhớ để xem xét mức độ đạt được mục tiêu của phần dạy trong băng hình.

b) Liên hệ với điều kiện thực tế

Nếu lớp học bạn dạy không có các điều kiện như lớp học trong băng hình (không có tranh minh hoạ phóng to, bàn ghế khó di chuyển để tạo nhóm...) thì bạn sẽ khắc phục như thế nào để giờ dạy của bạn vẫn đảm bảo mục tiêu như trên ?

Trích đoạn băng hình dạy Kể chuyện lớp 2 cho HSDT

Trích đoạn băng hình này gắn với chủ đề 13, thuộc Tiểu môđun 3, trong tài liệu in "Phương pháp dạy TV cho HSDT". Do vậy, trước khi học theo băng hình này, bạn cần thực hiện những nội dung của bài học trong tài liệu in nêu trên.

Trích đoạn băng hình này quay về một bài học của phân môn Kể chuyện lớp 2 (Bài "Bác sĩ Sói", SGK TV 2, tập 2, trang 42, NXB GD 2002). Tuy nhiên, đây không phải là toàn bộ tiết học Kể chuyện mà chỉ là trích đoạn thể hiện GV sử dụng tranh để hướng dẫn HSDT thực hiện yêu cầu bài tập kể lại từng đoạn câu chuyện đã được học.

Trích đoạn băng hình không có lời bình mà chỉ là phần ghi lại các hoạt động dạy học diễn ra trên lớp tại một lớp học bình thường của trường Tiểu học Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình, với chủ yếu là HS dân tộc Mường và dân tộc Dao. Những hướng dẫn của tài liệu này sẽ giúp các bạn đưa ra những lời nhận xét, phân tích, bình luận để có thể tự rút ra kinh nghiệm cho bản thân.

2. Những hoạt động trong quá trình xem băng hình

a) Xem lần 1

Sau khi xem toàn bộ trích đoạn băng hình, có thể thảo luận chung về các nội dung ở mục a, b ở phần 1 theo gợi ý sau :

– Mục tiêu dạy – học có đạt được không ? Đạt ở mức độ nào ?

– Thực tế điều kiện dạy – học ở lớp bạn so với lớp học trong băng hình như thế nào ? Trong điều kiện ấy bạn đã thực hiện dạy kể chuyện theo tranh như thế nào ?...

Chia thành các nhóm để định hướng nhiệm vụ của mỗi nhóm sau khi xem băng lần 2, mỗi nhóm sẽ thảo luận chuyên sâu về một nội dung sau :

– Cách GV giúp HS nhớ lại câu chuyện đã học.

– Cách thức tổ chức hoạt động nhóm (thảo luận về nội dung từng bức tranh).

– Cách GV gợi mở để HS phát hiện các sự kiện, chi tiết trong mỗi tranh.

– Cách GV tổ chức và hỗ trợ HS kể lại từng đoạn câu chuyện.

b) Xem lần 2

Sau khi xem lại băng lần 2 :

– Các nhóm thảo luận theo nội dung đã được phân công ở B1.

– Mỗi nhóm trình bày phần thảo luận chuyên sâu của nhóm và các nhóm khác đóng góp ý kiến bổ sung.

c) Đúc rút kinh nghiệm

Trao đổi chung về các câu hỏi sau :

– Theo bạn cần bổ sung hoặc thay đổi gì để phù hợp hơn với đối tượng HS của mình ?

– Rút ra những kinh nghiệm (biện pháp, kĩ thuật...) thu được sau khi xem băng hình.

3. Những hoạt động sau khi xem băng hình

Thực hành là quan trọng và cần thiết, bởi vậy bạn cần tiếp tục triển khai các hoạt động tiếp theo sau khi xem băng hình, cụ thể là :

– Lập kế hoạch dạy học một tiết kể chuyện có sử dụng tranh minh hoạ (cá nhân hoặc theo nhóm ; sử dụng tranh có sẵn hoặc tự vẽ tranh theo phương pháp kẻ bàn cờ).

– Thực hiện kế hoạch bài học này ở một lớp học cụ thể có sự tham gia dự giờ của nhóm đồng nghiệp.

– Cùng nhau thảo luận và rút kinh nghiệm về giờ dạy.

IV. Hướng dẫn học trích đoạn băng hình dạy từ ngữ trong bài tập đọc lớp 2 (Bài : Có công mài sắt, có ngày nên kim)

1. Trong khi xem băng hình bạn hãy suy nghĩ về các vấn đề sau :

a) Những mục tiêu dạy học trong băng hình

** Những mục tiêu về phương pháp :*

– GV đã giải nghĩa từ bằng phương pháp nào ?

(Phương pháp đàm thoại gợi mở, phương pháp trực quan, phương pháp giải nghĩa từ bằng văn cảnh, phương pháp sử dụng tiếng mẹ đẻ...).

– GV đã làm gì để khuyến khích HS tham gia vào tiết dạy ?

(Thái độ cởi mở, tăng cường động viên khuyến khích).

** Những mục tiêu về kết quả học tập :*

– HS có nắm được các từ ngữ trong bài hay không ?

– HS có hào hứng tiếp thu bài hay không ?

– GV có nắm chắc được đặc điểm học TV của HS lớp mình không ?

– GV có khai thác được vốn hiểu biết của HS để tiếp thu kiến thức ?

– Chất lượng đọc của HS có được nâng lên hay không ?

Thông qua hoạt động đọc mẫu của GV, HS nắm được các ý chính trong bài, hiểu đúng các từ chủ điểm, các từ ngữ khó như : thành ngữ *Có công mài sắt có ngày nên kim,* động từ *mài,* động từ ***ngáp*** *ngắn* ***ngáp*** *dài...*

Qua hoạt động giảng giải của GV, các em biết huy động vốn đã có trong ngôn ngữ mẹ đẻ của mình để hiểu sâu nghĩa của từ, đồng thời thêm yêu tiếng mẹ đẻ, thêm hứng thú khi học TV.

Qua động tác minh hoạ của GV và của bạn, HS hiểu thêm nghĩa của từ một cách dễ dàng không phải thông qua một ngôn ngữ mà HS chưa làm chủ được.

Ghi nhớ các mục tiêu đó, bạn cần theo dõi kĩ các hoạt động của GV và HS trên lớp để đánh giá xem mục tiêu đặt ra có đạt hay không ?

Băng hình cần xem nhiều lần và ghi chép tỉ mỉ cách dạy của GV và hiệu quả đạt được.

b) Liên hệ các điều kiện học ở lớp trong băng hình với lớp học của bạn. Nếu điều kiện của lớp bạn không giống lớp học trong băng hình bạn sẽ điều chỉnh ra sao để giờ dạy của bạn cũng thành công tương tự như giờ học trong băng ?

Trích đoạn băng hình phương pháp dạy từ ngữ cho HS trong giờ Tập đọc

Trích đoạn băng hình này gắn với chủ đề 16, Tiểu môđun 4, trong tài liệu in "Phương pháp dạy TV cho HSDT". Do vậy, trước khi học theo băng hình này, bạn cần thực hiện những nội dung của bài học trong tài liệu in.

Trích đoạn băng hình này được quay ở một lớp bình thường xã Tu Lý, huyện Đà Bắc tỉnh Hoà Bình. HS trong lớp gồm 2 dân tộc Dao và Mường. GV là người Kinh. Khả năng học TV của các em nói chung hạn chế nhiều so với HS người Kinh.

Trích đoạn này nằm trong phần đầu của tiết Tập đọc. Mục đích của trích đoạn chỉ nhằm cung cấp cho người xem một số cách cung cấp nghĩa từ, ngữ trong phân môn Tập đọc ở vùng dân tộc, không nhằm giải quyết toàn bộ mục tiêu của tiết học.

Bây giờ bạn hãy xem trích đoạn.

2. Các hoạt động sau khi xem bằng hình lần đầu

– Sau khi xem, bạn có thể thảo luận theo các điểm a và b nói trên.

– Sau khi thảo luận và phân tích băng hình, bạn thử lập kế hoạch một bài học có sử dụng các phương pháp và hình thức dạy học như trong băng hình và tiến hành dạy thử (cả bài hay chỉ một phần như băng hình để đồng nghiệp phân tích, góp ý kiến).

3. Băng hình gồm có 4 cảnh trong thời gian 15 phút. Sau mỗi cảnh bạn có thể dừng băng ghi lại ý kiến của mình vào vở học tập.

* *Cảnh 1* (40 giây) : GV giới thiệu bài.

Bạn hãy quan sát và nhận xét xem :

– GV giới thiệu bài như thế đã đủ ý chưa, ngôn ngữ có trong sáng, chắt lọc không, có gì không chính xác. Cách giới thiệu như thế có khơi gợi được trí tò mò, muốn hiểu biết của HS hay không ?

– Thời gian dành cho phần giới thiệu bài như vậy có phù hợp không ?

Bạn có thể đề xuất một cách giới thiệu bài khác được không ? (Ví dụ : Dựa vào tranh minh hoạ để giới thiệu 2 nhân vật : bà cụ và cháu bé. Nêu câu hỏi : Bà cụ đang làm gì ? Cậu bé đang làm gì ? Hai người đang nói gì với nhau ? Nội dung bài học sau đây cho chúng ta hiểu rõ điều đó).

* *Cảnh 2* (2 phút tiếp theo) : GV đọc mẫu.

Bạn cho nhận xét về chất lượng đọc :

– GV đọc mẫu có tròn vành, rõ tiếng không ?

– GV có ngắt hơi, nghỉ hơi đúng không ?

– Các từ chủ điểm, các câu văn làm nổi bật ý chính của bài có được GV nhấn giọng?không ?

– Tốc độ, cường độ đọc có phù hợp không ?

– Nét mặt và cử chỉ của GV có làm cho bài đọc thêm hấp dẫn không ? Có gây ức chế cho người nghe không ?

– Thời gian dành cho đọc mẫu có phù hợp không ?

* *Cảnh 3* (1 phút tiếp theo) : GV nắm các từ HS chưa hiểu (nhận thông tin, nhu cầu tìm hiểu của HS).

– Hoạt động này có cần thiết không ?

– Nếu cần thiết thì thời gian dành cho hoạt động này có hợp lí không ?

– Còn có cách nào giúp GV lấy thông tin về phía HS ?

**Cảnh 4* (11 phút) : GV giúp HS tìm hiểu nghĩa từ.

– Các từ HS cần tìm hiểu theo các bạn có thể phân loại như thế nào (danh từ, động từ, từ trừu tượng, từ cụ thể...) ?

– Trong khi giảng, các từ cụ thể GV dùng phương pháp gì để giải nghĩa ?

– Trong khi giảng các từ trừu tượng GV dùng phương pháp gì giải nghĩa ?

– Ngôn ngữ giảng giải của GV đã gọn ghẽ chưa, có gì không chính xác ?

– Động tác của GV trên lớp đã phù hợp chưa ?

– Tại sao có những từ trong bài GV lại sử dụng phương pháp tận dụng tiếng mẹ đẻ ?

– Các ngôn ngữ dân tộc của HS có được GV đồng đều khai thác không ? Sự khai thác ấy có phù hợp không ? Có biến giờ dạy TV thành giờ dạy tiếng dân tộc không ? Có gây cho HS tâm lí tự ti hay khó chịu khi GV sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ của mình không ?

– HS thể hiện cử chỉ *ngáp ngắn ngáp dài* có tác dụng tốt không ?

– Sự động viên và khuyến khích của GV khi HS tham gia tìm hiểu từ ngữ khó có cần thiết không, có vừa đủ không ?

– Có cần thiết phải chia lớp thành nhiều nhóm học tập để tham gia vào hoạt động tìm hiểu từ ngữ khó không ?

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại TP. Hà Nội NGUYỄN XUÂN HOÀ

Biên soạn :

1. MÔNG KÝ SLAY (chủ biên)

2. TRẦN MẠNH HƯỞNG

3. TRẦN LƯƠNG KỲ

4. NGUYỄN THỊ KIM OANH

5. HOÀNG VĂN SÁN

6. ĐÀO NAM SƠN

7. TÔN THỊ TÂM

8. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

9. NGUYỄN TRẠI

Chuyên gia thẩm định :

1. NGUYỄN THỊ HẠNH

2. TRẦN THỊ KIM THUẬN

3. ĐÀO ĐÌNH NGỌC

Biên tập nội dung :

CAO HOÀ BÌNH

Thiết kế sách :

KIỀU NGUYỆT VIÊN

Trình bày bìa :

PHAN HƯƠNG

Sửa bản in :

CAO HOÀ BÌNH

Chế bản :

PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)

Phương pháp dạy tiếng việt
cho học sinh dân tộc cấp Tiểu học

Mã số : PGK14B6

In ..... bản, khổ 20 × 29,5 tại ..... Số XB : 68 – 2006 / CXB / 15 - 60 / GD. Số in : .....In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2006.